

PHAN-KẾ-BÍNH

# NAM HẢI DI NHÂN

## LIỆT TRUYỀN

(In lần thứ năm)

LÊ-VĂN-PHÚC, hiệu chính  
sửa và thêm nhiều bài

Ouvrage inscrit au programme du Baccalauréat  
Sách có dự vào chương-trình học thi Tú-tài



HANOI  
IMPRIMERIE TONKINOISE  
LÊ-VĂN-PHÚC

80-82, Rue du Chanvre

1930

**NAM HẢI DỊ NHÂN LIỆT TRUYỆN**  
(In lần thứ năm)

Tác giả: Phan Kế Bính  
Lê Văn Phúc, *hiệu chính*  
Sửa và thêm nhiều bài

Onvrage inscrit au programme du  
Sách có dự vào chương-trình học thi tú-tài

**HANOI**  
**IMPRIMERIE TONKINOISE**

Lê Văn Phúc  
1930



Nguồn: <http://tve-4u.org/>

Đánh máy: Dovuhai

Đăng lên Wiki: rito\_1522

Soát lỗi: vancuong7975

Bổ sung, tạo ebook (16/01/'16): QuocSan.

Ebook này được thực hiện theo dự án “Số hóa [1000 cuốn sách Việt](#) một thời vang bóng” của diễn đàn [tve-4u.org](http://tve-4u.org).



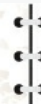
CHỈ

**5 PHÚT**

**MỖI NGÀY**  
CÙNG BẢO TỒN

**1000**

**QUYỂN SÁCH VIỆT**  
MỘT THỜI VANG BÓNG



**tve-4u**  
CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ  
CLICK VÀO ĐÂY ĐỂ XEM CHI TIẾT

## TỰA

Hào-kiệt anh-tài là khí tinh-anh của một nước; cho nên nước nào cũng có, mà thời nào cũng có. Nhon khi xây dựng nên thời thế, tô điểm cho non sông; nhỏ thì lập nên công nghiệp, để danh tiếng về sau; cũng là làm gương cho người đời cả.

Nước Nam ta từ xưa đến nay trải hơn 4.000 năm chẳng thiếu gì người tài đức, người danh tiếng; nhưng bởi vì sự tích xa xôi mà không rõ, hoặc vì sử sách biên sót mà không tường. Chỉ còn người nào ghi vào sử, hoặc chép vào ký-tái của các tư gia thì còn có thể lưu truyền vào được.

Nhưng lại ngặt vì sách ít, cho nên lưu truyền ra không được rộng. Người ta nói truyện cổ-tích chẳng qua chỉ một vài người được trông vào sách, rồi thì truyền khẩu cho nhau, lôm bôm người nhớ khúc này, kẻ nhớ khúc kia, mỗi người truyền đi lại sai một tí, té ra nhầm lẫn sai cả sự thực của người xưa. Vả chẳng mình là người nước Nam mình không biết, hóa ra kiến thức của mình kém lắm dư.

Vì vậy chúng tôi kê cứu trong chính-sử và các tạp-ký tìm những người có danh vọng, có sự tích lạ lùng, chia ra từng môn từng mục, cứ theo thể thức trước sau mà đặt, gọi là “Nam-hải dị-nhân liệt truyện”, trước là để lưu cái sự tích của người trước, sau là để các văn-nhân tài-tử xem cho biết anh tài nước mình, thì chẳng những là giúp được khi vui cười, mà cũng có thể tư ích trí khôn cho người ta nữa.

Còn như những sự quái lạ, là lời tục truyền để lại, thì chúng tôi cũng theo mà chép vào đây, hoặc có, hoặc không, tùy người xem nên lấy lý mà đoán, chớ cũng không dám chắc là có những việc ấy cả.

Ngày 27 tháng sáu năm Nhâm-tí, niên-hiệu Duy-tân thứ sáu (le 9 April 1912).

PHAN-KẾ-BÍNH cẩn tựa  
LÊ-VĂN-PHÚC hiệu chỉnh.

## LỜI NGƯỜI HIỆU CHÍNH

Sách này có dự vào chương-trình học thi tú-tài, lần này là lần in thứ tư, có hiệu chỉnh lại, và có kê cứu chép thêm vào để ghi cho đủ các bậc anh-hùng hào-kiệt nước Nam ta, như là sự tích Đức Gia-long cùng các bậc danh-thần, danh-tướng.

Xem sách này có thể biết được đại-lược lịch-sử nước nhà, chẳng khác gì đối với các bậc cổ-nhân tự bốn nghìn năm về trước, mà ngắm làm gương chung về sau; không những là giúp về việc vấn-đề thi-cử, mà về phần trí-dục, đức-dục cũng có tư-ích được ít nhiều.

Nay kính dẫn  
Kim-giang LÊ-VĂN-PHÚC hiệu chính  
Décembre 1916

N.B. – Những bài mới thêm có để dấu (\*)

# Chương thứ I CÁC BẬC ĐẠI ANH-KIỆT

## 1. Trưng-vương

Xưa về thời nội-thuộc nhà Đông-Hán, ở huyện Mê-linh, đất Phong-châu (tức huyện An-lãng, tỉnh Phúc-yên bây giờ), có quan Lạc-tướng họ Hùng sinh được hai người con gái, chị tên là Trắc, em tên là Nhị; hai chị em vốn có tiếng anh-hùng.

Chị lấy chồng tên Thi-Sách, về dòng dõi vua Hùng-vương, làm quan châu ở bộ Chu-diên (bây giờ là phủ Vĩnh-tường, tỉnh Vĩnh-yên).

Quan Thái-thú bấy giờ tên là Tô-Định, tính tham tàn hay hại người, thấy Thi-Sách lấy được bà ấy, sợ về sau có mưu phản gì chẳng, mới kéo binh vây thành Chu-diên, giết mất Thi-Sách.

Bà ấy tức giận lắm, cùng với em là Nhị chiêu binh tập mã để đánh báo thù cho chồng. Các hào-kiệt trong nước ai cũng có bụng oán Tô-Định, tranh nhau kéo đến theo bà ấy; không bao lâu được hơn 10 vạn quân, bà ấy mới mang quân đến đánh Tô-Định. Tô-Định chống giữ không nổi, phải chạy về bể Nam-hải rồi lên về Tàu. Bà ấy thừa thế đánh tràn, hạ được 56 thành ở xứ Lĩnh-nam (thuộc hạt Quảng-Đông, Quảng-Tây, *nước Tàu*); mới đổi là họ Trưng, tự lập lên làm vua, gọi là Trưng-vương, bấy giờ là năm Canh-tí niên-hiệu Kiến-vô thứ 16 đời vua Quang-vũ nhà Hán, (sau Thiên-chúa 40 năm).

Bà Trưng-vương làm vua được 3 năm, vua Quang-vũ sai quan Phục-ba tướng-quân là Mã-Viện đem binh sang đánh. Bà Trưng-vương đem quân chống nhau với quân Tàu ở hồ Lãng-bạc (tức hồ Tây, Hà-nội). Mã-viện tài kiêm văn võ, mà lại khéo dùng binh, đánh nhau mấy trận thì quân của bà Trưng-vương cũng thua cả, mới lui về giữ Cẩm-kê (bây giờ thuộc phủ Vĩnh-tường, tỉnh Sơn-tây). Bà ấy nghĩ mình là quân ô-hợp, không thể đương được với quân Mã-viện, mà hàng thì bà ấy cũng không chịu hàng. Sau mới rút quân về đến xã Hát-môn, huyện Phúc-lộc (tức huyện Phúc-thọ, thuộc Sơn-tây), thì bà ấy bức chí nhảy xuống sông Hát-giang tự tận.

Em là Trưng-Nhị thấy chị đã liều mình xuống sông, cũng liều mình xuống theo chị nốt.

Than ôi! Một đôi nữ anh-hùng nước Nam, tuy vì tài liệu yếu đào tơ, không làm được công nghiệp oanh-oanh liệt-liệt, nhưng biết giận kẻ tàn ác, khởi binh đánh đuổi đi, cũng lừng lẫy được một thời mà lưu danh thiên cổ, gây dựng nền độc-lập cho đời sau; khá khen thay, khá khen thay!

Từ lúc hai bà ấy xuống sông, rồi hóa ra hai người bằng đá, nổi lênh đênh

trên mặt nước trôi đi. Các làng quanh sông thấy vậy, tranh nhau ra khẩn để vớt về thờ, nhưng chỉ có làng Đông-nhân ở huyện Thanh-trì (bây giờ thuộc về tỉnh Hà-đông) vớt được, mới lập đền thờ ở bãi làng ấy. Dân xã Hát-môn thấy sự thiêng làm vậy, cũng lập đền thờ vọng ở bên sông.

Đến thời vua Anh-tôn nhà Lý, chỗ bãi Đông-nhân lở gần đến miếu thờ. Vua sai làng Hưng-viên bên trong đê, ra đền rước tượng hai bà ấy vào, rồi vua ban tiền bạc cho dân lập miếu mà thờ, phong sắc là “*Trinh-linh chi phu nhân*.” Đền ấy bây giờ vẫn còn, tục gọi là đền Hai-bà.

Đến đời nhà Trần, lại phong thêm tám chữ: “*Uy liệt chế thắng thuần trinh bảo thuận*.” Đến bây giờ vẫn còn anh linh lắm.

## 2. BỐ-cái đại-vương

Về thời nội thuộc nhà Đường ở quận Đường-lâm, (bây giờ là làng Cam-lâm thuộc huyện Phúc-thọ, Sơn-tây), có ông Phùng-Hưng, nguyên đời đời được tập phong làm Tù-trưởng châu ấy (tức là quan-lang).

Nhà ông Phùng-Hưng giàu có quyền hành nhất vùng ấy, lại có sức khỏe lạ thường, có thể đâm chết hổ, đẩy ngã trâu. Em tên là Phùng-Hải, cũng có sức khỏe đội nổi nghìn cân, đi hơn 10 dặm. Các người rợ đâu đâu cũng phục nhà ông ấy.

Trong năm Trinh-nguyên nhà Đường (791), nước Nam có đám loạn-quân khởi biến. Hai anh em ông Phùng-Hưng nhân dịp ấy, mới đem quân đi dẹp loạn các nơi lân-ấp, đi đến đâu dẹp tan đến đấy.

Ông ấy đặc chí rồi, đổi tên gọi là Cự-Lão, tự xưng là Đô-quân. Em thì đổi tên là Cự-Lực, tự xưng là Đô-Bảo. Nhân dùng mẹo của bộ-tướng tên là Đỗ-anh-Luân, đem quân tràn ra các châu quận, người theo về càng ngày càng nhiều, có ý muốn đến phá phủ Đô-hộ.

Quan Đô-hộ bấy giờ là Cao-chinh-Bình, đem quân đi đánh bị thua, rồi lo lắng thành bệnh mà chết. Ông Phùng-Hưng mới chiếm giữ phủ-thành, tự coi việc Đô-hộ, được 7 năm thì mất.

Chúng muốn lập em là Hải lên nối ngôi, nhưng trong bọn bày-tôi có người đầu-mục tên là Bồ-phá-Lặc, có sức khỏe đạp đổ núi, nhấc nổi vạc, người ấy nhất định không nghe, mới lập con ông Hưng tên là An lên nối nghiệp, mà đem quân ra cự nhau với Phùng-Hải. Hải chịu thua, Bồ-phá-lặc bắt đầy ra ở đồng Chu-nhan.

An được lập rồi, tôn vua cha được gọi là Bố-cái đại-vương (tục bấy giờ gọi cha là Bố, gọi mẹ là Cái). Được hai năm vua Đức-tôn nhà Đường sai Triệu-Xương sang làm Đô-hộ, Triệu-Xương sai sứ đến dụ hàng, An chịu hàng, cơ nghiệp họ Phùng mới đổ.

Khi trước ông Phùng-Hưng mới mất, thường có hiển linh ở trong dân thôn, hiện hình ra nghìn xe, muôn ngựa, bay ở trên các mái nhà, cùng là trên ngọn cây cổ-thụ, trông tựa hồ đám mây ngũ-sắc. Lại có tiếng đàn sáo bát âm ở trên không, và tiếng quát tháo. Lại thấp thoáng trông thấy cả cờ, tán, vông, lọng. Phàm trong làng có việc gì mừng hay sợ, tất báo mộng trước cho các người hào-trưởng. Dân gian thấy lắm sự hiển linh, mới lập miếu ở mé tây phủ Đô-hộ để thờ. Dân có việc cầu đảo, thường ứng nghiệm lắm.

Đến thời Ngô-chủ Quyền, có giặc Bắc sang xâm. Ngô chủ nằm mơ thấy một ông cụ đầu bạc phơ phơ, áo mũ tề chỉnh, tự xưng là Phùng-Hưng và nói rằng: “Tôi xin lĩnh một muôn thần-binh, phục sẵn ở chỗ hiểm-yếu, ông

nên tiến binh mà đánh giặc đi, đã có tôi giúp, không cần phải lo.” Đến lúc này Ngô-chủ đánh nhau với Hoằng-Tháo ở sông Bạch đằng, quả nhiên nghe trên không có tiếng xe ngựa ầm ầm. Ngô chủ phá được quân Nam-Hán giở về, sai sửa sang đình miếu cho hoa mỹ rồi dùng lễ thái-lao đến tạ ơn.

Từ bấy giờ chiều nào cũng có phong tặng, phong làm “*Phu-hựu chương-tín sùng-nghĩa đại-vương*.”



### 3. Đinh Tiên-hoàng

Tiên-hoàng họ Đinh tên là Hoàn, người ở đồng Hoa-lư, phủ Đại-hoàng (bây giờ là phủ An-khánh, tỉnh Ninh-bình), nguyên là con quan nha-tướng của Dương-đình-Nghệ tên là Đinh-công-Trứ.

Tục truyền ở đồng Hoa-lư xưa có con rái-cá cực to, vợ ông Công-trứ một hôm tắm ở dưới suối, bị con rái-cá hiếp, về mới có mang. Khi con rái-cá bị người ta bắt được ăn thịt, quăng xương ra đường cái, thì bà ấy nhặt về mà gác lên gác bếp.

Về sau, ông Công-trứ mất rồi, bà ấy mới sinh ra Đinh Tiên-hoàng, Tiên-hoàng nhón lên, thông minh nhanh nhẹn, mà tài nghề lội nước. Nhà nghèo, phải nương nhờ ở với chú. Bấy giờ có một thầy địa-lý Tàu sang nước ta xem đất, đi từ Hưng, Tuyên theo long-mạch đến mãi phủ Đại-hoàng, trông xuống dòng sông thấy nước sâu thăm thẳm mà xoáy mạnh lắm, đồ là ở đấy tất có huyết đế vương. Mới gọi trẻ thuê tiền cho thử lặn xuống chỗ ấy xem làm sao. Tiên-hoàng vốn tài lặn, mới nhận nhờ lặn xuống thì sờ thấy có con ngựa bằng đá đứng ở dưới đáy sông, mới lên bờ báo với người khách, người khách đưa cho năm cở, bảo thử xuống dử vào mồm ngựa xem ra làm sao, ngài cầm năm cở xuống dử thì con ngựa há miệng ra đớp ngay.

Ngài lại lên nói chuyện với người khách, người khách lấy tiền thưởng cho ngài rồi đi. Ngài vốn thông minh, biết ngay chỗ ấy hẳn là đại huyết, rồi về nói chuyện với mẹ. Xem mả cha ở đâu, để đem táng vào huyết ấy. Bà mẹ trở lên gác bếp, rồi lấy năm xương đưa cho ngài, ngài đem ra, lặn lại xuống chỗ vực sâu ấy, cũng lấy cở bọc năm xương dử vào mồm ngựa thì con ngựa cũng đớp và nuốt đi.

Từ đấy ngài sinh ra bạo tợn, các trẻ chăn trâu bò đều sợ, bầu ngài lên làm tướng, bẻ hoa lau làm cờ, chặt tre làm khí-giới, đi đánh nhau với trẻ làng khác. Đi đến đâu, các trẻ phải sợ hãi kinh phục. Một bữa, hội hết trẻ các làng ở ngoài đồng, nhân có con bò của chú cho đi chăn, mỗ ngay ra làm cở để khao các chúng. Chú ở nhà nghe tin, vác gậy ra đồng xem làm sao, thì thấy chúng đã ăn tiệc xong rồi. Chú tức giận lắm, vác gậy đuổi đánh, ngài sợ hãi, chạy đã bí đường, phải nhảy choàng xuống sông, bỗng dưng có con rồng vàng ở dưới sông hiện ra đội ngài lên, người chú thấy vậy kinh hoảng, vội vàng bỏ gậy mà lạy phục xuống đất.

Từ bấy giờ danh tiếng ngài lừng lẫy, các hào-kiệt trong nước để lòng trông mong về ngài. Nhân bấy giờ cuối đời Nam-Tấn, nước Nam có 12 ông sứ-quân nổi lên, mỗi người chiếm giữ một phương, như là:

1. Ngô-xương-Xí giữ ở Bình-kiều.
2. Kiều-công-Hân giữ ở Phong-châu (nay là Bạch-hạc, Vĩnh-yên), tự

xưng là Tam-chế.

3. Nguyễn-Khoan giữ phủ Tam-đái, (nay là phủ Vĩnh-tường, Vĩnh-yên) tự xưng là Thái-bình-công.

4. Ngô-nhật-Khánh giữ châu Đường-lâm (nay là làng Cam-lâm, huyện Phú-thọ, Sơn-tây) tự xưng là Anh-hiền-công.

5. Đỗ-cảnh-Thạc giữ ở Tương-giang (tức là Đỗ-động Giang nay thuộc Thanh-oai, Hà-đông).

6. Lý-khuê giữ ở Siêu-loại (Thuận-thành, Bắc-ninh).

7. Nguyễn-thủ-Tiếp giữ ở Tiên-du, (thuộc Bắc-ninh), tự xưng là Nguyễn-lĩnh-công.

8. Lã-Đường giữ ở Tế-giang, (nay thuộc Văn-giang, Bắc-ninh), tự xưng là Tá-công.

9. Nguyễn-Siêu giữ Tây-phù-Liệt (thuộc Thanh-Trì, Hà-đông), tự xưng là Nguyễn-thạch-công.

10. Kiều-Thuận giữ ở Hồi-hồ (nay thuộc huyện Cẩm-kê, Phú-thọ) tự xưng là Kiều-linh-công.

11. Phạm-bạch-Hổ giữ Đăng-châu (nay là Khoái châu, Hưng-yên), tự xưng là Phạm-phòng-át.

12. Trần-Lãm giữ ở cửa Bỗ-chính (nay là Kỳ-bố thuộc phủ Kiến-xương), tự xưng là Trần-minh-công.

Tiên-hoàng nhân dịp ấy, theo về nương nhờ với Trần-minh-công. Trần-minh-công thấy ngài là dòng dõi tướng võ, và có tài cán, mới dùng cho cai quản binh lính. Không bao lâu, Trần-minh-công mất, ngài thay lĩnh hết cả quân quyền, tự xưng là Đinh Bộ-lĩnh, dần dần đem quân đi dẹp các nơi, thì đi đến đâu dẹp tan đến đấy, tự xưng là Vạn-thắng-vương. Rồi lại nhất thống được hết mọi nơi, mới lên ngôi thiên-tử đóng đô ở Hoa-lư, sửa sang thành quách, cung điện, đặt quốc-hiệu là Đại-cồ-việt.

Khi trước thầy địa lý Tào về lại giở sang, toan mang mã tổ táng vào thủy-mã huyết, sang đến nơi thì đã thấy ngài nổi lên hùng-dũng, biết là ngài được đất ấy rồi. Người khách không sao được, muốn lập mưu để phản lại, mới vào hầu mà nói rằng:

- Ngài được ngôi đại địa ấy, cũng bởi lúc phúc nhà ngài mà giới cho đấy; nhưng có ngựa phải có kiếm thì mới tung hoành ra bốn bể, vậy ngài lên để thanh kiếm lên cổ ngựa thì mới hay.

Tiên-hoàng tưởng nó nói thật, mới lấy thanh gươm gác lên trên cổ ngựa, không ngờ kiếm có sát khí, <sup>[1]</sup> có kiếm tuy làm được lừng lẫy, nhưng không làm được lâu dài. Vì thế ngài ở ngôi được 11 năm thì bị Đỗ-Thích giết

mất, mà đến đời con là Vệ-vương, thì cơ nghiệp lại về tay triều khác.

## 4. Lý Thái-tổ

Thái-tổ họ Lý tên là Công-Uẩn, người làng Cổ-pháp, tỉnh Bắc-ninh.

Tục truyền đời ông thân-sinh ra ngoài, nhà nghèo khó, đi làm ruộng thuê ở chùa Tiêu-sơn, huyện An-Phong, phải lòng một người tiểu-nữ có mang, [2] nhà sư thấy thế đuổi đi chỗ khác. Hai vợ chồng mang nhau đi, đến chỗ rừng Báng, mỏi mệt ngồi nghỉ mát. Chồng khát nước đến chỗ giếng giữa rừng uống nước, chẳng may sẩy chân xuống giếng chết đuối. Vợ ngồi chờ lâu không thấy, đến giếng xem thì đất đã đùn lấp giếng rồi, ngồi khóc lóc một hồi, rồi vào ngủ nhờ trong chùa Ứng-tâm ở gần đấy. Ông sư chùa Ứng-tâm, đêm hôm trước nằm mê thấy ông Long-thần báo mộng rằng: “Ngày mai dọn chùa cho sạch, có Hoàng-đế đến.” Nhà sư tỉnh dậy, sai tiểu quét dọn sạch sẽ, chực đợi từ sáng đến chiều, chỉ thấy một người liên-bà có mang xin vào ngủ nhờ.

Nhà sư thấy làm lạ hỏi rằng:

- Chồng con quê quán ở đâu?

Người liên-bà kể tên họ nhà chồng, và nói lại chuyện sa xuống giếng. Nhà sư cho ở nhờ ngoài cửa tam quan. Được vài tháng, có một đêm, thơm nức cả chùa, nhà sư thức dậy trông ra tam-quan, thì thấy sáng rực lên. Nhà-sư sai bà hộ-chùa ra thăm, thì người liên-bà ấy đã sinh ra một đứa con giai. Bà hộ-chùa bế đứa bé vào chùa cho nhà-sư xem thì thấy bàn tay có bốn chữ son: “*sơn-hà xã tắc* 山河社稷.” Xem rồi, bỗng nhiên trời nổi cơn mưa to gió nhớn. Đến lúc bà hộ-chùa trở ra, thì người liên bà đã chết rồi, nhà-sư sai đem chôn ở đằng sau vườn.

Từ đấy, nhà-sư nuôi người con giai, lên sáu tuổi đã có khí phách thông minh. Một hôm nhà-sư sai mang oản lên chùa dâng cúng, thì chú nhỏ đã khoét lấy ruột oản ăn trước. Sáng mai, nhà-sư gọi mắng chú nhỏ ấy. Chú nhỏ hỏi:

- Ai nói với ông như thế?

Nhà-sư kể sự ông Long-thần báo mộng, chú kia tức lắm, lên chùa đánh vào cổ ông Long-thần ba cẳng tay, rồi viết vào sau lưng bốn chữ rằng: “Lưu tam thiên lý.” Đến đêm ông Long-thần lại báo mộng cho ông sư rằng: “Hoàng-đế đã đuổi ta đi rồi, thì ông nghỉ lại để tôi đi.” Nhà-sư thức dậy sớm, vội vàng lên chùa soát xem, thì thấy sau lưng ông Long-thần có mấy chữ ấy, mới bắt tiểu lấy nước vào rửa, thì rửa làm sao cũng không sạch. Nhà-sư bảo chú nhỏ ấy rửa, thì chỉ nhổ ít nước bọt chùi đi sạch ngay.

Khi 8, 9 tuổi, nhà-sư cho chú nhỏ ấy theo học ông sư ở chùa Tiêu-sơn tên là Vạn-Hạnh. Một khi học không thuộc, phải ông thầy trối lại bắt nằm

dưới đất một đêm, mới ngâm một câu thơ rằng:

*Cảnh khuya không dám giang chân ruỗi,  
Vì ngại non sông, xã tắc xiêu.*

Vạn-Hạnh thấy có khẩu khí thiên-tử, tự bấy giờ có lòng kính trọng lắm.

Ngài nhón lên, khẳng khái có chí khí to, nhân có công, làm quan thời vua Thiếu-đế nhà Lê. Khi vua Thiếu-đế bị giết, thì ngài nằm ôm lấy thân vua mà khóc. Vua Ngọa-triều khen là trung, nhắc lên làm Tứ-tướng quân-chế chỉ-huy sứ, thống lĩnh hết quân túc-vệ.

Bấy giờ ở làng Cổ-pháp có cây gạo cổ thụ, bị sét đánh tước lần da ngoài, trong thân cây có mấy câu sấm rằng:

*Mộc côn<sup>[3]</sup> liễu liễu*

樹根杳杳

*Mộc biểu thanh thanh.*

木俵青青

*Hỏa đao mộc lạc,*

禾刀木落

*Thập bát tử thành*

十八子成

*Vân vân...*

云云...

...

Vạn-Hạnh xem câu sấm ấy, biết rằng điềm nhà Lê đổ mà nhà Lý sắp lên, bảo riêng với ngài rằng:

- Xem câu sấm ấy, thì chắc nhà Lý lên làm vua. Thiên-hạ tuy cũng nhiều họ Lý, nhưng xem ra thì không ai bằng ngài có bụng nhân từ khoan thứ, vả lại lòng dân tin mến nhiều, thì phi ngài không ai làm nổi.

Ngài thấy nói làm vậy, sợ nói lộ chuyện ra ngoài, phải giấu Vạn-Hạnh ở chùa Tiêu-sơn. Đến khi vua Ngọa-triều mất vua kế tự còn nhỏ, ngài cầm quân túc-vệ trong chốn cung cấm. Có quan chi-hậu là Đào-cam-Mộc mưu với các quan triều, lập ngài lên làm thiên-tử.

Ngài đã lên trị vì, thấy chỗ kinh-đô Hoa-lư hẹp hòi lắm, mới thiên lên đóng đô ở Đại-la thành, nhân có điềm rồng vàng hiện ra, mới đổi tên gọi là thành Thăng-long (tức thành Hà-nội bây giờ).

Ngài ở ngôi được 18 năm thì mất.

Xét ngôi huyệt chỗ giếng trong rừng Báng ấy, những gò ở chung quanh, trông hình như cái hoa sen nở ra tám cánh, cho nên nhà Lý truyền ngôi được tám đời, bây giờ thuộc về làng Đình-bảng huyện Đông-ngàn.

Vì ngài sinh ra ở chùa Ứng-tâm, cho nên bây giờ thành tên là chùa Dận.

## 5. Lê Thái-tổ<sup>[4]</sup>

Thái-tổ nhà Lê tên là Lợi, người làng Lam-sơn, xứ Thanh-hóa, có chí khí to từ thuở nhỏ.

Tục truyền ông tổ tam đại nhà ngài nguyên là người làng Như-áng, một bữa đi qua Lam-sơn, thấy có đàn quạ xúm xít bay liệng trên một cái gò. Ông cụ ấy nói rằng: “Chỗ này là chỗ đất hay đấy!” mới đem làm nhà ở dưới cái gò, từ bấy giờ con cái làm hào-trưởng ở xứ ấy. Được ba đời thì sinh ra ngài.

Cuối đời nhà Trần, Hồ-quí-Ly cướp ngôi, nhà Minh sai bọn Trương-Phụ, Mộc-Thanh sang đánh, bắt được cả hai bố con Hồ-quí-Ly đem về Tàu rồi chiếm giữ lấy nước Nam, làm ra lắm sự tàn ác: Nào là bắt dân khai mỏ vàng, săn voi trắng; nào là bắt dân mò hạt trân-châu. Lại cấm dân không cho nấu muối riêng. Bắt phải nộp cống hươu trắng, rùa-rùa chín đuôi, vượn bạch, trân to. Lại lắm chinh sự tàn ác, thuế má nặng nề, hơn 20 năm, dân sự lấy làm khổ ải, bởi vậy trộm giặc chỗ nào cũng nổi lên như ong, dân gian lại càng khốn đốn lắm.

Thái-tổ trông thấy tình hình làm vậy, có chí muốn ra dẹp loạn để yên dân.

Người nhà Minh vốn biết ngài là hào-kiệt nước Nam, muốn dụ ngài ra làm quan, ngài không thêm ra, nói rằng:

- Đại trượng phu nên giúp lúc nạn to, lập nên công nhớn, chứ lại thêm làm đầy tớ người ta à!

Đến năm Mậu-tuất (1418), ngài nhân được thanh thần-kiếm, và được bọn Nguyễn-Trãi, Trần-Hãn đến giúp nhận mới mộ quân khởi nghĩa chiêu dụ hào-kiệt. Đánh nhau với quân nhà Minh, lắm trận gian truân, mà chí ngài vẫn không núng.

Một khi, ngài thua trận ở Côi-huyện, quân sĩ tan chạy mất cả, chỉ còn độc một mình chạy trốn. Tướng nhà Minh đem quân đuổi theo, ngài túng thế không biết làm thế nào, xảy gặp một ông lão nhà quê đang tát ruộng cấy mạ, ngài nhảy ngay xuống ruộng cầm mạ cấy đỡ cho ông ấy. Một lát, quân Minh đuổi đến nơi, thấy người làm ruộng, hỏi thăm rằng:

- Có thấy ai chạy qua đây không?

Ông lão làm ruộng đã biết ý, chắc ngài là vua Lê, mới trở tay về phía trước mặt nói rằng:

- Tôi vừa thấy một người chiến-tướng, hốt-hơ hốt-hải chạy về mé trước kia kia!

Quân nhà Minh tưởng thực, kéo cả đi về mé trước ngài nhân thế được

thoát.

Lại một bữa quân Minh đuổi kíp quá, phải núp mình vào trong bụi rậm. Quân Minh có con chó săn cực khôn, lông lấy cắn vào trong bụi. Quân Minh cầm giáo xĩa vào, bỗng thấy một con cáo chạy ra, quân mới bỏ đám ấy mà đi, nhân thế lại được thoát.

Lại một buổi đánh nhau với Tham-tướng Minh là Phùng-Quý, thua trận chạy về đến núi Linh-sơn, quân hết lương ăn, phải nhịn đói mất hơn hai ngày, chỉ đào củ chuối và hái rau ăn trừ bữa.

Tuy vậy, càng thua lại càng phấn chấn, chớ không ngã lòng, và lại được các tướng giúp đỡ, như bọn Lê-Sát, Đinh-Lễ, Nguyễn-Xí, Lê-Triệu, ai nấy cũng giốc một lòng; cho nên dần dần lại chuyển thua thành được. Về sau đánh được Trần-Trí, đuổi được Phương-Chính, chém được Liễu-Thăng ở núi Mã-an bắt được bọn Thôi-Tụ Hoàng-Phúc, trong mười năm giới quét sạch bờ cõi, bấy giờ ngài mới lên ngôi Hoàng-đế.

Khi ngài thành công rồi, một bữa ngự thuyền rồng chơi trong hồ Tả-vọng, bỗng thấy một con rùa to bơi trên mặt nước, ngài cầm thanh thần-kiếm chỉ xuống, không ngờ bị con rùa ấy đớp lấy rồi lặn mất, bởi vậy đổi tên hồ ấy là hồ Hoàn-kiểm, nghĩa là giả gương của giới.

Ngài đem lại nước Nam, làm nên công nghiệp hiển hách, truyền đời ngót năm giới, thật là một vị đại-anh-hùng đệ nhất nước Nam.



## **\*6. Bắc-bình vương**

Bắc-bình vương tên là Nguyễn-văn-Huệ, người làng Tây-sơn tỉnh Qui-nhân, em vua Tây-sơn là Nguyễn-văn-Nhạc.

Bắc-bình vương tiếng to như chuông mắt sáng như điện, sức khỏe tuyệt trần, mỗi khi lâm trận, chỉ hai tay cầm hai dùi đồng, phi ngựa xông vào giữa trận, hàng mấy nghìn người cũng không địch nổi. Lại có trí mưu quyền biến, mẹo mực như thần.

Khi trước giúp anh khởi loạn ở trong Qui-nhân, về sau giữ từ Thuận-hóa giở ra, tự xưng là Bắc-bình vương.

Trong năm Bính-ngọ thời Cảnh-hưng (1786), đem quân ra Bắc-hà, mưu trừ họ Trịnh để giúp nhà Lê. Giết được Trịnh-Khải, lập vua Chiêu-thống nhà Lê, rồi đem binh về đóng ở Phú-xuân, mà sai bộ tướng và Võ-Văn-Nhậm đóng quân ở Nghệ-an, để rình tin tức ngoài Bắc-hà.

Năm sau, nhân có Nguyễn-hữu-Chỉnh muốn giúp vua Chiêu-thống để cự nhau với mình, mới sai Văn-Nhậm đem quân ra đánh Hữu-Chỉnh, đuổi mãi đến núi Tam-tùng bắt được, giải thầy giết chết. Rồi lưu Ngô-văn-Sở cùng Ngô-Nhậm ở lại trấn thủ Thăng-long, lập Sùng-nhượng công Duy-Cần giám-quốc.

Vua Chiêu-thống chạy sang Tàu cầu cứu. Vua Càn-long nhà Thanh sai Tổng-đốc lương Quảng là Tôn-sĩ-Nghị đem quân lương Quảng cùng Vân, Quý hơn 20 vạn chia làm hai đường kéo sang.

Ngô-văn-Sở đem quân lui vào đóng ở Tam-điệp, Biện-sơn, đưa tin vào cáo cấp.

Bắc-bình vương được tin cả giận nói rằng: “Những quân Ngô-cầu này sao dám đông dờ làm vậy!” Bèn sai hạ lệnh khởi binh, các tướng-sĩ đều xin trước chính vị hiệu, để hệ nhân-tâm, rồi sẽ đem quân ra. Ngày hôm 25 tháng 11 năm Mậu-thân (1788), Bắc-bình vương lên ngôi Hoàng-đế, kỷ-nguyên là Quang-trung. Rồi khởi hết cả quân Thuận, Quảng, Thanh, Nghệ đem ra Bắc-hà, ngày 20 tháng chạp, kéo đến núi Tam-điệp, khao-thưởng quân-sĩ, truyền cho ba quân tạm làm lễ tết nguyên-đán, hẹn đến mồng 7 tháng giêng, ra thu phục được thành Thăng-long rồi sẽ mở tiệc khai-hạ. Tức thì chia quân các đạo kéo ra. Mồng ba tháng giêng năm Kỷ-dậu (1788) kéo quân đến vây đồn Hạ-hồi, (bây giờ thuộc phủ Thường-tín, Hà-đông), truyền loa gọi dạ ầm ầm, đến hàng vạn người; quân Tàu trong đồn sợ run cầm cập, bỏ tan mà chạy, bắt được giết sạch, không còn tên quân Tàu nào chạy lọt mà về báo Thăng-long được nữa.

Vua Quang-trung thừa thắng đánh tràn đến đồn Ngọc-hồi, Văn-diễn, Yên-Quyết, giết được tướng Tàu là Đề-đốc Hứa-thế-Hanh, Tổng-binh

Trương-triều-Long, Thượng-duy-Thăng, Tri-phủ Điền-châu Sầm-nghi-Đổng. Tôn-sĩ-Nghị đóng quân ở bên sông Nhị, nghe tin báo vội vàng lên ngựa qua phù-kiều chạy sang bắc, quân sĩ tranh cầu đố xô nhau mà chạy, cầu đố, chết hàng mấy vạn người, nước sông Nhị đến nỗi không chảy đi được; hôm ấy là mồng 5 tháng giêng, vua Quang-trung mặc áo chiến bào xông pha trong trận, thẳng vào thành Thăng-long, mà áo chiến bắt hơi sũng sấm đen cả lại. Vua Quang-trung lại sai quân đuổi theo quân Tàu đến cửa Nam quan tỉnh Lạng-sơn, nói phao lên rằng: sắp kéo tràn qua cửa quan đuổi giết, để theo tìm vua Chiêu-thống. Người Tàu cả sợ, già, trẻ, nhón, bé, công nhau mà chạy, từ cửa Nam-quan giở về bắc, vài trăm dặm, vắng ngắt, không còn có hơi khói lửa người ở.

Vua Quang-trung đánh được trận ấy, sai người nhặt thây quân Tàu chất lại thành đồng, rồi đắp đất lên, tục truyền là gò đồng-Đa ở huyện Vĩnh-thuận (bây giờ là huyện Hoàn-long, Hà-đông).

Khi Tôn-sĩ-Nghị bỏ chạy, vua Quang-trung bắt được những tờ sắc dụ của vua Tàu, biết được ý Tàu chỉ giả dạng đồ lợi, chứ chẳng có ý gì phù Lê. Nhân khi ấy Tàu đã sai Phúc-khang-An ra thay Sĩ-Nghị làm lương Quảng Tổng-đốc, chuyên ý giảng-hòa. Vua Quang-trung mới sai sứ sang giảng hòa, và cấp lương ăn cho những quân Tàu bắt được hơn 800 người mà đưa sang giả Tàu.

Vua tàu dụ phải thân sang châu. Năm Canh-tuất, vua Quang-trung đổi tên là Nguyễn-quang-Bình, sai cháu là Phạm-công-Trị trạng mạo giống mình, đổi tên sang thay mình để triều cống; ngoại thức cống-phẩm lại đưa sang cống hai cặp voi đực, quân Tàu phải đưa đón đi dọc đường rất khổ sở. Khi đến nơi hành-tại trên sông Nhiệt-hà, vào châu vua Tàu. Vua Tàu tưởng thực vua Quang-trung, thưởng cho rất hậu, ngự bút lại đề bốn chữ đại-tự và thơ, câu đối ban cho. Khi vào bộ-kiến từ về, lại ban cho áo mũ đồ đạc, bằng các vị thần-vương, và vười đến gần sập-ngự, võ vai phủ dụ ôn tồn, lại họa ngựa-cảnh ban cho.

Vua Quang-trung từ đấy lập Nghệ-an làm Trung-đô, đổi Thăng-long làm Bắc-thành, dựng sổ đình, điền; đình chia làm ba hạng, điền chia làm ba đẳng. Lại lập ra *tín bài*, đề bốn chữ: “*Thiên hạ đại tín* 天下大信” bắt dân-đình nộp thuế phải đề rõ tên họ, niên canh, quán chỉ, cấp chỉ làm tin, nếu người nào không có thẻ thì là lậu-đình, bắt phải sung dịch, mà lý trưởng phải phạt. Lại-dịch nhân thể xét bắt quấy dân, có kẻ phải chui vào hang để trốn rất là khổ sở.

Vua Quang-trung lại muốn thừa cơ, lấy lại đất Quảng-đông, Quảng-tây, Vân-nam của nước Nam khi xưa, đã mộ binh đóng tàu chiến, sắp sửa làm biểu sai sứ sang Tàu cầu hôn, để dò ý vua Tàu, mượn chuyện để khởi binh,

chẳng may gặp phải bệnh mất, việc ấy lại phải dìm đi. Vua Quang-trung lên ngôi được 3 năm, thọ 40 tuổi.

## **\*7. Đức Gia-long**

### **Bản-triều Thế-tổ Cao hoàng-đế**

Đức Gia-long là con giai thứ ba đức Hưng-tổ, là cháu đức Duệ-tôn. Khi đức Hưng-tổ băng, thì ngài mới lên 4 tuổi. Khi nhón lên, ngài thiên-tư thông tuệ khác thường, đức Duệ-tôn lấy làm khí-trọng lắm.

Khi ấy đức Duệ-tôn nối nghiệp chúa ở Thuận-hóa. Nhưng có kẻ quyền-thần là Trương-phúc-Loan chuyên quyền; mà trong Qui-nhân thì anh em Tây-sơn là Nhạc, Huệ nổi lên; ngoài Bắc-hà thì Trịnh chúa sai Hoàng-ngũ-Phúc vào xâm lấn; Thuận-hóa thất thủ, ngài theo đức Duệ-tôn chạy vào Quảng-nam, rồi lại vượt bể vào Gia-định. Đức Duệ-tôn cho ngài làm Chương-sử, coi một đạo quân Tả-dực. Ngài liệu tính việc quân không sai một ly nào, các hàng chư tướng đều giốc lòng theo ngài.

Một hôm, ngài hộ giá đức Duệ-tôn đương đi nửa đường, chợt nghe có quân giặc đuổi theo. Đức Duệ-tôn thấy nguy cấp lắm, mới nhường con ngựa cho ngài cưỡi, giục ngài đi lên trước; ngài bắt đắc dĩ phải nhận ngựa cưỡi đi lên. Đi một lát, lại dừng ngựa đợi. Khi đức Duệ-tôn theo lên kịp thấy ngài vẫn đứng đợi ở ven đường. Đức Duệ-tôn nói rằng: “Cháu ta có bụng tốt như vậy, giới thực chứng giám cho.”

Năm Bính-thân, ngài đến Tam-phụ (tục gọi Ba-đống, thuộc Định-tường), chiêu mộ quân Đông-sơn (là bọn Đỗ-thanh-Nhân, tự xưng là Đông-sơn tướng-quân). Sức có quân Tây-sơn vào cướp Sài-gòn, đức Duệ-tôn phải chạy đến Đàng-giang, ngài đem quân Đông-sơn đến ứng viện, rước đức Duệ-tôn chạy đến Cần-thơ; rồi lại chạy đến Long-xuyên, thì đức Duệ-tôn bị nạn. Đang đêm, ngài muốn vượt thuyền ra bể để tránh giặc, khi thuyền quay mũi ra thì có con cá sấu ba lần đến ngăn trở thuyền ngài lại, không đi được. Sáng hôm sau, cho thám xem, mới biết đêm qua có thuyền giặc đón eo ở mé trước. Ngài phải chạy ra cù-lao Thổ-châu.

Sau ngài lại đảo về cử nghĩa-binh ở Long-xuyên, đánh phá quân Tây-sơn ở doanh Long-hồ (bây giờ là Vĩnh-long), thu phục được thành Sài-gòn lần thứ nhất.

Năm Mậu-tuất (niên hiệu Lê Cảnh-hưng thứ 39, lịch tây 1777), chư tướng tôn ngài lên làm Đại nguyên-soái, nhiếp quốc-chính, khi ấy ngài mới 17 tuổi. Đến năm Canh-tí (1779), tháng giêng, ngài lên ngôi vua ở Sài-gòn.

Năm Nhâm-dần, quân Tây-sơn kéo vào cửa bể Cần-thơ, ngài sai Chương-cơ Tổng-phúc-Thiên điều bát quân thủy ra cự-chiến. Quân Tây-sơn thừa thế tiến vào hăng lắm. Cai cơ Mạn-Hòa (Ma-nuel, người Pháp) cưỡi tàu xông vào cự địch, quân giặc ném thuốc súng xuống đốt tàu, Mạn-

Hòe tử tiết. Ngài thân đốc binh thuyền ra ứng tiếp, mình mặc nhung-y, đầu đội nón chiến, tay cầm súng đứng trên mũi thuyền, bắn sang thuyền giặc. Ngài bắn súng cực giỏi, không phát nào sai, (tay súng ấy phong là: *Võ-công lương-khí*) hô chư quân vừa đánh vừa lui, rồi ngài ngự đến Tam-phụ, thành Sài-gòn lại mất về Tây-sơn.

Sau ngài ngự thuyền ra cù-lao Phú-quốc. Tháng tám năm ấy, Chu-văn-Tiếp cử binh kéo cờ hiệu bốn chữ: “*Lương-sơn tá quốc*” lại về thu phục được thành Sài-gòn lần thứ hai. Ngài ngự giá từ Phú-quốc trở về, sai sứ sang Xiêm-la thông hiếu.

Năm Quý-mão, Tây-sơn Nguyễn-văn-Huệ đem quân vào đánh phá cửa Cần-thơ, ngài phải ngự đến Tam-phụ, bày tôi theo hầu ngài chỉ còn có Nguyễn-kim-Phẩm và năm sáu người mà thôi, ngài đi đến sông Lật-giang, quân giặc đuổi theo kíp lắm, mà nước sông chảy xiết quá, không có đò sang, ngài vốn tài bơi lội, bèn bơi vượt sang được bờ bên kia sông. Khi chạy đến Đàng-giang, khúc sông ấy nhiều cá sấu lắm, không thể bơi sang được, may có con trâu nằm ở bờ sông, ngài mới cưỡi trâu sang sông, đến giữa dòng nước chiều dâng lên to, chìm cả trâu, may có con cá sấu đưa giạt vào bờ, ngài ngự đến Mỹ-tho, rồi rước cả Quốc-mẫu và cùng gia-quyển ra trú ở cù-lao Phú-quốc. Quân Tây-sơn chột kéo đến, ngài phải chạy ra cù-lao Côn-lôn (Poulo-condor).

Nguyễn-văn-Huệ đem quân thủy bố ra bao vây Côn-lôn, thế rất nguy cấp, bỗng đâu giời nổi cơn mưa bão, mây kéo mù mịt, thuyền ghe giáp nhau mà cũng không trông rõ mặt người, sóng bể âm ầm, thuyền giặc chìm đắm không biết bao nhiêu mà kể. Ngài ngự một chiếc thuyền vượt ra ngoài trùng-vi, bạt phong đến cù-lao Cổ-cốt. Ít bữa lại về Phú-quốc, lương thực hết cả, quân lính đến nỗi phải đào rễ cỏ, củ-mài mà ăn. Lúc bấy giờ có một nàng lái buôn là thị Uyển người Hà-tiên chở một thuyền gạo lại hiến.

Khi ấy ngài nghe ông Bá-Đa-lộc (Evêque d’Adran) ở Chân-bôn, bèn sai người đến bàn tính, rồi giao ông hoàng-tử Cảnh mới lên bốn tuổi cho ông Bá-Đa-Lộc đưa sang Pháp-quốc để cầu viện.

Hoàng-tử Cảnh đi rồi, ngài đem ra 20 lạng vàng, chia đôi đưa cho bà Nguyên-phi (Tống-thị sinh ra ông hoàng-tử Cảnh) một nửa mà bảo rằng: “Con ta đi rồi, ta cũng phải ra đi, Phi phụng dưỡng quốc-mẫu ở đây, chưa biết sau này ngày nào lại gặp được nhau mà ở tại chỗ nào, thì cứ lấy vàng này mà làm tin.”

Nói rồi, ngài ngự thuyền vào cửa bể Ma-li, để dò thám quân giặc; chột gặp hơn hai mươi chiếc thuyền giặc đến vây; thuyền ngài vội vàng giương buồm cứ trông theo phương đông mà chạy, phiêu lưu ngoài bể bảy ngày đêm, trong thuyền hết cả nước uống, quân sĩ đều khát. Ngài mới mặt khẩn

rằng: “Nếu ta có phận làm vua, thì giạt thuyền vào bờ, để cứu lấy mạng người trong thuyền này. Nhược bằng không thì đánh chìm đắm ở giữa bể này, cũng cam tâm vậy!”

Vụt chốc, gió lặng, sóng yên, trông thấy trên mặt nước, hắc, bạch chảy rẽ đôi dòng, một bên nước trong leo lẻo, trong thuyền một người nếm thử thấy ngọt, hô lên rằng: “Nước ngọt...!” Rồi tranh nhau múc uống, khỏi cả phiền khát, vừa múc được bốn năm chĩnh, thì nước bể lại mặn như trước.

Khi giặc lui đi rồi, ngài lại ngự thuyền về Phú-quốc. Quốc-mẫu thấy ngài về cả mừng. Ngài mới kể lại tình trạng lúc bạt phong giữa bể, để quốc-mẫu nghe. Quốc-mẫu than rằng: “Con ta bên giới, góc bể, lịch duyệt gian nan. Nhưng xem như trận gió Côn-lôn, nước ngọt giữa bể, thì ý giới khá biết, chớ thấy gian hiểm mà ngã lòng.” Ngài bái tạ xin vâng lời dạy.

Lúc ngài đi bể, chỉ dùng muối, ớt, gừng, tỏi, hồ tiêu, hồi hương, quế-chì, ô-mai, bầy tám vị ấy đều tán nhỏ trộn lẫn với nhau để làm thức ngự-thiện. Ngài thường ban cho các tòng-thần, và bảo rằng. Đi chốn sơn, hải lam chướng, nên ăn những thức này, và tỏ ý rằng ta cùng với các người cũng cam khổ vậy.”

Năm Giáp thìn, ngài sang Xiêm-la cầu viện. Vua Xiêm cho hai tướng đem 20.000 thủy binh, 300 chiến thuyền sang giúp. Nhưng bị Nguyễn-văn-Huệ phục binh đánh tan cả. Ngài lại ngự sang thành Vọng-các (Bangkok, kinh đô Xiêm).

Khi ấy ngài có giúp Xiêm đánh tan quân Miến-điện. Vua Xiêm cảm tạ lại muốn giúp binh. Nhưng ngài biết rằng dẫu quân Xiêm có giúp cũng vô ích. Mà Nguyễn-văn-Thành cũng tâu rằng: “Ta nên dưỡng sức đợi thời, có thể tự làm lấy được, không nên dẫn quân rợ vào chốn trọng địa nước mình.” Ngài lấy làm phải.

Bấy giờ nghe tin anh em Tây-sơn khích-bác nhau, ngài mới quyết kế kéo quân về, nghĩa-binh các đạo đều đến họp tập, thanh thế lừng lẫy. Tháng tám năm Mậu-thân, lại thu phục được thành Sài-gòn lần thứ ba. Tháng sáu năm Kỷ-dậu, Bá-đa-Lộc đưa ông hoàng-tử Cảnh tự Tây về, và đưa hai tướng là Nguyễn-văn-Chấn (Vannier), Nguyễn-văn-Thắng (J-B. Chaignau<sup>[5]</sup>) sang giúp.

Năm Canh-thân, ngài thống suất thủy, bộ chư quân ra cứu viện thành Bình-định, Thị-nại dùng chước hòa công đánh phá thủy đồn.

Năm Tân-dậu, ngài kéo quân ra thu phục được Phú-xuân. Từ đấy đánh tràn đi, diệt Tây-sơn, định Bắc-hà, nhất thống cả Nam, Bắc

Năm Nhâm-tuất, (năm thứ 7 vua Gia-khánh nhà Thanh lịch Tây 1802) kỷ nguyên *Gia-long*, đưa thư sang Tàu định quốc hiệu là Nam-việt, nghĩa

là ngài mở rộng được cõi Nam-kỳ, mà có cả toàn việt. Nhưng vua Gia-khánh lại đổi lại để chữ Việt trên chữ Nam, cho là triều Nguyễn ta trước chiếm có đất Việt-thường, nay có cả cõi An-nam. Ngài đưa thư sang chiết biện mãi rồi mới đặt quốc-hiệu là *Việt-nam*.

Ngài mở mang cõi nước Nam ta thêm rộng ra được 6 tỉnh Nam-kỳ, buổi đầu rất là gian lao, nào là đặt quan Điền-tuấn; mở đất đồn điền; phân hoạch địa giới Gia-định Định-tường; đào thông ngòi lạch Hà-tiên, Châu-đốc. Lại còn đặt ra tòa đệ-chỉnh ở Bắc-thành định ra đệ-thức; soạn ra bộ nhất thống địa-dư; định ra điều lệ hương đảng; định phép tuyển-duyet; nghiêm cấm đồ bác; định luật lệ 398 điều. Đó là qui-mô khai-quốc, kể lược qua như vậy. Lại còn công việc ngài giao thiệp với nước Xiêm-la; thông hiếu với nước Đại-pháp; xử trí nước Chân-lạp, Vạn-tượng, đều qui phục cả.

Công đức ngài kiêm cả trung-hưng, sáng nghiệp triều Nguyễn ta, trong 22 năm mới thu phục được cựu-kinh, lên ngôi được 18 năm, thọ 58 tuổi, miếu hiệu là Thế-tổ Cao hoàng-đế, ngài thực là một vị vua khai sáng anh-hùng.

## **Chương thứ II CÁC BẬC DANH THẦN**

### **8. Lý-thường-Kiệt**

Thường-Kiệt tự là Hi-liệt, người làng Thái-hòa huyện Thọ-xương, (tức là thành phố Hà-nội bây giờ), có tài kiêm cả văn võ. Khởi thân làm Thái-giám. Đến thời vua Nhân-tôn nhà Lý, làm đến chức Thái-Úy, Trong năm Thái-ninh, nước Chiêm-thành đến quấy nhiễu xứ Nghệ-an, vua sai Thường-Kiệt cầm quân đi đánh, Thường-Kiệt đánh đuổi về mãi nước Chiêm, lấy được châu Bố-chính, châu Địa-ly và châu Ma-linh, mới sai vẽ địa-đồ ba châu ấy, đổi châu Địa-ly làm phủ Tân-bình, châu Ma-linh làm châu Minh-linh, (tức Quảng-bình, Quảng-trị bây giờ) chiêu mộ dân nghèo cho sang ở đấy khai khẩn.

Đến năm Thái-ninh thứ tư, vua Thần-tôn nhà Tống sai Thẩm-Khởi, Lưu-Lộng ra coi Quý-châu, có ý muốn dòm nom nước Nam. Vua Nhân-tôn sai Thường-Kiệt đem quân đi cự quân Tống, Thường-Kiệt đánh tràn sang nước Tàu, hạ được châu Khâm, châu Liêm, và vây hãm châu Ung, giết hại quân nhà Tống hơn vạn người.

Năm sau, vua Tống sai Quách-Quì làm Chiêu-thảo-sứ, đem 9 tướng chia đường đi sang hội với nước Chiêm-thành, nước Chân-lạp, để quấy nhiễu nước Nam. Vua lại sai Thường-Kiệt đi đánh, đánh trận nào được trận ấy, quân nhà Tống chết hơn nghìn người, phải bỏ mà về.

Khi ấy, Lý-Giác khởi loạn ở xứ nghệ, Giác có yêu thuật, làm cho cỏ cây biến thành binh mã, quan quân đánh mãi không phá được. Thường-Kiệt bấy giờ đã ngoài 70 tuổi, tình nguyện xin đi đánh, thì mới dẹp tan được đám ấy.

Nhân có những công to ấy, được tiến tước phong làm đại-vương. Về sau mất được phong làm thượng-đẳng-phúc-thần.



## \*9. Tô-hiến-Thành

Tô-hiến-Thành là bậc trung thời đời vua Anh-tôn nhà Lý, tài kiêm văn, võ, có công đánh phá Ai-lao cùng rợ Ngưu-hống (bây giờ thuộc huyện Hưng-hóa An châu). Lai nã bắt được đảng giặc Thân-lị, làm đến chức Thái-úy.

Khi ấy có quân Chiêm-thành thường vượt bể vào cướp bóc nhân-dân ở miền ven biển. Hiến-Thành phụng mệnh đi đánh, kéo quân vào đến nước Chiêm (bây giờ là Bình-định Phú-an), đưa thư thiết trách chúa Chiêm, không giữ lễ phiên-thần triều cống, lại bày tỏ điều lợi hại để chiêu dụ, chúa Chiêm sợ phải sai sứ đem trân-châu phẩm-vật, vào cống hiến xin giảng hòa. Hiến-Thành mới phụng mệnh đem quân về.

Bấy giờ Thái-tử Long-Xưởng bị xử tội tư thông với cung phi, phải truất phế làm thứ dân. Vua Anh-tôn mới họp các tể-thần lại dụ rằng: “Ngôi thái-tử là cội rễ trong nước, nay Long Xưởng đã làm điều bất đạo, trẫm muốn lập Long-Cán để nối đại-thống, nhưng e tuổi còn thơ ấu, sợ rằng không kham nối chằng?” Vừa khi ấy quan nội nhân ăm Long-Cán mới lên ba tuổi ra chơi, trông thấy khăn ngự của vua đội, nhất định đòi cho được, vua chưa kịp cho, thì lại càng khóc thét mãi lên. Vua phải hạ khăn xuống đưa cho, thì Long-Cán cả cười. Vua Anh-tôn lấy làm lạ, mới quyết định lập Long-Cán làm thái-tử. Bèn cho Tô-hiến-Thành làm Thái-phó, gia phong vương tước, để phù lập Long-Cán nối ngôi.

Khi Anh-tôn mất, Thái-hậu muốn lập Thái-tử cũ là Long-Xưởng sai đem vàng hồi-lộ cho vợ Hiến-Thành là Lã-thị phu-nhân. Hiến-Thành nói rằng: “Ta là đại-thần, nhận tờ di-chiếu giúp ngôi ấu-chúa; nếu lại tham lấy của hồi-lộ, bỏ vua này, lập vua khác, thì còn mặt mũi nào trông thấy đấng tiên-đế ở dưới suối vàng nữa.”

Thái-hậu lại vời Hiến-Thành đến khuyên dỗ trăm đường, Hiến-Thành nhất định không nghe, nói rằng: “Làm điều bất nghĩa mà được phú, quý, người trung-thần, nghĩa-sĩ không thêm làm. Phương chi lời dấng tiên-đế dặn lại hãy còn văng vẳng ở bên tai, tôi đâu lại dám cãi lời; Thái-hậu lại chẳng nghe chuyện Y-Doãn, Hoắc-Quang<sup>[6]</sup> đời trước à!” Thái-hậu khuyên dỗ mãi cũng không chuyển.

Khi Cao-tôn lên nối ngôi, Thái-hậu lại họp cả quần-thần lại để mưu phế, lập; các quần-thần đều thưa rằng: “Quan Thái-phó đã tuân tờ di-chiếu, lập ngôi ấu-chúa, chúng tôi không dám trái lời.” bởi vì khi ấy Hiến-Thành quản cấm-binh, phụ quốc-chính, hiệu lệnh nghiêm mật, thường phạt công bình, trong nước đều qui phục cả, cho nên không ai dám có mưu gì khác nữa.

Khi Hiến-Thành phải bệnh gần mất, có quan Tham-chi chính-sự là Vũ-tán-Đường thường ngày đêm xuống hầu hạ thuốc thang luôn, còn quan Giám-ngự đại-phu là Trần-trung-Tá vì bận việc ít khi đến. Một hôm Thái-hậu ra thăm, hỏi Hiến-Thành về sau ai có thể thay ông được? Hiến-Thành thưa rằng: “Có người Trung-Tá.” Thái-hậu ngạc nhiên nói rằng: “Tán-Đường hầu thuốc thang luôn ở đây, sao ông không cử đến.” Hiến-Thành đáp rằng: “Ngài cốt hỏi người thay tôi để giúp nước, thì tôi cử Trung-Tá. Nếu ngài hỏi người hầu hạ, thì tôi mới cử Vũ-tán-Đường.” Thái-hậu khen là trung trực.

Hiến-Thành là bậc cố-mệnh nguyên-thần, hết lòng trung thành giúp ngôi ấu-chúa, thời bây giờ lấy làm ý-trọng; lại khéo xử lúc biến cố, chẳng chút chuyển di, người đời sau thường ví Tô-hiến-Thành cũng như ông Gia-Cát Vũ-hầu giúp vua hậu-chủ nhà Hán.

## 10. Hưng-đạo đại-vương<sup>[7]</sup>

Vương họ Trần tên Quốc-Tuấn, quê ở làng Tức-mặc, tỉnh Nam-định, con ông An-sinh vương Liễu, (anh ruột vua Trần Thái-tôn).

Khi trước An-sinh vương phu nhân, nằm mơ thấy một ông thần tinh vàng tướng ngọc, tự xưng là Thanh-tiên đồng-tử phụng mệnh Ngọc-hoàng xuống xin đầu-thai, nhân thế có mang. Đến lúc sinh ra vương, có hào-quang sáng rực cả nhà và có mùi hương thơm ngào ngạt.

Vương, khôi-ngô kì-vĩ, thông minh sớm lắm, lên 5,6 tuổi, đã biết làm thơ ngũ-ngôn, và hay bày chơi đồ bát-trận. Khi gần nhớn, học rộng các sách, thông hết lục-thao, tam lược có tài kiêm cả văn võ.

Trong năm Nguyên-phong thứ bảy thời vua Thái-tôn (1257). Có giặc Mông-cổ lấn vào phận Hưng-hóa, vua sai vương cầm quân lên giữ mặt thượng-du.

Đến đời vua Nhân-tôn, Mông-cổ lại sai Thoát-Hoan đem bọn Toa-Đô, Ô-mã-Nhi chia đường sang đánh nước Nam, vương phụng mệnh thống lĩnh các quân của vương, hầu, hội cả ở trại Vạn-kiếp, để chống nhau với quân Mông-cổ. Bấy giờ thanh thế Mông-cổ đang mạnh, vương phải rước xa giá Hoàng-đế lánh vào Thanh-hóa. Hoàng-đế thấy sự-thế nguy cấp, muốn hàng, vương không nghe, tâu rằng:

- Nếu bệ-hạ muốn hàng, xin trước hết chặt đầu thần đi đã, rồi sẽ hàng cũng chưa muộn. Đầu thần còn thì xã-tắc cũng còn, xin bệ-hạ chớ lo.

Vua thấy nói cứng cỏi làm vậy, trong bụng cũng yên. Đến tháng tư, phá được quân Mông-cổ ở cửa sông Hàm-tử. Tháng năm, lại đánh vỡ quân Mông-cổ và chém được Đại-tướng là Toa-Đô ở đất Tây-kết, Thoát-Hoan phải rút quân về Tàu.

Năm Trùng-hưng thứ ba, Thoát-Hoan lại đem bọn Ô-mã-Nhi, A-bát-Xích sang quấy thứ nữa. Vương sai Trần-khánh-Dư phục quân chặn đường, đốt phá được hết thuyền lương của giặc ở cửa bể Lục-hải, (thuộc huyện Hoàn-bồ, tỉnh Quảng-yên). Thoát-Hoan cạn lương, muốn rút quân về, vương phục sẵn quân ở sông Bạch-đăng, đóng cột chông ngầm dưới nước, chờ lúc thủy-triều lên ra khơi chiến, dủ cho quân giặc đuổi đến chỗ mai phục, thì nước vừa xuống, thuyền giặc vướng mắc cột chông chìm đắm rất nhiều, mới thả quân mai phục ra đánh, bắt sống được Ô-mã-Nhi, và bắn chết được Trương-Ngọc, còn A-bát-Xích, Thoát-Hoan trốn được về Tàu.

Tự bấy giờ quân Mông-cổ sợ uy-danh của ngài, không dám gọi tên, chỉ gọi là Hưng-đạo-vương, và không dám sang quấy nhiễu nữa.

Khi Thoát-Hoan sang xâm thứ sau, có một tên ti-tướng là Nguyễn-bá-Linh, (tức Phạm-Nhan), có yêu thuật, biến hiện trăm chiều, vương phải lập trận cửu-cung mới phá được. Khi bắt được Bá-Linh rồi, chém thế nào cũng không chết, vương lại phải dùng đến thần kiếm chém nó mới chịu.

Vương ba thứ phụng mệnh chống nhau với quân Mông-cổ, trải lắm phen gian truân, mà vẫn vững vàng niềm không núng, cho nên về sau phá được quân giặc, lập nên công to, để cho nước Nam lại vững như cái âu vàng.

Ngài nhân có công ấy, được tiến phong làm Thái-sư thượng-phụ Hưng-đạo đại-vương. Vua tôn kính coi như đạo cha, lập ra miếu sinh-tử ở Vạn-kiếp và khắc văn bia để tỏ công đức của ngài.

Ngài thường soạn ra một quyển sách gọi là: “*Binh-pháp yếu-lược*”, để ban cho các tướng, lại lập ra trận đồ cửu cung bát quái, thần diệu vô cùng.

Khi ngài già, về trí-sĩ ở Vạn-kiếp, hưởng thọ ngoài 70 tuổi mới mất, trên từ vua cho chí các quan, dưới đến trăm họ, ai ai cũng thương tiếc.

Bây giờ mỗi năm về hôm 20 tháng tám là ngày húy nhật ngài, thiện-nam tín-nữ đến lễ bái đến Vạn-kiếp thành ra một ngày hội to.

## 11. Nguyễn-Trãi

Nguyễn-Trãi hiệu là Ước-trai tiên-sinh, cha ông ấy là Tự-khanh công, nguyên người ở huyện Phụng-ng-hơn. Ông cụ ấy hay địa-lý, mới đem tiên-phần sang táng ở làng Nhị-khê, huyện Thượng-phúc, rồi làm nhà và nhập tịch làng ấy.

Đời con là Nguyễn-Trãi, đỗ tiến-sĩ về thời nhà Hồ, làm đến Ngự-sử-đài chánh chương. Đến lúc nhà Hồ mất, ông ấy về ẩn ở núi Côn-sơn, có bụng muốn ra dẹp loạn cứu đời.

Bấy giờ có người ở làng Hoắc-xa tỉnh Sơn-tây tên là Trần-nguyên-Hãn, đi bán dầu kiếm ăn. Một bữa giờ tối, đi làng Chèm, mới vào đền Chèm nằm ngủ. Nửa đêm nghe có tiếng ông thần làng khác vào rủ ông Chèm lên châu giời. Ông Chèm nói có quốc-công ngủ trọ không đi được. Đến gà gáy ông thần kia giở về. Ông Chèm hỏi trên giời có việc gì, thì ông kia nói rằng:

- Thượng-đế thấy nước Nam chưa có chúa, có cho ông Lê-Lợi (tức Lê Thái-tổ) làm chúa, mà ông Nguyễn-Trãi thì làm bày tôi.

Trần-nguyên-Hãn nghe rõ câu ấy, chịu khó dò hỏi tìm đến nhà ông Nguyễn-Trãi, kể lại truyện ấy. Nguyễn-Trãi không tin, lại về đền ông Chèm cầu mộng, thì thấy thần báo mộng rằng:

- Việc thiên-đình bí mật lắm, không dám nói lộ ra ngoài. Có chị Tiên-Dong biết tường việc ấy, vả lại là liên bà, thì giời không trách đến, ông nên đem vàng đến đền ấy mà hỏi.

Ông Nguyễn-Trãi nghe nhờ ấy, đến cầu mộng đền bà Tiên-Dong, thì mơ thấy bà ấy gọi bảo rằng:

- Nguyễn-Trãi! Lê-Lợi làm vua, mà anh thì làm bày-tôi, anh chưa biết truyện ấy à?

Ông ấy hỏi cặn kẽ lại thì mới biết ông Lê-Lợi là người làng Lam-sơn tỉnh Thanh-hóa. Mới cùng với Trần-nguyên-Hãn vào Lam-sơn, hỏi thăm đến nhà ông Lê-Lợi. Bấy giờ Thái-tổ còn hàn vi, khi hai ông kia đến, thì ngài đang mặc cái áo cánh cộc, vai vác bừa, tay dắt bò ở ngoài đồng về. Hai ông xin vào hầu, Thái-tổ mời nghỉ lại trong nhà. Xảy gặp hôm ấy nhà có giỗ, hai ông kia xuống bếp thổi nấu, trông trộm lên nhà trên, thì thấy ngài ấy cầm giao thái thịt, đang vừa thái vừa ăn.

Hai ông bàn riêng với nhau rằng:

- Bà Tiên-Dong nói lừa chúng ta đây, có lẽ đâu khí tượng thiên-tử mà lại thế kia bao giờ?

Liên cáo từ ra về, lại đến cầu mộng đền bà Tiên-Dong, thì thấy báo

mộng rằng:

- Lê-Lợi làm vua, giời đã nhất định như thế rồi chỉ vì chưa có thiên-tinh giáng đấy thôi.

Hai ông lần sau lại đến thăm Thái-tổ, thì bấy giờ ngài đã được quyền thiên-thư. Khi ấy đang đêm đóng cửa xem sách. Nguyễn-Trãi đứng ngoài cửa dòm vào, rồi đẩy cửa, hai ông cùng vào. Thái-tổ cặp thanh gươm đi ra, hai ông cùng lạy phục xuống đất và nói rằng:

- Chúng tôi xa xôi lặn ngòi noi nước đến đây, là vì thấy ngài làm được chúa thiên-hạ, xin cho chúng tôi được theo hầu.

Thái-tổ cười lưu hai người ở lại, mưu việc khởi binh. Ông Nguyễn-Trãi lấy mỡ viết vào lá cây tám chữ: “Lê-Lợi vi quân, Nguyễn-Trãi vi thần.” Về sau sâu cắn những lá ấy rụng xuống, người ta thấy vậy cho là sự giời định, đồn rục cả lên, bởi thế nhân dân tranh nhau kéo theo về với ông ấy, quân thế mỗi ngày một thịnh.

Đến năm Mậu-tuất, mới bắt đầu ra đánh nhau với quân nhà Minh, ông Nguyễn-Trãi bàn mưu lập kế giúp vua Thái-tổ đánh hơn 20 trận. Năm Bính-ngọ, quân ta thắng trận, tiến sát đến Đông-đô, tướng nhà Minh là Vương-Thông giữ vững trong thành. Nhà Minh lại sai An-viên hầu là Liễu-Thắng và Kiềm quốc-công là Mộc-Thanh chia quân làm hai đường sang cứu Đông-đô. Thái-tổ đón đánh ở núi Mã-an, chém được Liễu-Thắng, và bắt sống được bọn Hoàng-Phúc, Thôi-tụ hơn 300 người, Mộc-Thanh phải trốn về nước, Vương-Thông mở cửa thành ra hàng.

Tự bấy giờ hai nước lại thông hiếu, nội là tờ giao thiệp với Tàu, do tự một tay Nguyễn-Trãi cả.

Vì có công được phong quốc-tinh, gọi họ là Lê, mà thăng lên làm Vinh-lộc đại-phu nhập-nội-hành-khiển, coi cả việc trong ba quân và được phong là Tế-văn-hầu.

Trần-nguyên-Hãn thì được phong làm quốc-công, đến khi mất, lại được phong làm thành-hoàng, bây giờ còn đền thờ ở làng Hoắc-xa.

Nguyễn-Trãi văn chương hùng dũng, có khí-lực, phàm các bài như là văn “*Bình ngô đại-cáo*” cùng là văn bia “*Lam kinh thần-đạo*”, có chép vào bộ thực-lục, là tự tay ông ấy soạn ra cả.

Tính ông ấy điềm đạm, không ham mê danh lợi, thường có chí muốn từ chức về nhà. Ông ấy có một trại riêng ở tỉnh Bắc, gọi là Tiêu-viên. Đến thời vua Thái-tôn, Nguyễn-Trãi trí sĩ về ẩn ở trại ấy. Cuối đời Thiệu-bình, vua Thái-Tôn nhân đi chơi qua tỉnh Bắc, vào chơi trại Tiêu-viên, Nguyễn-Trãi đi vắng, có người nàng hầu là Thị-Lộ, ở nhà pha chè hầu vua, chiều hôm ấy vua mất, nịnh-thần cho là Thị-Lộ giết vua, vì thế cả nhà ông

Nguyễn-Trãi phải chịu tội chu di.

Khi trước đánh nhau ở núi Mã-an, Nguyễn-Trãi bắt được thượng-thư nhà Minh là Hoàng-Phúc, Hoàng-Phúc nguyên giỏi nghề địa-lý, khi ở nước Nam, bao nhiêu chỗ kiêu đất hay, đã biên ký lấy cả. Bấy giờ phải bắt, Nguyễn-Trãi có ý khinh bỉ. Hoàng-Phúc cười bảo rằng:

- Mả tổ nhà tôi có Xá-văn-tinh, chẳng qua chỉ phải nạn trong năm ngày là cùng, không đến nỗi như ông có đất phải chu di tam tộc.

Bấy giờ cũng cho nhời ấy nói xằng, về sau quả nhiên Hoàng-Phúc được tha về, mà Nguyễn-Trãi thì mắc nạn, mới biết nhời ấy là nghiêm.

Tục truyền khi ông Nguyễn-Trãi chưa đỗ, dạy học ở làng Nhị-kê, thường có sai học-trò dọn cỏ một cái gò ở ngoài đồng để làm trường dạy học. Đêm hôm trước, mơ thấy một người đàn bà vào kêu rằng: “Tôi, mẹ yếu con thơ, xin ông khoan cho ba ngày để tôi đem con tôi đi chỗ khác, rồi ông sẽ sai dọn cỏ.” Sáng sớm, thức dậy ra đồng xem thì học-trò đã dọn sạch rồi, và bắt được hai cái trứng rắn.

Ông Nguyễn-Trãi hỏi học-trò thì nói rằng:

- Ban nầy con thấy con rắn ở trong đám cỏ rậm, đánh nó đứt đuôi mà chạy mất, chỉ bắt được hai cái trứng ở đây.

Nguyễn-Trãi nghĩ con rắn hẳn là người đàn bà báo mộng hôm qua, phàn nàn không ngăn nào, mới đem hai cái trứng về nhà nuôi cho nở. Đêm hôm ấy, đang ngồi xem sách, có con rắn trắng leo lên xà nhà, rỏ máu trứng vào chữ đại (代) trong trang sách, thấm xuống ba tờ giấy. Nguyễn-Trãi biết là nó tất báo oán đến ba đời, đến khi hai cái trứng kia nở ra, thì một con, dài một con ngắn, Nguyễn-Trãi sai đem thả xuống sông Tô-lich ở cạnh làng.

Khi Nguyễn-Trãi đã hiển đạt. Một bữa, ở trong triều về, đi qua hàng chiếu, giới đã tối sâm sẫm, gặp một đứa con gái đi bán chiếu, nhan sắc tuyệt trần, Trãi đọc lên bốn câu thơ để hỏi đùa.

Thơ rằng:

*Ả ở đâu đi bán chiếu gon?*

*Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn?*

*Xuân thu chừng độ bao nhiêu tuổi?*

*Đã có chồng chưa được mấy con?*

Người con gái ấy cũng đọc lên một bài đáp lại:

Thơ rằng:

*Tôi ở Tây-hồ bán chiếu gon,*

*Nỗi chi ông hỏi hết hay còn?*

*Xuân thu tuổi mới giảng tròn lẻ,*

*Chồng còn chưa có, có chi con!*

Nguyễn-Trãi thấy nói đối đáp ngay được, lấy làm khoái chí lắm. Hỏi tên thì nói tên là Thị-Lộ, mới đem về cho làm nàng-hầu.

Vua Thái-tôn nghe tin nàng ấy đẹp và hay chữ, sai làm nữ-học-sĩ, thường thường cho ra vào trong cung.

Khi vua vào chơi nhà ở Tiêu-viên, thì ông Nguyễn-Trãi đi vắng, chỉ có Thị-Lộ ở nhà. Nàng ấy pha nước dâng lên vua xơi, vua uống phải thì mất ngay. Nguyên Thị-Lộ tức là con rắn hiện hình ra làm người để nó báo thù. Khi nó pha nước thì đã nhả cái nọc độc vào trong chén nước, cho nên vua trúng độc mà mất.

Các quan bắt con Thị-Lộ vào tra hỏi, thì nó xưng là ông Nguyễn-Trãi sai nó, định-thần mới chiếu luật bắt tội nhà ông ấy, mà đem con Thị-Lộ vào cũi đem quăng ra sông Nhị-hà, thì nó lại hóa ra con rắn ở trong cũi chui ra đi mất.

Lúc nhà ông Nguyễn-Trãi đang phải nạn, có người vợ lẽ đang có mang, chạy trốn xuống ở tỉnh Nam. Về sau sinh được người con giai đặt tên là Anh Võ. Ở đã lâu, chủ nhà mới biết là vợ lẽ ông Nguyễn-Trãi.

Đến thời Quang-thuận, vua Thành-tôn thương ông ấy mắc phải tội oan, và phong tặng làm Thái-sư Tuệ-quốc-công. Sai tìm dòng dõi nhà ông ấy, thì mới tìm thấy Anh-Võ. Vua phong quan chức cho Anh-Võ, để nối dõi nhà ông ấy. Đến sau Anh-Võ sang sứ Tàu, đi qua hồ Động-dinh, bỗng thấy con rắn ở dưới nước bò lên, rồi thì phong ba nổi lên ầm ầm. Anh-Võ biết lại là con rắn trước báo oán, mới khẩn rằng: “Xin cho trợn việc nước, rồi đến lúc giờ về sẽ xin chịu tội.” Khẩn vừa đoạn thì sóng gió lại yên. Đến lúc việc sứ xong giờ về, quả nhiên lại nổi cơn sóng gió, đắm thuyền mà mất.

Vua Thái-tôn truy tặng cho làm Thái-sư Sùng-quốc-công.

Trong năm Cảnh-hưng, triều đình duyệt lại các sắc phong của ông khai-quốc công-thần. Khi duyệt đến sắc ông Nguyễn-Trãi, thì quan thị lang là ông Lê-quí-Đôn xé đạo sắc ấy ra nói rằng:

- Bọn loạn-thần tặc-tử, còn để cáo sắc làm gì nữa.

Nói vừa buông nhời, bỗng nhiên ngã gục ngay xuống, rồi thấy hai tên lính bắt đi, đưa đến một chỗ đền đài, tường đều xung quanh, có các cây cổ thụ hàng mười ôm. Trong đền có vài chục chiếc y. Ở mé hữu có một tấm sập, trên sập có một ông quan ngồi, đầu đội mũ, mình mặc áo bố-tử. Lính hầu xúm xít xung quanh. Hai tên lính bắt ông Lê-quí-Đôn quì ở dưới thềm, rồi ông quan ngồi trên sập thét lên rằng:



- Ta là Tể-văn-hầu đây, người là sơ học tiểu-sinh, sao dám bĩ báng người có công tiền-triều, tội người đáng chết!

Lê-quí-Đôn ngồi nín lặng, không dám ngẩng mặt lên nhìn. Bên cạnh có người đội khăn lượt mặc áo xanh, kêu van thay cho Lê-quí-Đôn, ông quan lại nói rằng:

- Công danh sự nghiệp của ta, không thềm so sánh với người, người đừng tưởng người đỗ Bảng-nhữn mà đã khinh người, cho người về mà thử xem bài “*Bình-ngô đại-cáo*” của ta, nếu người làm hay hơn được bài ấy, thì xé sắc của ta cũng phải.

Lê-quí-Đôn tỉnh dậy, kinh hãi lắm, lập tức viết lại sắc của ông Nguyễn-Trãi. Vì thế sắc của công-thần không ai phải tước cả.

## 12. Trịnh-Kiểm

Trịnh-Kiểm người làng Sóc-sơn, huyện Chân-phúc, tỉnh Thanh-hóa. Khi còn hàn vi, nhà nghèo lắm, mà thờ mẹ rất hiếu. Mẹ tính hay ăn thịt gà, mà nhà thì không có, ngày nào cũng phải ăn trộm một con gà của láng-giềng để nuôi mẹ. Láng-giềng ai cũng ghét, một bữa nhân ông ta đi chơi vắng, bắt mẹ ông ta ném xuống vực Tôm ở cạnh làng, để khỏi phải ăn trộm gà nữa. Không ngờ lòng giời run rủi, chỗ vực ấy là một huyệt to. Đêm hôm ấy, giời nổi cơn mưa gió nhớn, rồi vực ấy bỗng nổi đất lên thành mộ. Về sau có người địa-lý Tàu xem ngôi mộ đất ấy, nói rằng: “Ngôi đất này phát ra không phải đế, cũng không phải bà, mà có quyền nhất cả thiên-hạ; truyền được tám đời, rồi vạ tự trong nhà sinh ra.”

Trịnh-Kiểm tự khi mẹ mất, đi lơ bờ kiếm ăn, nấn ná sang Ai-lao, ở chăn ngựa cho đức Triệu-tổ đương làm Điện-tiền tướng-quân, rước con cả vua Cung-đế nhà Lê là vua Trang-tôn chạy sang Ai-lao, tìm kế khôi phục, cho nên ở bên ấy.

Một hôm, đang đêm Triệu-tổ đứng dậy mở cửa ra sân, trông xuống dưới trại, thấy có hai khối tinh đỏ đòng đòng, tựa hồ hai bó đuốc, sai người đánh đuốc xuống xem cái gì, thì té là Trịnh-Kiểm đang ngủ ở chỗ ấy, hào quang từ trong mắt ánh ra. Triệu-tổ lấy làm kỳ, gọi lên hỏi truyện, thì ứng đối giỏi giang, tài đảm hơn người.

Triệu-tổ thấy người có tướng lạ, biết không phải người tầm thường, đem lòng yêu mến, cử lên làm tướng bộ-hạ và gả con gái là nàng Ngọc-Bảo cho Trịnh-Kiểm.

Tự khi ấy, Trịnh-Kiểm theo Triệu-tổ đi đánh giặc, lập được nhiều công trạng to, Triệu-tổ lại càng kính trọng lắm, cử lên làm đại-tướng, sai đốc binh ra đánh Nghệ-an, dần dần tiến ra đến Thanh-hóa khôi phục được Tây-đô.

Đến khi Triệu-tổ mất bao nhiêu quyền chính của ngài, vua Trang-tôn giao phó cả về tay Trịnh-Kiểm, Trịnh-Kiểm có quyền to tự đấy.

Trịnh-Kiểm tuy người võ, nhưng mưu trí hơn người, giúp vua Trang-tôn, đánh nhau với nhà Mạc, lập lên công trạng, được tiến vị phong làm Thái-sư, Dực-quận-công, sau lại thăng làm Lang-quận-công. Đến đời con là Trịnh-Tùng lại sắc xảo lắm, giúp vua Anh-tôn phá được quân nhà Mạc ở cửa bể Thần-phù, dần dần tiến binh ra thành Thăng-long, bắt được Mạc-mậu-Hiệp, đem lại được giang sơn cho nhà Lê, được tiến phong làm Bình-an vương.

Từ bấy giờ con cháu họ Trịnh, đời đời tập phong tước vương, quyền chính lẫn cả thiên tử. Trải 200 năm, tám đời truyền kế nhau, đến đời Trịnh-

Khải bị Bắc-bình-vương giết mất, bấy giờ mới hết.

### 13. Lương-hữu-Khánh

Chi họ Lương ở Thanh-hóa, phong phú có tiếng nhất ở vùng ấy. Tổ họ ấy khi xưa sinh được ba con giai, thành ra ba chi. Đang khi cuối đời nhà Trần loạn lạc, một chi xiêu dạt sang Tàu, ở ngụ tỉnh Vân-nam. Có người làm nên, đời đời được tập phong tước vương. Một chi thiên ra ở xã Tào-sơn huyện Ngọc-sơn, cũng kế thế đăng khoa. Còn có một chi thì ở xã Hội-trào, huyện Hoảng-hóa, sinh ra ông Lương-đắc-Bằng, đỗ Bảng-nhân trong thời Cảnh-thống đời vua Hiến-tôn nhà Lê.

Lương-đắc-Bằng vì có người họ ở Tàu, mới mua được nhiều thứ sách quý, cho nên học giỏi về nghề lý số. Ngoài 50 tuổi, chưa có con giai, chỉ có người vợ lẽ có mang được 3 tháng. Khi gần mất, dặn vợ lẽ rằng:

- Nếu mai sau sinh được con giai, thì tất nó làm nên công danh sự nghiệp, tỏ rạng cửa nhà. Khi nào con nhớn, thì nên cho đến học ông Trạng Trình ở huyện Vĩnh-lại, thì mới giữ được nền nếp nhà ta.

Nói đoạn thì mất. Về sau quả người vợ lẽ sinh được con giai, mới đặt tên là Hữu-Khánh.

Hữu-Khánh thông minh sớm, mười tuổi đã biết làm văn; mà sức ăn cực khỏe, thường ăn gấp ba bốn phần người thường mới no. Mẹ lắm khi nhin đói để con ăn.

Nhà ông ấy nghèo, mới bảo với mẹ rằng:

- Cha tôi khi xưa làm quan thanh liêm, đến nỗi con cháu không đủ cơm cháo mà ăn, vậy mẹ cho tôi đi nơi khác, tùy đường kiếm ăn, kéo để phiền đến bụng mẹ.

Mẹ buồn rầu nói rằng:

- Mẹ con không nuôi được nhau, đến nỗi để con đi tha phương cầu thực, mẹ lấy làm đau xót ruột lắm.

Nói thế rồi, ứa hai hàng nước mắt. Ông ấy từ mẹ đi ra, sang các nhà học-trò bên cạnh huyện ngâm thơ làm phú để độ thân.

Một khi đi qua bến đò sông Tam-kỳ, gặp 5,6 nhà sư tự đám chay về, mang một cái đầy có 100 phẩm oản. Ông ấy từ nói rằng:

- Học-trò nghèo nhin đói đã mấy hôm nay, may gặp được Đại-bồ-tát, tưởng là có bụng bố-thí làm sao, lại bủn xỉn cho được vài phẩm oản, thì ăn chả bổ dính mồm.

Có một nhà sư già cười nói rằng:

- Thầy kia đã gọi là học-trò, thì thử làm một bài thơ “Học-trò đi thuyền chung với nhà sư”, hễ sang khỏi sông mà xong bài thơ, thì có bao nhiêu

oản xin biểu cả.

Ông ấy ngồi trong thuyền, ngâm ngay một bài thơ như sau này:

*Một pho kinh sử bộ kim-cương,  
Đây đẩy cùng thuyền khéo một đường!  
Trong hội cổ đàm người thảo thích;  
Trên ngôi đài-các tổ nghênh ngang.  
Truyện xưa người vẫn cầm Hàn-Dũ,<sup>[8]</sup>  
Việc trước ta còn oán Thủy-hoàng.<sup>[9]</sup>  
Gặp gỡ mấy may rồi lại biệt,  
Kẻ tròn quả phúc, kẻ vênh xương.*

Chưa sang khỏi đò đã vịnh xong bài thơ. Nhà sư mừng rỡ, giốc cả đẩy oản ra cho ông ấy. Ông ấy ngồi ngay đầu thuyền ăn một lúc hết 80 phẩm oản. Người trong thuyền ai cũng ngạc nhiên, nhà sư lấy làm kỳ dị, lại tặng thêm một quan tiền và nói rằng:

- Thầy có tài như thế, nay tuy còn ở trong trần ai, nhưng tất có ngày làm nên hách dịch. Sư nghèo này xin dâng một bữa, ngày sau có đặc chí, đánh dẹp đốt phá ở đâu, thì xin chữa những nơi chùa chiền ra, mới là ân huệ.

Sang khỏi đò, ông ấy từ bọn sư đi rồi. Bấy giờ đang lúc Lê, Mạc đánh nhau, dân xã điêu tàn, ông ấy đi đến đâu không kẻ nào nhìn đến, có khi ba ngày mới được ăn một bữa, thường vẫn phải làm mướn kiếm ăn.

Một buổi, sớm đến làng Vĩnh-trị, gặp một bà già ra chợ, gọi người thuê làm ruộng hoang. Hỏi mấy mẫu, thì bà già đưa đến chỗ ruộng sâu, trở ra bảo rằng:

- Chỗ ruộng kia nước sâu, mà cỏ mọc lùm tùm, ước chừng năm mẫu.

Ông ấy bảo rằng:

- Bà cụ về nhà, thối cơm độ mười người ăn, và đem sẵn tiền gạo thuê công đến bờ ruộng này, để tôi gọi giúp người làm cho.

Bà kia y nhời ấy giở về làm cơm. Ông ấy mới cầm một con dao to lợi xuống ruộng dọn cỏ, chưa đến buổi trưa, đã dọn quang cả 5 mẫu ruộng. Dọn xong, nằm ngủ dưới gốc cây, tiếng ngáy như sấm.

Một lát, bà già sai người nhà đem cơm đến, gọi ông ấy thức dậy, ông ấy ăn một lúc, hết cả hai mâm cơm, rồi lấy tiền gạo mà đi.

Chúng tưởng là thần, dần dần mới biết là con quan Bảng-nhân ai nấy phàn nàn không ngăn nào.

Đến năm 18 tuổi, nhớ nhời cha dặn, mới đến học quan Trạng Trình. Bấy giờ học-trò quan Trạng hơn 3.000 người, duy có ông Kế-Khê là hay chữ nhất trường, khi ông Hữu-Khánh đến học, mới làm ba kỳ văn, đã đề lên

ông Kế-Khê.

Trình tiên-sinh vốn là học-trò ông Lương-đắc-Bằng khi xưa, nay thấy con thầy đến học, hay chữ như thế, có bụng quý trọng trăm phần, thường tư cấp cho để mà học.

Bấy giờ nhà Mạc mở khoa thi, ông Lương-hữu-Khánh vốn không có bụng làm quan với nhà Mạc, nhưng ngặt vì nhà nghèo và còn mẹ già, bắt-đắc dĩ phải ra thi. Khi thi thì bốn kỳ cùng thứ nhất, mà vẫn ông Kế-Khê thì đỗ thứ nhì. Đến lúc hồi phách, <sup>[10]</sup> quan Tràng thấy ông ấy là người Thanh-hóa mới đánh xuống thứ nhì mà ông Kế-Khê lên đỗ thứ nhất (vì bấy giờ tự Thanh giở vào thuộc nhà Lê, tự Ninh-bình giở ra thuộc về nhà Mạc). Ông Hữu-Khánh thấy xử thiên tư làm vậy, mới bỏ không vào thi đình nữa, vì thế ông Kế-Khê mới đỗ Trạng-nguyên.

Khi ấy, Hữu-Khánh trọ ở hàng Bông, một hôm để dành được 6,7 đấu gạo, và hai lọ nước mắm. Thối cơm rồi giải chiếu xuống đất ngồi ăn, rung đùi đắc chí, cười vang lên nói rằng:

- Thế này chẳng kém gì mâm cơm nhà quan!

Xảy có một ông quan tự trong triều trở về, nghe thấy tiếng cười nói, dừng xe lại nhìn, lấy làm kỳ dị, cho 5 quan tiền, rồi tiến lên với vua nhà Mạc.

Vua Mạc sai sứ đến nhà trọ, khuyên dụ trăm triệu, Hữu-Khánh nhất định không ra làm quan. Tự bấy giờ lại đi bơ vơ, nay đây mai đó, con một nơi, mẹ một nẻo, trông cảnh động lòng, lắm phen chua xót.

Nhà Lê bấy giờ khởi quân ở phủ An-tràng, vốn nghe tiếng ông Hữu-Khánh là người tài lạ, nhiều khi muốn sai người ra đón về giúp, nhưng vì đường xá xa khơi, đi lại gian hiểm, cho nên chưa có dịp nào mà đem về được.

Vài năm sau, Kế-Khê được cầm quyền chính nhà Mạc, sai người tìm Hữu-Khánh thì gặp cả hai mẹ con ở huyện Lục-ngạn tỉnh Bắc đem về, Kế-Khê nghĩ tình bạn, lưu ở trong nhà, cung đón tử tế, và khuyên dỗ cho ra làm quan, nhưng Hữu-Khánh biết cơ nhà Lê sắp trung hưng, có ý muốn phò nhà Lê, cho nên không ra làm quan với nhà Mạc.

Kế-Khê biết ý Hữu-Khánh, muốn đuổi đi nhưng không nói ra, nhân một bữa ở trong triều về, giả tảng nói rằng:

- Tôi hôm nay phụng chỉ làm một bài phú, nhưng việc quan bận bộn lắm, nhờ anh làm giúp cho tôi.

Nói rồi, thò tay vào túi, lấy ra một mảnh giấy đầu bài, đưa cho ông Hữu-Khánh, Hữu-Khánh thấy đầu bài: “*Tần quan văn kê*”, <sup>[11]</sup> biết ý là muốn

đuổi mình, lập tức dẫn mẹ đi lên ra bến Hoàng-liệt về Thanh-hoá trước, mà mình thì mật đưa một bài biểu bào An-tràng, hẹn ngày ấy thì đem thuyền ra đón tại cửa Thần-phù.

Được vài hôm, làm xong bài phú, để trên đầu giường, rồi lên ra đi gấp đường xuống cửa bể Thần-phù. Khi Kế-Khê ở trong triều giở về, đến nhà học, không thấy ông Hữu-Khánh đâu, cho đi hỏi khắp các nhà anh em bạn học, cũng không thấy tin tức gì cả. Xảy thấy trên đầu giường có bài phú, trong bài có câu rằng: *“Lưu khách hóa ra đuổi khách đi.”* Kế-Khê ngạc nhiên nói rằng:

- Anh này đi mất, triều-đình còn là nhiều về anh này!

Lập tức sai quân đi các ngả đuổi theo bắt về. Khi Hữu-Khánh đến cửa Thần-phù, thì vua Lê đã sai năm chiếc thuyền chiến và 1.000 quân ra đón. Hữu-Khánh vừa bước chân xuống thuyền thì quân nhà Mạc đuổi theo vừa đến.

Hữu-Khánh ngồi trong thuyền gọi to lên bảo rằng:

- Gửi nhờ các anh, về ta ông Kế-Khê, ngày sau ta sẽ xin đền giả ơn.

Khi về đến cửa phủ An-tràng, Vua Lê mừng rỡ lắm, cử làm Thị-lang, cho tham tá việc quân cơ. Hữu-Khánh bày ra mưu mẹo gì cũng đắc cả, vua tin dùng hơn cả mọi người, sai cầm riêng một đạo quân đi dẹp giặc. Hữu-Khánh nhớ đến nhờ nhà sư khi trước, phàm các trận mạc, thấy chỗ nào đồn giặc đóng cạnh chùa chiền, thì rút quân lảng đi không đánh, để tránh sự phá hại nhà chùa.

Về sau làm đến Binh-bộ thượng-thư, công nghiệp hiển hách vào bậc danh-thần đời trung-hưng.

## 14. Phạm-đình-Trọng

Phạm-đình-Trọng người làng Kinh-dao, huyện Giáp-sơn, tỉnh Hải-dương.

Tục truyền ngài là thần Ngũ-hồ giáng sinh.<sup>[12]</sup> Năm 26 tuổi, đỗ Tiến-sĩ, quan trường là Nguyễn-trọng-Quát xem văn của ngài, đã mừng cho triều-đình được người kinh-luân giỏi.

Năm Cảnh-hưng thứ nhất (1740), được cử làm Giám-sát ngự-sử, một khi ở kinh về, ngủ trọ làng Hoàng-xá, huyện Kim-thành, trông thấy một người nằm núp trong đồng củi, bắt ra tra hỏi, thì là tướng giặc tên quận Gió, ngài bắt đem nộp, được thưởng 300 quan tiền.

Năm Tân-sửu, ngài làm Hiệp-đồng, kiêm chức Phòng-ngũ-sử, phải đi dẹp giặc, bắt được hai tướng giặc là ngụy Cừ và ngụy Tuyền ở núi Ngọa-vân, đóng củi đem về kinh-đô, được phong làm Công-bộ Hữu-thị-lang.

Bấy giờ trong nước lắm giặc, mà kiệt hiết nhất là quận He tên chữ là Nguyễn-hữu-Cầu, quận He là người làng Lôi-đồng, huyện Thanh-hà có sức khỏe như thần, mỗi khi lâm trận, chỉ cầm hai thanh siêu-đao phi ngựa xông vào, quan quân tan giã, không ai địch nổi, đã có tiếng gọi là Hạng-võ nước Nam. Tục truyền là thần cá bể sinh ra, cho nên lại tài nghề lặn nước.

Quận He quấy nhiễu vùng đông-nam, quan quân đánh mãi không trừ được. Ngài phụng mệnh đốc quân thủy; đóng ở bờ sông cạnh núi Đồ sơn, huyện Đông-triều. Một hôm, ngài đang ngồi trong thuyền, không ngờ quận He lặn ngầm dưới nước, nhảy vọt lên thuyền, giết chết một tên lính. Ngài vội vàng đóng cửa thuyền hô to lên rằng:

- Tao đã chém được quận He rồi đây!

Chúng tưởng thực xô cả lại, quận He phải nhảy xuống sông, núp dưới bánh lái. Ngài sai quân cầm giáo đâm xía xuống, quận He chạy mất.

Lại một hôm, ngài chỉ có một chiếc thuyền đóng ở bến Triều, bất-thình-linh giặc kéo 3 thuyền đến vây lại đánh, ngài xuất thủ-hạ đánh hăng sức quá, giặc phải bỏ mà chạy, vua khen là mưu dũng hơn người, phong làm Giao-lĩnh hầu.

Năm Nhâm-tuất, vua triệu ngài về sai làm chủ khảo thi hội. Thi xong, lại sai cùng với Tuần quận-công tiến quân đi đánh giặc. Vua hỏi những cơ mưu đánh giặc, ngài tâu tường tận lắm, vua mừng mà thưởng cho 3 cấp và 300 quan tiền.

Năm Giáp-tí, quận He chiếm giữ núi Đồ-sơn ở phủ Kinh-môn, tán tí, tàn vàng, lừng lẫy một vùng bãi bể, tự hiệu là nhà Triều, thủ-hạ có 18 quận-



công, và bốn trăm vạn quân, thanh thế rất là hách dịch.

Ngài phụng mệnh làm Thống-lĩnh Bình-khẩu đại-tướng-quân được quyền sai phái binh mã thủy bộ các xứ Hải-dương, Kinh-bắc, Sơn-mam, An-quảng. Ngài nhận chức, coi việc đánh giặc là trách nhiệm của mình. Khi cất quân ra khỏi cửa phủ, đóng cờ ở đình Quảng-văn, rồi vào hầu hoàng-thượng ở trong đền chính. Hoàng-thượng an ủy một hồi, rồi ngự viết một đạo sắc ban cho.

Sắc rằng:

*“Trăm họ đâu cũng là binh, kho tàng đâu cũng là của, cho người tùy tiện mà làm được việc, nhất thiết giao phó cho người cả đó.”*

Ngài lạy từ đi ra, tiến binh đến thẳng núi Đồ-sơn, chiếm chỗ núi cao hạ trại, rồi dùng mẹo đánh phá, sai quân thủy chặn đường tải lương của giặc ở các cửa bể; mà ngài mang một đạo binh, đi ngầm đàng mé sau núi, chặt cây cối mở lối đi, rồi xe súng nhón lên đỉnh núi, bắn vào trong trại giặc, giặc phải trốn đi nơi khác, lại chiếm giữ mạn sông Thương ở tỉnh Kinh-bắc; đắp thành Thọ-xương, dần dần lại chiếm được hết tự bờ sông giở sang bắc.

Bấy giờ Hoàng-ngũ-Phúc (quận Việp) đang làm thống lĩnh tỉnh Bắc, đem quân đánh nhau với giặc, đánh ba trận thì thua cả ba, vì thế giặc lây lảng ra mọi nơi.

Năm Ất-sửu, ngài lại phụng mệnh đốc chiến. Một hôm, ngài đang ngồi ở mé nam bờ sông Thương, cùng với một người khách uống rượu, bàn việc binh. Giặc ở bên kia bờ sông, bắn sang một phát, chết mất một tên lính hầu. Người khách xin ngài hãy tạm lánh đi. Ngài nói rằng:

- Ba quân hay dở, quan hệ về một ông tướng, nếu mà ta lui đi, thì giặc tất kéo sang sông ngay.

Bấy giờ giặc giàn chiến-thuyền ở mé bắc; mà cắm cờ ở cửa sông để phòng quan quân tràn vào, ngài sai đắp lũy ở trên bờ sông làm kế vững bền; một mặt thì sai kéo tự trên thượng-lưu, di chuyển đường bộ kéo xuống, đến làng Đa-mai, huyện An-dũng, thủy bộ giáp hai mặt lại đánh. Giặc núng thế, muốn phá cù để chạy ra ngoài, nhưng không ngờ cù đã bị quân của ngài đóng kỹ lại từ bao giờ không sao phá mà ra được, giặc phải bỏ cả thuyền chạy lên bộ, quan quân đuổi đánh, bắt được rất nhiều.

Vua được tin mừng lắm, thưởng cho 10 lạng vàng và vài trăm thẻ bạc, để tùy ý thưởng cho tướng-sĩ. Vua lại viết bốn chữ *“Văn võ toàn tài”* ban cho.

Khi ấy lại có đám nghịch Ngũ chiếm giữ làng Ngọc-bội, đã được vài năm, thế cũng hùng dũng. Phan-phái hầu là Nguyên-Phan đem quân đi

đánh, bị giặc vây ở làng Hương-canh. Vua sai ông Quốc-cửu cầm 18 cơ binh lên đánh giải vây, đánh hơn một tháng giờ không được. Vua thấy mặt đông-bắc đã hơi yên, mới triệu ngài về sai lên dẹp mặt Sơn-tây.

Khi ngài về vào châu, vua ban cho một thanh gươm bảo rằng:

- Từ phó-tướng trở xuống, hễ ai không tuân nhời, cho phép cứ chém; còn cái áo gấm ban cho tướng trước sai đi, làm không nổi việc, cho người lên mà đòi lấy, hẹn cho 10 hôm thì phải xong việc.

Ngài cứ mang quân đi. Khi đến gần chỗ đất giặc, ngài cười voi trèo lên trái núi trông xem, thì thấy khu giặc ở có 15 ngọn đồn, liên-tiếp với nhau; mà chung quanh ngoài lũy thì toàn đồng lầy cả. Ngài mới truyền cho quân mỗi người phải mang một bó củi và một bó đuốc, nửa đêm kéo quân vào, sai ném củi xuống, đồng lầy làm đường đi, rồi phá trộm lũy vào chính trại to của giặc, phóng hỏa đốt trại, rồi thì trong ngoài đánh ập vào, đốt luôn cả các đồn khác. Giặc đánh không nổi phải tan chạy, mới giải được vây cho Phan-phái hầu.

Người ngồi trên đầu voi, thảo biểu dâng về tâu công, và sai người lại đòi áo gấm của tướng trước, rồi đem quân về châu, bấy giờ mới có 6 ngày.

Vua mừng lắm, cho ngồi ăn yến cùng một chiếu với Việp quận-công.

Vua bảo rằng:

- Nghịch Ngũ tuy nhiên đông dờ, nhưng chẳng qua chỉ là giặc giữ nhà mà thôi. Còn như nghịch He, nó còn ra vào bất trắc lắm, người phải lưu tâm mà đề phòng, vậy người nên về ngay dưới mặt đông-nam mới được.

Ngài lạy tạ, lập tức lên đường, về đến trại cũ ở làng Bối-thị huyện Vĩnh-lại, khao thưởng quân sĩ, nói phao lên rằng: cho quân vui chơi ăn uống năm ngày.

Bỗng dưng đến nửa đêm hôm thứ ba, nghe tiếng trống om sòm, thì ra ngài đã mang quân thủy đuổi đánh quận He ở ngã ba sông Tranh. Các tướng cũng kéo quân bộ ra đánh, quận He phải chạy trốn mất. Các tướng ai nấy mừng rỡ, nhưng không biết vì cớ gì mà ngài biết trước giặc đến mà đánh ngay được như thế.

Các tướng hỏi thì ngài bảo là:

- Ta mới tự kinh-đô lại đây, giặc tất có người do thám. Hôm thứ nhất, nó xem ta động tĩnh thế nào. Nó thấy ta nói phao lên cho quân ăn uống năm ngày, tất nó đề rằng quân ta trễ nhác. Sang ngày thứ hai, nó tất đem ngầm quân đến đánh quân ta, ngày thứ ba thì nó đến nơi, cho nên ta đón đường trước mà đánh. Đó là phép binh dữ cho người đến mà đánh đấy.

Các tướng ai cũng chịu là mẹo cao. Ngài lại sai đem quân chia giữ các

nơi xung yếu; và sức cho dân phải giữ giúp cho nhau, hễ có giặc phải báo quan ngay, để đem binh đến tiêu. Từ đấy thế giặc mỗi ngày một kém, dần dần quân thừa lương cạn.

Một hôm, quận He sai người cầm giấy lại trình ngài, trong giấy viết ra một câu đối rằng:

- *Ngọc tàng nhất điểm; xuất vi chúa, nhập vi vương.* <sup>[13]</sup>  
[玉藏一點出爲主入爲王。]

Ngài lập tức viết lại đối rằng:

- *Thổ tiết bán hoành; thuận giả thượng, nghịch giả hạ.* <sup>[14]</sup>  
[土截半橫順者上逆者下。]

Quận He trông thấy, vừa sợ vừa thẹn, không dám đánh nhau nữa. Mới sai người đem vàng bạc hối lộ cho người quyền-thần phủ chúa tên là Đỗ-thế-Giai, giả tiếng xin ra hàng, mà kì thực muốn dùng chước hoãn binh. Đỗ-thế-Giai nhận lễ, nói với chúa Trịnh. Chúa Trịnh tin nhờ cho hàng, và phong cho quận He làm Ninh-đông hầu, truyền đem thủ-hạ lại châu.

Phạm-đình-Trọng khăng khăng một mực xin đánh, thề không chịu cùng với giặc sống ở đời. Có quan Thự-phủ nhân có hiềm riêng với ngài, gièm pha với chúa Trịnh, để chúa Trịnh triệu ngài về kinh. Ngài thì biết cơ quận He trá hàng, mới đóng quân lại ở đồn Bôi-thị, và chiêu mộ thêm quân cường tráng các huyện Thanh-hà, Tứ-kỳ, Thượng-hồng, Vĩnh-lại, chia làm hai cơ nghĩa-binh, đặt tên gọi là cơ Thanh-kì và cơ Hồng-vĩnh, sai hai tướng thủ-hạ thống lĩnh hai cơ ấy.

Quan Thự-phủ gièm với chúa Trịnh rằng:

- Phạm-đình-Trọng chẳng khác gì Huyền-Đức, mà Thanh-kì thì là Quan-Võ, Hồng-vĩnh thì như Trương-Phi. Nay ông ta cầm đại binh ở ngoài, hoặc sinh bụng bất trắc thì làm thế nào?

Chúa Trịnh vốn tin ngài, không nói gì đến, lại đưa cho một bài thơ để ngài yên tâm.

Về sau quận He quả nhiên không ra hàng, cướp bóc vùng đông-nam lại càng những lắm. Triều-đình sai quận Côn lĩnh binh đi đánh. Khi sang qua sông Nhị-hà, đến trạm Diên-dao, bị giặc đánh lừa, bắt sống được quận Côn, chư quân tan vỡ mất cả. Giặc bắt triều-đình phải chuộc quận Côn 300 lạng bạc, Kinh-thành nhao nhác cả lên.

Chúa Trịnh lại sai ngài đi đánh. Ngài lập tức phái binh các đạo và quân nghĩa-binh tiến tiêu, đánh nhau ở Gia-phúc, Quảng-xuyên, An-ninh, Tông-hóa trận nào cũng được, giặc phải trốn đi nơi xa, dân vùng ấy được yên ổn.

Khi trước ở bến Hồng-đàm châu Vạn-ninh, là một nơi rất hiểm ở miền

bể đông. Có đám giặc Quan-lan, tụ đồ đảng giữ chỗ ấy làm sào huyệt, cướp bóc các thuyền buôn đường bể, việc buôn bán ta với Tàu động cả lại. Quan Tổng-đốc Quảng-đông, không sao trừ được, nhiều lần đưa giấy sang cho quan Tuần-phủ Yên-quảng, hợp binh tiêu giặc, đánh luôn mấy năm vẫn chưa xong. Khi ấy ngài đi tuần mặt bể đông, sai thuộc-tướng là Vinh-thọ hầu đem chiến thuyền đóng ở châu Vạn-ninh, nói phao lên rằng đánh giặc, hẹn ngày với quan Tàu để hợp tiểu. Mà ngài thì mật đem đội thuyền từ dưới núi Đề-thị, ra đường Bạch-long-vĩ, đến thẳng bến Hồng-đàm, đánh phá trại giặc, bắt được tướng đầu đảng và 7 người đồ đảng, đóng cũi nộp cho quan Tàu. Ngài thân đến chơi với quan Trấn-thủ Long-môn, người Tàu trông thấy ngài lấy làm lạ lùng, tiếc thay cho ngài lạ đại tài mà sinh về nước nhỏ, chính-nhân mà thời người quyền-thần.

Quan Tàu tâu việc ấy lên vua Tàu. Vua Tàu khen nước Nam có người giỏi, yên được cõi ngoài ven, sai quan sang ban thưởng cho ngài áo đai, trăm tấm gấm, mười lạng vàng và phong làm Thượng-thư. Chúa Trịnh cũng phong cho ngài làm Binh-bộ Thượng-thư, bởi thế gọi là Thượng-thư hai nước.

Sực lại có tin quận He quấy nhiễu các huyện Thần-khê, Thanh-lan, dân sự tàn hại. Chúa Trịnh lại sai ngài đi đánh. Ngài đi gấp đường đến huyện Ngự-thiên, đang cùng bàn mưu với quận Việp, xảy đâu giặc kéo đến vây kín làng ấy. Ngài sai chư quân giàn trận, cầm giáo trông về phía giặc. Một mặt sai quân đắp lũy. Ngài ngồi ngay trong trận thảo tờ hịch, sai đòi tướng tá lại hội. Đang khi ấy, giặc bắn chết một tên lính cầm nghiên mực, ngài sai tên khác thay vào, mà ngài thì cứ ngồi vững vàng như không, trở bảo các quân. Giặc thấy vậy không dám đến gần, phải tháo vây mà chạy. Ngài đem quân các đạo, thừa thế đuổi đánh, phá được giặc ở sông Lộng-khê (về huyện Phụ-dực). Lại đuổi đến làng An-vệ, huyện Quỳnh-côi, vây bọc được giặc hai ba từng. Quận He sai quân bó nhiều đình-liệu, nói phao lên rằng đến đêm thì đốt đình-liệu mà đánh ra, quân sĩ không ai dám chống lại, chỉ có một mặt của ngài vây mé ngoài thì giặc không dám cửa ấy.

Về sau quận He trốn về Nghệ-an, hợp đảng với nghịch Diên, quấy nhiễu trong vùng Thanh, Nghệ, ngài đem quân vào Nghệ, đốt phá được trại giặc ở làng Hưng-lâm, rồi đánh tràn vào đến Bạch-đường, Bào-giang. Ngài suất bộ-tướng là quận Trân làm tiên-phong, sai quận Viên làm hậu-quân, đuổi giặc mãi đến huyện Quỳnh-lưu, qua làng Hoàng-mai, ở đấy có một trái núi rậm, ngài đồ rằng giặc tất núp vào trái núi ấy, mới đổi tiền-quân làm hậu, hậu-quân làm tiền, sai vây bọc chung quanh dưới chân núi. Bấy giờ quận He thế lực đã kiệt lắm rồi, biết thân không còn thể nào chạy thoát, mới đến tiền-quân xin hàng.

Khi trước quận Trăn cầm tiền-quân, vốn quen nhau với quận He. Không ngờ tiền hậu mới đổi, té ra quận Viên cầm tiền-quận. Quận Viên mới sai đóng cũi giải nghịch He về Kinh-sư.

Từ đấy ngài mới thành công giờ về, được gia chức là Thiếu-bảo, phong làm Dương-võ tuyên-lực công-thần, ban cho 12 xã dân và 150 mẫu ruộng để làm ruộng thế-nghệp.

Năm Cảnh-hưng thứ 12, ngài phụng mệnh trấn thủ tỉnh Nghệ-an và châu Bố-chính. Một khi ngài đang ngồi coi việc trên phủ-đường, bỗng dưng có một con rắn to tự ngoài sân bò vào, quân sĩ toan đánh, ngài không cho đánh, thử để xem ra làm sao, thì thấy con rắn bò quanh chỗ sập ngài ngồi, rồi leo lên tràng áo ngài. Ngài cứ ngồi nghiêm nhiên không động, một lát nó lại bò xuống, rồi bò vào hồ Bán-nguyệt đi mất.

Ngài có ý buồn rầu, biết là cái điềm nó đến đón mình. Ngài mới đi khắp trong thuộc hạt, khuyên dân làm ăn yên nghiệp.

Một hôm, ngài đang nằm trong màn, đang đêm bỗng dạ to lên một tiếng, cả nhà giật mình. Hỏi có làm sao thì ngài nói rằng:

- Thượng-đế sai đòi ta về rồi.

Chúng ngạc nhiên, chưa biết thế nào. Đến ngày mừng một tháng giêng năm sau là năm Giáp-tuất, ngài mặc áo châu ra giữa phủ-đường, ngoảnh mặt về bắc lễ vọng Thiên-tử, rồi lên giường nằm, tự nhiên thiếp dần đi rồi mất.

Vua được tin thương xót vô cùng, sai quân thủy bộ hộ tống linh-cữu về làng ngài an táng, và sai quan Thượng-thư là Trần-Cảnh đến nhà dự tế.

Chúa Trịnh cũng sai Thượng-thư là Nguyễn-công-Thái đến tế, và tặng 16 chữ: “*Phủ dân, tiểu khấu, cố bản, an biên, ái quốc, trung quân, hoàn danh, cao tiết.*” Lại gia tặng chức Thái-phó, phong làm Hải quận-công thượng-đẳng phúc-thần, sai lập đền thờ ở làng Giáp-sơn.

Chúa Trịnh lại ba cho một câu đối thờ rằng:

*Cái thế anh-hùng kim cổ thiếu*

*Tại nhân công đức địa thiên tràng.* [\[15\]](#)

蓋世英雄今古少

在人功德地天長

## \*15. Đào-duy-Từ

Đào-duy-Từ người Ngọc-sơn tỉnh Thanh-hóa, cha là Đào-tá-Hán vốn dòng con hát. Khi Duy-Từ sinh ra, thông minh đĩnh dị, học thông kinh sử; làm văn hay, thuật-số, sấm-vĩ, đều tinh hiểu cả. Ra ứng hương-thi đời nhà Lê, quan trường cho là con nhà hát xướng đánh hỏng. Duy-Từ bực mình trở về. Nghe đức Thái-tổ triều Nguyễn ta có lòng yêu kẻ hiền-sĩ, nhiều người về theo, bèn quyết chí vào trong Nam.

Nghe thấy quan Thám-ly Trần-đức-Hòa ở Qui-nhân là người nhà chúa thân tín, mới đi vào Qui-nhân, ở chẵn trâu cho một nhà giàu ở Tùng-châu.

Một hôm, phú ông mở tiệc rượu, mời các danh sĩ đến uống rượu làm thơ. Xế chiều, Duy-Từ chẵn trâu về, thấy các danh-sĩ đương bàn luận, Duy-Từ cầm roi vào đứng trước án, cùng các danh-sĩ bàn luận cổ, kim, cùng là bách gia kinh sử, đều thông suốt cả; cả tiệc đều thất kinh. Phú ông lấy làm kỳ dị, mới nói chuyện với Đức-Hòa. Đức-Hòa đến hỏi truyện Duy-Từ, thấy là người học-vấn rộng, kiến thức nhiều, bèn mời đến nhà dạy học, gả con gái cho.

Duy-Từ thường ngâm bài ca *Ngọa-long-cương*, diễn ra ca quốc-âm, là có ý tự tỉ với Gia-cát-Lượng. Đức-Hòa trông thấy nói rằng: “Duy-Từ có lẽ là Ngọa-Long đời nay chăng?”

Triều đức Hy-tôn thứ 14 năm Đinh-mão, Đức-Hòa vào yết kiến, dâng bài ca *Ngọa-long-cương*, tâu rằng: “Bài ca đó là của thầy đồ dạy học nhà tôi có tên là Đào-duy-Từ làm ra.”

Đức Hy-tôn xem lấy làm lạ, lập tức cho đòi vào yết kiến.

Khi Duy-Từ vào, thấy đức Hy-tôn mặc áo trắng, đi giày xanh, đứng đợi ở cửa dịch-môn. Duy-Từ lùi lại không vào. Đức Hy-tôn biết ý, bèn chỉnh áo mũ đòi vào yết kiến. Duy-Từ trần thuyết, đức Hy-tôn cả mừng nói rằng: “Người lại đây sao muộn vậy?” Liền cho làm nha-úy nội-tán, tước Lộc-kê hầu, kiêm quản cả việc quân cơ trong ngoài, thường triệu vào hầu trong, bàn định quốc chính.

Năm Kỷ-tị, Trịnh-Tráng mưu muốn vào xâm trong Nam, bèn sai Nguyễn-khắc-Minh cầm tờ sắc-thư vào trước tấu phong đức Hy-tôn làm Thái-phó quốc-công, và giục ngài ra Đông-dô để đi đánh giặc. Đức Hy-tôn hội quần-thần lại bàn. Duy-Từ tâu rằng: “Đó chẳng qua là họ Trịnh mượn sắc mệnh vua Lê, để lừa ta ra. Nếu nhận sắc-thư mà không ra, thời kẻ kia có lẽ bẻ mình được; nếu không nhận, thời kẻ kia ắt động binh vào đánh. Đã sinh hiềm khích ra, thì không phải phúc cho đâu, Vả lại ta thành quách chứa bền, quân sĩ chứa luyện, lấy gì mà chống chế với quân thù địch. Không gì bằng hãy nhận lấy sắc-thư, cho họ không ngờ; để ta được chuyên

ý sửa sang bờ cõi cho kiên cố; rồi sau dụng kế trả lại sắc-thư, thì kẻ kia không làm gì ta được nữa.”

Đức Hy-tôn theo lời, nhận lấy sắc-thư hậu đãi sứ-giả cho về.

Duy-Từ lại khuyến đức Hy-tôn từ rầy không nộp thuế má cho họ Trịnh nữa, và tâu xin phái dân-binh đắp lũy Trường-dục, tự chân núi Trường-dục đến bãi Hạc-hải, để phòng thủ bờ cõi.

Duy-Từ lại tâu xin làm một cái mâm đồng hai đáy, để tờ sắc-thư vào giữa, rồi sắp phẩm-vật đứng trên mâm, sai Lại-văn-Khuông đem ra Đông-đô tạ ân, Duy-Từ lại nghĩ sẵn mười điều vắn, đáp, dặn Văn-Khuông trước.

Khi Văn-Khuông đến Đông-đô, Trịnh-Tráng đòi vào hỏi, Văn-Khuông biện bác không chịu khuất; Tráng cả sợ, đãi Văn-Khuông rất hậu. Văn-Khuông hiến mâm phẩm-vật, rồi lên ra về.

Đến khi Trịnh-Tráng sai tách đáy mâm, thấy có một tờ sắc-thư và một cánh thiệp đề chữ rằng: “Mâu 矛 nhi 而 vô 無 địch 腋, mịch 覓 phi 非 kiến 見 tích 跡, ái 愛 lạc 落 tâm 心 tràng 腸 lực 力 lai 來 tương 相 địch 敵.”

Tráng hỏi các bầy tôi, không ai biện ra nghĩa gì, chỉ có quan Thiệu-úy Phùng-khắc-Khoan đoán ra là chữ “*Dư 予 bất 不 thụ 受 sắc 勅*.”<sup>[16]</sup>

Tráng cả giận sai người đuổi theo Văn-khuông, thì đã đi xa rồi. Tráng muốn đem binh vào đánh, gặp khi ấy Cao-bình, Hải-dương có giặc, bèn thôi.

Năm ấy Duy-Từ lại tâu xin đem quân ra lấy Nam-bổ-chính châu, chiếm đất từ sông Linh-giang giở vào, tuyển dân đặt ra binh-thuyền 24 đội.

Năm Tân-mùi, Duy-Từ lại tâu xin đắp một cái lũy dài tự cửa bể Nhật-lệ đến núi Đâu-mâu, cao 1 trượng 5 thước dài hơn 3000 trượng, (tục gọi là lũy Thầy) tiết nhiên là một chốn hiểm yếu ngăn trong Nam ngoài Bắc.

Duy-Từ lại đặt ra phép tuyển-duyet, để kén kẻ đình tráng, lập ra phép khảo-thí, để thu kẻ nhân-tài.

Một hôm, Duy-Từ nằm mộng thấy có con hổ đen tự phương Nam chạy vào, chột lại sinh hai cánh mà bay lên được. Sực tỉnh lại thì thấy Nguyễn-hữu-Tiến mặc áo thâm, cầm quạt cánh từ ngoài vào, đứng hầu ở dưới thềm. Duy-Từ thấy người trạng mạo phi thường, hỏi bao nhiêu tuổi, thì nói là tuổi *Nhâm-dân*. Duy-Từ mới hỏi truyện, lấy làm trọng lắm, cho là hợp với mộng, rồi tiến lên làm đến Tiết-chế, tướng lược rất giỏi, ngoài Bắc-hà vẫn gọi Nguyễn-hữu-Tiến là Nam-triều hổ tướng.

Duy-Từ phụ chính 8 năm, huân nghiệp rờ rệt, có làm ra sách *hổ-tướng sử-sơ tập*, *Ngọa-long-cương ngâm*, thọ được 63 tuổi, thực là đầu bạc công

thần triều Nguyễn ta.



## **\*16. Trịnh-hoài-Đức**

Trịnh-hoài-Đức trước tên là An, tên chữ là Chi-sơn, hiệu là Cấn-trai. Tổ tiên trước là người Phúc-kiến, vốn dòng dõi họ nhà quan, đời ông tổ gặp lúc nhà Thanh mới khai sáng, không chịu theo kết bím, để tóc sang nước Nam ở đất Trấn-biên. Cha là Khánh, học giỏi, chữ đại-tự tốt, đánh cờ tướng cao, có danh tiếng ở đời bấy giờ. Triều đức Thế-tôn, khánh quyền làm chức cai-thu ở An-trường, sau thiên làm cai-đội ở trường Qui-nhân, Qui-hóa, Bản-canh, rồi mất.

Khi ấy Hoài-Đức mới lên 10 tuổi, dốc lòng chăm học, bấy giờ gặp thời buổi nhiễu-nhương, người mẹ mới đem Hoài-Đức đến ở Phiên-trấn, cho theo học ông xử-sĩ Võ-trường-Toản, học càng ngày càng giỏi.

Năm Mậu-thân, đức Thế-tổ về thu phục được thành Gia-định, Hoài-Đức bèn cùng với Lê-quang-Định ra ứng cử, được bổ làm Hàn-lâm viện chế-cáo, sang năm sau, làm quan Điền-tuấn huyện Tân-bình, khuyên dân chăm chỉ việc nông, tang. Sau lại theo làm việc bộ Hình, xét nghĩ văn án, luyện tập chính sự, càng ngày càng giỏi.

Rồi lại sung làm Đông-cung Thị-giảng, theo Đông-cung ra trấn-thủ thành Diên-khánh, (tức Khánh-hòa). Đến khi Đông-cung tiến binh ra Phú-an, Hoài-Đức dự bàn giúp việc cơ-mật.

Năm Giáp-dân, Hoài-Đức làm Ký-lục doanh Trấn-ninh, rồi lại thăng làm Hộ-bộ Hữu tham-tri. Năm Tân-dậu, Hoài-Đức coi việc thu thuế thóc ở Quảng-nam, Quảng-nghia để cấp cho quân, sau lại cùng Nguyễn-văn-Thành coi về việc Hộ. Tháng năm được thăng làm Hộ-bộ Thượng-thư (Nguyễn triều ta có lục bộ Thượng-thư bắt đầu từ đây), sung chức chính-sự, cùng với Binh-bộ Tham-tri Ngô-nhân-Tĩnh, Hình-bộ Tham-tri Hoàng-ngọc-Uẩn sang sứ nhà Thanh, đệ tờ quốc-thư, phẩm vật, và đem nộp cả ấn sách của Tàu phong cho Tây-sơn, cũng giải nộp lũ tướng giặc bể là Đông-hải vương Mạc-quan-Phù, Thống-binh Lương-văn-Canh, Lương-văn-Tài. Tháng bảy mới sang đến Hồ-môn quan; quan Tổng-đốc Lương-quảng là Giác-Là-Cát-Khánh tâu lên vua Tàu, vua Tàu truyền dụ cho đưa sứ-bộ đến Quảng-tây, rồi vào Bắc-kinh.

Khi ấy đức Thế-tổ vừa ra bình định xong Bắc-hà, lại sai Binh-bộ Thượng-thư Lê-quang-Định sang sứ cầu phong. Bọn sứ-bộ Trịnh-hoài-Đức còn đợi ở Quảng-tây, tháng tư năm Gia-long thứ hai, cả hai bọn sứ bộ cùng tự Quảng-tây đi thuyền qua Hồ-bắc đến Hán-khẩu, rồi lên bộ qua Vạn-lý tràng-thành, qua cửa Cổ-bắc, tháng tám đến sông Nhiệt-hà (thuộc Mãn-châu, các sứ bộ đời nhà Lê chưa từng đến đấy bao giờ), vào bệ kiến vua Gia-khánh ở nơi hành-tại. Rồi lại cùng với sứ Tàu sang tuyên-phong là

Án-sát Quảng-tây Tề-bố-Sâm, tự cửa Nam-quan trở về nước. Khi về lại vẫn giữ chức bộ Hộ, rồi vào làm Hiệp-trấn Gia-định, lại thăng làm Lễ-bộ, Lại-bộ Thượng-thư.

Đến năm đức Thánh-tổ lên ngôi, Hoài-Đức thường nhân việc ngăn gián tở lòng trung thành, Thánh-tổ đều nghe theo cả. Rồi lại được thăng làm Hiệp-biện đại-học-sĩ, kiêm lĩnh Lại-bộ, Binh-bộ Thượng-thư. Bấy giờ chưa có ai được thụ hàm nhất phẩm bao giờ, Hoài-Đức mới được thụ hàm Hiệp-biện là một. Khi tại chức bàn tán giúp việc quân quốc rất nhiều.

Hoài-Đức là người cẩn thận, phong độ trầm tĩnh, học vấn rộng rãi, bàn bạc điều gì vẫn giữ đại thể. Đức nghiệp văn chương ông ấy, người đời đều tôn trọng cả. Hoài-Đức có làm sách *Gia-định thống-chí*, *Cẩn-trai thi-tập*, *Bắc-sứ thi-tập*, *Gia-định Tam-gia thi-tập*.<sup>[17]</sup> Khi mất 61 tuổi, truy tặng Thiếu-phó cần-chính điện đại-học-sĩ, thực là một bậc danh-thần, trải hai triều vua đều quyển cổ cả.

## Chương thứ III CÁC BẬC DANH HIỀN

### 17. Mạc-đĩnh-Chi

Mạc-đĩnh-Chi tự là Tiểu-phu, người làng Lũng-đồng, huyện Chí-linh (Hải-dương), nguyên về dòng dõi quan Thượng-thư Mạc-hiến-Tích về triều nhà Lý, (Hiến-Tích đỗ Trạng-nguyên đời vua Trung-tôn nhà Lý, làm đến Lại-bộ Thượng-thư).

Tục truyền làng Lũng-đồng có một thung rừng rậm, cây cối bùm tùm, lắm giống hầu (con khỉ) ở. Mẹ ông ấy thường khi vào rừng kiếm củi, phải con hầu to bắt hiếp. Về nói với chồng, chồng ăn mặc giả làm đàn bà, giắt sẵn con dao sắc vào rừng, con hầu quen thói lại ra, bị ông kia chém chết bỏ thây ở đấy. Sáng mai ra xem thì thấy mối đã đùn đất lấp hết, thành một gò mả.

Bà kia từ đấy thụ thai, đủ tháng sinh ra Mạc-đĩnh-Chi, mặt mũi xấu xí, người nhỏ loắt choắt tựa như giống hầu.

Ông cha đến lúc gần mất, dặn lại táng lên mả con hầu, vì biết chỗ ấy là chỗ đất kết (ngôi mả bây giờ vẫn còn).

Mạc-đĩnh-Chi nhớn lên, năm tuổi, tư chất thông minh hơn người. Bấy giờ Hoàng-tử là Chiêu-quốc-công mở trường dạy học-trò, Đĩnh-Chi vào học. Đến năm gần 20 tuổi, là năm Giáp-thìn đời vua Anh-tôn nhà Trần, Đĩnh-Chi thi đình, văn đáng đỗ đầu cả mọi người, nhưng vua trông thấy người hình dạng xấu xa, toan không cho đỗ Trạng-nguyên. Đĩnh-Chi làm một bài phú “Ngọc-tĩnh-liên” để ví vào mình, vua mới lại cho đỗ Trạng-nguyên.

Khi Đĩnh-Chi phụng mệnh sang sứ nhà Nguyên bên Tàu, đã hẹn ngày với người Tàu đến hôm ấy thì mở cửa ải, vì gặp phải trời mưa gió sai hẹn, người Tàu đóng cửa không cho vào. Đĩnh-Chi nói tử tế xin cho mở cửa. Người Tàu đã ra một câu đối tự trên ải ném xuống, và bảo hễ đối được thì mở cửa.

Câu ra:

*“Quá quan trì, quan quan bế; nguyện quá-khách quá quan.”*<sup>[18]</sup>

Đĩnh-Chi viết ngay một mảnh giấy đối lại đưa lên:

*“Xuất đối dị, đối đối nan; thỉnh tiên-sinh tiên đối.”*<sup>[19]</sup>

Người Tàu khen có tài nhanh nhẩu, mới mở cửa ải cho vào. Khi đến cửa Yên-kinh, người Tàu thấy xấu xa, có bụng khinh bỉ. Một hôm, quan tế tướng Tàu mời vào phủ-đường ngồi chơi. Đĩnh-Chi trông thấy trên bức tường có thêu con chim-sẻ vàng đậu trên cành trúc, tưởng là con chim

thực, đứng dậy chạy lại bắt. Người Tàu cười ầm cả lên, Đĩnh-Chi xé tan ngay bức trướng ấy ra.

Chúng ngạc nhiên hỏi cố làm sao thì thưa rằng:

- Tôi có nghe người ta thường vẽ chim-sẻ đậu cành mai, không ai vẽ đậu cành trúc bao giờ. Nay Tể-tướng sao lại cho vẽ thế? Trúc là giống cây quân-tử, chim sẻ là loài vật tiểu-nhân, vẽ theo như thế, thì cho tiểu-nhân ở trên quân-tử, tôi e rằng đạo tiểu-nhân mỗi ngày thịnh lên, mà đạo quân-tử mỗi ngày mòn đi, nên tôi trừ giúp cho thánh-triều đẩy thôi.

Chúng chịu là biện bác có lẽ.

Đến khi vào chầu, nhân có ngoại-quốc dâng một đôi quạt quý. Vua sai Đĩnh-Chi và một người sứ Cao-ly, mỗi người đề một bài tán vào quạt.

Sứ Cao-ly làm xong trước.

Nhờ tán rằng:

*“Uẩn long trùng trùng, Y-Doãn, Chu-Công, Vũ tuyết thê thê, Bá-Di, Thúc-Tề.”*<sup>[20]</sup>

Bấy giờ Mạc-đĩnh-Chi chưa nghĩ ra ý tứ làm sao, nhác trông sang quản bút bên kia viết, biết là nhờ nhẽ như thế, mới suy ra mà đề một bài như sau này:

*“Lưu kim thước thạch thiên địa vi lô; nhĩ ư tư thời hề, Y Chu cự-nho! Bắc phong kì lương, vũ tuyết tái đồ; nhĩ ư tư thời hề Di, Tề ngã-phu; Y! dụng chỉ tác hành, xả chi tắc tàng, duy ngã dữ nhĩ hữu thị phù?”*<sup>[21]</sup>

Đề xong dâng lên, vua Tàu cầm bút khuyên chữ Y, phê rằng: *“Lưỡng quốc trạng-nguyên”* (Nghĩa là trạng-nguyên hai nước).

Thường khi cười lừa đi đường, chạm phải ngựa của người Tàu. Người kia đọc lên một câu đối rằng:

*“Súc ngã kị mã, Đông-di chi nhân dã! Tây-di chi nhân dã!”*<sup>[22]</sup>

Đĩnh-Chi ứng khẩu đối rằng:

*“Át dư thừa tư, Nam phương chi cường dư! Bắc phương chi cường dư!”*<sup>[23]</sup>

Lại thường đối đáp với người Tàu, Tàu ra rằng:

*“An, nữ, khứ; thi nhập vi gia.”*<sup>[24]</sup>

Đối rằng:

*“Tù, nhân xuất; vương lai thành quốc.”*<sup>[25]</sup>

Người Tàu phê rằng:

- Con cháu về sau, tất có người làm đến đế vương, nhưng hiềm về chữ quốc (國) đơn, thì nước không được tràng cửu mấy nổi.

Lại ra:

“*Nhật hỏa vân yên; bạch chủ thiêu tàn ngọc thỏ.*”<sup>[26]</sup>

Đối:

“*Nguyệt cung tinh đạn; hoàng hôn xạ lạc kim-ô.*”<sup>[27]</sup>

Người Tàu phê rằng:

- Con cháu về sau, tất có người cướp nước. (Mạc-đăng-Dung giết vua Lê cướp nước).

Lại ra:

“*Li, vị, vông, lường, tứ tiểu quỷ.*”<sup>[28]</sup>

魑(si)魅(mi)魍(vông)魍(lượng)四小鬼

Đối:

“*Cầm, sắt, tì, bà, bát đại vương.*”<sup>[29]</sup>

琴瑟琵琶八大王

Tàu phê rằng:

- Đời sau làm được phúc-thần, hưởng người ta tế bái (Về sau quả nhiên làm thành-hoàng làng Cổ-trai).

Lại ra:

“*Điều tập chi đầu đàm Lỗ-luận: Tri chi vi tri chi, bất trí vi bất tri, thị tri.*”<sup>[30]</sup>

Đối:

“*Oa minh trì thượng độc Châu-thư; Lạc dữ tiểu lạc nhạc lạc dữ chúng lạc nhạc, thực lạc?*”<sup>[31]</sup>

Lại ra:

“*Lạc-thủy thần-qui đan ứng triệu, thiên số cửu, địa số cửu, cửu cửu bát thập nhất số, số số hỗn thành tam đại đạo, đạo hợp Nguyên-thủy thiên-tôn, nhất thành hữu cảm.*”<sup>[32]</sup>

Đối:

“*Kì-sơn minh phụng lường trình tường, hùng thanh lục, thư thanh lục, lục lục tam thập lục thanh, thanh thanh ưởng triệt cửu trùng thiên, thiên sinh Gia-tĩnh hoàng-đế, vạn thọ vô cương.*”<sup>[33]</sup>

Một khi bà Hoàng-hậu ở Tàu mất, vua Tàu sai ông Mạc-đĩnh-Chi vào đọc văn-tế. Đến lúc quì xuống cầm bản văn đọc thì chỉ thấy một tờ giấy trắng, có bốn chữ *nhất* (一) mà thôi. Đĩnh-Chi không nghĩ ngợi gì, đọc ngay rằng:

“*Thanh thiên nhất đoá vân, hồng-lô nhất điểm tuyết, ngọc uyển nhất chi*

*hoa, giao-trì nhất phiến nguyệt. Y! Vân tán, tuyết tiêu, hoa tàn, nguyệt khuyết.”<sup>[34]</sup>*

Bài văn ấy còn chép vào sử Tàu. Người Tàu ai cũng chịu tài ứng biến nhanh.

Tục truyền rằng Mạc-đĩnh-Chi ở Tàu, ai cũng chịu là người tài, mà xét đến tướng mạo, thì không có gì làm quý cách, mới cho người rình, lúc đi đại-tiện thấy tiện ra hình vuông, mới biết có ẩn tướng ở đấy.

Đến lúc đi sứ về, người Tàu lại theo sang xem địa-lý, xem đến ngôi mộ thân phụ ông ấy, chịu là ngôi đất hay và có nói rằng ngôi mộ ấy hình thế rất đẹp, chỉ hiềm không có nước tụ, thiếu mất thổ-thủy, cho nên quý mà vẫn nghèo.

Đĩnh-Chi làm quan liêm quá, vua Minh-tôn biết tính ông ấy; thường sai người đem 10 quan tiền, rình lúc tối bỏ vào cửa nhà ông ấy. Sớm mai, Đĩnh-Chi vào tâu ngay với vua, xin bỏ tiền ấy vào kho.

Vua bảo rằng:

- Tiền ấy không có ai nhận, thì cho người cứ việc mà tiêu.

Bấy giờ Đĩnh-Chi mới lấy, đại để thanh liêm như thế cả. Đến triều vua Hiến-tôn, làm nên đến chức Tả-bộ-xạ (Tể-tướng). Văn-chương lưu truyền lại về sau rất nhiều, mà bài nào cũng vui thích cho tai mắt người ta cả. Vả lại có đức hiền-hậu, cho nên để phúc mãi đến đời con cháu. Con ông ấy là Khản, Trực, cũng làm đến Viên-ngoại-lang. Cháu là Địch, Toại, Viễn, cùng có quyền thế làm quan đương lúc nhà Minh cai trị. Đời cháu chắt thiên sang ở làng Cổ-traí huyện Nghi-dương, thì có Đãng-Dung là cháu bảy đời ông ấy làm vua nhà Mạc.

Nhà Mạc lên làm vua, truy phong Đĩnh-Chi làm Huệ-việt linh-thánh đại-vương, bây giờ ở làng ấy còn thờ làm phúc-thần.

## 18. Chu-văn-An

Tiên-sinh húy là Văn-An, tự là Linh-triệt. Người làng Quang-liệt, huyện Thanh-trì, đỗ Tiến-sĩ về triều nhà Trần.

Ngài tính ngay thẳng mà điềm đạm, không ham đường danh lợi, chỉ cốt lấy sự tỏ đạo thánh-nhân mà triệt mối dị-đoan làm việc mình.

Ngài mở một trường dạy học ở cạnh đầm thôn Cung-hoàng làng ấy. Học-trò đến học rất đông, mà nhiều người làm nên hiển đạt, như là Phạm-sư-Mạnh, Lê-bá-Quát làm đến Tế-tướng, mà vẫn phải giữ phép học trò, đứng hầu dưới đất. Trong bọn học-trò, ai có điều gì không phải, thì lập tức quát mắng đuổi đi ngay.

Trong năm Khai-thái đời vua Minh-tôn, vua nghe tiếng ngài là bậc đạo-học mô-phạm, vời vào làm Quốc-tử-giám Tư-nghiệp để dạy Thái-tử học. Đến năm Đại-trị đời vua Dụ-tôn, chính sự triều đình mỗi ngày một suy đốn, bọn quyền-thần lắm kẻ sinh ra kiêu ngạo, ngài dâng sớ xin chém 7 người gian nịnh, thì toàn những người quyền thế hách dịch bấy giờ. Vua không nghe, vì thế ngài cời mũ giả chức quan, xin về làng cũ.

Ngài trí-sĩ rồi, nhân ra chơi làng Ái-kiệt, huyện Chí-linh (Hải-dương), thấy có phong cảnh lạ lùng, núi non vui vẻ, <sup>[35]</sup> mới làm nhà ở trong khoảng núi Lân-phụng, tự hiệu là Tiều-ẩn tiên-sinh. Mỗi khi nhàn ngài ra thần thơ chơi trên đầm Miết và trong sông Thanh-lương, ngâm thơ uống rượu làm vui. Khi nào có việc triều-hội gì, thì lại vào chầu. Vua Dụ-tôn muốn dùng ngài làm tướng, nhưng ngài nhất định không làm quan nữa.

Bà Hiếu-từ Thái-hậu nói rằng:

- Người ấy là bậc cao-hiền, thiên-tử không có quyền bắt người ta làm tôi được, giao thế nào được chính sự cho người ta!

Vua mới sai đem áo mũ đến ban cho ngài, ngài nhận lấy nhưng lại lấy đem cho người khác, thiên-hạ ai cũng khen ngài là cao. Học-trò bấy giờ coi ngài như núi Thái-sơn, như sao Bắc-đẩu, trọng vọng vô cùng.

Không bao lâu, ngài mất ở nhà, vua Nghệ-tôn sai quan đến dự-tế, ban cho tên gọi là Văn-trình-công, và cho hiệu là Khang-tiết tiên-sinh, cho được tòng tự vào bên hữu-võ đền Văn-miếu (đền thờ đức thánh Khổng-tử) ngang hàng với các bậc tiên-nho.

Tục truyền khi ngài dạy học ở cạnh làng Cung-hoàng, có người học-trò trẻ tuổi, mặt mũi phương phi, sáng nào cũng đến nghe sách, ngài khen là người siêng năng, mà không biết là người ở đâu, mới sai người rình, xem lúc về đi đường nào, thì thấy đi đến đầm Cung-hoàng rồi biến mất.

Ngài biết người ấy tất là thủy-thần, nhân bấy giờ giờ nằng mãi, ngài

mới bảo người ấy rằng:

- Thiên tai khi nắng, khi lụt, số giời không biết đâu mà nói, nhưng mắt trông thấy dân phương này tiều tụy lắm, ai là chẳng thương tình. Anh cho phép gì làm mưa, giúp cho thầy mà cứu lấy dân này không?

Người học trò ấy có ý khó lòng, nhưng nể nhờ thầy, không biết nói làm sao, mới mài mực đen ra giữa sân, hòa với nước phun ra, một lát mưa to như chút nước xuống. Dân được trận mưa ấy, lúa má đỡ hại nhiều.

Người ấy từ về, sáng mai, thấy một con thuồng-luồng to chết nổi ở trong đầm, mới biết tức là người học trò ấy.

Ngài thấy vậy thương xót lắm, sai học-trò vớt xác thuồng-luồng lên chôn cho tử tế. Bây giờ vẫn còn gò mả thuồng-luồng.



## 19. Nguyễn-bình-Khiêm

Tiên sinh tên húy là, hiệu là Bạch-vân cư-sĩ, người làng Trung-am, huyện Vĩnh-lại, tỉnh Hải-dương. Tiên-thế nhà ngài có âm-đức, đời ông là Văn-Tĩnh được phong tặng Thiếu-bảo Tư-quận-công, được ngôi dương-cơ, hợp vào kiểu đất của Cao-Biên. Đời thân-phụ ngài là Văn-Định được phong tặng làm Thái-bảo Nghiêm-quận-công. Mẹ ngài là Từ-thực phu-nhân họ Nhữ, nguyên là con gái quan Hộ-bộ thượng-thư là Nhữ-văn-Lan, ở làng An-tử, huyện Tiên-minh. Bà ấy thông kinh-sử, giỏi văn-chương, mà lại tinh nghề tướng số.

Bà ấy kén chồng đến ngoài 20 tuổi, thấy ông Văn-Định có tướng sinh ra quý-tử mới lấy. Về sau lại gặp một chàng trẻ tuổi đi qua bến Hàn, ngạc nhiên nói rằng: “Tiếc thay! Khi trước không gặp người này!” Hỏi ra thì chàng ấy là Mạc-đăng-Dung (về sau làm vua nhà Mạc). Bà ấy phàn nàn không ngăn nào.

Bình-Khiêm sinh về năm Tân-hợi đời Hồng-đức (niên hiệu vua Lê Thánh-tôn); đầy đà to lớn, mặt mũi khôi ngô, chưa đầy tuổi đã biết nói. Một khi Văn-Định đang ẵm trên tay cho trông ngóng bỗng dừng nói rằng: “*Mặt giời mọc về phương đông.*” Văn-Định lấy làm kỳ-dị. Đến năm bốn tuổi, phu-nhân dạy ngài học chính-văn trong kinh truyện, dạy đến đâu thuộc đến đấy. Bà ấy lại dạy học thuộc lòng vài mươi bài thơ nôm.

Một bữa, phu-nhân đi vắng, Văn-Định kéo một cái dây đùa với con, rồi ngâm đùa một câu rằng: “*Nguyệt treo cung, nguyệt treo cung.*” Đương đọc dở dang, thì con tiếp theo mà ngâm rằng: “*Vén tay tiên hốt hốt rung!*” Văn-Định thấy con thông minh mừng lắm, về khoe truyện với phu-nhân. Phu-nhân giận nói rằng:

- Mặt giăng là phận bầy tôi, sao ông lại dạy con điều ấy?

Văn-Định then thò xin chịu lỗi, nhưng bà ấy vẫn còn căm tức, xin từ về, nhất định không ở đấy nữa, về sau bà ấy già đời ở nhà bố mẹ đẻ. <sup>[36]</sup>

Khi Bình-Khiêm còn để hai trái đào, cùng bọn trẻ con tắm ở bến Hàn, có người đi thuyền trông thấy nói rằng:

- Tiếc thay cho thằng bé này, bộ da dày lắm, chỉ làm được Trạng-nguyên Tể-tướng là cùng!

Khi ngài bé thì học ở nhà, đến lúc nhớn, nghe tiếng ông Bảng-nhân Lương-đắc-Bằng hay chữ, mới vào Thanh-hóa theo học ông Bảng-nhân.

Lương-đắc-Bằng vốn ở làng Hội-trào, huyện Hăng-hóa. Nguyên có một chi họ lạc sang ở Vân-nam, đời đời làm quan bên Tàu. Khi Đắc-Bằng sang sứ nhà Minh, gặp một người cùng họ là Lương-nhữ-Hốt cho một quyển

“Thái-ất chân-kinh.” Đắc-Bằng đem về học tập, cho nên tinh nghề lý-số, việc gì cũng tính biết được trước.

Nguyễn-bình-Khiêm học hết được phép thuật của ông Lương-đắc-Bằng. Khi ông Đắc-Bằng mất, dặn lại Nguyễn-bình-Khiêm về sau phải trông nom cho con mình là Lương-hữu-Khánh.

Trong năm Quảng-thiệu (Lê Chiêu-tôn), có việc biến loạn, Nguyễn-bình-Khiêm ở ẩn một chỗ, không muốn cầu tiếng tăm với đời. Bấy giờ, Trịnh-Tuy, Mạc-đăng-Dung cùng có ý muốn tranh quyền, đánh nhau luôn mấy năm. Ngài tính số Thái-ất, biết cơ nhà Lê lại khôi phục được.

Ngài có thơ cảm hứng sau này:

*Non-sông nào phải buổi bình-thời,  
Thù đánh nhau chi khéo nực cười!  
Cá vực, chim rừng ai khiến đuổi?  
Núi xương, sông tuyết thảm đầy nơi!  
Ngựa phi chắc có hồi quay cổ.<sup>[37]</sup>  
Thú dữ nên phòng lúc cắn người.<sup>[38]</sup>  
Ngán ngấm việc đời chi nói nữa,  
Bên đầm say hát nhơn nhơ chơi!*

Về sau, nhà Mạc chiếm giữ Kinh-thành, bốn phương đã hơi yên ổn, các bạn bè nhiều người khuyên ngài ra làm quan. Ngài bất-đắc-dĩ phải ra thi, thi đỗ Trạng-nguyên năm Đại-chính thứ sáu nhà Mạc. Bấy giờ ngài đã 44 tuổi.

Vua nhà Mạc cất ngài làm Tả-thị-lang, Đông-các đại-học-sĩ, Ngài làm quan được 8 năm, trước sau dâng sớ hạch 18 người lộng-thần, nhân có chàng rể là Phạm-Dao cũng kiêu hoành, ngài sợ phải vạ lây, mới từ quan cáo về dưỡng lão.

Khi ngài trí sĩ rồi, làm nhà chơi mát mẻ ở mé dưới làng, gọi là am Bạch-vân, lại bắc hai dịp cầu gọi là cầu Nghênh-phong và cầu Tràng-xuân, thường thường ra chơi hóng mát. Lại làm một cái quán Trung-tân ở bên sông Tuyết-giang, dựng bia kí sự mình. Khi thì ngài bơi thuyền chơi ở bể Kim-hải và bể Úc-hải; khi thì đi với một vài nhà-sư chơi ở các núi An-tử, núi Ngọa-vân, và núi Đồ-sơn. Đi đến đâu làm thơ ngâm vịnh đến đấy, hoặc gặp chỗ nào có cây cối mát, chim kêu riu rít, thì lấy làm khoái chí lắm, nhơn nhơ cả ngày.

Ngài tuy ở nhà, nhưng vua nhà Mạc vẫn coi ngài quý trọng, nhà nước có công việc gì to, thì sai sứ đến hỏi tận nhà, hoặc khi mời về Kinh mà hỏi. Ngài bàn định lắm điều ích lợi cho nhà nước, nhà Mạc phong ngài làm Lại-bộ thượng-thư, Thái-phó Trình-quốc-công, vì thế ta thường gọi là

Trạng-Trình.

Năm Ất-dậu, ngài phải bệnh, Mạc-mậu-Hiệp sai sứ đến thăm và hỏi việc hậu sự.

Ngài bảo rằng:

- Ngày sau, nước có việc, ở xứ Cao-bình tuy nhỏ, nhưng cũng có thể hưởng phúc được vài đời nữa.

Đến sau nhà Mạc mất nước, chạy lên Cao-bình, quả nhiên còn giữ được 4 đời, rồi mới tuyệt.

Ngày 28 tháng một năm Ất-dậu ngài mất, thọ 95 tuổi. Học-trò gọi ngài là Tuyết-giang phu-tử.

Ngài học tinh về thuật số, phàm các việc tai, tường, họa, phúc, cùng là ngày mưa, ngày nắng, việc gì cũng biết trước. Có một người học-trò tên là Bùi-Sinh, ngài bảo người ấy về sau tất phú quý. Đến khi Bùi-Sinh gần 70 tuổi vẫn còn nghèo hèn, cho là ngài đoán số mình sai. Ngài cười không nói gì. Một hôm ngài bảo Bùi-Sinh mượn lấy 10 chiếc thuyền đánh cá, cho bơi ra bến Hồng-đàm bể Vạn-ninh, dặn đến giờ ấy... hễ gặp cái gì thu lấy đem về, chắc được thưởng to. Bùi-Sinh tuân nhời, quả nhiên gặp một bà cụ già, áo mũ chỉnh tề, thuyền bạt phong đến đấy. Bùi-Sinh đem về phụng dưỡng coi như mẹ. Được vài hôm có quan Tổng-đốc Quảng-đông sai người sang nói với vua rằng: *“Thái phu-nhân chơi bể bạt phong, xem thiên văn thì thấy ở phương nam, xin nhà vua vì nghĩa làng giềng mà tìm giúp cho.”* Ngài sai Bùi-Sinh đem bà cụ ấy dâng lên, vì thế được phong tước là Thao quận-công.

Năm Thuận-bình thứ 8 nhà Lê (1556), vua Trung-tôn mất không có con, bấy giờ Trịnh-Kiểm đang cầm quyền, có bụng hồ nghi, không biết nghĩ ra thế nào. Hỏi Phùng-khắc-Khoan, Khắc-Khoan cũng không biết thế nào cho phải, mới sai người đi lên ra Hải-dương để hỏi ngài, ngài chẳng nói câu gì, chỉ ngoảnh lại bảo đầy tớ rằng:

- Năm nay mất mùa, thóc giống không tốt, chúng mày nên tìm giống cũ mà gieo mạ.

Nói rồi, sai tiểu quét dọn đốt hương, để ngài chơi chùa và bảo tiểu rằng:

- Giữ chùa thờ phật thì ăn oản.

Đó là có ý khuyên Trịnh Kiểm tìm lấy dòng dõi nhà Lê mà lập lên, mà phải giữ đạo làm tôi ăn mảy phật thì mới được hưởng phúc.

Sứ-giả về nói với Trịnh-Kiểm, Trịnh-Kiểm hiểu ý, mới đón vua Anh-tôn lập lên, quả nhiên dựng lại được cơ đồ nhà Lê mà họ Trịnh cũng đời đời được vinh-hiến.

Khi ấy đức Dụ-tổ triều Nguyễn ta (Đức Nguyễn-Hoàng) đang có hiềm với Trịnh-Kiểm. Trịnh-Kiểm có ý muốn âm hại, đức Dụ-tổ lo sợ, không biết nghĩ mưu gì cho tránh được nạn, mới sai người đi hỏi ngài. Bấy giờ ngài đang chống gậy chơi trong vườn cảnh. Trong vườn có vài mươi ngọn núi non-bộ, lại chồng chất đá làm một rặng núi ngang. Trên núi cây cối rườm rà, có đàn kiến đang bò trên tảng đá, ngài nhìn xem đàn kiến, rồi tùm tùm cười nói rằng:

- Một dải núi Hoành-sơn (núi ngang) kia có thể yên thân được muôn đời.

Người kia thấy nói vậy, về nói với đức Dụ-tổ. Đức Dụ-tổ biết ý, mới xin vào trấn thủ trong Thuận Quảng (trong ấy có dải núi Hoành-sơn), quả nhiên mỗi ngày một thịnh, mở ra cơ nghiệp Nguyễn-triều.

Học-trò ngài rất nhiều, nhưng chỉ có Phùng-khắc-Khoan, Lương-hữu-Khánh, Nguyễn-Dữ, Trương-thời-Cử là làm nên to mà có danh vọng hơn cả. Phùng, Lương thâm thúy về nghề lý-học, cùng làm danh-thần lúc nhà Lê trung-hưng.

Khi trước ông Phùng-khắc-Khoan thuê nhà đến học ngài. Lúc học giỏi rồi, ngài đang đêm đến chơi nhà chọ, gõ cửa mà bảo rằng:

- Gà gáy rồi, sao không đứng dậy mà thối cơm ăn, còn nằm mãi đấy ư?

Nhời ấy có ý giục ông Khắc-Khoan vào Thanh-hóa giúp nhà Lê. Ông Khắc-Khoan cũng biết ý thế, mới cùng với Nguyễn-Dữ vào giúp nhà Lê, làm đến công thần.

Tính ngài thuần nhũ, không hay nói, mà đã nói câu nào thì là đích đáng. Ngài làm ra thơ từ rất nhiều, đến nay vẫn còn một tập thơ Bạch-vân và một quyển sấm ký truyền lại.

Khi ngài mất rồi, người làng nhớ ân đức của ngài, lập miếu ở nơi nhà cũ cho ngài, bốn mùa cúng tế. Miếu ấy đến bây giờ vẫn còn.

## 20. Đặng-đình-Tướng

Đặng-đình-Tướng người làng Lương-xá, huyện Chương-đức.

Tục truyền đời tổ-mẫu nhà ông ấy nghèo khó, phải đi ăn xin. Trong làng có một cái đầm, bốn mùa không lúc nào cạn nước. Những người cấy gặt thường phải bơi thuyền thúng đi làm. Giữa đầm có một gò cao, chúng thường tụ ở đấy ăn cơm. Bà cụ kia cũng thường theo người ta vào đấy kiếm ăn. Một hôm giời rét lắm, bà già ấy không chịu được, nằm xuống ở đấy. Khi chúng trở về, không ai báo. Đến lúc bà ấy đứng dậy thì không còn người nào. Giời hôm đấy rét lại thêm mưa phùn, bà kia chết ở đấy. Hôm sau chúng trở lại, thì thấy mỗi lớp đất lên lù lù một đồng to, mới biết bà ấy chết mà được ngôi thiên táng.

Từ khi ấy con cái làm ăn mỗi ngày một khá. Đến đời cháu là Đặng-đình-Tướng học hành thông thái rồi thi đỗ Tiến-sĩ năm Canh-tuất đời Cảnh-trị (đời vua Lê Huyền-tôn). Từ đấy ra làm quan, rồi phụng mệnh sang sứ Tàu, được thiên lên làm Lại-bộ Thị-lang. Lâu mãi làm đến Thái-phó, phong tước Quận-công. Sau lại làm đến Đại-tư-đồ.

Tính ngài nhân hậu phúc đức lắm, chỉ mong làm những việc cho dân được nhờ. Trên từ vua, các quan, dưới đến trăm họ, ai ai cũng có lòng kính trọng. Đến lúc ngoài 70 tuổi thì ngài làm trí sĩ, về làng Lương-xá chơi bời sông núi, xem phong cảnh cho vui tuổi già. Nhưng cứ đến ngày sóc vọng thì lại vào chầu vua một lần.

Trong lòng ngài lúc nào cũng thương đến dân. Khi ngài từ quan về rồi, treo hai cái rỏ tre ngoài cổng ngõ, phàm dân gian ai có điều gì oan uổng, cho bỏ giấy vào hai cái rỏ ấy. Mỗi khi ngài vào chầu Kinh-đô, thì tâu lên vua để gỡ hết oan cho người ta. Tuy vậy, ngài không thềm kể ơn với ai, cứ đạo công bằng mà cứu cho thôi, nếu ai đến tạ ơn thì ngài lấy làm ghét lắm, và không cho ai đến cửa. Vì thế ai cũng phục bụng ngài.

Ngài thọ 80 tuổi mới mất. Vua nhớ người nhân-đức, phong làm Thành-hoàng làng ấy, sai dân lập miếu thờ.

Từ khi ấy nhà ngài thịnh vượng lắm, con cháu làm quan khắp triều-đình, mà thời nào cũng có người hiển-đạt, hơn 200 năm, không lúc nào hết người làm quan. Tục có câu rằng: “Đánh giặc họ Đinh, làm quan họ Đặng.”

## Chương thứ IV CÁC BẬC VĂN-TÀI

### 21. Nguyễn-Hiền

Nguyễn-Hiền quê ở làng Hà-dương, huyện Thượng-nguyên (Nam-định). Đỗ thủ-khoa năm Bính-ngọ thời vua Thái-tôn nhà Trần, đến năm sau thi đình đỗ Trạng.

Nguyễn-Hiền thông minh từ thuở nhỏ. Khi 6,7 tuổi học nhà sư ở chùa, nhà sư mỗi buổi dạy 10 tờ giấy, Nguyễn-Hiền chỉ học qua là thuộc lòng.

Một hôm, nhà sư tụng kinh vừa xong, vào phòng nằm nghỉ, mơ thấy phật giáng xuống bảo rằng: “*Nhà sư sao không biết bảo Trạng, cứ để cho lên chùa nhờn với Phật.*” Nhà sư tỉnh dậy soi đèn xem các tượng phật, thì thấy sau lưng một tượng có chữ đề: “*Phật 30 trượng*” và sau mình hai tượng hộ-pháp thì có chữ đề: “*Phật 60 trượng.*” Nhận nét chữ thì đúng chữ ông Nguyễn-Hiền. Nhà sư quả mẫn Nguyễn-Hiền, bắt phải lấy nước tẩy đi.

Nguyễn-Hiền học các sách, qua mắt một lượt là nhớ ngay. Thơ từ phú sách, nói ra tức là văn chương. Năm 11 tuổi, đã nổi tiếng thần đồng, bấy giờ có người học-trò ở Kinh-bắc tên là Đặng-Tính, tự thị tài mình hơn cả đời. Nghe tiếng Hà-dương có thần-đồng, đến chơi tận nhà, thử xem tài học ra làm sao. Khi đến ra một bài phú:

“*Phụng-hoàng sào vu A-các, Kì-lân du vu Uyển-hựu.*”<sup>[39]</sup>

Nguyễn-Hiền đọc ngay bốn câu rằng:

- a) *Qui phi Lạc-thủy,*<sup>[40]</sup>
- b) *Long bất Mạnh-hà.*
- c) *Ý bĩ Hữu-hùng chi quốc,*
- d) *Ấp vu Trác-lộc chi a.*

Đặng-tính mới nghe được bốn câu, đã lắc đầu le lưỡi nói rằng:

- Thiên tài xin nhường bác trẻ tuổi này!

Năm đấy thi đỗ thủ-khoa. Năm sau vào thi đình, vua ra bài phú: “*Áp tử từ kê mẫu phi hồ.*”<sup>[41]</sup> Văn Nguyễn-Hiền hay nhất, vua cất lên đỗ Trạng-nguyên, bấy giờ mới 12 tuổi.

Trạng vào bái mạng vua trong sân rồng, vua thấy còn bé loắt choắt, lấy làm lạ, hỏi rằng:

- Trạng nguyên học ai ở nhà?

Trạng thưa rằng:

- Tâu bệ-hạ, tôi sinh ra đã biết ngay, chỉ còn chỗ nào tôi không biết, thì

hỏi nhà sư một vài chữ mà thôi.

Vua thấy trạng ứng đối, chưa biết lễ-phép, ăn nói không được khiêm tốn, mới cho về học lễ-phép, ba năm rồi mới dùng làm quan.

Nguyễn-Hiền về nhà ở không được bao lâu, có sứ Tàu đem một bài thơ ngũ-ngôn sang thử nhân tài nước Nam.

Thơ rằng:

*Lưỡng nhật bình đầu nhật,*

兩日平頭日

*Tứ sơn điên đảo sơn;*

四山顛倒山

*Lưỡng vương tranh nhất quốc,*

兩王爭一國

*Tứ khẩu tung-hoành gian.*

四口縱橫間

Vua hỏi các quần-thần thì không ai hiểu nghĩa lý ra làm sao. Phải sai hai quan văn võ đến nhà ông Nguyễn-Hiền mời vào triều để hỏi. Hai quan sứ đến làng Hà-dương, gặp một đứa trẻ trong nhà hàng, mặt mũi phương phi. Sứ-giả hỏi thì đứa trẻ ấy không thềm đáp lại. Mới đọc câu đối nôm rằng:

“Tự (字) là chữ, cật giảng đầu chữ tử (子) là con: Con ai con ấy?”

Đứa trẻ đối ứng khẩu ngay rằng:

“Vu (于) là chừng, bỏ ngang lưng chữ đinh (丁) là đứa: Đứa nào đứa này?”

Sứ-giả biết đứa trẻ ấy tức là Trạng Hiền, mới hỏi thăm đến tận nhà, thì thấy Trạng đang cúi húi ở dưới bếp, nhân lại đọc một câu rằng:

“Ngô văn quán-tử viễn bào trù; hà tu mị tảo.”<sup>[42]</sup>

Trạng ứng khẩu đối rằng:

“Ngã bản hữu quan cư đình nại; khả tạm điều canh.”<sup>[43]</sup>

Sứ-giả thấy ứng đối nhanh nhẩu và có ý cao, chịu là giỏi, mới bày kể ý vua xin mời vào kinh.

Trạng nói rằng:

- Thiên-tử trước bảo ta chưa biết lễ-phép, nhưng chẳng những là Trạng chưa biết lễ-phép, cả đến thiên-tử cũng chưa biết lễ phép.

Nói thế rồi nhất định không chịu đi. Sứ-giả về tâu lại với vua, vua phải sai đem xe ngựa và đồ lễ đến đón, bấy giờ Trạng mới đi.

Khi đến kinh, vua đưa bài thơ của Tàu ra hỏi, Trạng Hiền cầm bút viết ra một chữ và giải rằng:

- Câu thơ thứ nhất nghĩa là chữ *nhật* (日) ngược xuôi bằng đầu nhau; thứ nhì là bốn chữ *san* (山) ngược xuôi cùng là chữ *san* cả; thứ ba hai chữ *vương* (王) tranh nhau ở trong một nước; thứ tư là bốn chữ *khẩu* (口) ngang dọc cùng thành chữ *khẩu* cả. Tóm lại chỉ là một chữ *điền* (田).

Giải xong đưa cho sứ Tào xem, sứ Tào phải chịu. Vì thế vua cử Nguyễn-Hiền làm Kim-tử-vinh-lộc đại-phu. Sau lại làm đến Công-bộ thượng-thư, không được bao lâu thì ông ấy mất.

Vua thấy người đại tài như thế mà không được thọ, thương tiếc vô cùng. Huyện ông ấy nguyên tên là huyện Thượng-Hiền, vua mới kiêng tên ông ấy, đổi ra gọi là Thượng-Nguyên. Lại cấp cho năm mẫu ruộng tư-diền, bắt dân ấy phải lập miếu thờ.



## 22. Lương-Thế-Vinh

Lương-Thế-Vinh hiệu là Thụy-hiên, người ở làng Cao-hương, huyện Thiên-bản, tỉnh Nam-định. Khi còn bé, đã có tiếng đồn là thần-đồng. Đến năm 23 tuổi thi đỗ Trạng-nguyên trong năm Quang-thuận đời vua Thánh-tôn nhà Lê.

Tục truyền Thế-Vinh đã thác sinh ở huyện Nam-xang. Khi lên 7,8 tuổi, cùng với trẻ con đi học. Bên cạnh đường có một con chó đá, mỗi khi Thế-Vinh đi qua, thì con chó đá vẫy đuôi mà mừng.

Về nói chuyện với cha, cha bảo rằng:

- Nó đã biết vẫy đuôi, thì hẳn nó cũng biết nói, thử hỏi vì cớ gì mà mừng.

Hôm sau, Thế-Vinh đi qua, con chó ấy lại vẫy đuôi. Thế-Vinh hỏi, thì nó nói rằng: *“Ngày sau ông đỗ Trạng-nguyên cho nên tôi mừng thay ông.”*

Thế-Vinh về nhà lại nói với cha như thế. Cha tự bấy giờ chắc ngày sau con làm nên, sinh ra kiêu ngạo, thường hay tranh cạnh với người ta và đe rằng:

- Mai sau con ông đỗ Trạng, ông sẽ hỏi tội cho chúng bay.

Thế-Vinh thấy cha như thế, can mãi mà cha không nghe, có ý không bằng lòng, buồn rầu mà bảo với mẹ rằng:

- Mẹ có đức hiền hậu mà cha thì kém đức. Con không ở đây nữa, xin từ đi chỗ khác đây.

Mẹ ngạc nhiên thất sắc nói rằng:

- Sao con nói gở ra thế? Công chẳng nuôi con bấy lâu nay, mong con mai sau khá giả, để mà nương nhờ, con đã lấy gì giả được ơn cha nghĩa mẹ, mà dám nói càn như vậy?

Thế-Vinh khẳng khẳng một mực xin đi. Mẹ khuyên dỗ trăm chiều, nhưng cũng không sao giữ được, mới khóc mà bảo rằng:

- Vậy thì con định đi đâu? Con bảo cho mẹ biết.

Thế-Vinh dặn mẹ cứ ngày ấy tháng ấy đến làng Cao-hương, huyện Thiên-bản thì biết, và dặn giữ lại các sách của mình học. Nói xong thì mất.

Bấy giờ vận nước Nam đang thịnh, người tàu xem thiên-văn, thấy văn-tinh giáng xuống nước Nam, mới sang nước ta, tìm phương trấn áp. Khi Thế-Vinh còn ở Nam-xang, đi chơi với một lũ trẻ con. Người Tàu trông sao, biết văn-tinh ở trong đám trẻ con ấy, nhưng chưa biết đích đứa nào. Mới lấy một quả bưởi bỏ vào hố sâu, đổ đám trẻ ấy lấy được quả bưởi ra thì thưởng tiền. Thế-Vinh không ra mặt lấy, nhưng xui một đứa khác mức

nước đổ vào hồ cho đầy, rồi quả bưởi nổi lên thì lấy. Người khách gạn hỏi đám trẻ, biết là mưu mô tự ông Thế-Vinh, muốn tìm phương kế để trừ ông ấy đi.

Người khách chưa kịp dùng mẹo thì ông ấy mất. Trông xem thiên-văn, biết thần ấy chạy sang làng Cao-hương, mới đuổi theo đến tận làng ấy, thì thấy thần ông ấy đã nhập vào trong hòn đá to. Người khách hỏi người chủ có hòn đá, xin mua. Người chủ tưởng nó hỏi đùa mình, mới nói bỡn rằng: “Hòn đá này phải 100 quan tiền mới bán.” Người khách giả đến 70 quan, người chủ không biết thế nào, tưởng là nó đến cợt mình, nhất định không bán. Người khách thấy không bán, giả tảng đi nơi khác. Xảy có người liên bà ở ngoài đồng đi về, thấy chúng xúm xít lại nói truyện người khách hỏi mua hòn đá. Người liên bà mới giẫm chân vào hòn đá mà nói rằng:

- Hòn đá này quý hóa gì mà nó mua đắt đến thế?

Không ngờ thần ông ấy ở trong hòn đá, từ bấy giờ đầu thai ngay vào người liên bà ấy. Hôm sau người khách trở lại, toan cố vật nài để mua hòn đá cho được. Người có đá cũng định bán vậy cho nó. Nhưng khi đến nơi thì người khách trông hòn đá, biết thần đã xuất mất rồi, mới nói rằng:

- Bây giờ một đồng cũng chẳng mua nữa.

Người khách biết không thể nào trấn áp được, mới trở về Tàu.

Khi Thế-Vinh mới sinh ra, ngày đêm chỉ một vị khóc, cha mẹ, hàng-xóm thay nhau ôm ấp cũng vậy. Người mẹ trước nhớ nhờ con dặn, hỏi thăm đến tận làng ấy, nghe có một nhà mới đẻ con giai, mà chỉ khóc cả ngày lẫn đêm. Hỏi đến tận nhà vào chơi, xin chủ nhà ẵm đứa bé một tí, từ đấy đứa bé mới thôi khóc. Bà kia mới kể truyện đầu đuôi con mình với nhà chủ, từ đó thường thường đi lại coi như con mình.

Đến khi Thế-Vinh mới nhón lên, bảo với bà mẹ trước rằng:

- Những sách của tôi thừa trước, cùng là tôi có món tiền chôn ở dưới gốc cây chuối thì đem đến đây cho tôi.

Bà kia về đào dưới gốc cây chuối, thì quả nhiên thấy có món tiền, mới đem cả sách và món tiền sang đưa cho Thế-Vinh. Cha mẹ đẻ mới lấy làm tin, nuôi bà kia ở đấy một thế.

Thế-Vinh học đến đâu, như người học ôn lại. Đến năm 23 tuổi thi đỗ Trạng-nguyên.

Vua Thánh-tôn thấy Thế-Vinh là người hay chữ, dùng làm chức Hàn-lâm thị-thư chương-viện. Bao nhiêu tờ bồi giao thiệp với nhà Minh tự tay Thế-Vinh soạn ra cả. Người Tàu phải chịu nước Nam có tay văn-chương giỏi.

Bộ đại-thành toán-pháp, là của Thế-Vinh làm ra.

Thế-Vinh làm quan không được bao lâu thì về trí-sĩ. Tính hay khôi hài, lúc về quan rồi, thường chỉ mặc cái áo vải, chơi bời với người trong làng.

Một hôm, ngồi chơi với một vài người ở trong làng, xảy nghe có quan huyện đi qua. Quan huyện xưa nay hách dịch, đi đến đâu rầm rầm đến đấy. Mấy người ngồi hàng đứng dậy tránh cả, chỉ còn một mình Thế-Vinh ngồi chơi. Khi quan huyện đến, sai lính vào hàng bắt phu khiêng vồng. Lính không biết ông ấy là ai, bắt ra khiêng, Thế-Vinh cũng khiêng.

Đi được một lát, ông ấy gặp người làng nhả bảo rằng:

- Nhờ bác bảo hộ thằng học-trò tôi là Thám-hoa làng Vân-cát tên nó là Trần-công-Bích, bảo nó ra khiêng đỡ vồng quan huyện cho tôi, kéo tôi mệt quá, không đi được.

Ông quan huyện nằm trong vồng, nghe câu ấy, chẳng khác gì sét đánh ngang tai, giật mình ngã lăn xuống đất, rồi đứng dậy lạy thì thà thì thụp, kêu là không biết, xin thứ tội cho.

Thế-Vinh cười bảo rằng:

- Ông là quan huyện, bắt tôi khiêng vồng thế là phải, có việc gì mà tạ!

Ông huyện kia vật đầu vật tai kêu van mãi, Thế-Vinh mới bảo rằng:

- Có phải thế thì từ rầy chớ nên bắt phu khiêng vồng nữa bác nhé!

Ông huyện kia vâng vâng dạ dạ, xin khiêng giả vồng rước ngài về nhà. Thế-Vinh không khiêng, người trong làng đổ ra đón Thế-Vinh về.

Về sau Thế-Vinh mất, được phong làm thượng-đẳng phúc-thần. Con là Hiến-Công, có công với nước, cũng được phong làm phúc-thần. Ngôi mộ ông Thế-Vinh đến giờ vẫn còn ở làng Cao-Dương.

Khoa Thế-Vinh đỗ, Nguyễn-đức-Trinh thi đỗ Bảng-nhân, Quách-đình-Bảo thì đỗ Thám-hoa, ba người cùng có tiếng hay chữ từ thuở nhỏ. Vua có thêu ba lá cờ ban cho mỗi người một lá, để cho vinh qui.

Trong cờ thêu bốn câu rằng:

*Trạng-nguyên Lương-thế-Vinh,*

*Bảng-nhân Nguyễn-đức-Trinh,*

*Thám-hoa Quách-đình-Bảo,*

*Thiên-hạ cộng chi danh.*

Tục truyền khi Thế-Vinh còn nhỏ, nghe tiếng Quách-đình-Bảo hay chữ, hỏi thăm đến chơi. Đến nhà thấy Đình-Bảo đang học ở trong buồng. Thế-Vinh trở ra về ngay, nói rằng: “*Anh ấy không sợ*”, nghĩa là thi đến nơi rồi mà còn phải học thì hèn lắm, không đủ sợ chi. Về sau, Đình-Bảo cũng hỏi thăm đến chơi nhà Thế-Vinh thì thấy ông ấy đi chơi thả diều vắng. Đình-

Bảo than rằng: “*Thi đến nơi rồi mà không cần gì phải xem sách, đó mới thực là thiên tài!*” Nhân thế biết mình không bằng ông ta, xấu hổ trở về.

## 23. Vũ-công-Duệ

Công-Duệ người làng Trình-xá, huyện Sơn-vi, tỉnh Sơn-tây. Khi còn nhỏ, cha mẹ đi cấy vắng nhà, Công-Duệ chơi với một bọn trẻ con, nặn đất làm con voi, bắt hai con bướm làm hai tai, cắm con đĩa làm vòi, lấy bốn con cua làm chân. Thành ra voi đất mà vầy được tai, vòi co lên quắp xuống và chân đi được, ai trông cũng cho là tinh quái.

Một khi, có người đến đòi nợ, hỏi rằng:

- BỐ mày đâu?

Đáp lại:

- BỐ tôi đi giết người.

- MẸ mày đâu?

- MẸ tôi đi cứu người.

Người đòi nợ lấy làm lạ, không biết nói thế là ý tứ ra làm sao, hỏi căn vặn mãi mới nói rằng:

- HỂ có tiền thưởng thì tôi sẽ nói rõ cho mà biết.

Người kia mới dỗ bảo rằng:

- Mày cứ nói đi cho thật, tao sẽ tha nợ cho nhà mày, không đòi nữa.

Công-Duệ sẵn cầm một cục đất dẻo, bảo người kia in tay vào đây để làm tin.

Người kia cũng thử in tay vào xem nói ra làm sao, Công-Duệ mới nói rằng:

- Cha tôi đang nhổ mạ mà mẹ tôi thì đang cấy.

Người kia lấy làm kì dị. Hôm khác lại đến đòi nợ. Công-Duệ đưa ngay hòn đất hôm trước ra, và nói rằng:

- Tay ông ký vào đây, còn đòi gì nữa?

Người kia đứng ngẩn mặt ra, không biết nói lại ra làm sao, nhân khuyên cha mẹ Công-Duệ cho đi học, và giúp món nợ ấy để lấy tiền mua sách.

Công-Duệ học thông minh lắm, nội các sách vở, chỉ học qua một lượt là thuộc. Đến năm Hồng-đức thứ 23 đời vua Thánh-tôn nhà Lê. Công-Duệ đã ngoài 20 tuổi, thi đỗ Trạng-nguyên khoa ấy.

Lúc làm quan, tính khí cương trực, vua cất lên làm Đô-ngự-sử, các quan ai cũng kính sợ.

Đến khi nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê, đình-thần nhiều người a dua về Mạc-đăng-Dung, ai không nghe phải giết. Đăng-Dung sai người dụ Công-Duệ theo về làm quan với mình, Công-Duệ chửi mắng rầm rã, nhất định

không thèm theo kẻ nghịch-thần, nhưng liệu mình cũng không thoát được tay nó, mới đeo cả quả ấn Ngự-sử đâm đầu xuống cửa bể Thần-phù mà chết.

Cách 60 năm nữa, nhà Lê trung-hưng, khôi phục được kinh thành Thăng-long, sai đúc ấn Ngự-sử, thì đúc mãi không thành được quả ấn. Mới sai người lặn xuống cửa bể Thần-phù, tìm quả ấn trước. Người lặn xuống đến nơi thì thấy Công-Duệ vẫn còn mặc áo đội mũ chỉnh tề, cổ đeo túi ấn, ngồi xếp hăng tròn ở dưới đáy bể như thuở sinh thời.

Người ấy sợ hãi, lên tàu truyện với vua Trang-tôn. Vua lấy làm lạ, chắc là bụng tinh thành của Công-Duệ kết lại, mới sai quan làm lễ khấn bái, rồi sai người đem xác Công-Duệ lên, dùng lễ khâm liệm, bỏ vào áo quan, làm ma đưa về đến làng Trình-xá an táng, truy phong làm Thượng-đẳng phúc-thần.

## 24. Giáp-Hải

Giáp-Hải thi đỗ Trạng-nguyên khoa Mậu-tuất năm Đại-chính nhà Mạc (1538) Mẹ Giáp-Hải là người làng Công-luận, huyện Văn-giang. Bà cụ ấy khi còn trẻ nghèo lắm, chỉ có vài gian nhà gianh ở cạnh đường bán hàng nước. Bấy giờ có một người Tàu đi qua đường vào hàng nghỉ, lúc đi bỏ quên một túi bạc. Cách nửa tháng nữa mới hốt hoảng lại hỏi, thì bà ấy đem cả túi ra trả, vẫn nguyên như lúc trước.

Người khách xin biếu lại một nửa, bà ấy không lấy, nói rằng:

- Tôi chỉ vì không ưa của bất nghĩa, cho nên mới nghèo thế này, sao bây giờ tôi có chịu lấy của ông.

Người khách cảm tạ bụng ấy, mới hỏi rằng:

- Mồ mả đấng tiên-nhân nhà bà ở đâu, để tôi tìm giúp cho bà một ngôi đất hay.

Bà kia nói:

- Tôi là đàn bà, chỉ có trọi một mình, không có anh em nào cả. Nay đã ngoài 40 tuổi, dù được đất hay, thì bao giờ cho phát đạt? Mà phát đạt thì có làm gì nữa?

Người khách nói:

- Nếu được chỗ đất hay, thì dẫu đàn bà cũng phát phúc.

Bà ấy mới đưa người khách đến chỗ ngôi mộ cha bà ấy. Người khách lập tức tìm đất cất cho, rồi dặn rằng:

- Về sau thấy ai có nạn đến đây, phải sẵn lòng mà cứu người ta, thì sẽ có cát báo.

Bà ấy ở đây được nửa năm, xảy có người làng Bát-tràng, nhà nghèo đi làm mướn kiếm ăn; khi ấy giời đã tối, gặp phải mưa gió, quần áo ướt lướt thướt, rét run cầm cập, qua hàng bà ấy xin vào trọ một tối. Bà ấy hỏi đầu đuôi cặn kẽ, cho vào ngủ, rồi đốt lửa cho sưởi và dọn cơm cho ăn, đêm hôm ấy rét lắm, mà nhà thì có độc một chiếc chiếu. Người kia thì rét không có chiếu không chịu được, mà bà ấy thì cũng không thể nào mà nhường được chiếu cho. Mà để cho khổ thì chẳng đành lòng, mới cho nằm chung một giường mà ngủ.

Chàng kia đã được no ấm, lại nằm chung với liền bà, lạ gì lửa gần rơm, té ra thành tư thông với nhau. Không ngờ chàng kia bị chứng hàn thấp chỉ một lúc thì tắt hơi. Bà ấy kinh hoàng vô cùng, sợ người ta phát giác ra, đang đêm phải lúi ra đám tha ma vùi xuống; mà bà ta cũng có mang từ đấy.

Được vài tháng nữa, người Tàu lại đến, hỏi rằng:

- Tự khi táng mã đến giờ, đã cứu được việc gì cho người nào chưa?

Bà ấy không giấu giếm gì, kể cả sự trước cho người khách nghe.

Người khách hỏi:

- Chôn chỗ nào, thử chỉ cho tôi xem.

Bà ấy đưa ra chỗ mã chàng kia. Người khách ngắm nghía một hồi rồi nói rằng:

- Chỗ này là huyết thiên táng đấy, nếu có thai thì tất sinh ra Trạng-nguyên tể-tướng.

Bà ấy đầy năm, quả nhiên sinh được con giai, cốt cách lạ thường. Khi lên 4 tuổi, ra chơi ngoài bờ sông, xảy có người lái buôn ở làng Sính-kế, huyện Phượng-nhơn, bơi thuyền qua bến, trông thấy thằng bé nhả nhui, ần cập đem xuống thuyền đi mất.

Bà kia tìm con đâu cũng không thấy, tưởng là chết đuối dưới sông rồi, sầu thảm không biết ngần nào.

Người lái từ khi đem đưa bé về, yêu mến lắm, khi mới nhớn lên tìm thầy cho đi học. Giáp-Hải học rất thông minh, nổi tiếng thần-đồng. Mỗi ngày học hành một tấn tới, văn chương hay nhất trong đời. Đến năm 23 tuổi, thi đỗ Trạng-nguyên.

Hôm vinh-qui về làng, người trong làng phải phục dịch khó nhọc, có người biết nguyên ủy ông ấy, bảo riêng với nhau rằng:

- Không biết người ở xứ nào, đến đây mà làm khổ dân ta thế này!

Giáp-Hải nghe lỏm được câu ấy, không biết vì cớ làm sao. Một hôm, xét xem các mồ mã tổ-tiên, thì không có ngôi nào đáng phát Trạng-nguyên, trong bụng hồ nghi lắm. Nhân mới hỏi những người quen thuộc, có người biết truyện nói với ông ấy. Giáp-Hải mới đến tận làng Công-luận dò xem, thì thấy có bà cụ già ngoài 70 tuổi, bán hàng bên cạnh đường, trông ra tình cảnh khốn đốn lắm.

Giáp-Hải sai người vào hỏi rằng:

- Bà cụ kia có chồng con gì không, sao mà khốn khó đến thế?

Bà cụ nói:

- Tôi là người ở làng này, khi xưa có đẻ được một mụn con giai, đã 4,5 tuổi, chơi với trẻ con ở bờ sông, rồi không biết nó lạc đi đâu mất. Bấy giờ chỉ có một thân, không biết nương cậy vào đâu, tình cảnh sầu thảm, nói ra không xiết.

Giáp-Hải đồ là mẹ mình, mới sai người bảo rằng:



- Bà cụ già cả mà không có ai trông nom, thì theo về với tôi để tôi nuôi cho, có bằng lòng không?

Bà kia nói:

- Nếu quan lớn có bụng thương tôi như thế, thì phúc cho tôi lắm!

Giáp-Hải mới đem về nuôi nấng, nhưng cũng chưa dám chắc hẳn là mẹ. Chân Giáp-Hải vốn có nốt ruồi đỏ, thường khi ngồi nhàn để lộ ra. Bà cụ ấy một hôm trông thấy, cứ nhìn tròn trọc không chớp mắt.

Người nhà quả rằng:

- Quí thể quan lớn, bà cụ kia sao dám nhìn mãi thế?

Bà kia nói:

- Tôi khi xưa sinh được một đứa con giai, cũng có cái nốt ruồi như thế, nay tôi trông thấy, tôi lại nhớ đến con tôi, cho nên tôi nhìn ngắm một chút, xin quan lớn thứ lỗi cho tôi.

Giáp-Hải lập tức gọi bà ấy hỏi cặn kẽ từng tí, bà cụ ấy kể rạch ròi thủy chung, Giáp-Hải buồn rầu mà than rằng:

- Ta bầy bạ uống mất một đời, có mẹ mà không biết, nay nhờ giờ mà được gặp đây, mới biết đến mẹ.

Tự bấy giờ mẹ con nhìn nhận nhau, hết đạo phụng thờ sớm tối.

Về sau, Giáp-Hải làm Đề-diệu trường thi-hương ở tỉnh Sơn-nam. Hôm vào trường, Giáp-Hải ra đầu bài hiểm hóc, học-trò nhao nhao, toan sự phá trường mà ra, Giáp-Hải phải điều đình ra đầu bài khác, học-trò mới yên. Sai người dò xét, bắt được người thủ-xướng phá trường, sai điếu ra ngoài cửa trường kết án trăm-quyết. Người học-trò ấy kêu nhà độc đỉnh, xin nộp nghìn quan tiền chuộc tội, nhưng Giáp-Hải không nghe, nhất định chính pháp.

Được ít lâu, con Giáp-Hải là Giáp-Phong, cũng đã đỗ tiến-sĩ, làm quan trong tòa Hàn-lâm, đã ngoài 30 tuổi, bỗng một hôm vô bệnh mà mất. Rồi bốn con giai, hai con gái cũng mất luôn cả một giao. Giáp-Hải thương xót vô cùng, mời thầy phù-thủy đánh đồng thiếp.

Thầy phù-thủy bảo Giáp-Hải ngồi tĩnh nhấm mắt lại, rồi thư phù niệm chú một lúc, bỗng nhiên Giáp-Hải ngã gục xuống. Trong khi ấy thấy có một người sứ-giả, đưa đến một nơi cung phủ, trong đó có ba bộ ngai ngồi, bên cạnh có một tấm phản, và có một cái gông sơn son đỏ để đấy.

Giáp-Hải hỏi những người canh cửa rằng dinh tòa nào, thì họ nói rằng:

- Đây là tòa Diêm-vương hỏi kiện đây, cái gông sơn đỏ để chờ quan Trạng-nguyên ở làng Sính-kế đấy.

Giáp-Hải nghe nói lập tức ra ngay. Sứ-giả lại đưa đến một chỗ đền đài mát mẻ, phong cảnh lạ lùng. Giáp-Hải trông thấy con là Giáp-Phong đang ngồi đánh cờ với một ông quan khác. Phong trông thấy cũng ngoảnh mặt nhìn ra, nhưng không nói một câu gì.

Ông quan kia hỏi rằng:

- Ông cũng quen người ấy đấy ư, sao mà nhìn mãi người ta thế?

Phong nói rằng:

- Tôi trước kia ở trên trần, có trọ nhà ông ta hơn 30 năm, vì ông ta giết oan mất một người, cho nên tôi không ở nữa; nay thấy ông ta đến đây, chẳng lẽ không nhìn một chút.

Ông ấy thấy nói vậy, không hỏi gì nữa đi ra. Sứ-giả đưa về thì tỉnh. Biết là cái nợ oan-gia, mà lẽ báo ứng của nhà Phật cũng có. Vì thế sai gọi nhà người học-trò bị giết khi trước, cho tiền về làm chay cho anh ta. Từ bấy giờ, nhà ông ấy cũng yên ổn không việc gì.

Về sau, làm đến Lại-bộ Thượng-thư, Thái-bảo Sách quốc-công, về nhà trí sĩ.

Giáp-Hải nhận tổ-mộ ở làng Bát-tràng, cho nên văn-chỉ huyện Gia-lâm phải thờ ông ấy. Đến sau có ông Tiến-sĩ Nguyễn-mậu-Thịnh, cho Giáp-Hải là người làng Sính-kế, và lại làm quan nhà Mạc, muốn tước tên ông ấy ở trong sổ tiên-hiền huyện Gia-lâm. Đêm nằm mơ thấy Giáp-Hải đòi lại mạng rằng: *“Tao tội gì mà dám tước tên tao, mày là bọn hậu sinh, sao dám khinh nhờn tiền bối, sẽ có báo ứng cho mày xem.”* Ông kia vì thế sợ hãi, không dám xóa tên đi nữa. Nay huyện Gia-lâm vẫn còn thờ, mà làng Bát-tràng cũng phải cúng tế

## 25. Phạm-Trấn, Đỗ-Uông

Huyện Gia-phúc (bây giờ là huyện Gia-lộc), tỉnh Hải-dương, một người tên là Phạm-Trấn ở làng Lâm-kiên; một người tên là Đỗ-Uông ở làng Đoàn-lâm, hai làng giáp giới với nhau.

Làng Đoàn-lâm có một con yêu-tinh, thường thường biến hiện trăm vẻ, trêu ghẹo người ta, làng ấy tìm phương kế trừ mãi không được.

Ông Đỗ-Uông khi còn nhỏ, một đêm ngồi học trong nhà, con yêu-tinh thò tay vào trong cửa sổ trước chỗ bàn học để trêu ghẹo Đỗ-Uông. Đỗ-Uông nói truyện với thầy phù-thủy, thầy phù-thủy xui lấy chỉ ngũ-sắc mà buộc lấy tay nó. Đêm hôm sau, con yêu-tinh quen thói lại đến. Đỗ-Uông vội vàng cầm chỉ ngũ-sắc trói lại, buộc vào cửa sổ. Con yêu-tinh quả nhiên không biến được nữa, mới kêu van, Đỗ-Uông nhất định không tha. Mãi đến gần sáng con yêu-tinh lại kêu rằng:

- Ông ngày sau đại quý, tôi muốn bôn ông đấy thôi, nỡ nào ông lại hại tôi?

Đỗ-Uông hỏi:

- Như tài sức tao, thì có đỡ nổi được Trạng-nguyên không?

Con yêu nói:

- Trạng-nguyên đã có một ông họ Phạm, ông chỉ đỡ được Bảng-nhân mà thôi.

Lại hỏi:

- Mày có của gì mà thiêng được, hể cho tao xem thì tao sẽ tha cho mày.

Một lát, thấy con yêu nôn ọe, nhổ ra một hòn ngọc, cầm ở trong tay, ánh sáng lòe vào trong ngôi nhà, rồi lại nói rằng:

- Tôi chỉ nhờ có của này mới thiêng, nay xin dâng ông để giúp thêm cho việc học hành.

Đỗ-Uông cầm lấy hòn ngọc, nuốt vào bụng, rồi mới cởi trói tha cho nó đi. Từ bấy giờ con yêu mất thiêng, không quấy nhiễu gì nữa. Mà ông Đỗ-Uông từ khi nuốt hòn ngọc ấy, văn-chương mỗi ngày một hay, nổi tiếng trong các trường, văn ông Phạm-Trấn vẫn không kịp.

Đến khoa thi hội thời Quang-bảo nhà Mạc, hai ông cùng trạc 34 tuổi, và cùng đỗ hội. Đến hôm thi đình, Đỗ-Uông trông thấy đầu bài, toàn chỗ nhớ cả, chắc là nắm Trạng-nguyên trong tay. Bấy giờ Phạm-Trấn ngồi trong lều làm văn, phảng phất như có hai người giúp đỡ. Một người là Đông-phương-Sóc, một người là Hàn-Kỳ. Hai người đứng cạnh đọc lên cho Phạm-Trấn viết. Rồi lại thấy Đông-phương-Sóc bảo với Hàn-Kỳ rằng:

“*Phải có một người sang làm cho Đỗ-Uông đau bụng, để giảm bớt sức văn của hắn đi mới được.*” Một lát sau nghe tiếng Đỗ-Uông ngồi lều bên kia, rên lên khừ khừ, không sao viết được. Đến lúc Phạm-Trấn viết hơn một đoạn, thì Đỗ-Uông mới bớt đau bụng, làm được văn, cho nên nhớ nhiều mà sức văn hơi kém.

Khi xướng hồi-danh, quả nhiên Phạm-Trấn đỡ Trạng-nguyên, mà Đỗ-Uông thì đỡ Bảng-nhân, Phạm-Trấn mừng lắm nói rằng:

- Phen này ta mới đề nổi được Đỗ-Uông!

Đỗ-Uông nghe vậy tức lắm. Đến lúc vinh-qui, Trạng, Bảng cùng về một đường. Bảng nhất định không chịu nhường Trạng đi trước, cứ song cương ngựa đi ngang hàng nhau. Đi mãi đến chợ Bồng-kê làng Hoạch-trạch, người làng ấy vốn biết tiếng hai ông hay chữ, nay cùng vinh-qui về qua cầu làng, mới ra xin hai ông cho một bài thơ đề vào cầu.

Hai ông bảo nhau rằng:

- Cầu ngói này hơn mười gian, hạn đi qua bảy gian, thì người vịnh xong một bài thơ, hễ ai làm xong trước thì đi trước, không được tranh nhau.

Phạm-Trấn y ước, ngồi trên xe ngựa vừa đi vừa vịnh, đi khỏi bảy gian, thì vừa xong tám câu thơ. Ai cũng chịu là tài, chỉ Đỗ-Uông không chịu, nói rằng:

- Bài ấy chẳng qua làm sẵn tự bao giờ, không phải mới làm, tài gì mà khen.

Nói thế rồi lại cứ đi ngang hàng. Đi đến làng Minh-luân, lại có người mới làm nhà xong, đón đường xin một bài thơ để mừng nhà mới.

Phạm-Trấn ứng khẩu đọc một bài rằng:

*Năm năm thêm phú quý,  
Ngày ngày hưởng vinh hoa  
Xưa có câu như thế,  
Nay mừng mới làm nhà.*

Đỗ-Uông hơi chịu tài nhanh hơn mình. Khi đến cầu làng Đoàn-lâm, tục gọi là cầu Cốc. Trong cầu có một người con gái bán hàng, tên là cô Loan. Hai ông mới thách nhau làm bài thơ nôm, đầu bài ra: “*Cô Loan bán hàng cầu Cốc.*” Hạn phải mỗi câu dung hai tiếng thuộc về giống cầm, qua cầu phải xong bài thơ, hễ ai xong thì được đi trước, không được tranh nhau nữa.

Ông Phạm-Trấn ngồi trên ngựa lại ngâm xong trước.

Thơ rằng:

*Quai vạc đôi bên cánh phụng phong,*

*Giở giang bán trác tựa đồ công.  
Xanh le mở khếp nem hồng mới,  
Bạc ác phô phang rượu vệt nồng.  
Vân vân ...* [\[44\]](#)

Đỗ-Uông bấy giờ mới chịu nói rằng:

- Thò đọc ra đã thành thơ, nếu không có quỷ ngâm thần trợ, thì sao được thế này?

Từ đấy mới nhường Trạng đi trước. Một hôm, Đỗ-Uông đi lên xem ngôi mả tổ nhà ông Phạm-Trấn, thấy có hai cái gò đất nhỏ ở hai bên ngôi mộ, tục gọi là gò Thần-đồng. Đỗ-Uông trở vào nói rằng:

- Mấy phen thằng ấy nó dè ta là bởi có hai đồng đất này đây!

Mới lấy chân đạp vào hai gò đất ấy. Phạm-Trấn từ khi ấy phải bệnh điếc tai, chưa thuốc mãi không khỏi. Có người mách với Phạm-Trấn rằng: Đỗ-Uông đạp vào gò Thần-đồng. Phạm-Trấn kêu với vua, vua bắt Đỗ-Uông phải tạ mả tổ nhà ông Phạm-Trấn bấy giờ mới khỏi.

## 26. Lê-như-Hổ

Lê-như-Hổ người làng Tiên-châu, huyện Tiên-lữ (bây giờ thuộc về tỉnh Hưng-yên). Như-Hổ to lớn đầy đà, cao 5 thước 5 tấc, lưng rộng 1 thước rưỡi, nhà nghèo mà hay học; ăn thì cực khỏe, mỗi bữa ăn một nồi bảy cơm mà chưa no. Học được nửa năm, vì nhà nghèo không đủ ăn, mới ở gửi về một nhà giàu ở làng Thiên-phiến. Nhà vợ mỗi bữa cho ăn một nồi năm cơm, thì Như-Hổ thường lơ lửng nhác học.

Bố vợ hỏi bố đẻ Như-Hổ rằng:

- Trước tôi nghe thấy nói con ông chăm học lắm, sao từ khi hẵn đến ở nhà tôi, thì lười biếng không chịu học, là có làm sao?

Ông này hỏi:

- Từ khi cháu ở nhà ông, ông cho ăn uống như thế nào?

Ông kia nói:

- Mỗi bữa nồi năm cơm rồi đấy!

- Nhà tôi nghèo như thế, mỗi bữa còn phải cho nó ăn nồi bảy cơm. Ông cho nó ăn ít làm vậy, trách nào mà nó chẳng biếng học.

Ông kia nghe nhời, mới cho ăn hơn khi trước, từ bấy giờ Như-Hổ học thêm được một vài tiếng lại thôi.

Mẹ vợ bảo với chồng rằng:

- Ông khéo kén được rể quý hóa nhỉ! Chỉ được bộ ăn khỏe thì không ai bằng. Dù có gượng mà học nữa, cũng không làm trò gì được tuồng hay ăn ấy.

Bố vợ biết điều, bảo rằng:

- Nó ăn hơn người, sức nó tốt hơn người, can gì mà lo?

Mẹ vợ hỏi:

- Có phải sức nó hơn người, tôi có vài mẫu ruộng bỏ cỏ rậm kia kìa, ông thử bảo nó dọn cỏ đi cho tôi, xem nó có làm được không.

Như-Hổ nghe thấy nói như vậy, sang sớm mai, lập tức vác dao phát bờ đem ra ruộng. Đến chỗ gốc cây đa to, thấy chỗ ấy mát mẻ, mới nằm ngủ ở dưới gốc cây.

Mẹ vợ thấy rể vác dao ra đồng, cũng đi chợ mua đồ ăn để về làm cơm cho rể ăn. Khi về qua ruộng, thấy rể nằm ngủ khi ở dưới gốc cây, bà ấy điên tiết, chạy tất tả về bảo với chồng rằng:

- Ông còn bảo thối cơm nhiều cho nó ăn nữa thôi? Gớm mặt nó! Nó nói ra đồng dọn cỏ, thế mà từ sang sớm đến giờ, vẫn còn nằm chương thây

chương xác ra ngoài ấy, rồi ông quý thật!

Hai ông bà mới dắt nhau ra đồng xem. Không ngờ từ lúc bà kia đi về, thì Như-Hổ lập tức đứng dậy phát cỏ. Chỉ một lúc, dọn sạch quang cả vài mẫu ruộng. Cá dưới ruộng chạy không kịp, chết nổi lều bều cả lên mặt nước. Khi hai ông bà đến nơi, thì thấy ruộng đã sạch rồi, bấy giờ mới biết tài sức của Như-Hổ.

Khi lúa chín, mẹ vợ thối sẵn nồi 20 cơm, sai Như-Hổ ra gọi thợ gặt, Như-Hổ ra ngoài một lát, trở về nói dối rằng:

- Tôi đã gọi nhưng không ai chịu làm, vậy để tôi ăn xong sẽ gặt giúp cho mẹ.

Nói rồi dọn cơm ra ăn, một mình đánh hết nồi 20 cơm.

Mẹ vợ lấy làm quái lạ, nói rằng:

- Cối xay nào mà chứa được như thế, có vỡ bụng ra mất không?

Như-Hổ nói:

- Mẹ đừng ngại, việc gặt hôm nay, tôi xin nhận làm một mình.

Mới lấy một cây tre to làm đòn càn, và đem sẵn liềm hái thường trạc ra đồng. Vừa được nửa buổi thì gặt xong hai mẫu ruộng lúa, bó làm bốn gánh quảy về nhà. Mẹ vợ từ đấy mới có bụng yêu, mỗi bữa cho ăn thật no để mà học.

Làng bên cạnh có hội đánh vật, năm nào Như-Hổ cũng đến phá giải. Các đô vật ai cũng chịu, không ai dám ganh sức với Như-Hổ, vì thế đặt tên là Như-Hổ.

Đến năm gần 30 tuổi, văn chương hay lấy lừng có tiếng ở đời, rồi thi đỗ Tiến-sĩ trong thời Quang-hòa nhà Mạc. Bấy giờ có người đỗ đồng khoa với Như-Hổ tên là Nguyễn-Thanh, ở huyện Hoằng-hóa, tỉnh Thanh, có khi nói chuyện đến gia-tư nhà mình, Như-Hổ nói bỡn rằng:

- Gia-tư nhà bác, chỉ đủ cho tôi ăn một tháng là cùng.

Nguyễn-Thanh nói:

- Ông khinh tôi quá làm gì thế, tôi tuy chẳng có gì nhưng cũng đủ cung phụng ông được ba tháng.

- Thôi đừng nói ba tháng, ông thử cho tôi ăn một bữa xem làm sao.

Ông kia vâng nhời, hẹn ngày mời Như-Hổ vào chơi. Đến hôm hẹn, Như-Hổ vào nhà Nguyễn-Thanh, không ngờ hôm ấy lại đi vắng.

Như-Hổ bảo với người vợ Nguyễn-Thanh rằng:

- Tôi bạn với quan Nghè đây, nhân có việc quan đi qua đây, có hơn 30 đĩa đầy tớ, nhờ phu-nhân một bữa cơm.

Phu-nhân lập tức sai người nhà làm thịt con lợn, dọn 5,6 mâm cơm mang ra.

Như-Hổ bảo người đầy tớ rằng:

- Mày ra gọi chúng nó vào đây.

Lâu mãi không thấy một người nào, chỉ trọi một mình ông Như-Hổ, ngồi đánh hết cả sáu mâm cơm. Ăn xong, gửi nhời tạ ơn rồi đi.

Chiều tối, Nguyễn-Thanh trở về, vợ nói rằng:

- Hôm nay có một truyện nực cười quá chừng! Có một người nói là quen nhau với ông, nhân việc quan đem nhiều đầy-tớ đi qua, nhờ một bữa cơm, tôi tưởng là thật, làm 5,6 mâm cỗ. Té ra chỉ một mình người ấy ngồi ăn, tôi ở trong buồng trông ra, cứ mỗi một bát và một miếng, ăn như hùm đơm đó, chỉ một lát hết ba nồi cơm và sáu mâm cỗ, không biết là người hay là quỷ đói.

Nguyễn-Thanh phàn nàn nói rằng:

- Đây là người anh em với tôi, trước có hẹn đến chơi, nhỡ ra quên mất, chắc là ông ta lại trách tôi sai hẹn.

Bữa khác, Nguyễn-Thanh nhân việc, đi qua làng Tiên-châu, vào chơi nhà ông Như-Hổ. Như-Hổ sai người nhà làm thịt hai con lợn béo và thối bốn mâm xôi, dọn ra hai bàn, mỗi bàn một con lợn, hai mâm xôi. Một bàn thết Nguyễn-Thanh, còn mình ngồi riêng một bàn. Nguyễn-Thanh ăn hết một góc mâm và một phần chia tư con lợn. Như-Hổ thì ăn hết sạch cả bàn mình, lại ăn thêm sang một góc xôi thịt ở bàn ông kia, chỉ còn một nửa để cho người nhà.

Nguyễn-Thanh thất kinh nói rằng:

- Ngày xưa ông Mộ-Trạch đã có tiếng ăn khỏe, mà chỉ hết 18 bát cơm và 12 bát canh là cùng. Nếu ông ấy sinh ra đồng thời với ông, thì cũng phải kém ông ba bậc.

Hai người cùng cười ầm cả lên.

Về sau Như-Hổ làm đến Thượng-thư, được phong làm Thiếu-bảo Lữ quận-công, rồi về trí-sĩ. Thọ 72 tuổi mới mất.



## 27. Phùng-khắc-Khoan

Khắc-Khoan người làng Phùng-xa, huyện Thạch-thất, tỉnh Sơn-tây.

Tục truyền Khắc-Khoan tức là anh em cùng mẹ khác cha với ông Nguyễn-bình-Khiêm (Trạng Trình). Nguyên bà ấy từ lúc bỏ ông Văn-Định, lên Sơn-tây lấy chồng khác, rồi sinh ra Khắc-Khoan. Khắc-Khoan sinh ra có tư chất thông-minh. Khi mới nhớn, bà mẹ cho xuống Hải-dương theo học anh là Bình-Khiêm. Bình-Khiêm hết lòng dạy dỗ, mới thành ra một người kiêm đủ văn chương tài đức. Nhân khi bấy giờ nhà Lê giữ ở Thanh-hóa, Bình-Khiêm biết cơ nhà Lê có hồi trung-hưng được, xui Khắc-Khoan vào trong đấy để giúp nhà Lê. Khắc-Khoan vào thì vua Trang-tôn nhà Lê mừng rỡ tin dùng lắm, bàn mưu lập mẹo, giúp lên được lắm việc to tát. Đến thời vua Thế-tôn nhà Lê khôi phục được kinh thành Thăng-long, vua sai Khắc-Khoan sang sứ nhà Minh để cầu phong tước. Nhà vua phong cho vua Thế-tôn làm An nam Đô-hộ-sứ.

Khắc-Khoan trả lại sắc vua Tàu và dâng biểu nói rằng:

- Chúa tôi là họ Lê, nguyên là dòng dõi vua nước An nam tôi, không có tội gì như nhà Mạc, mà lại phải chịu chức tước như họ Mạc, thì chúng tôi không dám nhận sắc-mệnh, xin Hoàng-đế thiên triều xét lại cho.

Vì thế vua nhà Minh lại phong cho vua Thế-tôn làm An nam quốc-vương.

Trong khi đi sứ, gặp ngày tết Nguyên đán, vua Tàu sai các đình-thần và các sứ-thần ngoại-quốc, mỗi người phải dâng bài thơ chúc mừng. Các người kia ai cũng dâng một bài, chỉ Khắc-Khoan dâng lên 36 bài, mà bài nào cũng hay. Vua Tàu phê cho đỗ Trạng-nguyên, bởi thế mới gọi là trạng Bùng. (Bùng tức là làng Phùng-xá, tục gọi là Bùng).

Khi đi sứ trở về, qua tỉnh Lạng-sơn, gặp khi bà chúa Liễu hiện hình chơi trên đỉnh núi. Đôi bên đối đáp với nhau một hồi, rồi bà chúa Liễu biến mất. Khắc-Khoan lại trông thấy gỗ ngổ ngang dọc đường, nhận ra chữ “*Liễu-Hạnh*” và chữ “*Phùng*”, biết là ý bà chúa Liễu muốn nhờ Khắc-Khoan đứng lên khởi công lập đền thờ bà ấy.

Về sau, nhân lúc thông thả, Khắc-Khoan đem hai người là Ngô, Lý đi chơi hồ Tây, lại gặp bà chúa Liễu phen nữa, có làm thơ xướng họa liên ngâm.

Khắc-Khoan làm quan đời trung-hưng, công-nghiệp rất là hiển hách. Dần dần làm đến Thái-phó, được phong làm quốc-công, ngoài 70 tuổi mới mất.

## 28. Lê-quí-Đôn

Lê-quí-Đôn quê ở làng Diên-hà, phủ Thái-bình, (bây giờ mới đặt riêng thành tỉnh).

Khi trước ở phủ ấy có một ngôi đất quý, mà ai táng vào thì dân động, lại phải nhổ đi. Các thầy địa-lý ai cũng khen kiểu đất đẹp mà không ai dám táng vào. Một hôm, có một người say rượu, lập tâm muốn táng vào ngôi đất ấy, mới nằm liêu ở đấy, cho chết đi thì thôi. Nửa đêm thấy có thần nói truyện với nhau rằng: *“Chúng ta giữ đất này, mà có người muốn liêu chết để chiếm lấy, chúng ta chẳng hóa ra phải tội với thượng-đế ư?”* Một ông thần kia nói rằng: *“Hãy thử sờ vào bụng nó xem còn ấm hay lạnh rồi.”* Mới lấy tay sờ vào bụng anh ta, anh ta sợ phải đứng dậy chạy về.

Đêm hôm ấy, thần báo mộng cho người đàn anh trong làng rằng:

- Ngôi đất này là để dành cho người họ Lê ở làng Diên-hà, dân chúng mày phải giữ, nếu để cho người khác táng vào thì dân chúng mày sẽ phải vạ cả.

Người ấy tỉnh dậy lo lắng, hôm sau hội dân lại bàn rằng:

- Ngôi đất ấy có thần giữ, người làng ta táng không được, mà để cho người xứ khác đến táng thì dân động. Các nhà địa-lý, thường thường đi lại, chỉ sợ tiếng ấy lộ ra ngoài, thì người quyền thế bắt hiếp dân mà táng, dân ta chẳng thiệt hại lắm ư? Bây giờ thần bảo để dành cho người họ Lê làng Diên-hà, không biết bao giờ cho họ ấy đến táng, để dân ta đỡ một đoạn khó nhọc.

Giữa lúc đang bàn, thì có một cụ già vào ăn xin. Người làng hỏi:

- Ông cụ kia ở đâu?

Thưa rằng:

- Tôi ở làng Diên-hà.

- Họ gì?

- Thưa tôi họ Lê.

Cả làng mừng nói rằng:

- Ở đây có một ngôi đất to, thần cho họ Lê làng Diên-hà. Cụ có phải họ Lê, thì đem tiên-phần lại mà táng, về sau phát đạt, chẳng những cụ khỏi phải khổ sở, mà dân tôi cũng đỡ được một sự quan ngại.

Cụ kia mừng rỡ, về ngay nhà đem tiên-phần lại táng vào huyệt ấy. Về sau, con cụ ấy là Lê-trọng-Thứ quả nhiên đỗ Tiến-sĩ, làm quan rồi sau được phong là Trung-hiếu công.

Trung-hiếu công muện con, cùng với phu-nhân cầu tự ở chùa Quang-

thừa huyện Kim-bảng. Phu-nhân nằm mơ thấy giời cho một con Kì-lân, mới có thai mà sinh ra Lê-quí-Đôn.

Quí-Đôn thông minh khác thường, mới lên hai tuổi đã biết được hai chữ “hữu, vô.” Thử một trăm lượt cũng cứ trở vào chữ ấy. Lên 5 tuổi, cho học Kinh-thi, thì học đâu nhớ đến đấy, không chữ gì phải bảo đến hai lượt. Lên sáu tuổi đã biết làm thơ, làm văn.

Khi 7, 8 tuổi cưỡi truồng đi tắm, có một quan Thượng vào chơi với ông Trung-hiếu-công. Trông thấy đứa trẻ, hỏi thăm vào nhà ông kia, đứa trẻ ấy đứng giang hai chân ra và bảo quan Thượng rằng:

- Tôi đồ ông biết chữ gì đây, hễ ông biết được thì tôi sẽ đưa ông vào nhà.

Ông kia thấy đứa trẻ con hồn sượng, không thèm nói gì. Đứa ấy cười ầm lên nói rằng:

- Chữ *thái* (太) thế mà không biết!

Ông Thượng thấy đứa kỳ dị, hỏi ra mới biết là con ông Trung-hiếu-công. Lúc vào chơi nhà gọi lên mắng rằng:

- Mày là thằng rần đầu rần cổ, phải làm một bài thơ tự trách mình, nếu không làm được thì phải đòn.

Quí-Đôn vâng lời làm một bài thơ nôm rằng:

*Chẳng phải liu điu vẫn giống nhà,  
Rần mà chẳng học chẳng ai tha.  
Thẹn đèn, hổ lửa đau lòng mẹ,  
Nay thét, mai găm rât cổ cha.  
Chém mép chỉ quen tuồng nói dối,  
Lăn lừng cam chịu tiếng roi tra.  
Từ rầy Châu, Lỗ chăm nghề học,  
Chớ để người ta tiếng thế gia.*

Ông kia thấy bé một tí tuổi, mà văn chương tài hoa, nước nỡ khen mãi không thôi. Lại một khi, Quí-Đôn đến chơi nhà lý-trưởng, nhác trông thấy một quyển sổ, biên những người thiếu thuế má, kẻ thì một vài quan tiền, người thì năm bảy đấu thóc. Quí-Đôn xem qua một lượt, rồi trả người lý-trưởng. Đến sau nhà ấy bị cháy, mất cả quyển sổ, các món nợ kẻ thiếu người đủ, không biết tra khảo vào đâu. Khi gặp Quí-Đôn phàn nàn về sự mất quyển sổ.

Quí-Đôn bảo rằng:

- Quyển sổ ấy tôi đã nhớ cả rồi, để tôi đọc cho mà sao lại, can gì mà lo.

Quí-Đôn đọc thì không sai lẫn một ly nào, nhưng người lý-trưởng vẫn

chưa dám quyết. Đến lúc chiếu sổ ra thu các món, thì phải cả, không ai cãi cò gì, mới biết là Quý-Đôn sáng dạ.

Năm 18 tuổi, đỗ Thủ-khoa. Ai cũng chắc Quý-Đôn thi hội thì đỗ Trạng-nguyên. Có một ông quan triều bảo với ông Trung-hiếu-công rằng:

- Nước ta lâu nay không có Trạng, khoa này hẳn con ông đỗ được Trạng-nguyên.

Lại hỏi rằng:

- Nội các sách, công-tử đã xem được hết cả chưa?

Ông kia nói:

- Sách nhà tôi thì cũng nhiều, duy còn thiếu một bộ “*Trinh-quán chính-yếu*”, vậy thì ngài có bộ ấy, xin cho cháu nó mượn xem vài hôm.

Ông kia cho mượn, nhưng bỏ ra vài tờ, để ra đầu bài, vì thế khoa ấy Quý-Đôn chỉ đỗ Bảng-nhân.

Khi đỗ rồi, hai cha con cùng làm quan thời vua Hiếu-tôn nhà Lê. Vua có khen rằng:

- Hai cha con nhà người, cùng có bụng trung-quân ái-quốc, thế mới gọi là trung-hiếu truyền gia!

Về sau, Quý-Đôn phụng mệnh sang sứ bên Tàu, các quan Tàu, thấy người thông-minh, ai cũng có lòng kính trọng.

Có một ông Tú-tài Tàu vào bậc hay chữ, thông cả thiên-văn địa-lý tướng-số. Nghe tiếng Quý-Đôn là người anh-tài nước Nam, có ý muốn thử. Một bữa rú Quý-Đôn đi chơi chùa xem bài văn bia. Ngọn chùa ấy, ở cạnh bờ sông, cứ mỗi buổi chiều thì có nước thủy-triều tràn lên, ngập cả bia. Khi Quý-Đôn mới xem xong thì nước đã kéo đến, ông Tú-tài dắt Quý-Đôn về chơi nhà, hỏi lại bài văn bia, thì Quý-Đôn đọc cả bài, không nhầm lẫn một chữ nào. Ông kia chịu là thông-minh.

Ông Tú-tài kia bảo với Quý-Đôn rằng:

- Tôi xem tướng ông, về sau tất phải chịu tội cách hết chức tước. Tôi có ngôi mộ ở trước chùa Quang-minh bên nước Nam, ông có về nước, trông nom sửa sang giúp cho tôi; sau 20 năm nữa, thì tôi chắc đỗ Trạng mà sang xứ bên ấy, thì tôi sẽ cứu cho ông.

Quý-Đôn vâng nhời từ về, tìm thấy ngôi mộ ấy sửa sang lịch sự. Về sau, con và một người học-trò Quý-Đôn, cùng có tiếng hay chữ. Đến khoa thi, vua Lê chúa Trịnh đánh cuộc với nhau: vua thì đoán con Quý-Đôn đứng đầu; chúa thì đoán học-trò Quý-Đôn đỗ đầu. Nhưng Quý-Đôn dặn người học-trò đánh tráo văn cho con mình, bởi thế người con đỗ đầu, mà người học-trò thì đỗ thứ hai. Vua được cuộc mà chúa thì thua. Chúa Trịnh xưa

nay vẫn biết sức người học-trò hơn mà mình bị thua cuộc, lấy làm tức lắm. Rồi dần dà vỡ cái mưu gian, chúa Trịnh nổi giận, cách chức Quí-Đôn và cách cả khoa-mục của hai người.

Quí-Đôn phải cách chức buồn rầu lắm. Được vài năm, quả nhiên người Tú-tài Tào đã đỗ Trạng-nguyên và sang sứ bên nước Nam. Khi sứ vào đến cửa ải, hỏi thăm biết Quí-Đôn phải cách rồi, mới lưu lại ở cửa ải, sai người mang một tấm vóc đề một chữ (車) và đưa giấy nói rằng:

- “Đố cả nước Nam biết là chữ gì, nếu không ai biết thì không sang sứ nữa.”

Vua và chúa hội cả quần-thần lại hỏi, thì không ai biết là chữ gì. Vua và chúa lấy làm lo lắng. Các quan nói với chúa rằng:

- Việc này phải hỏi đến Lê-quí-Đôn mới xong. Xin chúa phục chức cho Lê-quí-Đôn, rồi triệu đến mà hỏi.

Chúa Trịnh bất-đắc-dĩ, phải trả lại hết chức tước của Lê-quí-Đôn, rồi cho đòi vào triều-đình hỏi chữ ấy.

Lê-quí-Đôn trước còn tù tã không biết, chúa lại trả khoa-mục cho con và người học-trò. Lê-quí-Đôn mới giải nghĩa chữ ấy và viết bốn chữ: “*Phi xa bất đông*” (匪車不東) vào tấm vóc sai người đưa lên cho sứ Tào.

Vua và chúa bây giờ mới nghĩ ra nó đồ mẹo; chữ viết không ra hình chữ xa (車) mà cũng chẳng ra chữ đông (東). Mà kinh thi có sẵn câu rằng: “*Phi xa bất đông*.” Đó là đồ một câu, nhưng chỉ viết một chữ mà đủ ý cả 4 chữ.

Sứ Tào thấy nói trúng vào ý mình mới sang sứ, đó là mẹo nó cứu cho Quí-Đôn đấy.

Tính ông Quí-Đôn trung tín thành thực, làm quan được bổng lộc, thường chia cho những người họ hàng thân thích. Dựng vợ gả chồng cho người trong họ, trước sau cả thấy 18 người. Những vợ con anh em bạn nghèo khó, cũng thường tư cấp cho ít nhiều. Mà xử vào trong mình rất tiết kiệm, thường chỉ mặc cái áo vải ăn cơm rau mà thôi. Lại hay xem sách, đã làm đến khanh-tướng, cũng vẫn học đến nửa đêm mới thôi. Xử với người ta thì cực nhũn, không có kiêu ngạo với ai bao giờ.

Đến khi trí-sĩ làm một cái nhà gianh, sửa sang vườn cảnh chơi bời, cửa đề hai chữ: “*cẩn trai*” để tỏ ý mình. Học-trò nhiều người làm nên đến khanh-tướng.

Một tay Quí-Đôn làm ra nhiều pho sách quý lắm, như là: *Thánh-mô hiền-phạm-lục*, *Kim-kính lục-chú*, *Hoàng-việt văn-hải*, *Vân-đài loại-ngữ*, *Kiến-văn tiểu-lục*, *Thái-ất quái-vận*, *Lục-nhâm hội-thông*, *Kim-cương kinh*

*chú giải, vân vân.*

## **Chương thứ V**

### **CÁC BẬC MÃNH TƯỚNG**

#### **29. Lê-phụng-Hiếu**

Lê-phụng-Hiếu người làng Bắg-sơn, phủ Thanh-hóa, (tức là xã Sơn-dương, huyện Hoắg-hóa, tỉnh Thanh-hóa bây giờ). Người cao lớn to tát, râu ria xồm xoàm, gân sức khỏe mạnh. Khi đang trạc 20 tuổi, có hai tôn Cỗ-bi, Đàm-xá tranh nhau địa giới, đem dân phu ra đánh nhau, Phụng-Hiếu vùng cánh tay lên bảo với người làng Cỗ-bi rằng:

- Chỉ một mình tôi có thể đánh đổ được muôn người.

Các cụ làng ấy mừng lắm

Làm rượu mời Phụng-Hiếu ăn uống. Phụng-Hiếu uống rượu say rồi ăn hết nồi ba mươi cơm mới no. Bấy giờ mới ra khiêu chiến với người làng Đàm-xá. Khi hai xã giáp chiến, Phụng-Hiếu vươn mình lên nhổ một cây to bên vệ đường, cầm ngang trong tay, xông vào đánh dân Đàm-xá. Dân kia rẽ ra mà chạy, không ai dám địch; mà ai địch cũng thua, hoặc chạy không kịp thì chết. Dân ấy sợ hãi, phải nhường trả ruộng làng Cỗ-bi.

Bấy giờ vua Thái-tổ nhà Lý, kén người có sức khỏe mạnh, để sung vào quân túc-vệ. Phụng-Hiếu ra ứng mộ, hầu hạ vua đặc dụng lắm, dần dần được nhắc lên làm Võ-vệ tướng-quân.

Khi vua Thái-tổ mất, vua Thái-tôn nối ngôi, có ba vị vương là Dực-thánh vương, Võ-đức vương và Đông-chinh vương mưu làm phản, đem binh phạm vào cửa cung đại-nội, muốn tranh ngôi vua Thái-tôn.

Vua Thái-tôn lo sợ, vời Phụng-Hiếu mà bảo rằng:

- Việc kíp đến nơi rồi, trẫm không biết nghĩ ra làm sao nữa, cho người được phép tự tiện mà giúp việc cho trẫm.

Phụng-Hiếu vâng mệnh, đem quân túc-vệ ra cửa cung, đánh nhau với quân ba phủ kia. Phụng-Hiếu trông thấy Võ-đức vương cưỡi ngựa đứng ngoài cửa Quảng-dương trở bảo quân sĩ, Phụng-Hiếu hầm hầm nổi giận, cầm gươm xông thẳng đến trước ngựa Võ-đức vương, trở vào mặt mà quát rằng:

- Các vương dám dòm nom thần-khí, coi thường thiên-tử, trên thì quên ơn Tiên-đế, dưới thì trái nghĩa tôi con. Tôi là Phụng-Hiếu đây, xin dâng đại-vương một thanh kiếm này!

Nói đoạn, xông thẳng vào chém, các quân chống lại không nổi, chạy giã ra bốn phía. Võ-đức vương toan quay ngựa, nhưng chạy không kịp, bị chém ngã quay xuống đất.

Quân ba phủ kia thấy vậy, người nào người nấy tìm đường tháo thân, quân túc-vệ thừa thế đánh tràn ra, giết quân ba phủ không còn mống nào, chỉ có hai vị vương kia chạy được thoát.

Vua Thái-tôn thấy Phụng-Hiếu thắng trận, gọi vào an úy rằng:

- Trẫm nay được thừa đường cơ nghiệp của Tiên-đế, và được toàn vẹn cái thân, toàn do tự sức của người cả. Trẫm xem sử nhà Đường, thấy Uất-trì Kính-đức cứu nạn cho vua Đường Thái-tôn, tưởng là các bầy tôi đời sau không còn ai trung dũng được như Kính-đức nữa, nay người khỏe mà lại trung với trẫm như thế, thì ra hơn Kính-đức ngày xưa.

Phụng-Hiếu lay tạ nói rằng:

- Bệ-hạ, đức cảm đến cả giới đất, uy khắp cả cõi xa; trong triều, ngoài nội, ai ai cũng phải tuân phép; thế mà chư vương dám manh tâm làm phản, thần thánh trên dưới, cũng có bụng muốn giết, cho nên mới trừ được loạn, chứ như chúng tôi thì có công gì.

Vua phong cho làm Đô-thống thượng tướng-quân. Đến năm Thiên-cảnh-thánh-võ, (1044) vua Thái-tôn vào đánh Chiêm-thành, sai Phụng-Hiếu làm tiên-phong, phá tan quân giặc, đánh lừng lẫy đến ngoại-quốc. Khi vua thành công trở về, định phong thưởng cho Phụng-Hiếu, nhưng Phụng-Hiếu từ không nhận tước thưởng, xin đứng ở trên núi Bạng-sơn, ném một thanh đao ra ngoài, hễ rơi xuống chỗ nào, thì xin đất đến đấy để lập nghiệp.

Vua ưng cho như thế. Phụng-Hiếu đứng ở trên đỉnh núi, ném một thanh đao ra ngoài mười dặm, xa xuống cắm vào làng Đã-mỹ. Vua mới ban thưởng cho đến nơi cắm đao, tính ra được hơn nghìn mẫu.

Tự đấy ruộng thưởng cho công-thần gọi là ruộng Thác-đao (nghĩa là cắm đao), là do sự tích ấy.

Phụng-Hiếu hết lòng thờ vua, biết điều gì nói điều ấy, mà động đi đánh trận nào cũng được. Đến năm 77 tuổi mới mất. Dân làng ấy lập miếu thờ làm phúc-thần, lịch triều có phong tặng cả.



### 30. Đoàn-Thượng

Đoàn-Thượng người làng Hồng-thị, huyện Đường-hào, tỉnh Hải-dương. Thời vua Huệ-tôn nhà Lý, phụng mệnh trấn thủ ở Hồng-châu.

Đoàn-Thượng có sức khỏe hơn người, gân xương như sắt, mỗi khi lâm trận, chỉ một đao một ngựa, xông vào đánh trăm nghìn người, tung hoành vô địch.

Đến khi Lý Chiêu-hoàng nhường ngôi cho vua Trần Thái-tôn, Đoàn-Thượng chiếm giữ một châu, không chịu hàng theo về với nhà Trần. Thái-sư nhà Trần là Trần-thủ-Độ sai sứ đến dụ hàng. Thượng nhất định không nghe. Chiêu binh tập mã, tự xưng là Đông-hải vương, có ý muốn khôi phục giang-sơn cho nhà Lý.

Trần-thủ-Độ đem quân xuống đánh nhau luôn mấy năm không phá nổi, mới lập mẹo sai người đến giảng hòa, mà kì thực sai một đại-tướng là Nguyễn-Nộn đem quân đánh tập công mặt sau.

Đoàn-Thượng chắc là giảng hòa rồi, phòng bị không được cẩn thận như trước, sức nghe tin Nguyễn-Nộn đến đánh, mới kéo quân ra cự địch. Đồi bên đánh nhau đang hăng, thì Thủ-Độ lại cầm đại-quân tự đường Văn-giang đánh đến mé trước. Quân nhà Trần hai mặt đánh dồn vào một, quân của Đoàn-Thượng kinh hãi chạy tán lác mất cả. Đoàn-Thượng vội vàng quay ngựa về đánh mặt tiền-quân, không ngờ bị một viên tướng nhà Trần, tự mé sau sấn lên chém với một nhát vào cổ gần đứt, Đoàn-Thượng ngoảnh lại, thì tướng kia sợ hãi mà chạy mất. Đoàn-Thượng mới cởi dây lưng ra buộc vào cổ cho khỏi rơi đầu, rồi hăm hăm tể ngựa chạy về phía đông. Chạy đến đâu, quân nhà Trần phải giãn đường cho chạy, chớ không dám đánh.

Khi chạy đến làng An-nhân, có một ông cụ già áo mũ chững chạc, chấp tay đứng bên đường nói rằng:

- Tướng-quân trung dũng lắm, Thượng-đế đã kén ngài làm thần xứ này rồi đây! Có một cái gò bên làng cạnh kia, đó là đất hương-hỏa của tướng-quân, xin tướng-quân để lòng cho.

Đoàn-Thượng vâng một tiếng, rồi đến chỗ gò ấy, xuống ngựa gối đầu vào ngọn mác mà nằm, một lát thì mất, mối đùn đất lên thành mồ ngay.

Dân làng ấy thấy vậy, lập miếu tô tượng để thờ. Về sau nước lụt vỡ đê, tượng trôi vào làng An-nhân, làng ấy lại lập một tòa miếu khác để thờ. Miếu ở cạnh bờ sông Hồng-giang, mé trước ngoảnh vào con đường cái chính xứ đông-bắc. Thần kinh ứng lắm, lễ qua lại mà ngạo ngược thì có tai nạn ngay. Các khách buôn thuyền qua lại cửa đền, có đồ lễ vào thì buôn bán đắt hàng. Tục truyền những khách buôn chum vại vào bán chợ Hồng,

ai mà vào đèn lễ thì buôn bán thông đồng, chóng hết lắm; mà ai không lễ, thì ế mãi không bán được, thường phải quăng bỏ ngoài bến sông, nếu không thể thì tất lại có sự sóng gió lo lường.

Lịch-triều cũng có phong tặng làm thượng-đẳng-thần. Miếu ấy đến giờ vẫn còn.

### 31. Phạm-ngũ-Lão<sup>[45]</sup>

Phạm-ngũ-lão là người học-trò ở làng Phù-ủng, huyện Đường-hào, tỉnh Hải-dương (bây giờ thuộc huyện Ân-thị, tỉnh Hưng-yên), có sức khỏe lạ thường, muôn người khôn địch.

Phạm-ngũ-lão mặt mũi khôi ngô, đủ cả văn tài võ lược. Nhà vốn chỉ có nghề làm ruộng, đến Ngũ-lão mới theo nghề học nho. Trong hai mươi tuổi đã có tính khảng khái. Trong làng có một người tên là Bùi-công-Tiến đỗ Tiến-sĩ ăn mừng, cả làng kéo đến mừng rỡ, chỉ có Ngũ-Lão không thềm đến.

Bà mẹ Ngũ-Lão bảo rằng:

- Con làm thế nào cho bằng người ta thì làm. Nay người ta ăn mừng, cả làng mừng rỡ, sao con không đến mừng một chút.

Phạm-ngũ-lão thưa rằng:

- Thưa mẹ, con chưa làm nên gì để vui lòng mẹ, mà con đi mừng người ta, thì con lấy làm nhục lắm.

Ngũ-Lão tính hay ngâm thơ, thường ngâm một bài rằng:

*Ngọn giáo non sông trải mấy thân,*

*Ba quân tỳ hổ át sao Ngâu.*

*Công danh nếu để còn vương nợ,*

*Luống thẹn tai nghe chuyện Võ-hầu.*

Nhà ở bên cạnh đường cái, có một khi Phạm-ngũ-lão ngồi vệ đường vót tre đan sọt, sức có Trần Hưng-đạo vương tự trại Vạn-an vào kinh, quân quyền kéo đi rất đông. Quân tiền-hô thấy Ngũ-Lão ngồi xếp bằng tròn bên cạnh đường, quát lên bắt phải đứng dậy. Ngũ-Lão cứ ngồi nghiêm nhiên như không nghe tiếng. Quân lính cầm ngọn giáo đâm vào đùi, Ngũ-Lão cũng cứ ngồi vững không động mình. Đến lúc xe Hưng-đạo vương đến nơi, trông thấy thế lấy làm lạ, gọi đến hỏi, thì bấy giờ mới biết là có quan quân đi qua, và quân lính đâm vào đùi mình.

Hưng-đạo vương hỏi rằng:

- Nhà thầy kia ở đâu, sao ta đi qua đây mà cứ ngồi chững chàng như vậy?

Thưa rằng:

- Tôi đang mải nghĩ một việc cho nên không biết là ngài chảy qua đây.

Hưng-đạo vương lấy làm kỳ, hỏi đến sự học hành, thì hỏi đâu nói đấy, nội là kinh truyện thao lược, không sót chỗ nào, ứng đối nhanh như nước chảy.

Hưng-đạo vương mới sai lấy thuốc dầu dịt vào chỗ nhát đâm, rồi cho ngõi xe đem vào kinh, dâng lên vua Thánh-tôn.

Vua thấy người có sức khỏe, lại có học thức, cho vào làm quản vệ-sĩ. Các vệ-sĩ không chịu, xin đấu sức với Ngũ-Lão. Ngũ-Lão xin vâng, nhưng xin vua cho về nhà ba tháng, để thu xếp việc nhà, rồi sẽ xin đấu sức và nhận chức nhân thể. Vua cho về, Ngũ-Lão về nhà ra ngoài đồng, tìm chỗ gò cao tập nhảy, cứ cách mười trượng chạy đến nhảy vót qua gò. Tập luyện thành rồi, vào kinh đấu sức. Khi đấu quyền với các vệ-sĩ thì không ai địch nổi, rồi Ngũ-Lão thách cả các vệ-sĩ cùng ra đấu. Các vệ-sĩ xúm xít xung quanh, hàng trăm nghìn người, Ngũ-Lão tay đâm chân đá, nhảy nhót như bay, chạm phải ai phi chết thì què gãy, các vệ-sĩ không tài gì mà đánh lại được, bấy giờ mới chịu phục.

Vua thấy người kiêu dũng làm vậy, cho theo Hưng-đạo vương đi đánh giặc Mông-cổ, thì đánh trận nào cũng được, lập nên công trạng rất nhiều. Hưng-đạo vương có lòng yêu mến, gả con nuôi là Nguyên quận chúa cho.

Về sau, nước Ai-lao đem một vạn voi sang cướp đất Thanh, Nghệ, vua sai Ngũ-Lão cầm quân đi đánh. Ngũ-Lão sai dân chặt tre đực cứ dài độ một trượng, trồng chặt vào các vệ đường. Khi Ngũ-Lão khéo quân vào đánh, giặc thúc voi sấn lên, Ngũ-Lão chỉ chân tay không sấn vào gặp đồng tre nào thì vớ lấy cái dóng tre chỗ ấy, đập vào chân voi. Voi bị đau gầm rống lên chạy về, giầy xéo cả vào quân Ai-lao. Ngũ-Lão mới thúc quân đánh tràn sang, quân Ai-lao tan vỡ, phải trốn về đêm.

Vì có những công to ấy, được lên làm Điện-tiền thượng-tướng quân. Đến khi mất, được phong làm thượng-đẳng phúc-thần, người làng Phù-úng lập miếu thờ ngay ở chỗ nhà Ngũ-Lão.

Ngũ-Lão nguyên là bộ tướng của Hưng-đạo vương, cho nên các đền thờ Hưng-đạo vương, cũng có thờ Ngũ-Lão nữa.

Tục lại truyền khi Ngũ-Lão còn hàn vi, xin với mẹ đi tìm kế lập công danh, ở trong nước chưa có dịp nào, mới sang ở chăn voi cho vua nước Ai-lao. Ngũ-Lão cầm một lá cờ đỏ dạy voi, hễ phát lá cờ thì voi phải quì xuống hết. Đến khi nghe tin có giặc Mông-cổ quấy nước Nam, mới về theo Hưng-đạo vương đi đánh giặc. Về sau nước Ai-lao sang cướp vùng Thanh, Nghệ, vua sai Ngũ-Lão đi đánh. Ngũ-Lão thấy Ai-lao thúc voi xông vào trận, mới phát lá cờ đỏ, thì voi trông thấy hiệu ông ấy, lại phục cả xuống, vì thế mới phá được quân Ai-lao.

## 32. Nguyễn-Xí

Nguyễn-Xí người làng Sái-xá, huyện Chân-phúc, tỉnh Thanh. Thân phụ Nguyễn-Xí gặp buổi cuối đời nhà Trần, trong nước loạn lạc, không muốn ra làm quan, tu ở chùa làng, gọi là Hòa-nam thiền-sư. Mỗi đêm đến gà gáy thì thức dậy đánh chuông, đốt hương tụng kinh.

Có hàng thịt lợn ở cạnh chùa, hễ cứ nghe tiếng chuông thì thức dậy giết lợn. Một hôm, nhà hàng thịt mua lầm phải con lợn cái chửa, định để sang mai thì làm thịt bán hàng.

Đêm hôm ấy, nhà sư nằm mơ thấy một người đàn bà đến kêu khóc rằng:

- Xin ông đêm hôm nay đừng đánh chuông vội, cứu lấy tám, chín mạng cho mẹ con tôi.

Nhà sư ngạc nhiên không biết sự gì, nhưng cũng nghe nhời không đánh chuông vội. Nhà hàng thịt vì thế dậy trưa, thì con lợn cái đã đẻ ra 8 con. Nhà sư thấy vậy lấy làm kỳ, mới mua cả đàn lợn ấy thả vào trong núi.

Được vài tháng, nhà sư phải hổ bắt mất, nó cắn chết bỏ dưới sườn núi. Sáng mai, người nhà đi tìm, thấy mỗi đùn đất lấp lên thành mồ rồi. Có người biết địa-lý, xem hình thế đất ấy, cho là được ngôi hổ-táng.

Con ông ấy là Nguyễn-Xí, bấy giờ đã 17 tuổi, vốn có sức khỏe hơn người, tập nghề võ đã giỏi, nhưng vì nhà nghèo khó, phải ra tỉnh Thanh bán dầu kiếm ăn.

Một hôm, đi qua huyện Lam-sơn, giờ đã tối, xung quanh không có cửa nhà nào, chỉ có một ngọn miếu thờ thần, mới vào nghỉ trong miếu ấy. Đến canh ba, phảng phất nghe có tiếng xe ngựa rầm rầm, và nghe có tiếng bảo ông thần trong miếu rằng: *“Hôm nay trên thiên-đình hội các bách-thần, định lập thiên-tử nước Nam, việc ấy quan hệ to, mời ngài đi với tôi nhân thế.”* Ông thần trong miếu nói rằng: *“Tôi dở có quý-khách dưới trần trợ đây, không sao đi được, ông có được nghe điều gì, xin về báo cho tôi được biết.”* Cuối canh tư lại nghe có tiếng về báo rằng: *“Thiên-đình đã định xong ngôi Hoàng-đế nước Nam rồi, tức là người ở Lam-sơn, huyện Thụy-nguyên, họ Lê tên Lợi. Thượng-đế cho đến giờ thân, ngày thân, tháng thân thì khởi binh, mười năm mới yên xong thiên-hạ.”*

Nguyễn-Xí nghe rõ ràng các câu ấy, gà gáy thức dậy, tìm đến làng Lam-sơn, hỏi thăm vào nhà Lê-Lợi, kể rõ lại những việc nghe thấy truyện như thế.

Lê-Lợi bấy giờ đã có 300 thủ-hạ, sắp sửa muốn ra dẹp loạn, nghe thấy nói, lập tức khởi binh ngay tháng bảy năm ấy.

Nguyễn-Xí theo giúp Lê-Lợi đánh nhau với quân nhà Minh, xông pha

trong mũi tên hòn đạn, đánh đến đâu quân Tàu tan ra đến đấy. Trong 10 năm giời, lập lên rất nhiều công trạng. Đến khi thiên-hạ bình-định, Lê Thái-tổ cho Nguyễn-Xí là sang nghiệp đệ nhất công-thần, và phong làm Nguyễn quốc-công, cho quốc tính gọi là họ Lê.

Nguyễn-Xí làm quan trải ba triều: Thái-tổ, Thái-tôn, Nhân-tôn, khi có giặc giã thì đi dẹp, khi thường lại vào túc-vệ trong cung cấm. Khi vua Nhân-tôn bị Nghi-Dân cướp ngôi (con cả vua Thái-tôn, phải bỏ không được lập), Nguyễn-Xí đem binh dẹp loạn, giết được bọn đồ đảng của Nghi-Dân là Phạm-Đồn, Phan-Ban, rồi bỏ Nghi-Dân đi, đón Bình-nguyên vương lập lên, tức là vua Thánh-tôn. Nguyễn-Xí vì có công ấy lại được tiến lên làm chức Thái-úy, Cương quốc-công.

Bấy giờ, Nguyễn-Xí có 12 con, cũng được phong tước làm quan tại triều, quyền thế hách dịch nhất thời ấy. Vua thấy lòng lầy quá, sai đào con sông Cấm-giang, ở làng Sài-xá, để triệt long mạch làng ấy, thân long chảy ra huyết ba ngày.

Một hôm, năm con quan làm trung-úy, cùng chết một ngày, từ bấy giờ con cháu sa sút.

### 33. Phạm-tử-Nghi

Tử-Nghi người làng Vĩnh-niệm, huyện An-dương, tỉnh Hải-dương, sức khỏe như thần.

Tử-Nghi thường đắp một con đường dài ở trên mặt đê, đôi đầu đắp ụ cao 5 thước rồi vác gậy chạy trên mặt đê, cứ đến chỗ ụ cao thì đánh một cái, ụ lại sạt xuống như đất phẳng.

Khi sau đến kinh thành Thăng-long, trông thấy hàng trăm người lính đang kéo thuyền rồng ở trên mặt đất xuống sông, mà kéo không nổi.

Tử-Nghi cười nói rằng:

- Khéo những đồ bị thịt kia! Có một cái thuyền như thế, xúm xít vào kéo mà không nổi, thì làm trò gì được?

Chúng tức giận, kẻ nghiêng răng, người trợn mắt, toan xúm vào đánh, thì Tử-Nghi lại nói rằng:

- Vậy thì các anh để đấy, chỉ một mình ta kéo cho mà xem.

Chúng thấy nói vậy, bỏ đi ra, bắt Tử-Nghi phải kéo thuyền, nếu kéo không xong thì sẽ hay. Tử-Nghi vén tay áo, dung hết sức bình-nhật, chỉ một tay lôi tuột chiếc thuyền rồng xuống sông. Chúng ai nấy lắc đầu le lưỡi, chịu ông ta là có sức khỏe gấp nghìn người.

Bấy giờ nhà Mạc mới lên, nghe có người hùng dũng làm vậy cử làm đại-tướng, cho lên truất-thủ mặt Thượng-du. Tử-Nghi ở trấn vài năm, dẹp tan đám giặc cỏ, có tiếng lừng lẫy đến cả Bắc triều. Về sau nhân dẹp giặc, phá lầy đến các tỉnh ven Tàu; Tàu đưa hịch sang trách đến triều-đình nước Nam. Tử-Nghi đến dinh quan Tổng-đốc Quảng-đông, xin chịu tội để cho yên tâm vua nước mình.

Người Tàu đem Tử-Nghi ra hành tội, rồi bỏ đầu-lâu và thân vào một cái hòm, che một cái lọng, thả xuống sông cho trôi về nước Nam. Trôi tự Nam-quan về mãi đến giang phận làng Vĩnh-niệm thì đứng lại không trôi nữa, rồi đêm báo mộng cho dân làng ấy phải ra vớt về mai tang, và phải lập đền phụng tự.

Dân làng sáng mai ra vớt, lập miếu thờ ngay bên cạnh sông, từ ấy linh ứng lắm. Về sau, hiển linh bảo các làng ở ven sông, cho nên tự Nam-quan về mãi đến Hải-dương, Sơn-nam, nội chỗ nào có bến, là cũng phải lập miếu thờ cả. Lịch triều phong làm Linh-ứng đại-vương thần.

### 34. Đình-văn-Tả

Về đời Lê trung-hưng, ở làng Hàm-giang, tỉnh Hải-dương, có người tên là Đình-văn-Tả, sức vóc mạnh mẽ, tính khí hung hăng. Lúc còn nhỏ, chỉ chơi bời với lũ côn-quan, chúng bầu lên làm đàn anh cả.

Cạnh làng có một con sông to rộng hơn một dặm, ngày ngày ra tắm, bơi vòng tự bên này sang bên kia, chơi bời luyện tập.

Một hôm, họp bằng bồi uống rượu bên cạnh bờ sông, nghe bên kia sông, có tiếng chiêng trống tế thần. Anh em đổ nhau lội được qua sông sang ăn trộm cái chiêng của làng kia đem về.

Đình-văn-Tả nói:

- Khó gì việc ấy mà phải đổ.

Bấy giờ đang đêm, Văn-Tả lập tức lội xuống sông, vòng sang bên kia, lên vào đình, ăn trộm được cái chiêng đem ra, lại lội xuống bơi về. Khi đến giữa dòng sông, khua chiêng vang cả lên, làng bên kia nghe tiếng, mới biết là mất trộm, tìm thuyền đuổi theo thì không kịp.

Về sau, nhân có tội phải giam trong ngục Đông-môn. Khi ấy triều-đình đang có việc dụng binh, chúa Trịnh sai các tướng võ tập bắn ở lầu Ngũ-long. Văn-Tả và tên lính canh ngục đứng xem, thấy không mấy người bắn trúng bia, cười mà nói rằng:

- Bia rành rành thế kia, mà bắn không trúng, sao mà họ hèn làm vậy?

Các tướng võ đứng bắn, nghe tiếng giận lắm, đưa súng cho Văn-Tả và bảo rằng:

- Anh nói khoác làm gì thế, súng đây, anh thử bắn đi này!

Văn-Tả không thềm cầm súng nhỏ, xin mượn khẩu súng to, cắp lên trên mang tai, bắn ra ba phát, vỡ ba cái đích. Các người kia ai cũng chịu là tài; rồi lại sai bắn thử lần nữa xem làm sao, thì bắn phát nào tin phát ấy, mười phát đậu chục. Việc ấy lên đến tai chúa Trịnh, mới tha tội cho theo đánh giặc.

Bấy giờ chúa Trịnh đang chống nhau với chúa Nguyễn ở trong Nam hà. Một bữa quân Bắc đóng ở trên núi, quân Nam đột nhiên đến vây đánh, quân Bắc bị thua tan chạy mất cả, chỉ còn một mình Đình-văn-Tả phục trong bụi rậm, chờ khi quân Nam đuổi theo, ở trong bụi rậm bắn ra, quân Nam tưởng có nhiều quân mai phục phải lui về; quân Bắc thừa thế quay lại đánh, quân Nam phải chạy. Tự bấy giờ nổi tiếng. Về sau, lại lập được nhiều công chiến trận, chúa Trịnh phong cho làm quận-công. Văn-Tả nộp trả bằng sắc không nhận, chỉ xin rút trong sổ án-tử ra mà thôi, nhưng chúa Trịnh vẫn cứ phong cho.



Đến thời vua Hi-tôn, dư đảng nhà Mạc là Mạc-kinh-Vũ, vẫn còn chiếm giữ trên xứ Cao-bình. Vua sai Văn-Tả thống lĩnh đại binh đi đánh, phá vỡ quân nhà Mạc. Kính-Vũ phải chạy sang Long-châu, mới trừ hết được đảng nhà Mạc. Từ đấy làm quan đến cực phẩm hàng võ.

Đến năm 80 tuổi, phải bệnh nặng, chúa Trịnh thân đến tận nhà hỏi thăm, hỏi rằng:

- Như người thì trong bụng còn muốn ao ước điều gì nữa không?

Thưa rằng:

- Tôi nhớ ơn nhà chúa, làm quan vinh hiển đến thế này; mà lại được thọ đến 80 tuổi, thì trong bụng cũng đã mãn nguyện rồi; nhưng chỉ còn ao ước một chút, giả thử đang lúc tôi chưa chết, mà chúa phong cho tôi làm phúc-thần, thì tôi nhắm mắt đi, không còn điều gì hối hận nữa.

Chúa Trịnh lập tức sai người thảo sắc, phong ngay tại trước chỗ giường nằm. Văn-Tả tạ ơn chúa rồi mất.

Con cháu nhà ấy, về sau ai cũng có tài làm tướng, kế thế 18 đời được phong quận-công, đến mãi về đời Đinh-tích-Nhưông về cuối đời nhà Lê, vẫn còn lừng lẫy. Tục ngữ có câu: “*Đánh giặc họ Đinh*”, tức là chi họ ấy.

## 35. Võ-Tính

Võ-Tính tổ tiên thuở trước là người Phúc-an, thuộc tỉnh Biên-hòa, sau dời đến Bình-dương.

Tính là người khảng khái, trí dũng hơn người, nhà giàu, không chịu thuần phục Tây-sơn; mới xin với mẹ bỏ ra chiêu dụ hào-kiệt, khởi nghĩa binh ở Phù-viên (thuộc Gia-định); rồi kéo đến Định-tường chiếm giữ Không-tước-nguyên (thuộc Tân-hòa), tụ đồ-đảng đến hàng vạn người, hoặc là đạo quân Kiến-hòa, tự xưng làm Tổng-nhung, hễ quân giặc đi qua đất ấy, thì đánh giết sạch. Quân giặc thường bảo với nhau rằng: “Gia-định tam hùng,<sup>[46]</sup> Võ-Tính là một, chớ có phạm vào mà chết.”

Năm Mậu-thân, Tính đem cả bộ-thuộc đến bái yết đức Thế-tổ ở dưới hành-tại.<sup>[47]</sup> Đức Thế-tổ cả mừng, cho Tính làm tiên-phong doanh khâm-sai Tổng-nhung chương-cơ; rồi lại gả em là Trưởng công-chúa Ngọc-Du (con gái đức Hưng-tổ, em đức Thế-tổ) cho.

Khi ấy tướng Tây-sơn là Thái-bảo Phạm-văn-Tham giữ thành Sài-gòn, Tính đem quân vây đánh. Tham cùng quần xin hàng, dẹp yên được vùng Gia-định.

Năm Quý-sửu, Tính được thăng làm Khâm-sai chương Hậu-quân doanh Bình-sơn tham-thặng tướng-quân, theo đức Thế-tổ ra đánh thu phục được Phú-an.

Năm Giáp-dần, Tính phụng mệnh trấn thủ thành Diên-khánh (bây giờ là Khánh-hòa). Trần-quang-Diệu (tướng Tây-sơn) đem hết cả quân vào vây. Tính kiên thành cố thủ, khi ấy trong thành thiếu lương, quân-sĩ rất kham-khổ, Tính lấy lời trung nghĩa khích-khuyến, tướng sĩ đều cố sức đánh, giặc không thể nào phá được. Mùa hạ, năm Ất-mão, đức Thế-tổ đại cử quân-thủy, bỏ ra cứu viện. Tính nghe tin có viện-binh đến, bèn thân đốc tướng-sĩ đương đêm mở cửa thành ra đánh, quân giặc tan chạy. Đức Thế-tổ úy lạo khen Tính rằng: “Tên Diệu là kèn-địch, mà người hay giữ được thành này, có gặp gió to mới biết được cứng thật!” Bèn phong cho Tính tước quận-công.

Tính tuổi trẻ, mà lại là bậc thân-quí, lập được nhiều công chiến-trận, vậy nên có ý kiêu căng. Tiền-quân tôn-thất Hội thường chê Tính là người thiên-hiệp, và bảo rằng: “Cậy mình quý mà không xét đến kẻ sĩ, là lỗi quan Phiếu-Kỵ họ Hoắc,<sup>[48]</sup> nay người có bớt kiêu đi, thì mới giữ trọn được tiếng hay.” Tính nghe lời cảm tạ, từ đấy nén bớt kiêu-khí, đều được lòng tướng-sĩ.

Năm Kỷ-mùi, Tính hộ giá đức Thế-tổ ra thân chinh, hạ được thành Qui-nhân. Đức Thế-tổ vào thành úy lạo, đổi tên là thành Bình-định, lưu Tính

cùng Lễ-bộ Ngô-tùng-Chu ở lại trấn thủ.

Mùa đông năm ấy, Trần-quang-Diệu, Vũ-văn-Dũng lại đem hai đạo quân vào vây Bình-định, Tịch nghe tin biết thế giặc đương mạnh, chưa có thể đánh được, bèn thu quân giữ thành. Đức Thế-tổ nghe tin báo, đại cử thủy, bộ chư quân ra cứu viện.

Tịch kiên thành cố thủ, tùy phương chống chế, quân lệnh nghiêm minh, khích lệ tướng-sĩ đều liều chết mà đánh, nhớn nhỏ cả thấy hơn vài mươi trận, không thua trận nào.

Hoặc có kẻ khuyên Tịch vượt vòng vây mà lên ra. Tịch không nghe, bảo rằng: “Ta phụng mệnh giữ thành này, thì ta nên thề cùng với thành cùng sống thác. Nếu bỏ thành mà lẫn trốn lấy một mình, thì còn mặt mũi nào mà trông thấy chúa-thượng nữa?”

Khi ấy quan quân đến cứu viện đã non hai năm giờ, đánh mãi không tài nào giải vây được. Đức Thế-tổ sai người lặn nước từ cửa bể lên vào, bảo Tịch bỏ thành mà ra hội với quan quân. Tịch nhất định xin cố thủ, sai người cầm tờ mật-biểu ra tâu rằng: “Nay quân giặc tụ vây cả ở thành này, thì ngoài Phú-xuân hẳn không-hư, xin đem quân thừa hư ra đánh lấy Phú-xuân, chẳng khác gì đổi ngói lấy vàng; dẫu chết một mạng tôi, mà đổi lấy được Phú-xuân, cũng phải.”

Đức Thế-tổ được tờ mật-biểu, ngài mới quyết ý đem quân do đường thủy kéo ra. Đêm hôm ấy đốt lửa ở núi Độc-sơn làm hiệu, Tịch thấy hỏa hiệu, lại mở cửa thành ra đánh, giết được vài tên tướng giặc.

Khi ấy trong thành hết cả lương thực, quân-sĩ phải giết voi, ngựa mà ăn, mà cũng không ai có lòng phản bội gì cả. Tịch sợ rằng hãm thành, thì tướng-sĩ chết bại nhiều, bèn đưa thư ra bảo Diệu rằng: “Phận sự ta làm chủ-tướng, thì đành liều chết ở dưới cờ. Còn như các tướng-sĩ không có tội gì, không nên giết hại.” Lại bảo các tướng rằng: “Ta uống thuốc độc, nhảy vào lửa, đàng nào cũng chết. Nhưng ta không muốn cho giặc trông thấy mặt, ta đành chết vào lửa mà thôi.” Mới sai quân lấy củi khô chất đầy dưới lầu Bát-giác, và để thuốc súng vào giữa.

Một hôm buổi sớm, Hiệp-trấn Ngô-tùng-Chu sang hỏi Tịch xem định kế gì? Tịch trở lầu bát-giác mà rằng: “Kế tôi đành chịu thác ở đó mà thôi!” Lại bảo Tùng-Chu rằng: “Tôi là võ-tướng, không lẽ cùng sống với giặc được; ông là văn-quan, giặc nó không nỡ giết nào, nên liệu mà tự toàn lấy mình.”

Tùng-Chu cười mà rằng: “Dù văn, dù võ, ai cũng có một lòng trung ái cả, chớ có phân biệt chi? Tướng quân hay liều mình với nước, tôi lại không hay tận trung với vua hay sao?” Nói rồi lui về dinh, uống thuốc độc

mà chết.

Tính than rằng: “Ông này lại hơn ta một chước!” Liền thân đến liệm táng cho Chu-Tùng tử tế. Cách hai hôm sau, Tính mặc triều-phục lên lầu hội các tướng bảo rằng: “Ta nhờ có các tướng đồng tâm mới giữ được thành mà chống nhau với giặc. Nhưng nay lương cạn, lực cùng, giữ cũng không được nữa, thôi thì ta liều mình chịu thác, chớ không làm khổ tướng sĩ mãi nữa.” Các tướng nghe nói, ai cũng thương xót, đứng chung quanh lầu mà khóc. Tính khoa tay bảo các tướng lui ra, rồi sai Phó-tướng Nguyễn-văn-Biện châm lửa. Biện cũng khóc mà chạy, Tính bấy giờ đang hút thuốc lá, lấy tàn ném xuống đồng thuốc súng, lửa tức thì bốc lên mà thác. Thống-binh Nguyễn-tấn-Huyền ở ngoài chạy vào, cũng nhảy vào lửa mà chết theo, hôm ấy là ngày 27 tháng 5 năm Tân-dậu.

Điều đem quân vào thành, trông thấy cũng rõ nước mắt, sai làm lễ niệm táng tử tế. Còn các tướng-sĩ trong thành, không giết hại người nào cả. Nhưng bọn tướng-sĩ sau đều lên về, không có một người nào chịu ở theo giặc.

Đức Thế-tổ nghe tin Võ-Tính, Ngô-tùng-Chu tử tiết, thương khóc than rằng: “Toàn tiết như thế, dẫu Trương-Tuấn, Hứa-Viễn ngày xưa, cũng không hơn được.”

Gia-long nguyên niên, sai lập đền thờ ở nền cũ lầu Bát-giác, truy tặng Tính làm Dực-vận công-thần Thái-úy Quốc-công; Chu làm Tán-trị công-thần Thái-tử thái-sư Quận-công; Huyền được tặng làm Chương-cơ. Năm Minh-mệnh thứ 12, truy phong Tính làm Hoài quốc-công; Chu làm Ninh-hòa Quận-công; Chu làm Ninh-hòa Quận-công, đều được phối hưởng ở nhà Thái-miếu.

## 36. Nguyễn-văn-Thành

Nguyễn-văn-Thành trạng mạo khôi ngô, tính thâm trầm, cương nghị. Chăm đọc sách, giỏi võ nghệ. Tổ-tiên trước ở Thừa-thiên; cha là Hiền dời vào ở Gia-định.

Đời vua Duệ-tôn triều Nguyễn. Tây-sơn Nguyễn-văn-Nhạc khởi binh cướp Bình-thuận. Hiền mộ quân hương-dũng theo đi đánh giặc, khi ấy Thành cũng ứng mộ theo cha, đóng quân ở Cầu-giang Tổng-phúc-Hợp sai Hiền đem vài nghìn quân đi tải lương, Thành cũng theo đi. Lúc đang đi nửa đường, quân lính già nửa mắc đội thóc, không kịp phòng bị, thì có quân giặc đổ ra chặn ngang đường. Hiền thấy quân giặc kéo ập đến, liền vẫy Thành lui tránh đi. Thành lên ra đằng sau trận, sai những quân đội thóc, giơ sào lên làm giá, treo áo lên làm cờ, vòng ra đằng trên Sa-đồng, vừa đánh trống vừa reo mà kéo lên. Giặc ngỡ là có viện-binh kéo đến, phải tháo lui dần. Quan quân thừa cơ lại đánh được toàn thắng. Phúc-Hợp khen Thành còn trẻ mà có trí khôn, thưởng cho 10 lạng bạc, và một cặp áo sa.

Đến sau, Hiền bị tử trận. Đức Duệ-tôn cho Thành làm cai đội, Thành đi chiêu tập được hơn 800 quân tráng dũng, theo Đỗ-thanh-Nhân thu phục được Sài-gòn.

Năm Ất-tị, Thành theo đức Thế-tổ sang Xiêm ở thành Vọng-các, lại giúp Xiêm đánh phá được Miến-điện, khi ấy vua Xiêm muốn giúp binh, Đức Thế-tổ họp các tướng lại bàn. Thành tâu: “Quân Xiêm tàn ngược, không nên nhờ họ giúp nữa; nếu nhờ binh lực của họ mà được thành sự, rồi thì tất có lo về sau. Không gì bằng hãy tĩnh để đợi thời.”

Năm Đinh-mùi, Thành phụng mệnh đi đón Hà-hi-Văn, bị bạt phong giạt vào Hà-tiên, tuyệt lương, Thành giả làm thuyền giặc đi tuần, vào cửa bể cướp lương. Khi về đến nơi hành-tại ở Cù-lao Cổ-cốt, đức Thế-tổ biết truyện cướp lương, quở trách Thành, truyền tổng giam, sau cho từng chinh. Khi quan quân thất lợi trận đánh ở Mỹ-tho, có kẻ xui Thành trốn về làng mà ở. Thành bảo rằng: “Vua, tôi nghĩa cả, dù sống, chết cũng phải giữ lấy; còn như sự thành, bại là tại giới, ta liệu trước sao được. Vả lại nhân phải khiển trách mà đi, nhân lúc bại-trận mà trốn, đó là kẻ tiểu-nhân phản phúc, ta không thèm làm.” Bàn cùng với lũ Hỷ-Văn 17 người, vượt bể đi theo đức Thế-tổ. Một hôm gặp bão to, gãy cả cột buồm, bạt phong giạt vào cửa Bản-phố. Thành chạy vào trong làng, mượn được thuyền, nhờ được lương, lại vượt bể vào Long-xuyên, sau nghe tin đức Thế-tổ đóng ở Ba-lai, bèn theo đến nơi xin đi chiêu tập quân nghĩa-dũng để đánh giặc.

Năm Quý-sửu, đức Thế-tổ ra thân chinh Qui-nhân, cho Thành làm Khâm-sai Bình-sơn Tiền tướng quân đem bộ binh đi trước, đến đâu giặc

đều tan vỡ cả. Khi ấy nghe tin Thái-úy giặc là Nguyễn-văn-Hưng đem quân tự Phú-xuân vào cứu viện Qui-nhân, Thành bèn đem quân đến Thạch-tân án ngữ, năm trận đánh, quân giặc đều phải lui cả. Thành lại do đường bộ kéo đến hợp với thủy-quân ở cửa Thi-nạo, rồi phụng mệnh rút quân đến đóng ở Phú-an. Bấy giờ ai cũng sợ rằng quân giặc đuổi theo, Thành nói rằng: “Trong Qui-nhân, ngoài Thuận-hóa, dầu là thân thích, mà thực là cừu thù, chẳng qua mượn tiếng vào cứu-viện, mà kỳ thực là định nuốt nhau. Nhạc còn tự cứu không xong nữa là đi đuổi theo người.”

Sau Nhạc quả nhiên phải lủ Hưng bức tử, lời Thành nói không sai.

Năm Đinh-tị, Thành phụng mệnh trấn thủ Diên-khánh, khi ấy có bọn giặc khách tàu-ô thường làm trở ngại ngoài bể, Thành dụng mẹo bắt được, đường bể mới yên.

Năm Kỷ-mùi, Võ-Tính trấn thủ Qui-nhân, bị quân giặc vây, Thành phụng mệnh điều khiển các đạo bộ-binh ra cứu viện, phá tan các đồn giặc. Quân giặc phải lui giữ Chủ-sơn, Thành đánh mãi không vỡ, sau Thành dò được con đường tây, nam, có thể đánh tập hậu được, bèn vẽ hình thế dâng biểu xin thêm quân.

Đức Thế-tổ sai Tổng-viết-Phúc, Lê-văn-Duyệt đem thêm quân đến Thị-dã, đều theo tiết chế Thành. Thành bèn lưu Duyệt đóng quân án ngữ ở Thị-dã, mà Thành thì đem quân qua núi Bột-khê, hơn hai trăm dặm đường, cứ rấn cơn mưa mà đi, vòng qua Đẳng-trại đến sau lưng đồn giặc phóng hỏa đốt trại. Mặt trước Lê-văn-Duyệt thừa thắng đánh ập vào. Quân giặc tan chạy.

Trận này, Thành và Duyệt cùng làm đại-tướng, cười voi cầm cờ, trở bảo các tướng. Thành tính hay rượu, lúc sắp vào trận, cầm hồ rót uống, lại rót một chén đưa cho Duyệt, bảo rằng: “Uống chén này lại càng hăng hái thêm lên.” Duyệt cười mà rằng: “Có nhát, thì mới phải mượn rượu, chớ như trong con mắt tôi chẳng cho quân giặc vào đâu, cần gì phải mượn rượu.” Thành có ý then, bởi thế căm giận Duyệt.

Khi ấy, Thế-tổ sắp khởi trận hỏa-công ở cửa bể Thi-nại, bèn mật báo Thành đem bộ-binh đêm đánh trận giặc, để cho quân giặc mãi chống giữ, thì mặt thủy-quân đánh xông vào. Võ-văn-Dũng phải bỏ thủy-đồn mà chạy.

Khi Thế-tổ đem thủy-quân ra đánh Phú-xuân, lưu Thành đóng quân ở Vân-sơn, để chống nhau với giặc. Lại sai đem ấn sắc đến nơi quân-thứ phong cho Thành tước Quận-công.

Thành cùng Duyệt hội quân hai mặt đánh thành Bình-định. Diệu, Dũng hết lương ăn, đương đêm bỏ thành lên qua đường rừng trốn chạy. Thành

chiêu hàng dư-dăng được 3000 người, phụng mệnh ở lại trấn thủ.

Thành học sách vở thông thái, am hiểu chính-thế, trong hàng chư tướng, đức Thế-tổ trọng thành hơn cả; không cứ việc nhớn, việc nhỏ, thường hỏi đến Thành để quyết định.

Tháng bảy năm Nhâm-tuất đức Thế-tổ định xong Bắc-thành, triệu Thành cho làm Tổng-trấn, cả bảy 11 trấn đều thuộc về cả.

Năm Gia-long thứ bảy, Bắc-thành bốn trấn nổi giặc, giả danh tôn Lê. Thành làm khúc hát “Điểm-mê” để hiểu dụ. Dân gian có người làm khúc “Tổ-khuất”, đổ tội quan-lại những nhiều, cho nên nổi giặc. Thành sức các địa-phương quan đi hiểu dụ khắp mọi nơi, và sai các tướng tiến tiểu, đều dẹp yên cả.

Năm thứ mười, Thành phụng mệnh sung chức Tổng-tài sửa lại luật lệ, định thành 20 quyển, 398 điều, tâu xin in cả để thi hành.

Năm thứ mười ba, gặp tang đức Thừa-thiên hoàng-hậu (sinh ra ông hoàng-tử Cảnh), đức Thế-tổ muốn để ông hoàng-tử đệ-tứ (đức Minh-mệnh) làm thừa tự, vào chủ tế. Thành ngại rằng lòng văn tế khó xưng hô, đức Thế-tổ bảo rằng: “Con phụng mệnh cha, để mà tế mẹ, danh chính ngôn thuận, can gì mà không nên.” Nhưng Thành vẫn có ý bất mãn. Sau đó khi đương buổi triều, đức Thế-tổ hỏi Thành rằng: “Nay hoàng-tôn Đán (con ông hoàng-tử Cảnh) còn nhỏ, trong hàng các con, nên lập ai là phải?” Thành thưa rằng: “Đích-tôn thừa trọng, mới là chính lễ. Nay bệ-hạ muốn chọn người khác, biết con chẳng ai bằng cha, chúng tôi không dám dự đến việc đó.”

Từ đấy Thành vào triều kiến, thường tâu xin lập ngôi chừ-nhi,<sup>[49]</sup> đức Thế-tổ nín nặng. Thành lại càng nghi sợ.

Con Thành là Thuyên đỗ Cử-nhân khoa Quý-dậu, hay làm văn thơ, giao thông tân khách, nghe thấy Nguyễn-văn-Khuê, Nguyễn-đức-Nhuận là người Thanh-hóa, hay chữ có tiếng, mới làm một bài thơ sai tên môn-hạ Nguyễn-trương-Hiệu cầm ra mời vào chơi. Hiệu đem bài thơ ấy đưa cho Hình-bộ Thiêm-sự Nguyễn-hựu-Nghi. Nghi vốn oán Thành, xui Hiệu cầm bài thơ ấy mách Lê-văn-Duyệt. Duyệt với Thành hai người vốn không hòa với nhau, mới cầm bài thơ vào triều mật tâu: “Thuyên làm thơ có ý bội nghịch.”<sup>[50]</sup> Đức Thế-tổ cũng không hỏi chi. Sau Hiệu cứ giữ mãi bài thơ ấy làm chứng, đón Thành đi châu về, nắm áo đòi tiền hối-lộ. Thành bất đắc dĩ phải bắt Hiệu và Thuyên tống ngục, liền vào châu tâu vua, đức Thế-tổ cho là chứng cứ chưa rõ, tha tội cho Thuyên, mà Thành vẫn tại chức như cũ.

Sau lại có kẻ hạch Thành bất pháp, Lễ-bộ các Thành không được dự tế

Nam-giao. Đức Thế-tổ lại sai Lê-văn-Duyệt xét lại án người Thuyên. Thuyên phải thú phục. Thành sợ hãi xin chịu tội. Quần thần đều xin đem Thành tống ngục, đức Thế-tổ nói rằng: “Thành đâu có tội, nhưng cứ lẽ đãi kẻ đại-thần, phải nên xử một cách riêng.” Bèn sai thu cả ấn sắc của Thành, cho về ở nhà. Quần-thần lại tâu: “Cha con Thành, cứ phép nên xử tử.” Gặp khi ấy ngoài Bắc-thành kết án Lê-duy-Hoán mưu phản, đệ vào kinh để Hình-bộ xét lại. Duy-Hoán lại chiêu xưng là tự Thuyên xui làm phản. Đình-thần xin bắt Thành và cả các con giam ở nhà Thị-trung quân-xá. Các đình-thần họp lại tra hỏi Thành có làm phản không? Thành thưa rằng: “Không.” Khi Thành trở ra, bảo quan Thống-chế Hoàng-công-Lý rằng: “Thế là thành án rồi, vua bắt tôi chết, tôi không chết, không phải là trung thần.” Rồi liền uống thuốc độc mà chết, thọ 60 tuổi. Khi ấy có tên lính thư-lại nhặt được tờ biểu trần-tình của Thành để lại, Hoàng-công-Lý đem dâng lên, trong tờ biểu có câu rằng: “Sớm rèn tối luyện, kết thành tội cực ác cho cha con tôi, không còn kêu oan vào đâu được nữa, chỉ có chết mà thôi.” Đức Thế-tổ xem tờ biểu, thương tình, sa hai hàng lụy, rồi phán Lễ-bộ xuất tiền kho làm ma tử tế.

Thành có tài lược kiêm cả văn, võ, lâm trận dùng binh, định mưu trước rồi mới đánh, cho nên ít khi thua, huân lao rất to. Còn như mưu mô việc miếu đường, Thành điều trần được nhiều việc, đều thứ đệ thi hành cả, thực là có mưu xa kinh lý việc nước.

Năm Minh-mệnh thứ mười bốn, nghịch Ngôi khởi loạn ở thành Phiên-an, vì có tên Hàm (con Thành) tòng ngục, xuống chiếu bắt cả lũ con Thành giết sạch. Đến năm Tự-đức mới lại được truy phục chức tước.



### 37. Lê-văn-Duyệt

Lê-văn-Duyệt tổ-tích nguyên người Quảng-nghĩa, cha là Toại, thiên cư vào ở Định-tường, sinh được 4 giai, Duyệt là con trưởng. Khi sinh ra vốn người ái-nữ, hình thể ngắn ngủn, nhưng có tài tình nhanh, sức khỏe mạnh. Khi 14,15 tuổi, thường than rằng: “Sinh ở đời loạn, mà không hay kéo cờ giống trống làm đại-tướng, để lưu công danh ở sử sách, thì không phải là tài giai.”

Năm Canh-tí, đức Thế-tổ lên ngôi vua tại Gia-định. Duyệt mới 17 tuổi, được sung làm Thái-giám nội-đình, sau được thăng làm cai-cơ, quản hai đội quân thuộc-nội, theo hầu đức Thế-tổ sang Xiêm-la.

Năm Đinh-mùi, đức Thế-tổ về thu phục Gia-định, Duyệt thường theo đi chiến trận, cùng chư-tướng bàn luận việc binh, đức Thế-tổ thấy vậy lấy làm trọng, thung dung hỏi rằng: “Người cũng biết việc binh à?” Duyệt thưa rằng: “Biết.” đức Thế-tổ nói: “Binh-cơ là việc lớn, người sao lại nói khinh dị làm vậy?”, Duyệt thưa: “Sơn-tặc là quân vô đạo không bao lâu nữa cũng tự-diệt mà thôi. Nay ta lấy người nhân mà đánh kẻ bạo, thế như chẻ tre, tôi không có gì làm khó cả.”

Nhân xin mộ binh theo về cánh Tả-quân, rồi phụng mệnh ra đánh Qui-nhơn, được thăng làm thượng-nội vệ-úy, theo về quân Thần-sách.

Năm Kỷ-mùi, đức Thế-tổ sai Duyệt và Tổng-viết-Phúc đem quân ra án ngữ Bình-đề. Khi ấy đức Thế-tổ nghe tin có mấy vạn quân Tây-sơn kéo vào đánh, ngài sai Trung-sứ ra hỏi tình trạng. Duyệt cùng Viết-Phúc tâu rằng: “Có hai chúng tôi ở đây, chẳng lo sợ gì giặc.” Lại trở núi trước mặt nói rằng: “Đây là chốn hai chúng tôi cùng liều sống thác với giặc đó.” Trận ấy quả nhiên thu phục được Qui-nhơn.

Năm sau, tướng Tây-sơn lại vào vây Qui-nhơn, quan quân ra cứu viện chỉ lênh đênh ngoài bể, không đánh vào được cửa bể Thi-nại. đức Thế-tổ muốn dùng chước hòa-công, bèn sai Duyệt cùng Võ-di-Nguy đem thủy-quân xông vào đánh, quân giặc ở trong đồn bắn xuống như mưa, Di-Nguy bị đạn ngã lặn xuống nước. Duyệt cũng không đoái lại nhìn chi, chỉ gia sức xông vào mà đánh. Đức Thế-tổ thấy tướng-sĩ chết hại nhiều, ba lần cho tên tiểu-sai truyền dụ bảo Duyệt tạm lui quân. Duyệt nhất định xin liều chết mà đánh, bảo tên tiểu-sai rằng: “Tôi xin cứ tiến vào, chớ không lui.” Liên thúc ngựa xông vào cửa bể, thuận gió tung lửa ra đốt hết thuyền giặc. Trận này ở sử cho là một trận *võ-công đệ-nhất*, khi ấy là 19 tháng giêng năm Tân-dậu.

Bấy giờ các tướng khuyên đức Thế-tổ đem quân ra đánh úp Phú-xuân, nhưng ngài còn dùng dằng chưa quyết, Duyệt tâu rằng: “Việc binh quý hồ

thần tốc, mưu mô cốt phải quả quyết. Nay đóng quân mãi ở đây, thời mỗi mệt mà vô công; tiến ra lấy được Phú-xuân, thời thành Bình-định này không phải đánh mà tức khắc giải vây; đó là một trước đánh cờ thí xe vậy.” Đức Thế-tổ nghe lời, quả nhiên thu phục được Phú-xuân.

Năm Nhâm-tuất, Gia-long nguyên niên, Duyệt được thăng làm Khâm-sai chưởng Tả-quân doanh Bình-sơn tướng quân, tước quận-công, cùng Lê-chất đem bộ-binh đi tiên phong, dẹp yên Bắc-hà.

Khi ấy có vua Chân-lạp là Nặc-chân phải Xiêm-la đánh đuổi, chạy sang Gia-định. Đức Thế-tổ cho Duyệt vào làm Tổng-trấn Gia-định, để điều đình xử lý việc Xiêm, Lạp, và đưa Nặc-chân về nước. Duyệt tâu xin đắp thành Nam-vang (Phnom-Phenh), thành Lư-yêm để lưu quân bảo hộ Chân-lạp.

Trước kia Duyệt vốn là tù-tướng, thường phải theo tiết chế Nguyễn-văn-Thành. Lúc lâm trận, tính Thành thường hay trì trọng, mà Duyệt thì quả cảm hăng hái, thường lập được công to, uy danh lừng lẫy cũng bằng Thành. Nhưng Thành gét Duyệt là người quyến giới, bởi thế hai người không hòa với nhau.

Khi ấy có người Thanh-hóa là Nguyễn-hựu-Nghi trước làm môn-khanh Nguyễn-văn-Thành, vì phải quả trách, trốn sang làm môn-hạ Duyệt. Nghi lại sai tên Nguyễn-trường-Hiện sang theo hầu Thuyên là con Thành, để rình xem Thuyên làm những điều gì. Sau Hiệu lấy được một bài thơ đem đưa cho Nghi. Nghi nói với Duyệt rằng: “Con Thành là Thuyên làm thơ chiêu dụ người đồng quận, lời rất bội nghịch.” Duyệt tin lời Nghi, mật đem bài thơ ấy tâu vua; việc án Thuyên gây ra từ đó.

Năm Minh-mệnh nguyên niên, Duyệt lại vào trấn thủ Gia-định, dẹp yên giặc sư Kế ở Chân-lạp.

Năm Minh-mệnh thứ 13, Duyệt thấy ngoài Bắc-thành, chia thành tỉnh, bãi chức Tổng-trấn; chỉ duy thành Gia-định còn có Duyệt cho nên chưa bãi. Duyệt nghĩ mình già yếu, dâng sớ xin từ chức, vua không cho.

Ngày 30 tháng 7 năm ấy (1832), Duyệt mất, thọ 69 tuổi. Duyệt làm việc hay tự chuyên, dụng binh hay quá lạm. Nhưng một lòng báo quốc, phần chần chảng nghĩ chi đến mình, vậy nên được lòng kẻ tướng-sĩ, đem quân đi đánh, không thua trận nào.

Thủy chung bốn lần đi dẹp giặc mán Vách-đá ở Quảng-nghĩa, quân mán rợ đều khiếp sợ uy phong, hễ kéo quân đến thì giặc mán đều tan trốn cả.

Khi ra kinh lược Thanh, Nghệ, những kẻ đào-phạm ở Bắc-thành cùng kẻ thổ-tù ở mặt thượng-đạo đều về đầu thú.

Hai lần trọng trấn Gia-định, hưng lợi, trừ hại, dẹp giặc, yên dân, uy danh lừng lẫy, người Xiêm khiếp sợ, hễ khi nào có sứ bộ sang, thì người Xiêm

lại hỏi thăm rằng: “Lê-công có được mạnh khỏe không?”

Duyệt mất rồi, thành Gia-định đổi tên thành Phiên-an, đặt ra Tổng-đốc, Bõ-chính, Án-sát, Lãnh-binh. Khi ấy Bõ-chính là Bạch-xuân-Nguyên sách nhiễu tham lam, tự xưng là phụng mật-chỉ truy xét việc riêng của Duyệt, sai bắt lữ Lê-văn-Khôi<sup>[51]</sup> là bộ-hạ Duyệt để tra hỏi. Khôi sợ phải tội, mưu làm phản; đêm hôm 18 tháng 5 năm Minh-mệnh thứ 14, Khôi ngầm dụ đảng lính Bắc-thuận<sup>[52]</sup> 27 người vào thành giết Bõ-chính Bạch-xuân-Nguyên và Tổng-đốc Nguyễn-văn-Quế, chiếm giữ thành Phiên-an. Quan quân đánh mãi không phá được, đến năm Minh-mệnh thứ 16 mới dẹp yên. Đức Minh-mệnh truy trách là tại Duyệt nuôi lữ phi-đảng để gây nên vạ. Các quan nội-các đều dâng sớ kể tội Duyệt. Đình-thần nghị xử kết án Duyệt đáng tội trăm 7 điều, tội giảo 2 điều. Sau xử án Duyệt phải truy đoạt quan tước, cuộc phẳng mộ-địa, dựng bia đề tám chữ: “*Quyền yêm Lê-văn-Duyệt thụ pháp xứ.*” Con nuôi và cháu là Hán, Yên Tề đều phải xử tử.

Mộ Duyệt ở Gia-định, từ đấy thường khi trời tối, đêm khuya, trong mộ hình như có tiếng quỉ khóc, hoặc tiếng người, tiếng ngựa ồn ào, nhân dân ở đấy không ai dám đến gần. Đến sau sai quan địa-phương bỏ cái bia dựng ngày trước đi, và cho con cháu được xây mộ lại, thì tiếng khóc ban đêm mới thôi.

## **Chương thứ VI**

### **CÁC VỊ THẦN LINH-ỨNG**

#### **38. Sử-đồng-Tử**

Về đời vua Hùng-vương thứ ba. Vua có một người con gái tên là Tiên-Dong, mới 18 tuổi, nhan sắc xinh đẹp, không muốn lấy chồng, chỉ thường đi chơi các sông núi xem phong cảnh. Vua yêu nàng ấy, mặc ý cho đi chơi không cấm. Mỗi năm trong tuần tháng hai tháng ba, bơi thuyền chơi ở mạn sông làng Chử-xá (tức là làng Chử-xá, huyện Văn-giang bây giờ).

Ở làng ấy có một người tên là Sử-cù-Vân và người con là Sử-đồng-Tử. Hai cha con thiên tính từ hiếu, gặp khi nhà phải hỏa tai, của cải hết sạch cả, chỉ còn một cái khố vải, cha con thay đổi nhau, ai đi đâu thì đóng. Đến khi Cù-Vân phải bệnh, dặn con rằng:

- Tao mà chết đi rồi, thì cứ táng trần cho tao, còn cái khố đấy để cho mày.

Cù-Vân mất, Sử-đồng-Tử không nỡ để cha chết truồng, lấy khố quàng cho cha rồi mới chôn. Còn mình thì trần truồng, đói rét khổ sở, ngày ngày đứng nấu hình bên sông, chờ có thuyền buôn qua lại thì xin, hoặc là câu cá bán để độ thân.

Một hôm, nàng Tiên-Dong bơi thuyền đến chơi bến làng Chử-xá, chiêm trống om thòm, đàn sáo rầm rĩ, cờ tán rợp đất, lính tráng rất đông. Sử-đồng-Tử trông thấy sợ hãi ẩn vào trong bãi lau sậy, cào cát lên nép mình xuống dưới, rồi lại lấy cát trùm lên trên.

Tiên-Dong bơi thuyền đến bến ấy, nhìn trông phong cảnh vui đẹp, mới lên bãi cát đứng xem, thấy chỗ ấy sạch sẽ, giăng màn tứ vi trên bãi cát để tắm, Tiên-Dong vào màn, cởi áo xiêm tắm tấp một hồi lâu, gội nước trôi cát, Sử-đồng-Tử chồi lên. Tiên-Dong trông thấy giật mình, nhìn ra biết là người con giai, mới gọi hỏi căn cứ làm sao, thì Đồng-Tử cũng thú thật cả đầu đuôi làm vậy.

Tiên-Dong bảo rằng:

- Ta nguyên không muốn lấy chồng, nay sự đã thế này, tất là Nguyệt-lão xe duyên đây.

Mới sai Đồng-Tử tắm tấp, ban cho quần áo, đem xuống thuyền ăn yến vui vẻ. Người trong thuyền ai cũng cho là sự kỳ dị.

Đồng-Tử nhất định xin từ, không giám lấy, Tiên-Dong bảo rằng:

- Thiếp với chàng là tự giới xe duyên, can gì mà từ.

Đồng-Tử từ mãi không được phải nghe. Từ bữa ấy hai người kết làm vợ

chồng.

Có người về tâu với vua Hùng-vương, vua nổi giận nói rằng:

- Tiên-Dong không biết tiếc danh giá, chơi bời đường-xá, lấy kẻ nghèo hèn, còn mặt mũi nào mà nhìn đến ta!

Tiên-Dong vì thế sợ hãi không dám về, mới cùng với Đồng-Tử lập ra phố xá buôn bán với dân. Buôn bán mỗi ngày một thịnh, dần dần thành ra một làng. Các khách buôn bán ngoại-quốc qua lại, ai cũng coi bà Tiên-Dong làm chủ cả vùng ấy.

Có một người lái buôn bảo với Tiên-Dong rằng:

- Nếu được trăm cân vàng, cho người đi với tôi ra ngoài bể, buôn những đồ quý sang năm tất được lãi gấp mười.

Tiên-Dong mừng rỡ, bảo với Sứ-đồng-Tử rằng:

- Vợ chồng ta là tự giời giắt lại, cơm ăn áo mặc cũng là tự giời cho, vậy thì chàng nên đem vàng ra bể mà buôn.

Sứ-đồng-Tử đem vàng đi với người lái buôn ra ngoài bể, đến núi Quỳnh-lăng, trông lên trên núi có một am nhỏ. Đồng-Tử trèo lên xem phong cảnh. Trong am có một nhà sư còn trẻ, tên là Phật-Quang, thấy Đồng-Tử có cách điệu thần tiên, muốn truyền phép cho Đồng-Tử. Đồng-Tử ở liền ngay đấy học đạo. Được hơn một năm, Đồng-Tử trở về, Phật-Quang tặng cho một cái gậy, một cái nón, và dặn rằng:

- Phép linh thông ở cả cái gậy và cái nón này.

Đồng-Tử vâng lĩnh từ về, đem phật đạo về dạy Tiên-Dong, Tiên-Dong tỉnh ra, mới bỏ cửa hàng buôn, hai vợ chồng rủ nhau đi học đạo. Một hôm đi xa, giời đã tối mà chưa đến chỗ nghỉ. Canh ba đêm hôm ấy, bỗng dưng hiện ra thành quách, lầu ngọc, điện châu, kho, tàng, dinh, phủ, vàng bạc, châu báu, giường, sập, màn, trướng, lại có tiểu-đồng, ngọc-nữ, tướng-sĩ, thị vệ, hầu hạ xung quanh.

Sáng ngày mai, ai trông thấy cũng lấy làm lạ lòng kinh hãi, tranh nhau mang hương hoa ngọc-thực đến dâng. Lại có đủ văn-quan, võ-tướng, chia quân canh giữ các cửa thành, tựa hồ một nước.

Vua Hùng-vương thấy truyện làm vậy, cho là làm loạn, sai quan quân đến đánh. Khi quan quân sắp đến nơi, chúng tâu xin đem quân ra cự.

Tiên-Dong cười nói rằng:

- Việc này không phải tại ta làm ra, bởi tự giời xui nên thế. Ta dù sống chết đã có giời, dám đâu cự nhau với cha? Ta chỉ thuận theo lẽ phải, mặc ý cha ta giết chết cũng cam tâm.

Khi quan quân tiến đến, đóng ở châu Tự-nhiên (bây giờ gọi là Khoái-

châu-phủ), còn cách bên này một con sông. Giời đã tối, quân chưa kịp sang sông. Đến nửa đêm, bỗng nhiên giời nổi dông gió, bay cát đổ cây, rồi thì cả một khu bà Tiên-Dong ở, cửa nhà, người, giống súc vật, trong một lúc bay cả lên giời; chỉ còn bãi đất không ở lại trông đầm mà thôi. Bởi thế bãi ấy gọi là bãi Tự-nhiên, đầm ấy gọi là đầm Nhất-dạ (một đêm).

Dân ở đấy thấy sự lạ lùng, mới lập miếu để thờ. Về sau, vua Triệu-việt-vương đóng binh trong đầm, cự nhau với quân nhà Lương. Tướng nhà Lương là Trần-bá-Tiên đánh mãi không được. Đến lúc Bá-Tiên trở về, ủy cho tì-tướng là Dương-Sàn vây đánh. Triệu-việt-vương thiết đàn trong đầm cầu khẩn, xin thần giúp cho. Bỗng thấy một ông thần (tức là Sử-đồng-Tử) cười rống xuống đàn, bảo rằng:

- Ta tuy đã lên giời, nhưng uy linh vẫn còn ở đây, ngươi có lòng thành cầu đến ta, vậy ta xuống giúp.

Nói đoạn, nhổ một cái vuốt chân rồng, trao cho Triệu-việt-vương và dặn rằng:

- Ngươi lấy cái vuốt rồng này, cắm lên chòm mũ đầu-mâu, thì đi đến đâu, giặc phải tan đến đấy.

Nói vừa dứt nhời, rồng bay vụt lên giời biến mất. Triệu-việt-vương nghe nhời, cắm vuốt rồng lên trên chòm mũ, tự bấy giờ sức khỏe hơn trước, thanh thế mỗi ngày một to, mới đem quân ra đánh nhau với Dương-Sàn, chém được Dương-Sàn tại trước trận, quân nhà Lương phải tan chạy hết về Tàu.

### 39. Phù-dổng thiên-vương

Về đời vua Hùng thứ sáu. Thiên-hạ thái-bình, dân-gian giàu có; vua không triều cống với nhà Ân bên Tàu. Vua nhà Ân thấy vậy, giả tiếng đi tuần thú, muốn đem quân sang cướp nước Nam.

Vua Hùng-vương lo sợ, vời quần-thần vào hỏi mẹo đánh giũ, có người phương-sĩ thưa rằng:

- Bệ-hạ nên kêu với Long-quân, thì ngài sai thiên-tướng xuống giúp mới xong.

Vua nghe lời, lập đàn làm chay, cùng cấp ba ngày cầu khẩn. Bỗng đâu giờ nổi cơn giông, sấm sét ầm ầm, mưa như trút nước. Rồi có một ông cụ già, cao lớn 9 thước, mặt mũi to nhớn, đầu bạc râu trắng, ngồi ở ngã ba đường cái, vừa cười vừa nói, ngợi hát mua mênh.

Ai trông thấy cũng cho làm lạ, mới vào tâu vua. Vua thân hành ra mời cụ ấy đến chỗ đàn làm chay, dâng cơm rượu thiết đãi. Ông cụ ấy không ăn uống và cũng không nói năng câu gì.

Vua hỏi rằng:

- Sắp có giặc Bắc xâm phạm nước Nam, được thua thế nào xin cụ bảo cho.

Ông cụ lâu mãi mới nói rằng:

- Sau ba năm nữa, giặc Bắc tất kéo đến đây. Nhà vua nên tìm khắp cả thiên-hạ, mà cầu lấy người kỳ-tài, phá được giặc, thì nên chia đất phong tước cho người ta, truyền mãi vô cùng. Nếu được người giỏi phá giặc không khó gì nữa.

Nói đoạn, bay vụt lên giời biển mất.

Vua lấy làm lạ, mới tuân nhời ấy, sai sứ đi khắp trong nước cầu người tài. Bấy giờ ở làng Phù-dổng, huyện Võ-ninh (bây giờ là Võ-giang) có một ông nhà giàu, ngoại 60 tuổi, chỉ sinh được một người con giai, lên ba tuổi chưa biết nói, mà chỉ nằm ngửa, không ngồi đứng lên được. Khi sứ-giả đi cầu người tài, đến làng ấy, người mẹ cười mà nói bốn con rằng:

- Để được một chút con giai, chỉ biết ăn uống, ngồi đứng không được, thì đánh thế nào được giặc, để mà lĩnh thưởng của vua, đền công sinh dưỡng cho cha mẹ.

Người con nghe vậy, bỗng nhiên biết nói, bảo mẹ gọi sứ-giả lại đây. Mẹ lấy làm lạ lòng, bảo với người láng giềng. Người láng giềng thấy lạ truyện, xui người nhà thử gọi sứ-giả xem ra làm sao.

Khi sứ-giả đến, trông thấy người còn bé, hỏi rằng:

- Tiểu-nhi kia, gọi ta đến làm gì?

Tiểu-nhi ngồi ngay dậy, bảo với sứ-giả rằng:

- Sứ giả trở về cho mau, tâu với vua, đúc cho ta một con ngựa sắt, cao 18 thước; một thanh kiếm dài 7 thước; và một cái nón sắt, đem lại đây cho ta. Giặc đến trông thấy ta, tự nhiên phải sợ mà chạy, vua can gì phải lo?

Sứ-giả mừng lắm, về tâu với vua.

Vua mừng rỡ bảo quần-thần rằng:

- Đây là Long-vương cứu ta đây! Năm ngoái ông cụ già nói truyện, quả nhiên không sai, các người chớ hồ nghi gì nữa!

Vua lập tức sai thợ rèn đúc ngựa sắt, kiếm sắt đến, sai người đem lại đưa cho tiểu-nhi. Sứ-giả sắp đến, mẹ ở nhà lo lắng, chỉ sợ con nói xằng thì vạ lây đến cả nhà.

Tiểu-nhi cười ầm lên nói rằng:

- Mẹ cứ kiếm rượu thịt cho nhiều, cho tôi ăn uống, còn việc đánh giặc, mẹ không phải lo.

Tiểu-nhi tự bấy giờ mỗi ngày một nhớn, cơm ăn áo mặc tốn lắm, mẹ tuy nhà giàu mà cũng không đủ nuôi cho con ăn, hàng-xóm láng-giềng, phải tư cấp giúp thêm; nào kẻ đỡ tiền thóc, người dâng rượu thịt, mà ăn vẫn không được no; vải lụa nhiều thế nào cũng mặc không đủ; cửa nhà ở cũng không vừa, phải ken cỏ lau lợp một cái nhà to để ngồi ở.

Khi giặc Ân kéo đến núi Châu-sơn (thuộc về huyện Tiên-du), thì sứ-giả đem ngựa kiếm đến nhà giao cho ngài. Ngài vươn vai đứng lên, cao hơn hai trượng, ngẩng mặt lên trời, gầm lên vài mươi tiếng, rồi rút thanh kiếm cầm trên tay quát to lên rằng:

- Ta là thiên-tướng nhà giời đây!

Lập tức đội nón nhảy lên ngựa, quát ngựa tể đi. Ngựa hét ra lửa mà chạy như bay, chỉ chớp mắt đã đến chỗ quân đóng. Ngài trở gươm đi trước, quan quân kéo theo sau, tiến sát đến trại giặc. Giặc bày trận ở dưới chân núi Châu-sơn, ngài xông vào trận đánh giết một hồi lâu, gãy mất cả kiếm, mới vớ lấy tre ở bên cạnh đường, cầm cả tảng tre mà quật vào đám giặc. Quân giặc tan nát tựa hồ đất lở ngôi tan, tranh nhau lạy phục xuống đất, kêu rằng:

- Lạy ngài, ngài là thần tướng trên giời, chúng tôi xin chịu hàng cả.

Khi đánh đến núi Ninh-sóc, thì giặc đã tan hết cả rồi, ngài mới cởi áo bỏ đây, rồi cười ngựa bay lên giời. Đến bây giờ vẫn còn dấu người, ngựa ở trên núi.

Vua nhớ công, không biết lấy gì báo được, mới phong ngài làm Phù-



đồng thiên-vương, lập miếu thờ ngay ở vườn nhà ngài khi trước, ban cho dân một trăm mẫu ruộng tự-diền bắt phải bốn mùa cúng tế.

Từ đấy, giặc Bắc không dám sang xâm phạm nữa. Bốn phương nghe truyện làm vậy, đâu đâu cũng hòa hiếu với nước Nam.

Đến đời nhà Lý, gia phong làm Sung-thiên thần-vương. Bây giờ vẫn còn thờ ở làng gióng, mà tượng thì tô ở trên núi Vệ-linh, mỗi năm đến tháng tư, dân làng ấy mở hội to lắm.

Những tre ngài nhổ lên đánh giặc, bây giờ thành rừng ở huyện Gia-bình, gọi là tre Đằng-ngà.

Chỗ con ngựa thét ra lửa, cháy mất một làng, cho nên bây giờ làng chỗ ấy gọi là làng Cháy.

## 40. Tản-viên sơn-thần

Núi Tản-viên thuộc về huyện Phúc-lộc (bây giờ là huyện Phúc-thọ, tỉnh Sơn-tây), có ba tầng cao chót vót, hình như cái tán, cho nên gọi là núi Tản-viên.

Tục truyền thần núi ấy khi xưa là dòng dõi vua Lạc-long. Nhà nghèo, vào rừng kiếm củi, chặt một cây cổ-thụ, hôm sau lại có sao Thái-bạch xuống cứu cây ấy sống lại, rồi cho ngài một cái gậy, và dặn rằng: *“Gậy này có phép cứu được bách bệnh cho người ta, hễ ai ốm đau, chỉ cần gậy gõ vào chỗ đau là khỏi, vậy ta cho người để cứu dân độ thế.”* Ông ấy nhận cái gậy, từ đấy bỏ nghề kiếm củi, đi chữa bệnh cho người đau. Có một hôm, đi qua bờ sông thấy lũ trẻ chăn trâu, đánh chết một con rắn. Ông ấy trông trên đầu con rắn có chữ *vương*, biết là rắn lạ, mới cầm gậy gõ vào đầu rắn, thì con rắn ấy sống lại, bò xuống sông mà đi mất.

Được vài hôm, bỗng có một người con giai, đem đồ vàng, ngọc, châu báu đến nói rằng:

- Thưa ông, tôi là Tiểu-long-hầu, con vua Long-vương bể Nam. Bữa trước tôi đi chơi trên trần, chẳng may bị bọn trẻ con đánh chết, nhờ có ông cứu cho mới được sống, vậy tôi có của này đến tạ ơn ông.

Ông ấy nhất định không lấy, Tiểu-long-hầu mới cố mời ông ấy xuống chơi dưới bể, đưa ra một cái ống linh tê, để ông ấy rẽ nước đi xuống. Long-vương thấy ngài xuống chơi, lấy làm mừng lắm, mở tiệc thết đãi ba ngày, rồi đưa tiễn những của quý lạ, ông ấy cũng nhất định không lấy gì cả, Long-vương mới biểu một quyển sách-ước, ông ấy nhận sách đem về, giở ra xem, muốn ước phép nào cũng được. Từ bấy giờ cứu được cho dân nhiều lắm, mà các phép thần thông biến hóa, không thần thánh nào theo kịp.

Khi ngài đã thành thần rồi, đi qua cửa bể Thần-phù lên mạn ngược, tìm chỗ nào cao ráo, phong quang, và được thói dân thuần hậu thì mới ở. Khi đến Thăng-long, xem dân tình ăn ở phù hoa, không bằng lòng mới bỏ mà lên huyện Phúc-lộc, thấy chỗ ấy có núi Tản-viên, ba tầng núi xòa xòa, hình như cái tán, phong cảnh vui vẻ, thần mới hóa phép làm một con đường về phía Nam núi, thẳng tự bến Phan-tân đến Tản-viên. Đường qua cánh đồng làng Vệ-đồng và làng Nham-toàn, hóa phép hiện ra lầu đài để nghỉ ngơi. Lại qua cánh đồng Thạch-bạn, Vân-mông, rồi lên mãi từng núi cao nhất để ở.

Thần tự khi ở núi ấy, thường thường ra chơi sông Tiểu-hoàng xem cá. Chỗ nào có phong cảnh đẹp cũng đến chơi. Chơi đến đâu lại hiện ra đền đài đến đấy để nghỉ ngơi. Các làng trông thấy chỗ nào có dấu đền đài, thì

lại lập đình miếu để thờ.

Bấy giờ vua Hùng-vương có người con gái tên là Mị-nương, nhan sắc rất đẹp, thần núi và vua thủy cùng hỏi xin lấy làm vợ. Vua Hùng-vương nói rằng:

- Một thuyền-quyên không có lẽ sánh được hai anh-hùng, vậy thì ngày mai, ai đem được đủ đồ lễ đến trước thì ta gả cho.

Sáng ngày mai, thần Tản-viên đem những đồ vàng bạc châu báu, cùng các giống chim quý thú lạ lại dâng.<sup>[53]</sup> Vua Hùng-vương y ước gả cho, thần mới đón nàng Mị-nương về ở trên đỉnh núi Tản-viên.

Vua thủy đem đồ lễ đến sau, thấy thần núi đã rước dâu về rồi, tức giận lắm, mới làm ra mưa to gió nhớn, và dâng nước lên để đuổi theo cướp về.

Thần núi thấy vậy, làm ra lưới sắt, chắn ngang đường thượng-lưu huyện Từ-liêm. Vua thủy lại đi đường khác, tự sông Lý-nhân vào sát chân núi Quảng-oai, men bờ lên cửa sông Hát-giang, rồi ra sông Lũ, vào sông Đà để đánh mé sau núi Tản-viên. Lại mở ra các sông nhỏ, để đem nước vào đánh mé trước núi. Đi qua các làng Cam-giá, Đông-lân, Cổ-nhạc, My-xá, đi đến đâu xoáy nước xuống thành vực, để làm cho các giống thủy-tộc ở, rồi tiến nước lên đánh nhau với thần núi. Thần núi thì bảo dân xung quanh đến đan phen chắn nước và dùng cung nỏ bắn xuống; lại sai các loài hùm, beo, voi, gấu, bẻ cây cối vụn đá ném xuống sông. Mỗi phen đánh nhau, mưa gió sấm chớp ầm ầm, giời đất mù mịt. Đánh nhau xong rồi, thì thấy những loài cá, ba-ba, thường-luồng, chết nổi cả trên mặt sông. Từ đấy hai thần thù nhau, mỗi năm đánh nhau một chuyến.

Thần núi linh ứng lắm. Phàm khi nào đảo mưa cầu tạnh, cũng thường ứng nghiệm. Ai nhờ nhờ đến thì có tai nạn ngay. Mỗi khi tạnh giời, thần thường hiện hình chơi các nơi khe suối, có đám mây phủ như hình tán quạt.

Khi nước Nam nội-thuộc nhà Đường, Cao-Biên sang làm Đô-hộ, muốn trấn yểm các nơi linh-tích, bắt đứa con gái 17, 18 tuổi chưa có chồng, cho ăn đồ hoa quả, mặc áo xiêm lịch sự, đặt lên ngai trên ngai, giết trâu bò tế bái để cho thần phụ vào người con gái ấy, rồi rình khi cất nhắc chân tay, thốt nhiên chém đi. Thường hay dùng thuật ấy để trấn áp bách thần. Khi Biền dùng mẹo ấy cúng thần Tản-viên, thì thần cười ngửa trắng ngai trên đám mây nhỏ vào cổ tế mà đi.

Cao-Biên than rằng:

- Linh khí nước Nam còn thịnh vượng lắm, không tài nào mà trừ được!

Thần có phép lạ, biến hóa không biết đâu mà lường. Quan Hàn-lâm là Nguyễn-sĩ-Cổ về thời nhà Trần phải đi dẹp giặc, đi qua đền ngai, đem lễ

vào khẩn, rồi đề một bài thơ rằng:

*Non ngất, thần thiêng, lẫm liệt thay!  
Động lòng đã thấu tới cao dày,  
Mị-nương cũng hiển oai linh lẫm,  
Xin giúp thư-sinh một chuyến này.*

## 41. Lý-ông-Trọng

Về cuối thời vua Hùng-vương, ở làng Thụy-hương (tục gọi là làng Chèm), huyện Từ-liêm, có một người họ Lý tên Thân, hiệu là Ông-Trọng. Cao 2 trượng 6 thước, khỏe mạnh tuyệt trần. Thuở còn hàn vi, nhân có sự giết người, đáng phải tội chết. Vua thấy người cao lớn lực lưỡng, không nỡ giết. Đến đời vua An-dương-vương, vua Thủy-hoàng nhà Tần đem binh sang xâm nước Nam. An-dương-vương xin hàng, rồi đem Lý-ông-Trọng sang cống bên Tàu. Thủy-hoàng được Ông-Trọng mừng lắm coi như của rất quý trong đời, dùng ngay làm Tư-vệ hiệu úy.

Đến khi Thủy-hoàng đem binh đi đánh dẹp thiên-hạ, thì sai Ông-Trọng trấn thủ đất Lâm-thao, để phòng quân rợ vào quấy nhiễu. Ông-Trọng hùng-dũng, tiếng lừng lẫy một vùng, rợ Hung-nô không dám bén mảng đến cửa ải. Thủy-hoàng mới phong thêm cho Ông-Trọng làm Phụ-tín hầu.

Về sau, Ông-Trọng cáo lão về nước nhà hưu dưỡng. Không được bao lâu, rợ Hung-nô thấy vắng Ông-Trọng lại vào quấy nhiễu các sứ biên-thùy. Thủy-hoàng nhớ đến Ông-Trọng, sai người sang vời, thì bấy giờ người đã mất rồi.

Sứ-giả về tâu lại, Thủy-hoàng phàn nàn thương tiếc vô cùng, mới đúc tượng Ông-Trọng bằng đồng, đặt ở ngoài cửa Tư-mã cung Hàm-dương. Trong bụng để rỗng, có máy vận cho chân tay động đậy được. Thường khi sai vài chục người chui vào trong tượng đồng vận máy cho rung động, người rợ Hung-nô qua lại, tưởng là Ông-Trọng còn sống, không dám vào quấy nhiễu nữa.

Đến đời nhà Đường, Triệu-Xương sang làm Đô-hộ, nằm mơ thấy một người to tát cao nhớn, đến chơi bàn giảng nghĩa sách Xuân-thu, Tả-truyện. Hỏi tên họ thì nói là Lý-ông-Trọng ở làng Thụy-hương. Triệu-Xương tỉnh dậy, ngày mai hỏi thăm đến chơi tận làng ấy, tra hỏi sự tích, rồi lập miếu ngay tại khu nhà cũ ông ấy để thờ. Khi sau Cao-Biên sang đánh nước Nam-chiếu, Ông-Trọng hiển linh giúp Cao-Biên, phá giặc thành công. Cao-Biên mới sai sửa sang lại đình đài, tạc gỗ tô tượng, gọi là đền “*Lý-hiệu-úy*.”

Từ bây giờ giờ đi, thường linh ứng lắm, dân xã có việc gì cầu đảo đến cũng nghiệm. Lịch-triều cũng phong tặng làm linh-ứng thượng-dăng-thần. Vì ở làng Chèm cho nên tục gọi là Thánh Chèm.

## 42. Tô-Lịch giang-thần

Khi xưa có người tên là Tô-Lịch, làm quan Lịch ở huyện Long-đổ, nhà ở cạnh con sông nhỏ. Nhà ấy ba đời nhân nhượng ở chung với nhau, được cất lên đồ khoa Hiếu-liêm, và được tinh hiếu của nhà, vì thế ở làng ấy cũng đặt là làng Tô-lịch.

Đến đời vua Mục-tôn nhà Đường, Lý-nguyên-Gia sang làm Đô-hộ, lập dinh phủ ở trong thành Long-biên. Nguyên-Gia thấy cửa bắc thành ấy, có con sông chảy ngược, sợ người sinh ra bụng làm phản, muốn cấm phủ chỗ khác, mà đắp ra thành La-thành.

Khi sắp xây thành, lập dinh ở cạnh sông Tô-lịch, rót rượu dâng khấn, xin ông Tô-lịch làm thành-hoàng ở thành ấy.

Đêm nằm mơ thấy thần bảo rằng:

- Sứ-quân sai tôi làm chủ thành này, vì dù tôi dạy dỗ được dân, để cho biết giữ đạo trung hiếu, thì phải lập miếu mà thờ tôi.

Nguyên-Gia xin vâng nhời. Từ đấy dân gian an nghiệp, không ai sinh ra bụng phản nghịch. Nguyên-Gia mới đắp ra thành nhỏ để ở, và lập miếu để thờ Tô-lịch.

Khi Nguyên-Gia mới đắp thành có thầy-tướng bảo rằng:

- Tôi xem tướng ông không đắp nổi thành to đâu, sau năm mươi năm nữa, tất có một người họ Cao, đóng đô lập phủ ở đây, mới đắp nổi được.

Đến thời vua Ý-tôn nhà Đường, nước Nam-chiếu làm phản, vua nhà Đường sai Cao-Biên sang đánh, dẹp yên được giặc, mới đặt ra Tĩnh hải-quân, mà phong cho Cao-Biên làm Tiết-độ-sứ. Cao-Biên nhân thế giữ phủ Giao-châu, tự xưng là Cao-vương.

Cao-Biên thông hiếu thiên-văn, địa-lý, xem xét tình thế, nhân chỗ thành nhỏ của Nguyên-Gia, đắp rộng thêm ra gọi là Đại-la-thành, chu vi 8.000 bộ.

Mé bắc thành ấy có con sông tự sông Lư (sông cái) vào mé tây-bắc, rồi chảy xuống phía nam, vòng quanh La-thành, rồi lại đổ vào sông Cái. Mỗi năm đến tháng sáu mùa mưa, nước sông tràn lên mênh mông. Có một khi Cao-Biên ngồi thuyền chơi trong sông, bỗng thấy một ông cụ già, đầu bạc phơ phơ, râu mày trắng xóa, hình dung kì dị, đang bơi tắm ở trong sông, cười nói vui vẻ lắm. Biền lấy làm lạ, hỏi tên họ, thì nói là họ Tô tên Lịch; hỏi chỗ ở thì nói là ở trong sông. Nói đoạn, vỗ tay cười ầm cả lên, rồi tự nhiên giời đất tối xầm, ông cụ ấy biến mất.

Cao-Biên biết là thần, nhân thế gọi sông ấy là sông Tô-lịch.

Lại một buổi sớm, Cao-Biên đứng ở cửa đông nam La-thành trông ra

sông Tô-lich, thấy trong sông nổi cơn gió to, sóng đánh bồn cồn, mây kéo mù mịt, rồi có một người dị dạng, đứng trên mặt nước, cao hơn hai trượng; mình mặc áo vàng, đầu đội mũ đỏ, tay cầm một cái hốt vàng, có bóng thấp thoáng như mây phủ, mãi đến lúc mặt trời mọc cao ba trượng mà chưa tan. Cao-Biên lấy làm lạ, muốn dùng thuật trấn áp, đêm hôm ấy, chiêm bao thấy ông thần bảo rằng: *“Ta là tinh đất Long đồ, thần linh xứ này, ở đây đã lâu. Nay thấy người đến đây, cho nên ta mừng quá mà hiện ra, can gì phải trấn áp ta?”* Biên tỉnh dạy sợ hãi, lập tức lập đàn cúng cấp, rồi dùng những vàng bạc đồng sắt làm bùa, cúng ba đêm ngày, rồi mới chôn bùa để yểm.

Đêm hôm ấy mưa gió sấm sét, có tiếng quỷ thần hô hét quát tháo kinh thiên động-địa. Một lát, những bùa vàng, bạc, đồng, sắt, bột cả lên trên mặt đất, tan ra như gio, rồi bay tán vào trong không khí mất cả.

Cao-Biên lấy làm lạ, than rằng:

- Ở xứ này có thần thiêng như thế ta nên về Tàu, chớ có ở đây mà sinh vạ về sau.

Tự đấy, Cao-Biên có ý muốn về, mới tôn thần Tô-lich làm Đổ-phủ thành-hoàng thần-quân.

Đến thời vua Thái-tổ nhà Lý, thiên đô lên thành Thăng-long. Thần Tô-lich có thác mộng vào lạy mừng. Vua lấy làm lạ, hỏi họ tên, thì cũng nói rõ họ tên là thế. Vua lại hỏi rằng: *“Thần có giúp cho trẫm giữ mãi cơ nghiệp trăm nghìn năm không?”* Thần thưa rằng: *“Xin bệ hạ hưởng phúc nghìn muôn năm, thì tôi cũng được hưởng trăm năm hưởng hỏa.”* Vua tỉnh dậy, ngày mai sai sứ đến tế ở đền ấy, tôn làm Đô-quốc thành-hoàng đại-vương. Đến đời nhà Trần, lại phong *“Bảo quốc định bang đại vương.”* Đền thờ ở làng Đông-ác, huyện Thọ-xương (Bây giờ thuộc về thành phố Hà-Nội).

### 43. Bạch-mã-thần

Khi Cao-Biên ở trấn nước Nam, giữ phủ xưng vương, đắp rộng thêm thành La-thành. Đắp xong, một buổi trưa, đứng ngoài cửa đông ngóng xem, bỗng nhiên mưa gió âm âm, rồi có một đám mây ngũ sắc, tự dưới đất bốc lên, khí sáng ánh ra tứ phía. Lại thấy có một người ăn mặc đường bệ, cười con cầu-long (rồng chưa có sừng) nửa vàng nửa đỏ, tay cầm hốt vàng, đứng trong đám mây, có bóng thấp thoáng lên xuống, lâu lâu thì tan mất.

Cao-Biên lấy làm lạ lòng, nghi là ma quỷ, muốn thiết đàn cúng cấp, dùng phép trấn áp.

Đêm hôm ấy nằm mơ thấy thần lại bảo rằng:

- Xin ông chớ nghi tôi, tôi là thần chính-khí ở đất Long-đổ này, chớ không phải ma quái nào. Tôi thấy ông mới đắp xong cái thành, cho nên mừng mà hiện ra đây thôi.

Cao-Biên tỉnh dậy, hội các quan lại bảo rằng:

- Ta không trị nổi được xứ này hay sao? Sao mà lắm ma quỷ hiện ra thế, hoặc là điềm gở gì đây chẳng?

Chúng xin thiết đàn, bày hình tượng thần ấy, rồi dùng nghìn cân sắt, làm bùa trấn yểm.

Cao-Biên nghe nhời lập đàn cúng bái, rồi chôn nghìn cân sắt để yểm. Hôm sau, giờ đất tối tăm mù mịt, mưa gió âm âm, rồi có tiếng sét đánh vào chỗ yểm bùa, sắt tan vụn bay đi mất cả. Biên thấy vậy sợ hãi, mới lập đền ở trong phố để thờ thần ấy. Về sau, vua Lý-thái-tổ thiên đô lên Thăng-long, mơ thấy thần lại mừng. Vua tỉnh dậy, sai các quan đem lễ đến tế, phong làm Thăng-long thành-hoàng đại-vương.

Bấy giờ vua mở ra chợ cửa đông cho dân buôn bán, miếu thờ ngài ở cạnh đường, thường có hỏa-tai, cháy lây cả một dãy phố, chỉ miếu của ngài là không động gì đến. Mỗi khi nhà vua làm lễ nghênh xuân, thường vẫn cúng trong miếu ấy.

Thái-sư là Trần-quang-Khải có đề một bài thơ rằng:

*Xưa nghe lừng lẫy tiếng anh linh,  
Ma cũng ghê, mà quỷ cũng kinh.  
Ngựa lửa ba phen thiêu chẳng tới,  
Roi lôi một trận đánh không chên,  
Chỉ tay đè nén vài trăm quỷ.  
Quát tiếng trừ tan mấy vạn binh.  
Nhờ đội oai thần xưa giặc Bắc,  
Khiến cho non nước tại thanh bình.*



Trần-triều phong là: “*Thuận-dụ-phu-ứng đại-vương.*” Đền ở phường Hà-khẩu, huyện Thọ-xương, gọi là thần Bạch-mã (Bây giờ tức là đền Bạch-mã ở phố Hàng-buồm).

## 44. Sóc-thiên-vương

Về thời vua Đại-hành nhà Lê, quan Khuông-việt Thái-sư là Ngô-cảnh-Chân thương hay chơi ở làng Bình-lỗ, ưa phong cảnh chỗ ấy vui đẹp, mới làm một cái am để ở. Một đêm đến canh ba, mơ thấy một ông thần mặc áo vàng giắt sắt, tay tả cầm một ngọn thương vàng, tay hữu cầm một hòn ngọc, có vài mươi người lính hầu, mặt mũi hung tợn, trông như quỷ sứ.

Ông thần ấy bảo với Thái-sư rằng:

- Ta là Côn-sa môn thiên-vương đây, đây-tớ ta là thần Dạ-xoa cả đấy. Thượng đế sai ta sang xứ Bắc, coi giữ nhân-dân. Người có duyên với ta, cho nên ta lại đây nói chuyện với người.

Thái-sư giật mình đứng dậy, nghe trong núi có tiếng quát tháo ầm ầm, trong bụng lấy làm sợ hãi. Hôm sau vào núi xem, thì thấy một cây cổ thụ, cành lá rườm rà, và có đám mây đẹp phủ lên trên ngọn cây. Thái-sư sai thợ đẵn cây ấy, đem về tạc tượng như hình dáng trong mộng, rồi lập đền ở trên núi để thờ.

Trong năm Thiên-phúc thứ nhất (980), có quân nhà Tống vào cướp nước. Vua Đại-hành sai Thái-sư cầu khẩn ở đền thần Côn-sa-môn. Bấy giờ quân nhà Tống đóng ở làng Tây-kết, chưa kịp đánh nhau với quân nhà Lê. Quân Tống bỗng thấy một người ở dưới sông Bạch-đăng nhảy lên đứng trên mặt nước, cao hơn 10 trượng, xoa tóc tròng mắt, quân Tống khiếp sợ tan chạy, phải lui về giữ trên thượng-lưu. Lại gặp cơn phong ba to, thuyền bè chìm đắm mất nhiều, vua Đại-hành thừa thế đốc quân lên đánh, bắt được Chuyển-vận-sứ là Nhân-bảo, vì thế quân Tống phải tan.

Vua thấy thần Côn-sa-môn anh linh làm vậy, sai sửa sang thêm đền đài cho đẹp, rồi phong làm Sóc-thiên-vương, để trấn phương bắc. Đền ấy ở núi Vạn-linh, huyện Kim-hoa tỉnh Bắc-ninh.

Đến thời nhà Lý, lại lập đền thờ ở mé đông hồ Tây, phong làm phúc-thần, để trấn phương bắc, và để có việc kì đảo cho tiện (tức là đền ở làng Nhật-tảo bây giờ).

## 45. Liễu-Hạnh tiên-chúa

Về thời vua Anh-tôn nhà Lê (1557) ở về thôn Vân-cát, xã Yên-thái, huyện Vụ-bản, tỉnh Nam-định, có một người gọi là Lê Thái công tiên tổ tích đức đã ba đời, đến đời Lê Thái-công cũng hay làm phúc. Ngoài 40 tuổi, sinh được một người con gái. Cách năm sau, Thái-bà có mang được vài tháng thì phải bệnh, ưa những đồ hương hoa, người nhà cho là ma làm, mời thầy phù-thủy cúng cấp mà bệnh lại nặng thêm.

Đến hôm trung-thu có người xin vào chữa bệnh cho Thái-bà. Thái-công mời vào, người ấy cầm cái búa ngọc, lên đàn niệm câu thần-chú, rồi ném búa xuống đất. Thái-công ngồi cạnh ngã ngay xuống mơ mơ màng màng, thấy có hai người lực-sĩ đưa đi. Đường đi khuất khúc, đến một nơi nhà vàng cửa ngọc, lực-sĩ đưa đi qua chín tầng cửa, rồi đến chốn cung đường, thì đứng lại ở dưới hè. Trông lên trên thì thấy có một vị áo mũ đường hoàng, hai bên vãn võ cầm hốt đứng châu, nghi vệ rất thịnh. Sức có một người con gái mặc áo đỏ, băng chén ngọc dâng rượu thọ, nhỡ tay rơi chén, sứt mất một góc. Tả-ban có một viên mở ngay sổ ra biên vài chữ, rồi thấy hai người sứ-giả và vài chục người thị nữ xúm lại dắt nàng mặc áo đỏ tự cửa nam đi ra. Mé trước có một cái biển vàng, trên có hai chữ “*Sắc giáng*”, giữa có hai chữ “*Nam nam*”, còn các khoản dưới thì mập mờ không rõ.

Thái-công hỏi người lực-sĩ rằng:

- Đó là việc gì thế?

Lực-sĩ nói:

- Đây là bà tiên-chúa thứ hai tên là Quỳnh-hoa, chuyển này chắc phải đầy xuống trần.

Nói đoạn, lực-sĩ đưa Thái-công về đến nhà thì tỉnh dậy, mà Thái-bà đã sinh ra một người con gái, nhân thế đặt tên là Giáng-tiên.

Khi nàng Giáng-tiên nhón lên, nhan sắc lạ thường, Thái-công cho ở trong nhà học hành. Nàng ấy thông minh, mà lại tài nghệ âm-nhạc. Thường làm ra ca từ bốn mùa, lựa vào khúc đàn để chơi.

### **XUÂN TỪ (ĐIỆU XUÂN QUANG HẢO)**

*Cảnh như vẽ, khéo ai bày? Hoa đào mím miệng liễu giương mày. Bướm nhớn bay, oanh vàng lú lo trong bụi, én đỏ rú rít trên cây. Buồng xuân diu dặt mỗi tình ngây, đề thơ này!*

### **HẠ TỪ (ĐIỆU CÁCH PHỐ LIÊN)**

*Giời đất nhiều phần nóng nẫu. Đầu cành rúc giọng ve, bãi cỏ vang tiếng châu; vò võ quốc kêu sầu, eo éo canh hót ngẫu, Đường bảo nhau “Chúa xuân về rồi thôi cũng hão!” Cảnh sắc đường kia, ngao ngán cầm*

*lòng khôn đậu. May đâu, thần Chúc dong gảy một khúc nam-huân, hương sen thoảng đáo, một trận gió bay, sạch lòng phiền não.*

THU TỪ (ĐIỀU BỘ BỘ-THIỀM)

*Mặt nước trong veo non tựa ngọc, gió vàng hây hây khua khóm trúc. Hoa lau muôn dặm trắng phau phau, cây cối vẻ hồng pha vẻ lục. Cung thiềm sáng quắc ả Hằng ngủ, dạo bước thềm giao tình rạo rạc. Chi bằng đến thẳng dưới giậu hoa cúc thơm, thanh thoir dạo đàn gảy một khúc.*

ĐÔNG-TỪ (ĐIỀU NHẤT TIỀN-MAI)

*Khí đen mờ mịt tỏa non sông, hồng về nam xong! Nhận về nam xong! Gió bắc cầm cầm tuyết mịt mù! Tựa triện ngời trông, tựa triện đứng trông. Sưởi lò mặt vẫn giá như đông, ngời chẳng yên lòng, nằm chẳng yên lòng! Dậy xem phong cảnh lúc giờ đông, hoa quên lạnh lòng! Người quên lạnh lòng!*

Một khi Thái-công dạo chơi sau vườn, nghe thấy khúc đàn ấy, trong bụng buồn rầu, nhân có ông bạn quen họ Trần ở cùng một làng, mới cho làm con nuôi ông ấy, và làm riêng một nhà lầu ở sau vườn Trần-công cho con gái ở.

Cạnh nhà Trần-công có một nhà quan, tuổi già chưa có con giai, nhân đêm giãng ra chơi vườn đào, bắt được đứa con giai ở dưới gốc đào, vì thế đặt tên là Đào-lang. Đào-lang mặt mũi tuấn tú. Trần-công thấy Giáng-tiên tư chất khác phàm và lại nết na, có ý muốn kết duyên cho Đào-lang. Hai bên cha mẹ thuận lòng, mà hai người cũng tốt duyên phải lứa, mới gả cho nhau. Tự khi cưới về, Giáng-tiên một lòng hiếu thuận. Năm sau, sinh được một mụn con giai, cửa nhà thêm vui vẻ.

Ngày tháng thấm thoát, chợt đã ba năm. Hôm mồng ba tháng ba, Giáng-tiên tự nhiên vô bệnh mà mất, bấy giờ mới hai mươi một tuổi. Ba nhà sầu thảm vô cùng.

Thái-bà đau xót đêm ngày khóc lóc. Một bữa đang khóc thì thấy con về ôm lấy mẹ mà nói rằng:

- Mẹ ơi! Con ở đây, mẹ khóc gì thế?

Thái-bà mở choàng mắt ra trông thấy quả là con, cả nhà xúm lại hỏi han.

Tiên-chúa nói rằng:

- Con là Đệ-nhị-tiên-cung phải đầy xuống trần, nay đã hết hạn, lại phải lên châu Thượng-đế. Cha mẹ có âm-công, đã vào sổ tiên, mai sau cũng được đoàn tụ, không can gì phải lo sầu.

Nói đoạn lại biến mất.

Chàng Đào-lang tự khi uyên bay, trăm phần sầu não. Một đêm đang ngồi ngâm thơ giải phiền, sức thấy Tiên-chúa đến, chàng kia nín lấy kể lễ nỗi đoạn sầu khổ. Tiên-chúa khuyên giải hết điều rồi lại biến mất.

Tự bấy giờ đi mây về gió, chơi xem phong cảnh các nơi. Một hôm, đến tỉnh Lạng-sơn, trông thấy có ngọn chùa trên núi, mới lên xem cảnh, rồi ra nghỉ mát dưới gốc cây thông, gảy đàn ngời hát. Xảy có Phùng-khắc-Khoan (Trạng-Bùng) đi sứ về qua, hai bên ngồi đối đáp với nhau.

Phùng-công đọc trước một câu rằng:

- *Tam mộc sâm đình; tọa trước hảo hê nữ tử.*

(三木森庭坐著好兮女子)

Tiên-chúa ứng thanh đối rằng:

- *Trùng sơn xuất lộ; tẩu lai sứ giả lại nhân.*

(重山出路走來使者吏人)

Phùng-công lại đọc rằng:

- *Sơn-nhân bằng nhất kị; mạc phi tiên nữ lâm phàm.*

(山人憑一几莫非仙女臨凡)

Tiên-chúa lại đọc rằng:

- *Văn-tử đới tràng cân; tất thị học-sinh thị trưởng.*

(文子帶長巾必是學生侍帳)

Phùng-công thấy vậy, muốn hỏi lai lịch thì đã biến mất rồi, chỉ thấy gỗ nằm ngổn ngang, hình ra bốn chữ: “*Mão khẩu công chúa*,” (卯口公主)<sup>[54]</sup> và có một cây gỗ dựng viết bốn chữ “*Thủy mã dĩ tẩu*.” (水馬已走)<sup>[55]</sup> Phùng-công đoán ý tứ các chữ ấy, biết là Liễu-hạnh công-chúa nhờ mình khởi công sửa sang chùa ấy, mới xuất tiền cho dân sửa sang.

Lại một khi Phùng-công đem bạn lên chơi hồ Tây, cũng gặp Tiên-chúa, xướng họa liên ngâm với nhau. Về sau Tiên-chúa hiển thánh ở đèo Ngang phố Cát, tỉnh Thanh-hóa, hiện ra làm con gái đẹp bán nước những kẻ đùa bỡn chết hại rất nhiều. Triều-đình nghi là yêu quái, sai thầy phù-thủy và Trịnh hoàng-thúc đem quân đi tiêu. Quan quân bắn vào trong núi, tàn phá đền đài. Được vài tháng, dân xứ ấy dịch tễ, lập đàn cầu khẩn, thì mới biết là Tiên-chúa hiển thánh tâu lên triều-đình, vua sai sửa sang lại đền miếu, phong làm *Mã-vàng công chúa*. Sau lại có công giúp nước phá giặc Mán, được phong làm *Chế-thắng bảo hòa-diệu đại vương*, lập đền trên núi Sùng-sơn, đến giờ vẫn còn anh linh.

## Chương thứ VII CÁC VỊ TIÊN-THÍCH

### 46. Từ-Thức

Từ-Thức người ở Hóa-châu (Thanh-hóa). Trong thời Quang-Thái, đời vua Thánh-tôn nhà Trần, nhân có chân ấm-sinh, được làm Tri-huyện Tiên-du (Bắc-ninh). Cảnh huyện có ngọn chùa to, trong chùa có một cây mầu đơn, mỗi khi mùa xuân hoa nở, khách bốn phương đến chùa xem hoa đông như hội, nhân thế gọi là hội xem hoa.

Tháng hai năm Đinh-tị (1396), chính giữa hôm hội, có một cô ả nhan sắc mỹ miều, mới đội 15,16 tuổi, son phấn điểm nhạt, mặt mũi tươi dòn. Đến xem hoa, nhờ tay vịn gãy mất một cành, bị nhà chùa bắt giữ lại. Từ-Thức xấy đi qua trông thấy, hỏi cơn có đầu đuôi, rồi cởi áo cấm bào chuộc cho ả ấy đi.

Từ bấy giờ ai cũng khen là quan huyện nhân đức, nhưng chỉ vì tính hay uống rượu ngâm thơ, tờ bồi việc quan bỏ đọng cả lại, lắm phen bị quan trên quở mắng.

Từ-Thức than rằng:

- Ta không thể nào vì vài đấu thóc lương mà buộc mình vào trong đám danh lợi được mãi, thôi thì một mái chèo bơi về tìm nơi nước biếc non xanh, cho thỏa chí ta còn hơn.

Lập tức cởi ấn giao trả quan trên rồi đi. Tính Từ-Thức ưa chơi những chốn khe động trong huyện Tống-sơn, mới về làm nhà ở huyện ấy, mỗi khi nhàn đi chơi, sai một thằng nhỏ đeo một bầu rượu, cắp một cái đàn và mang một quyển thơ. Đi đến chỗ nào thích ý, thì ngồi chơi đánh chén, hoặc gảy đàn. Phàm chỗ nào có nước non lạ lòng, như núi Chính-trợ, động Lục-vân, sông Lãi, cửa Nga, thì tất tìm đến chơi và có thơ đề vịnh.

Một khi dậy sớm, trông ra cửa Thần-phù, cách vài mươi dặm, có khi mây nằm vể, kết lại như hình cái hoa sen. Mới sai bơi thuyền đến tận chỗ ấy, thì thấy có núi rất đẹp. Đổ thuyền trèo lên núi thì thấy khí núi xanh biếc, cao vời vợi ước nghìn trượng.

Nhân đề một bài thơ rằng:

*Đầu cảnh thấp thoáng bóng kim-ô,  
Hoa đồng vui mừng đón khách vô.  
Cạnh suối nào là người hái thuốc?  
Quanh nguồn chỉ có gã bơi đò.  
Xênh xang ghê mát cầm ba khúc,  
Đứng đỉnh thuyền câu rượu một vò.*

*Ướm hỏi Vô-lăng chàng đánh cá,  
Làng Đào đâu đó cách chừng mô?*

Đề xong bài thơ nhìn xem phong cảnh một hồi, bỗng thấy trong sườn núi đá, có một cái hang, cửa hang tròn và rộng độ một trượng, thử vào hang xem ra làm sao, vừa đi được vài bước, thì cửa hang bỗng dưng đóng sập lại, trong hang tối mù mịt, không còn biết đường nào mà đi, Từ-Thức chắc chết ở chỗ ấy, nhưng vẫn cứ đi liều xem ra làm sao, mới quờ tay sờ sệt vào sườn đá mà đi, trước còn loanh quanh đi trong khe nhỏ, dần dần thấy có bóng sáng, trông lên thấy núi cao chót vót, đá mọc lởm chởm, mới cố leo vịn lên thì đường đi đã hơi rộng.

Khi lên đến đỉnh núi, thì lại thấy mặt giời sáng sủa, trông ra bốn bề, cũng có lầu đài cung điện, cửa nhà trang hoàng, cây cối tươi tốt, tự hồ một cảnh chùa chiền.

Từ-Thức lấy làm lạ lòng, ngẩng nhìn phong cảnh, rồi thấy hai ả con gái nhỏ, mặc áo xanh, bảo với nhau rằng:

- Chú rể mới nhà ta đã đến kia kìa!

Nói thế đoạn, trở vào trong nhà báo tin, rồi lại ra bảo với Từ-Thức rằng:

- Phu nhân cho chúng tôi ra mời người vào chơi.

Từ-Thức theo hai đứa con gái đi vào, qua một dãy tường gấm, vào cửa sơn son, thấy đôi bên cung cấm, vàng bạc sáng quắc, có chữ đề rằng: “*Quỳnh-hư chi điện, Giao-quang chi các.*”<sup>[56]</sup> Khi trèo lên gác thì thấy một bà tiên mặc áo lụa trắng, ngồi trên giường thất-bảo. Cạnh giường có đôi ki gổ đàn-hương, bà tiên mời Từ-Thức ngồi trên kỷ và bảo rằng:

- Người vốn hay chơi cảnh lạ, có biết đây là chốn nào không?

Từ-Thức thưa?

- Tôi tuy dong chơi giang hồ đã nhiều, nhưng chưa biết ở đây lại có tiên cảnh, xin bảo cho tôi được rõ.

Bà tiên cười nói rằng:

- Người biết đâu được chỗ này! Đây tức là hang thứ sáu trong 36 động núi Phi-lai; núi ấy đi khắp các mặt bể, chân không bén đến đất, chỉ theo chiều gió mà hợp tan thôi. Ta tức là Địa-tiên núi Nam-nhạc, gọi là Ngự phu-nhân đây. Vì thấy người có cao nghĩa, cho nên mới đón đến chơi.

Nhân bảo con hầu gọi một người con gái ra. Từ-Thức trông ra thì chính là người con gái đánh gãy cành hoa mẫu đơn khi trước.

Bà tiên trở vào con gái bảo với Từ-Thức rằng:

- Con em tên nó là Giáng-Hương, khi trước xem hoa phải cái ách nạn,

nhờ người cứu cho, ta vẫn còn hàm cái ân ấy, nay muốn cho nó kết duyên với người để báo ân.

Lập tức đêm hôm ấy, truyền sai đốt đèn mỡ phụng, giải chiếu vẩy rồng, cho làm lễ thành thân.

Hôm sau các tiên đến ăn mừng, kẻ cười li vàng (tự rồng mà không sừng), người cười câu đỏ (loài rồng) đến hội. Bà tiên mở tiệc trên gác Giao-quang, nào là rèm ngọc trướng điều, nào là đệm hoa ghế bạc. Các tiên ngồi riêng một bên tả, còn mé hữu Từ-Thức ngồi.

Trong khi ăn yến, đủ thứ sơn hào hải vị, chả phụng nem công, thơm tho ngào ngạt, toàn những vị dưới trần không có bao giờ. Lại có đàn sáo bát âm rất là vui vẻ.

Chiều tối tiệc tàn, các tiên đâu về đấy. Từ-Thức ở lại đấy được một năm, có ý nhớ nhà, nhân một khi thông thả bảo với nàng Giáng-Hương rằng:

- Tôi vốn đi chơi, xa xôi đã lâu, khó đề nén được bụng trần, lại tưởng nhớ đến quê cũ, xin cho tôi hãy về thăm nhà một chút.

Giáng-Hương có ý ngần-ngừ, không nỡ li biệt.

Từ-Thức lại nói rằng:

- Thiếp không dám vị tình vợ chồng mà ngăn trở bụng quân-tử; chỉ vì côi trần bé nhỏ, ngày tháng ít ỏi, nếu có về chẳng nữa, chỉ sợ cây cối cửa nhà không được còn như trước nữa đâu.

Nàng ấy mới nói với phu-nhân. Phu-nhân than rằng:

- Không ngờ gã ấy còn vương víu trong đám bụi hồng, làm chi mà phải ngậm ngùi như thế?

Phu-nhân mới cho một cỗ xe cấm-vân, sai người lên xe ấy mà về. Giáng-hương cũng viết một phong thư buộc kỹ đưa cho, dặn về nhà hãy mở ra mà xem.

Từ-Thức cáo biệt, ngồi lên xe, đi vừa chớp mắt đã đến nhà. Về đến nơi thì phong cảnh đã khác xưa, nhân dân thành quách, không còn gì là giống khi trước, chỉ còn hai bên khe núi thì vẫn còn nguyên.

Từ-Thức đem họ tên mình, hỏi thăm các cụ già trong làng, thì có một người nói rằng:

- Tôi từ lúc còn nhỏ, có nghe cụ tổ ba đời nhà tôi cũng tên họ như thế, sa vào hang núi đã hơn 80 năm nay rồi.

Từ-Thức buồn rầu lắm, muốn lại ngồi xe đi lên, thì xe đã hóa thành chim loan bay đi mất rồi. Mở bức thư ra xem, thì có câu rằng: *“Trong mây kết bạn loan hoàng, duyên xưa đã hết; trên bể tìm người tiên-tử, hội khác*



*khôn cầu.*” Mới biết là nhời li biệt. Về sau, Từ-Thức mặc áo khinh-cửu, đội cái nón nhỏ, vào núi Hoàng-sơn ở huyện Nông-cống (Thanh-hóa), không biết lên tiên hay đi mất.

## 47. Tú-Uyên

Thời nhà Lê, ở làng Bích-câu (tức làng Yên-trạch bây giờ, Hà-nội) có một người học trò, tên là Tú-Uyên, vốn người tài mạo, cha mẹ mất sớm, nhà nghèo, chỉ chăm việc học hành.

Có một hôm, chùa Ngọc-hồ mở hội, Tú-Uyên đi xem. Đến chiều trở về qua chùa Tiên-tích (ở phố cửa Nam) trông thấy một người con gái đẹp lắm, đang đứng ở dưới gốc cây đu. Tú-Uyên lại gần hỏi truyện, rồi hai người vừa đi vừa đối đáp với nhau, đến chỗ đình Quang-minh thì người con gái ấy biến mất, mới biết là tiên.

Tú-Uyên đứng ngẩn ra một lúc, mới giờ về nhà. Từ đấy đêm ngày tưởng nhớ, phải bệnh tương tư thuốc nào chữa cũng không khỏi. Một hôm, nhờ đến sự bói thẻ, mới đến đền Bạch-mã xin thẻ, rồi nằm mộng ở đấy. Đêm thần báo mộng rằng: *“Sáng sớm mai, ra cổng cầu Đông sông Tô-lịch thì gặp.”* Tú-Uyên mừng lắm, sức tỉnh dậy thì giờ đã rạng đông; vội vàng chạy ra đấy, đứng chờ thần độ một vài giờ, không thấy gì, toan trở về, thì gặp một ông cụ bán bức tranh. Tú-Uyên cầm mở ra xem, thấy người tố-nữ vẽ trong tranh, giống như người mình gặp khi trước. Mua đem về, treo ở cạnh buồng học, từ bấy giờ mới giải phiền.

Tú-Uyên mỗi khi đến bữa cơm ăn, thì đặt hai cái bát hai đôi đĩa, mời người tố-nữ trong tranh, như hai vợ chồng thực. Một hôm, mời thì hình như tùm tùm cười muốn nói. Hôm sau, đi học về, thấy mâm cơm dọn sẵn, nghĩ không biết thế nào, ăn thì toàn những món ngon vật lạ cả. Hai ba hôm cũng luôn như thế. Bữa sau, giả cách đi học, đứng rình dòm vào trong nhà, thấy người trong tranh hiện ra đang điểm trang, Tú-Uyên rón rén bước vào, hỏi rằng:

- Duyên sự làm sao, thì nói cho tôi được biết.

Nàng ấy mới nói rằng:

- Thiếp ở trên cung tiên, tên là Giáng-kiều, vì nhà chàng có phúc-đức nhớn, nên gặp nhau từ khi ấy. Sau lại thấy chàng thương nhớ, cho nên chúa tiên cho thiếp xuống kết duyên với chàng.

Nói vừa xong, rút trâm trên mái đầu, hóa phép hiện ra cửa nhà, lầu-đài, đầy-tớ, đồ-đạc, rồi làm cỗ bàn, mời các bạn tiên xuống ăn cưới. Từ đấy kết duyên làm vợ chồng.

Tú-Uyên tự bấy giờ ham-mê về tửu sắc, cả ngày chỉ uống rượu say sưa, bỏ sự học-hành. Trong ba năm giờ, nàng ấy khuyên ngăn mãi mà vẫn không nghe. Mỗi khi say rượu rồi thì lại chửi mắng ồm tồm. Nàng ấy giận lắm mới biến đi. Tú-Uyên tỉnh rượu, thấy vợ bỏ mình mà đi, mới hối lại, biết là lỗi tại mình. Đi tìm đâu cũng không thấy, bức mình muốn tự vẫn.

Bỗng thấy nàng ấy ở đâu lại về. Tú-Uyên nửa mừng nửa thẹn, lấy nhời từ-tạ, hai vợ chồng lại vui vẻ tử tế như xưa.

Không bao lâu sinh được một người con gái, đặt tên là Trân-nhi. Đến sau, con học hành thông minh, đã sắp nên người, nàng ấy bảo với chồng rằng:

- Ở hạ giới này, một đời người chỉ được bảy tám mươi tuổi mà thôi, kể ra không được là bao nhiêu. Vả lại trong số tiên cũng có tên chàng, thì ta đưa nhau lên ở trên cung tiên là hơn.

Liền đưa cho Tú-Uyên một viên thuốc và một đạo bùa. Một lát thì có hai con hạc xuống đón, hai vợ chồng mỗi người cưỡi một con, ngoảnh lại dặn con rằng:

- Con hãy ở đây, khi nào thi đỗ thì tao xuống đón.

Nói đoạn, bay cả lên trời.

Dân làng ấy vì thế lập miếu ngay chỗ nhà cũ ông ấy để thờ, gọi là đền Tú-Uyên.

## 48. Phạm-Viên

Phạm-Viên người làng An-bài, huyện Đông-thành tỉnh Nghệ-an. Đời ông tổ Phạm-Viên hiền lành, phúc hậu, gặp được người Tầu để cho ngôi mộ, đoán rằng: “*Ngôi này phát một đời Tiến-sĩ, một đời thành tiên.*”

Đời con ông cụ ấy là Phạm-Chất đỗ Tiến-sĩ về thời vua Thần-tôn nhà Lê, làm đến Tả-thị-lang. Phạm-Chất sinh ra hai con, con cả là Phạm-Tán, con thứ là Phạm-Viên.

Phạm-Viên nhớn lên, 18 tuổi mà vẫn biếng học, chỉ ham sự chơi bời. Ông bố chửi mắng thì Phạm-Viên nói rằng:

Người ta quý thích chi là hơn, phú-quí 80 năm, chẳng qua cũng là một giấc mộng hoàng-lương mà thôi.<sup>[57]</sup>

Từ đấy bỏ nhà đi, vào núi Hồng-lĩnh hái thuốc. Đi cùng kiệt 3 ngày, vào đến rừng sâu, gặp một cụ già chống cái gậy trúc, mặc áo thầy tu. Viên biết là người lạ, quì xuống trước mặt, kể lễ sự mình. Cụ già đem Phạm-Viên về, đi nửa thoi đường, thấy có vài gian nhà gianh cụ già dắt vào trong nhà ấy. Vào đấy chỉ thấy trên bàn có một quyển sách con, bên cạnh có một vò nước, còn thì không có gì cả, và cũng không có một người đầy-tớ nào.

Phạm-Viên ở đấy, cụ già thỉnh thoảng múc cho một gáo nước, bảo phải uống hết, lại cho một cái túi, bảo rằng:

- Về cứ mở túi ra mà xem, tự khắc biết.

Nói xong, cụ già và cửa nhà biến mất cả, Phạm-Viên trở ra tìm lối về, cứ trông về phía mặt trời mọc mà đi. Một lát đến đầu làng, về đến nhà thì đã được 12 năm rồi.

Bấy giờ Phạm-Viên đã được 30 tuổi, họ hàng làng mạc ai cũng lấy làm kì, nhưng không ai biết Phạm-Viên đã thành tiên. Phạm-Viên ở nhà, có khi ngủ đến 10 ngày mới dậy, có khi 2,3 tháng mới ăn một thìa cháo. Quan Thị-lang vẫn gọi Phạm-Viên là thằng dở.

Phạm-Viên có bà cô ngoài 70 tuổi, không có con cái, Phạm-Viên cho bà cụ 21 đồng tiền, và dặn rằng:

- Nếu có mua gì, chỉ mua 20 đồng, còn để dành lại một đồng, tự nhiên lại có 20 đồng khác, có thể đủ dùng được trọn đời.

Bà cụ nghe lời ấy, quả nhiên cứ mua buổi sang thì buổi chiều lại đủ 21 đồng tiền. Được một năm, bà ấy mất, món tiền ấy cũng biến đi.

Thường một khi đến chơi núi Ngọc-sơn, nằm trọ trong nhà hàng, bảo với mụ già nhà hàng rằng:

- Ở gần đây sau tất có hoả-tai, ta cho mụ kia một lọ rượu này, khi nào

thấy cháy, thì lấy rượu mà vẩy vào, kéo gió to thì cháy lây mất cả.

Tháng năm, quả nhiên có hoả-tai, bấy giờ đương mùa gió nồm, không tài nào cứu được. Mụ già nhớ đến lời Phạm-Viên, cầm lọ rượu rảy vào đám lửa, tự nhiên trời mưa xuống như trút nước, lửa phải tắt ngay, nước mưa sặc những mùi rượu ba ngày chưa tan mùi.

Lại một khi Phạm-Viên đi qua huyện Hoảng-hóa thấy một người già ngoài 70 tuổi mà còn phải đi ăn xin, Phạm-Viên thương tình, cho một cái gậy dặn rằng:

- Hễ đi đến chợ nào thì cầm cái gậy ấy bên cạnh đường, không phải van gì, tự nhiên người ta phải lấy tiền cầm vào đầu gậy, cứ đủ 100 đồng thì nhổ đem đi chỗ khác.

Ông già kia y nhời ấy, quả được dư ăn thừa mặc, khi ông già ấy chết thì cái gậy cũng biến mất.

Phạm-Viên thường dạy một người học-trò, chỉ học hai chữ “*cát cao*” nghĩa là cái gầu múc nước. Người học-trò xin học chữ khác, Phạm-Viên bảo rằng:

- Ngày sau phú-quí, chỉ hai chữ ấy đủ rồi, can gì phải học nhiều cho mệt?

Về sau, người ấy phải đi lính, canh thuyền, xảy khi chúa Trịnh đi chơi, bắt khai các đồ trong thuyền, đến cái gầu múc nước, không ai biết biên chữ gì. Bấy giờ cả quan Tham-tụng là Hà Tôn-Mục ở đấy, cũng không nhớ chữ gì là cái gầu.

Người ấy nhàn canh ở đấy mới nói rằng:

- Khi trước tôi đi học, còn nhớ được hai chữ *cát cao* là cái gầu múc nước. Quan Tham-tụng cho là người học rộng, tâu với chúa Trịnh, vì thế được cất lên làm quan lục phẩm.

Đến năm Phạm-Viên 40 tuổi, ông thân-sinh đang được vua chúa yêu dùng, làm quan tại kinh. Phạm-Viên ở nhà, một hôm bỗng dưng sai người nhà sắm sửa đồ thờ, may áo chề, sắm gậy trúc. Được vài ngày, quả nhiên có tin quan Thị-lang mất tại kinh.

Phu-nhân làm ma, toan đem xuống thuyền, để đi đường hải-đạo về Nghệ. Phạm-Viên không nghe, sắm đủ minh tinh nhà tang, áo quan vỗng vì, và đủ các đồ nghi vệ đi đường, xin đến gà gáy thì rước ma đi bộ từ Thăng-long về Nghệ. Ai cũng cười là người gàn. Không ngờ đi tự gà gáy, mới đến lúc mặt giời mọc, đã về đến đầu làng An-bài, chúng bấy giờ mới tin Phạm-Viên có phép tiên.

Tống táng đâu đấy, Phạm-Viên từ mẹ lại đi. Được năm năm thì phu-

nhân mất. Chiều hôm cất ma xong, Phạm-Viên về khóc ở trước mồ, rồi để một hòm ở lại đấy mà đi. Sáng hôm sau, người nhà trông thấy mở hòm ra xem, thì thấy đủ cả trâu bò lợn gà, và các thứ giò nem bánh trái, không biết bao nhiêu mà kể. Lại có 500 quan tiền, 100 cân bạc. Trên mặt hòm đề rằng: “*Của cô ai tử là Phạm-Viên kính-tế.*”

Từ đấy trở đi, hoặc khi có người gặp ở Thăng-long, hoặc khi có người gặp ở cửa bể Thần-phù. Trong năm Bảo-thái, có ông Trương-hữu-Điền mở tràng-học ở Hà-nội, có người ăn mặc lam lũ vào làm văn, chỉ chớp mắt xong bài văn rồi biến mất. Ông kia xem văn rồi nói rằng: “*Văn chương này cách cục nhà tiên, lại ông Phan-Viên đùa ta đây!*” Biến hoá không biết đâu mà lường được.

## 49. Từ-đạo-Hạnh

Từ-Lộ tự là Đạo-Hạnh, người làng An-lãng (tức làng Láng) huyện Vĩnh-thuận (Hoàn-long), làm thầy cúng ở chùa Tiên-phúc, núi Phật-tích (tức chùa Thầy ở Sơn-tây). Khi xưa thân-phụ Từ-đạo-Hạnh là Từ-Vinh làm Tăng-quan đô-sát triều nhà Lý, thường vào chơi làng An-lãng, mới làm nhà ở đấy, lấy con gái họ Lãng, sinh ra Đạo-Hạnh.

Đạo-Hạnh lúc bé hay chơi bời, nhưng vẫn có chí, cùng với Phí-Sĩ, Phan-Ất, Lê-Hoàn kết bạn, đêm thì cố công đọc sách, ngày thì đàn sáo đánh bạc làm vui. Cha vẫn thường trách mắng là biếng học, nhưng sau biết cứ đến đêm thì chăm học lắm, từ bấy giờ không nói gì nữa.

Về sau, Đạo-Hạnh thi khoa Bạch-liên đỗ Tăng-quan. Không bao lâu cha là Từ-Vinh dùng tà-thuật phản ông Diên-thành hầu, Diên-thành hầu nhờ thầy phù-thuỷ là Đại-Điên dùng phép đánh chết, quăng xuống sông Tô-lich. Thấy ông Từ-Vinh trôi qua cầu Yên-quyết, đến bến nhà ông Diên-thành hầu, bỗng nhiên đứng lên trở tay vào trong nhà, suốt ngày hôm ấy không đi. Diên-thành hầu mời Đại-Điên đến. Đại-Điên đến nơi quát rằng:

- Thầy chùa giận không để cách đêm, dù sống dù chết, cũng là một giấc mộng mà thôi.

Nói dứt nhời thì thầy ngã xuống trôi đi. Từ-đạo-Hạnh muốn báo thù cho cha, rình khi Đại-Điên đi chơi, muốn đón đường đánh, bỗng nghe trên không có tiếng ngán rằng: “*Chớ! Chớ!*” Vì thế bỏ gậy mà chạy về.

Đạo-Hạnh nghĩ lấy làm tức giận lắm muốn sang nước Ấn-độ học phép, nhưng đi qua núi Kim-sĩ, hiểm trở lắm phải trở về, Đạo-Hạnh mới vào trong hang núi Phật-tích, kết thành hội Bạch-liên, để học phép Ngũ-giáo. Ngày nào cũng tụng kinh “*Đại-bi-tâm*” và niệm câu thần chú, “*Bà-la-ni*”, cứ tụng 18 vạn lần mới thôi.

Một hôm thấy thần báo mộng rằng:

- Đệ-tử tức là Tứ-trấn thiên-vương đây, cảm công đức của thầy tụng kinh, cho nên lại hầu, tuy thầy muốn sai khiến gì, tôi xin vâng lệnh.

Đạo-Hạnh biết là đạo pháp mình đã thành rồi, có thể phục thù được cho cha, mới đến đầu bến sông Yên-quyết, cầm cái gậy ném xuống sông. Nước sông chảy xuôi mà gậy thì trôi ngược, trông tựa con rồng, đi mãi đến cầu Tây-dương mới thôi.

Đạo-Hạnh mừng nói rằng:

- Phép ta hơn Đại-Điên nhiều rồi!

Đạo-Hạnh mới dùng phép tàng-hình đến thẳng chỗ Đại-Điên ngồi chơi, bảo rằng:

- Mà y có nhớ việc ngày trước không?

Đại-Điên ngẩng đầu lên trông, không thấy gì, Đạo-Hạnh cầm gậy đánh, Đại-Điên vì thế thành bệnh mà chết.

Đạo-Hạnh báo xong thù rồi, từ bấy giờ tan hết oán cũ, sạch nhẵn lòng trần, mới đi chơi khắp nơi rừng núi, hỏi tìm ẩn chứng. Nghe có Kiều-tri-Huyền tinh thông đạo phép, đến hầu tận nơi, hỏi thế nào là chân-tâm.

Có câu kệ rằng:

*Lâu nay vẫn đắm hồng trần,  
Vàng còn chẳng biết, biết chân-tâm nào!  
Xin cho chỗ bảo làm sao?  
Cho tìm thấy rõ kéo nao lòng người.*

Kiều-tri-Huyền cũng đọc một câu kệ đáp lại rằng:

*Năm-âm bi quyết là vàng,  
Trông ra đầy mắt rõ ràng thuyền-tâm.  
Bồ-đề đạo phật u-thâm,  
Muốn tìm tới đó muôn tầm chẳng xa!*

Đạo-Hạnh thấy câu kệ như vậy, chưa hiểu ý tứ ra làm sao, mới đến hỏi ông Pháp-Phạm Sùng-Vân rằng:

- Thưa ông thế nào gọi là chân-tâm?

Sùng-Vân nói:

- Cái gì chẳng phải là chân-tâm?

Đạo-Hạnh bấy giờ mới tỉnh ra, lạy từ ông ấy rồi trở về. Tự bấy giờ pháp lực lại càng tấn tới, nội là răn độc trong núi, hùm dữ trên rừng, cũng có phép sai khiến được cả.

Có một thầy tăng nói rằng:

- Khi đi, khi đứng, khi nằm, khi ngồi, đó là phật-tâm.

Đạo-Hạnh đọc câu kệ rằng:

*Có thì có tự mây may,  
Không thì cả thế gian này cũng không.  
Thử xem bóng nguyệt dòng sông.  
Ai hay không có, có không là gì?*

Bấy giờ, vua Lý Nhân-tôn chưa có con, có người Thanh-hoá ra tâu rằng:

- Ở ngoài bãi bể, có đứa con giai lên 3 tuổi, tự xưng là Hoàng-tử, gọi là Giác-hoàng. Nhà vua có những sự gì, y cũng biết cả.

Vua sai sứ đến xem tận nơi, quả nhiên có đứa bé ấy, mới đem về kinh, cho ở trong chùa Báo-thiên. Vua thấy đứa trẻ ấy thông minh thần dị lắm,



muốn nuôi làm con.

Các quan can rằng:

- Nó tuy linh dị, nhưng tất phải thác sinh vào trong cung cấm mới được.

Vua nghe nhời, thiết tuần chay to bảy đêm ngày, để cho nó làm phép đầu thai.

Đạo-Hạnh nghe chuyện làm vậy, bảo riêng với chị rằng:

- Đây tất là Đại-Điên, muốn đầu sinh vào cửa nhà vua để báo thù đây, kẻ kia dùng tà thuật, làm hoạc người ta đã nhiều, tôi sao nỡ ngồi nhìn mà không cứu, để nó làm càn hay sao?

Mới bảo chị mặc giả nhà sư, cầm giấu vài quả ấn pháp-sư, giắt lên mái nhà chỗ đàn chay. Cúng được ba hôm, Giác-hoàng phải bệnh, bảo với người ta rằng:

- Khắp cả thế giới, chỗ nào cũng chằng lưới sắt, không có đường nào mà đầu thai được.

Nói xong thì mất. Vua sai tìm khắp nơi có bùa bèn gì không, thì bắt được mấy quả ấn kết lại, có tên Từ-đạo-Hạnh. Vua giận lắm, sai bắt Đạo-Hạnh vào lầu Hưng-khánh đánh trượng, rồi hội các quan lại nghị án.

Xảy có Sùng-hiền hầu đi qua, Đạo-Hạnh kêu rằng:

- Xin ngài rủ lòng thương mà cứu cho tôi, tôi sẽ xin đầu thai vào cung để báo ơn ấy.

Sùng-hiền hầu gật đầu. Đến lúc hội nghị, Kim-hầu xin đem Đạo-Hạnh chính-pháp. Sùng-hiền hầu cười nói rằng:

- Giác-hoàng nếu có thần lực, thì dù Từ-Lộ giải chú thế nào cũng không việc gì. Nay vì thế mà phải chết, thì Giác-hoàng còn kém Từ-Lộ xa lắm. Tôi thiết tưởng bắt tội hăn, thà rằng cho hăn thác sinh còn hơn, xin bệ-hạ nghị cho.

Vua nghe nhời, tha tội cho Đạo-Hạnh, Đạo-Hạnh trở ra, vào hầu nhà riêng Sùng-hiền hầu, nhận thấy phu-nhân đang tắm, đến sát tận nơi đứng xem. Phu-nhân giận lắm, bỗng thấy một đứa trẻ con chạy vào trong thùng tắm, phu-nhân kinh hãi, nói truyện với chồng. Sùng-hiền hầu đã biết rồi, không trách hỏi gì đến. Từ đấy phu-nhân có mang.

Đạo-Hạnh dặn Sùng-hiền hầu rằng:

- Khi nào phu-nhân sắp ở cữ, thì phải bảo cho tôi biết trước.

Đến khi phu-nhân ở cữ, giờ dạ đã lâu mà chưa sinh được, Sùng-hiền hầu sai người ruối mau đến bảo Đạo-Hạnh.

Đạo-Hạnh vội vàng tắm gội thay áo, dặn học trò rằng:

- Bụng ao ước của ta vẫn chưa thoả, nay lại thác sinh vào cửa đế-vương, tạm làm thiên-tử 23 năm. Nếu khi nào thân kiếp ta thác đi, thì mới thức là chìm vào bể sâu, không bao giờ sinh diệt được nữa.

Học trò nghe câu ấy, ai nấy cùng rỏ nước mắt. Đạo-Hạnh nói an ủi học trò vài câu, rồi lột xác mà hoá. Người làng lấy làm lạ, để cái xác ấy vào khám phụng thờ.

Giờ ngọ Đạo-Hạnh nhập tịch, đến giờ mùi thì phu-nhân sinh ra đứa con gái, đặt tên là Dương-Hoán, bấy giờ là tháng sáu năm Bính-thân niên hiệu Hội-trường đại-khánh thứ bảy (1116).

Dương-Hoán lên hai tuổi, thông minh lắm, vua yêu mến nuôi ở trong cung cho làm con, rồi lập lên làm Hoàng-thái-tử. Khi vua mất, thái-tử lên ngôi, tức là vua Thần-tôn, đó là kiếp sau ông Từ-đạo-Hạnh.

Khi xưa Đạo-Hạnh mới vào chùa Thiên-phúc, thấy có một vết chân người ở trong hang đá, Đạo-Hạnh lấy bàn chân in vào thì vừa bằng nhau, tục truyền hang ấy tức là chỗ Đạo-Hạnh lột xác.

Mỗi năm mừng bảy tháng ba, thiên hạ đến chùa ấy lễ bái đông như hội. Thầy Đạo-Hạnh đến mãi lúc nhà Minh sang cướp quân sĩ đốt mất, về sau dân đẩy lại tô tượng để thờ như xưa.

## 50. Nguyễn-minh-Không

Người làng Đàm-xá phủ Trảng-an (Nam-định) tên là Nguyễn-chi-Thành. Lúc nhỏ đi học, xảy gặp Từ-đạo-Hạnh, mới theo học Đạo-Hạnh hơn 40 năm, <sup>[58]</sup> Đạo-Hạnh khen là người có chí cho ẩn quyết và đổi tên gọi là Minh-Không thiền-sư cho ở riêng một chùa Quốc-thanh.

Khi đạo hạnh sắp hoá bảo Minh-Không rằng:

- Ngày xưa phật Thế-tôn ta, đạo quả đã tròn trặn, mà còn có báo kim-tảo, hưởng chi lâu nay phép đạo suy mòn, thì ta giữ mình làm sao cho xiết được. Khiếp sau ta ở thế-gian, giữ ngôi nhân-chủ, chắc là không khỏi được bệnh nợ, người nên nghĩ nghĩ thầy trò, đến bấy giờ phải cứu cho ta. <sup>[59]</sup>

Đến khi Đạo-Hạnh hoá rồi, Minh-Không trở về quê nhà, cấy cấy làm ăn, trụ trì hơn 20 năm, không cầu tiếng tăm với đời.

Năm Thiên-chương-bảo-tự thứ tư đời vua Thần-tôn (1136), vua bỗng sinh ra bệnh kỳ-dị, thuốc chữa thế nào cũng không khỏi. Tinh thần phiền loạn, tiếng gào thét kinh người (tục truyền vua hoá hổ). Các thầy thuốc, có hàng nghìn muôn người, nhưng không ai biết chữa ra cách làm sao.

Minh-Không nghe tin làm vậy, mới chống gậy đến chỗ trẻ con chơi, cho chúng nó ăn quà và dạy chúng nó hát rằng:

- *“Tập tành vông, có ông Nguyễn-minh-Không, chữa được Hoàng-thái-tử.”*

Dần dần đám trẻ nào cũng hát câu ấy, tiếng đến tại triều-đình. Triều-đình sai sứ đi hỏi thăm mà tìm được Minh-Không. Minh-Không thấy sứ-giả đến triệu mình, mới thối một nồi cơm con, cho bọn chở thuyền cùng ăn.

Sứ-giả nói rằng:

- Bọn chở thuyền đông lắm, có một niêu cơm con thế kia, thì ăn làm sao?

Minh-Không nói:

- Hãy cứ ăn đi, lúc nào thiếu sẽ hay.

Minh-Không mới sai dỡ cơm ra rá, thì càng dỡ càng nhiều, hàng mấy trăm người ăn uống mà cũng không hết. Chúng cùng ngạc nhiên lấy làm lạ. Đến lúc ăn xong, Minh-Không bảo các quân chở thuyền rằng:

- Các anh hãy ngủ đi một lát, đợi lúc nào có nước thủy-triều lên sẽ đi.

Chúng nghe nhời, nằm ngủ cả trong thuyền, một lát tỉnh dậy thì thuyền đã ngược đến Kinh-đô rồi, ai nấy mừng rỡ cho là phép tài.

Minh-Không đến Kinh, các thầy thuốc cùng các thầy phù-thuỷ đang túc

chực cả trên điện, mỗi người dùng một cách chữa bệnh cho vua mà vẫn chưa thầy nào kiến hiệu. Trông thấy Minh-Không đến, ăn mặc quê mùa cộc kệch, chúng ai cũng khinh bỉ, không thèm chào hỏi đến. Minh-Không lấy một cái đan dài 5,6 tấc, đóng lên trên cây cột, nói to lên rằng:

- Hễ ai rút được cái đan này ra, thì mới chữa được bệnh hoàng-đế.

Nói hai, ba câu, không ai thèm trả nhời, Minh-Không mới lấy hai ngón tay trái sẽ nhổ ra, cái đan ấy bật ngay ra ngoài.

Minh-Không đến trước mặt vua, thét to lên rằng:

- Đại-trượng-phu đã phú quý mà làm đến thiên-tử, sao lại còn cuồng loạn như thế?

Vua sợ hãi run lật đật, Minh-Không sai lấy cái vạc to, đổ nước hoà thuốc vào đun lên, đun sôi một trăm gạo, Minh-Không lấy tay khoảng vào trong vạc thuốc hai ba lượt rồi múc ra tắm cho vua, tắm xong thì vua khỏi bệnh.<sup>[60]</sup>

Vua khỏi rồi, phong Minh-Không làm quốc-sư, thưởng cho vài trăm nóc nhà, cho lấy thuế mà ăn.

Đến năm Đại-Định thứ hai Minh-Không mất, bấy giờ đã bảy mươi sáu tuổi. Minh-Không mất rồi thiêng lắm, nhiều sự hiển-linh. Phàm dân xã cầu mưa đảo nắng rất nghiệm. Các chùa ở huyện Giao-thủy, huyện Phả-lại, có tô tượng Minh-Không để thờ cả.

## 51. Trần-Lộc

Lúc nhà Lê trung-hưng, việc binh cách mới yên, sinh lắm yêu quái, dân gian khổ sở. Bấy giờ có người ở làng An-động, huyện Quảng-xương, tỉnh Thanh-hoá, tên là Trần-Lộc, có phép phù-thuỷ. Một bữa, Trần-Lộc đi qua trái núi Na-sơn, đang lúc mùa hè nắng nực mới nghỉ mát ở dưới rặng tre. Sức ngẩng đầu trông lên trên núi, thấy có một ông cụ già, đầu bạc phơ phơ, đang đứng dựa cạnh sườn đá ngóng xem rừng rú, rồi cầm nón vẫy Trần-Lộc lên.

Trần-Lộc sẵn áo treo lên, chiều tối mới đến đỉnh núi, cúi đầu lạy ông cụ ấy.

Ông cụ ấy bảo rằng:

- Bụng thầy mển đạo lắm, giới cũng chứng cho rồi, sai ta xuống cho thầy mấy bài quyết đây.

Nói đoạn, giao cho ấn quyết, rồi lại ghé vào tai dặn rằng:

- Đây là phép phạt Thượng-phương đây, nên nhận lấy mà phải siêng năng tế độ cho đời.

Nói xong thì biến. Trần-Lộc ngẩng lên giới lạy tạ rồi trở về. Từ đấy thí nghiệm phù phép nổi tiếng cao tay bùa bèn. Mới tự xưng mình là Phật-tổ như-lai; hai con gọi là tả-hữu-tôn-thánh; học trò nhớn gọi là tiền-quân-tôn-thánh; học trò khác gọi là bồ-tát, kim-cương, minh-sư, chia làm ba hạng; thượng-thừa, trung-thừa, hạ-thừa.

Trần-Lộc nghe tin ở núi Mỏ-diều (thuộc về Ninh-bình) có con yêu tinh, thường hại những người đi đường, mới đến núi ấy để trừ nó. Con yêu ăn mặc ra dáng con gái trong cung, giữ trên đầu núi để cự nhau với Tổ-sư ba ngày. Tổ-sư giận lắm bắt một cái quyết Bài-sơn, sạt một góc núi. Con yêu hoá ra con quạ, bay lên trên giới, Tổ-sư lại bắt luôn mấy cái quyết bắn theo, con yêu tinh phải quyết, sa xuống đất chết.

Lại ở nước ta về mặt tây-nam có 12 cửa bể, mỗi cửa bể có một thần sông, chỗ nước cồn như núi rồi đổ xuống, thuyền bè đi qua hại nhiều. Tổ-sư sai học-trò bắn chết chín thần sông, còn sót ba thần chưa trừ xong, xảy có việc phải vào coi Sùng-sơn, mới bỏ sót lại.

Bấy giờ vua Thần-tôn phải bệnh kì quái, có người cho là nhân quả kiếp sau vua Lý Thần-tôn, các quan lấy làm lo lắng. Đại-nguyên-suý là Thanh-vương đã phải xin ngài nhường ngôi cho thái-tử, để ở riêng một cung mà trị bệnh. Vài năm không thuốc nào khỏi. Nghe tin Tổ-sư cao tay phù chú, sai sứ đón ra để trị bệnh. Tổ-sư vì tây-nam có nhiều yêu khí, không thể đi được, sai học trò là Pháp-hộ-kim-cương đi thay. Kim-cương vào cung, vỗ

ngực niêm chú, hơn một tháng thì Thượng-hoàng khỏi bệnh, mới cho lập riêng một trường nội-đạo, để cho vinh hiển.

Kim-cương trở về, đi qua làng Bối-vệ, trong làng đang họp uống rượu. Kim-cương vô ý, đứng tiểu-tiện ngay trước cửa đình, bị tuần làng ấy bắt trói lại, van vỉ mãi mới được tha. Kim-cương trở đi, ngánh lại bắt một cái phộc-quyết, tự dưng già trẻ ở trong đình, ôm cả vào cột, như người bị trói, giằng gỡ ra thế nào cũng không được. Cả làng kinh hãi, đuổi theo tìm Kim-cương nhưng không thấy đâu.

Việc ấy đến tai vua, vua biết là tự Kim-cương, sai người vào nói với Tổ-sư. Tổ-sư bắt Kim-cương phải giải cái quyết ấy rồi thu cả lấy các pháp bảo của Kim-cương học được, chỉ cho vài quyết trừ tà mà thôi.

Đạo nội-trường mới có từ đấy.

## **Chương thứ VIII**

### **CÁC NGƯỜI CÓ DANH TIẾNG**

#### **52. Ngô-Soạn**

Ngô-Soạn tự là Tử-văn, người huyện An-dũng, phủ Lạng-thương, có khí khái cương trực ghét kẻ gian phi, người ta thường khen là người có thẳng tính.

Cạnh làng ấy có một cái đền, xưa nay linh ứng lắm. Tự khi cuối nhà Hồ, quân Tàu sang xâm chiếm, ở xứ ấy làm nơi chiến-trường. Có tên bộ-tướng của Mộc-Thạch là Thôi bách-hộ chết trận ở đây thành ra yêu quái, dân gian lắm người khuynh gia bại sản để cầu cúng mà không yên.

Ngô Tử-Văn thấy vậy tức lắm, tắm gội khấn trời mà đốt cái đền ấy, Tử-Văn đốt xong trở về, nghe trong mình hơi khác, rồi thì rùng mình rức đầu, nổi cơn sốt rét mà người thì mê mẩn bàng hoàng. Trông thấy một người to lớn lực lưỡng, đội mũ mặc áo, ra dáng người Tàu, tự xưng là Cư-sĩ, bắt phải làm đền lại miếu khác, không có thì sinh vạ.

Tử-Văn không nói làm sao, cứ ngồi nghiêm nhiên như không. Người Tàu nói rằng:

- Phong-đô (âm-ti địa-ngục) chẳng xa gì đâu, nếu không làm lại đền cho ta, ta sẽ lôi ngươi đến ngục ấy.

Nói đoạn đứng phắt đi ra.

Chiều hôm ấy Tử-Văn lại thấy một người áo vải mũ thâm, cách điệu khoan hoà, đi từ từ vào trong thềm, chào nói rằng:

- Tôi là Cư-sĩ đây, nghe ông làm được việc sượng quá, nên tôi đến mừng.

Tử-Văn ngạc nhiên nói rằng:

- Mới rồi người mặc áo khách, tự xưng là Cư-sĩ, có phải là thần thổ địa này không? Sao bây giờ cụ lại xưng là Cư-sĩ?

Ông cụ ấy nói rằng:

- Hẳn là tướng bại trận ở bên Tàu, hồn nhờ gửi bên nước Nam ta, chiếm lấy đền miếu của tôi mạo tên họ tôi, gian xảo độc ác, trên thì man cả giới, dưới ngược với dân, phạm các sự yêu quái là tự hấn cả, chớ không phải tôi làm điều gì. Tôi là Ngự-sử đời vua Lý Nam-đế, chết vì việc nước, được phong ở đây, giúp dân hộ chúng, đã hơn nghìn năm nay, có điều gì hung dữ như nó đâu. Vì tôi hờ cơ không giữ gìn, bị nó đánh đuổi đi, hiện tôi phải nương nhờ ở đền thần Tản-viên đã mấy năm nay rồi.

Tử-Văn nói:

- Nếu như thế sao không kêu với Thiên-đình, mà chịu bỏ chức vị đi nhờ chỗ khác?

Ông già nói:

- Thế lực nó lai láng, khó lòng lay động được nó. Tôi muốn đi kêu, thì nó dùng trăm chiêu ngăn trở lại. Các thần từ bên cạnh, tham của đút lót, tranh nhau đi nhận cho nó, bụng tôi không tỏ giải được lên, cho nên phải nhịn nhục thế này.

Tử-Văn hỏi:

- Nó hung dữ như thế, có hại được tôi không?

Ông già nói:

- Nó đang muốn cam tâm với ông, thế nào nó cũng kiện ở dưới âm-ti. Tôi xin dò truyện nó, lại bảo cho ông biết mà tìm phương lo liệu, kéo mà chết oan. Khi nào âm-ti có tra hỏi, thì ông cứ lấy nhờ tôi làm chứng, nó có không chịu, thì xin hỏi đến đền Tản-viên, như thế thì không cãi được nữa.

Tử-Văn vâng nhờ. Đến đêm, bệnh lại nặng thêm, mơ thấy hai tên quỷ-sứ, bắt điệu đem đến một dinh phủ nhớn, ngoài có tường sắt cao chừng vài mươi trượng. Hai tên quỷ-sứ vào bẩm, rồi ra bảo rằng: *“Tội anh nặng lắm, không có phép nào tha được.”* Nói xong, vẫy tay xua sang mặt bắc. Mặt ấy có con sông to, trên sông bắc một dịp cầu dài, ước hơn nghìn độ, sông đen như mực, mùi gió tanh hôi, khí lạnh buốt đến tận xương. Hai bên cầu có vài vạn quân dạ-xoa, mắt xanh tóc đỏ, mặt mũi dữ dội. Hai tên quỷ-sứ lấy trạc to trói Tử-Văn, điệu ra đường ấy.

Tử-Văn kêu to lên rằng:

- Tôi là người thẳng tính trên dương-gian, có tội lỗi gì, xin bảo cho biết, không nên bắt oan uổng thế này.

Sự nghe trên điện có tiếng truyền rằng:

- Thăng ấy nó cứng cổ lắm, nếu không phân đoán cho rõ tội, thì sao nó chịu? Vậy thì hãy đem nó vào đây.

Hai tên quỷ-sứ mới dẫn Tử-Văn vào cửa phủ, thì đã thấy người mặc áo khách đang kêu ở ngoài sân.

Diêm-vương quở mắng Tử-Văn rằng:

- Cư-sĩ kia hăn là người trung-thần đời trước, có công với nước, Thượng-đế phong cho hăn được hưởng cúng tế ở một phương. Mà là thăng học-trò, sao dám ngạo ngược mà đốt đền của hăn? Thế là mày làm nên tội, còn cãi được nữa không?

Tử-Văn kể rõ lại sự đầu đuôi như nhờ ông già nói trước, rạch ròi minh bạch, không có lúng túng câu nào.



Người khách đứng nguyên đơn kêu rằng:

- Nó trốn ở vương-phủ này, mà còn nỏ mồm cãi cọ, gây sự phao vu, huống chi một cái đèn hoang của tôi, thì nó còn sợ gì mà chẳng đốt?

Tử-Văn lại kêu lên rằng:

- Đại-vương nếu không tin nhờ tôi, xin hỏi đến thần Tản-viên thì đủ biết hư thực. Tôi nhược bằng nói sai, xin cam chịu tội.

Người khách thấy viện chứng đã có ý sợ, mới quì xuống tâu rằng:

- Thụ-sinh kia thực là ngây dại, tội là đáng lắm, nhưng điện-hạ đã quở mắng nó, cũng đủ răn nó rồi, vậy xin ngài rộng lòng cho nó, để tỏ cái lượng nhân từ của ngài, bất tất phải tra cứu cùng kiệt làm gì nữa.

Diêm-vương nghe nói, biết ý, mới quát lên rằng:

- Nếu như thế thì tội tại mày rồi đó, luật gian dối còn đủ cả đây, sao mày dám xuất nhập nhận tội?

Lập tức sai người đến núi Tản-viên, xét hỏi tường tận, quả hợp hết cả nhờ Tử-Văn.

Diêm-vương giận lắm, bảo các phán-quan rằng:

- Các người chia giữ các toà, mỗi người coi một việc, nên phải cầm lòng công bình, thưởng phạt cho đích đáng. Thế mà sao còn để cho bọn gian giảo nó khi trá được? Ấy là ở đây còn thế, huống chi đời Hán, Đường, bán quan mua tước, cái tệ còn nói làm sao cho xiết!

Lập tức sai lấy gông sắt đóng gông và lấy miếng gỗ tròn nhét vào miệng người khách, áp điệu vào ngục cữu-u, mà Tử-Văn thì sai tha cho về.

Diêm-vương bảo với Cư-sĩ rằng:

- Tử-Văn kia nó có công trừ hại cho dân, phạm các đồ cúng tế mừng năm ngày tết, người nên xẻ một nửa mà chia cho hắn.

Tử-Văn về đến nhà, thì chết đã hai ngày rồi mới hồi lại. Tử-Văn kể truyện ấy cho người làng biết, người làng mua gỗ chữa lại đèn Cư-sĩ. Mà ngôi mả của người khách, tự nhiên trụt đất, xương cốt bật cả lên trên.

Sau một tháng nữa, Tử-Văn lại mơ thấy Cư-sĩ bảo rằng:

- Lão phu được về miếu cũ, là công của ông cả, không biết lấy gì mà báo được ơn ấy. Hiện nay đèn Tản-viên còn khuyết một viên phán-quan, tôi hết sức để bầu cử ông vào chức ấy. Diêm-vương đã ưng cho rồi, xin đem việc ấy để báo cái ơn trước. Người ở đời xưa nay ai chẳng chết, nhưng chết mà tỏ được cái tiếng là hơn, vậy xin ông để lòng cho, nếu chậm nửa tháng nữa thì có người tranh mất đấy.

Tử-Văn mừng rỡ nhận nhờ, dọn hết công việc cửa nhà, rồi tự nhiên vô

bệnh mà mất.

Về sau, người huyện Đông-quan biết Tử-Văn, một buổi sớm gặp khi mưa rầm, trông thấy quân quan trẩy đi đông lắm, mà có tiếng quát tháo dẹp đường để quan phán quan đi. Trông lên trên xe thì là Tử-Văn, Tử-Văn cũng chấp tay có ý chào hỏi, nhưng không ai nói câu gì, cứ đi ào ào như gió.

Đến giờ con cháu nhà ấy, vẫn còn sự tích truyền lại.

### 53. Nhị-Khanh

Từ-Đạt người ở Khoái-châu (Hưng-yên), làm quan ở huyện Đông-quan. Gần đấy có quan Thiêm-thư là Phùng-lập-Ngôn. Hai người đi lại chơi bời với nhau thân thiết lắm. Phùng có con gái tên là Trọng-Quì, Từ có con gái tên là Nhị-Khanh, hai bên giai tài gái sắc, tốt lứa đẹp duyên, mới kết duyên Châu Trần với nhau.

Nhị-Khanh tuy còn ít tuổi, nhưng về làm dâu nhà họ Phùng, hiền hậu hoà thuận, ai cũng khen là người nết na. Trọng-Quì tính hay chơi bời, nàng kia khuyên ngăn mãi không được.

Năm sau, gặp khi ở tỉnh Nghệ lắm giặc cướp, triều-đình cần một quan cai-trị giỏi để bổ vào. Các đình-thần gét Phùng-lập-Ngôn là người thẳng tính, có ý muốn hại ngầm, mới cử Lập-Ngôn vào chức ấy.

Lập-Ngôn sắp đáo li, bảo với Nhị-Khanh rằng:

- Đường đất xa xôi, ta không muốn cho con đi theo, vậy thì con hãy tạm ở nhà, đợi khi nào giời đất bình tĩnh, thì sẽ cho con về với chồng con.

Trọng-Quì thấy vợ không đi, có ý ngần ngại, cũng muốn ở nhà. Nhị-Khanh bảo rằng:

- Nay nghiêm-đường vì nói thẳng mà người ta ghét, tuy cất vào chỗ quan sang, mà kì thực đưa vào nơi đất chết. Muôn dặm ba đào, hai thân mưa nắng, chàng không đi thì ai là kẻ sớm trưa hầu hạ? Vậy thì chàng phải đi theo, chớ có vì tôi mà bỏ mất đạo hiếu.

Trọng-Quì bất đắc dĩ phải theo cha mẹ về Nghệ, để Nhị-Khanh ở tại Đông-quan. Không được bao lâu, cha mẹ đẻ của nàng Nhị-Khanh mất cả. Nhị-Khanh đem mả về táng ở phủ Khoái, rồi thì ở nương nhờ với người bà cô họ là Lưu-thị.

Bấy giờ có người quan võ họ Bạch, nguyên là cháu ngoại Lưu-thị, thấy nàng Nhị-Khanh có nhan sắc, muốn lấy làm vợ, nói với Lưu-thị để dỗ hỏi nàng Nhị-Khanh.

Nhị-Khanh nghe tình sợ hãi lắm, bảo riêng người vú già rằng:

- Ta còn nhẫn nhục đến giờ, là vì vương có chàng họ Phùng còn đó, nếu không còn thì ta chết theo rồi, chứ không khi nào ta mặc áo xiêm của chồng ta, mà đi làm đom cho người khác, mụ ở nhà ta đã lâu, nên nhớ ân tình chủ cũ, vào Nghệ hỏi thăm gọi về cho ta.

Người vú vâng nhời. Bấy giờ đang lúc loạn lạc đường sá khó khăn, mụ ấy cố sức tìm vào đến Nghệ, hỏi thăm thì ai cũng nói rằng: "*Quan Tuyên-phủ Lập-Ngôn đã mất rồi, gặp phải con giai chơi bời, cửa nhà sa sút mất cả.*" Người vú đi đường, gặp Trọng-Quì ở trong chợ. Trọng-Quì đem về

chỗ ở, thì chỉ còn một túp nhà gianh, bốn bề bỏ trống, mà đồ đạc chỉ còn cái bàn cờ, bộ ấm chén uống rượu, và con gà chọi con chó săn mà thôi.

Trọng-Quì bảo người vú rằng:

- Ta vì đường xá xa xôi không sao về được, tuy ở chỗ này, nhưng lúc nào cũng nhớ đến nhà.

Người vú cũng nói cả truyện đầu đuôi ở nhà. Trọng-Quì mới định ngày về. Khi về đến nhà, hai vợ chồng li biệt lâu ngày, nay lại xum họp, ân ái biết là đường nào. Nhưng Trọng-Quì đã quen thói chơi bời với người lái buôn là Đỗ-Tam. Trọng-Quì thì tham của nhà Đỗ-Tam. Đỗ-Tam thì tham nhan sắc của vợ Trọng-Quì, mới rủ nhau rượu chè cờ bạc, định lừa lẫn nhau.

Trọng-Quì đánh bạc thường hay được. Nhị-Khanh can rằng:

- Lái buôn tính hay lừa lọc, chớ nên chơi bời với hắn nữa, bây giờ tuy được của nó, rồi sau cũng thua hết với nó mà thôi.

Trọng-Quì không nghe. Một hôm, Đỗ-Tam họp bạn đánh bạc, bỏ ra trăm vạn quan tiền. Trọng-Quì muốn vay. Đỗ-Tam bắt phải viết giấy lấy nàng Nhị-Khanh làm cuộc. Trọng-Quì quen mui hay được, tưởng chừng chẳng đến nỗi thua nào, mới viết giấy cam kết với Đỗ-Tam. Uống rượu rồi đánh bạc. Trọng-Quì thua luôn ba tiếng, hết sạch cả tiền, gọi vợ đến bảo rằng:

- Tôi vì nghèo ngặt, phải lụy đến nàng, nay đã trót nhờ thế này, dù hối lại cũng không kịp. Thôi nàng hãy ở lại đây với ông ấy, không mấy bữa tôi sẽ đem tiền đến chuộc.

Nhị-Khanh biết thân không khỏi được về tay nó, mới nói rằng:

- Bỏ chỗ nghèo theo chỗ giàu, thiếp còn ngại gì, mà cũng là duyên giới tiền định, ví dù chàng mà có bụng yêu đến thiếp, thì thiếp cũng xin hầu hạ chăn đệm như ở với chồng trước. Nhưng thiếp hãy xin một chén rượu, để biệt chồng cũ, và về nhà từ giã với con một đôi nhời.

Đỗ-Tam mừng lắm, sai rót vài chén rượu đưa cho uống, rồi về nhà ôm hai con ra vỗ vào lưng mà bảo rằng:

- Cha con bạc tình, không nương tựa được vào đâu, thôi thì các con ở lại với cha con, mẹ không mặt mũi nào bỏ con mà đi với người khác nữa.

Nói rồi tự vẫn. Đỗ-Tam chờ mãi không thấy đến, cho người gọi thì nàng ấy đã chết rồi. Trọng-Quì thương tiếc vô cùng, từ bấy giờ mới ăn năn, chừa chơi bời, nhưng sinh lý mỗi ngày một kém, sớm tối nhờ người, nhân có người bạn cũ làm quan ở Qui-hoá, mới đem con sang đấy để nương nhờ. Đi đến nửa đường, mỏi mệt lắm, nghỉ ở dưới gốc cây bàng, bỗng

nghe có tiếng trên không gọi rằng:

- Có phải chàng Phùng đấy không? Nếu chàng còn nhớ ân tình cũ, thì đến ngày ấy tháng ấy chờ tôi trong đền bà Trưng-vương chớ coi u minh là khác.

Trọng-Quì nghe rõ rằng tiếng nàng Nhị-Khanh, ngẩng lên trông thì chỉ thấy đám mây đen bay về phương bắc. Trọng-Quì nghĩ lấy làm lạ, y hẹn đến ngày vào đền. Khi đến nơi thì bóng chiều đã xế, phong cảnh đều hiu, chỉ có tiếng chim kêu riu rít trên cây cổ thụ, tình cảnh buồn rầu, muốn về thì giờ đã tối, mới nằm nghỉ trong nhà tả-mạc. Cuối canh ba, nghe ti tỉ có tiếng khóc, trước còn xa sau đến gần, trông mập mờ thấy rõ mặt, thì chính là nàng Nhị-Khanh.

Nhị-Khanh bảo Trọng-Quì rằng:

- Từ khi thiếp mất đi, Thượng-đế thương tình, cho giữ riêng một đền, coi về việc tấu sớ, không lúc nào rồi mà thăm được chàng. Bữa trước nhân có việc đi làm mưa, xảy gặp chàng cho nên gọi lại mà hẹn, nếu không có dịp ấy thì không bao giờ được gặp nhau.

Trọng-Quì hỏi:

- Nàng hẹn tôi đến đây có việc gì vậy?

Nhị-Khanh nói:

- Thiếp thường được hầu cạnh Ngọc-Hoàng có nghe các tiên nói chuyện rằng: “*Vận nhà Hồ đã hết, đến năm Bính-tuất có việc binh đao, chết hại hơn 20 vạn người, ai mà không vun giồng cây đức, thì sợ mắc vào nạn ấy. Bao giờ có chân nhân họ Lê khởi lên thì mới yên.*” Vậy chàng cố dạy hai con, phải vững lòng mà theo ông ấy, thì thiếp chết cũng được cái tiếng về sau.

Hai vợ chồng truyện trò đến gần sáng mới biệt. Trọng-Quì từ khi ấy hết sức dạy bảo hai con, cho đến lúc thành người. Đến khi vua Thái-tổ khởi nghĩa trong Lam-sơn, hai con mộ quân vào theo, về sau cũng làm đến Thị-nội, bây giờ ở phủ Khoái, con cháu nhà ấy vẫn còn thịnh.

## 54. Tả-Ao

Người làng Tả-Ao, huyện Nghi-xuân, tỉnh Nghệ-an, tên là Nguyên-đức-Huyền (có bản nói là Hoàng-Chỉ). Nhân tên làng, cho nên tục gọi là Tả-Ao. Lúc còn trẻ nhà nghèo lắm, mẹ phải bệnh loà mắt, Tả-Ao mới theo người khách buôn ở phố Phù-thạch về Tàu, để lấy thuốc chữa mắt cho mẹ. Thầy thuốc khen là người có hiếu, mới dạy cho phép làm thuốc. Học thành nghề mới trở về, xảy có một thầy địa lý chính tông đau mắt, sai người mời thầy thuốc đến chữa, thầy thuốc già yếu không đi được, mới sai Tả-Ao đi chữa thay. Thầy địa-lý khỏi đau mắt, thấy Tả-Ao có ý tứ khôn dể dạy, và cảm cái ơn chữa khỏi cho mình, mới truyền cho Tả-Ao phép làm địa lý, Tả-Ao học hơn một năm đã giỏi, thầy địa muốn thử xem sức học làm sao, đổ cát làm ra hình sông núi, rồi yểm 100 đồng tiền xuống dưới cát, và cho Tả-Ao 100 cái kim, sai tìm huyết mà cắm kim vào lỗ đồng tiền.

Tả-Ao xem các huyết, cắm trúng 99 cái kim vào 99 lỗ đồng tiền, chỉ sai mất một cái cắm ra ngoài.

Thầy địa-lý nói rằng:

- Nghề ta sang phương Nam mất rồi!

Mới cho Tả-Ao một cái tróc-long và các câu thần-chú hô thần để cho về nước Nam. Tả-Ao vâng lời từ về; về đến nhà thì mẹ vẫn còn mạnh, mới chữa thuốc cho mẹ khỏi loà.

Một khi đi qua núi Hồng-lĩnh, trông lên xem, thấy có kiểu đất “*Cửu-long tranh-châu*”, mừng mà nói rằng:

- Huyết đế-vương ở đây rồi!

Lập tức nhổ ngôi mộ của cha, cất vào huyết trên núi. Không bao lâu, sinh được một đứa con giai. Người Tàu xem thiên-văn, thấy các vì sao châu cả về phương Nam, biết là người nước Nam được đất. Chính-phủ Tàu truyền cho các nhà địa-lý, ai để đất cho người An-nam, thì phải sang nước Nam dùng thuật mà phá đi, nếu không thì chu di cả ba họ.

Thầy địa-lý trước, biết chắc là ông Tả-Ao được đất mới sai con sang tìm đến nhà Tả-Ao, lập mưu mà triệt đi.

Người ấy tìm đến nơi, vào chơi nhà mà bảo rằng:

- Từ khi đại huynh ở Tàu về, đã cất được ngôi tiên phần nào chưa?

Tả-Ao nói thực cả truyện trước. Con thầy Tàu mới dùng mẹo đào lấy ngôi mộ ấy, mà bắt đứa con của Tả-Ao đem về Tàu.

Được ít lâu, mẹ Tả-Ao mất. Tả-Ao tìm một ngôi đất ở bãi bể, kén ngày kén giờ để hạ huyết. Đến giờ sóng gió ầm ầm, người anh Tả-Ao giữ áo quan của mẹ, không cho hạ xuống, một lát sóng gió yên thì ở đấy nổi lên

thành bãi rồi.

Tả-Ao than rằng:

- Đây là hàm rồng đây, cứ 500 năm mới há miệng ra một lần, mà há chỉ trong một lát mà thôi. Bây giờ đã ngậm lại rồi, còn táng làm sao được nữa. Giời không cho thì chỉ uống mất công ta mà thôi.

Tự bấy giờ Tả-Ao không chịu làm ăn gì cả, chỉ lang thang đi làm đất cho người ta, một bữa đi xem xét đất đến làng Bút-sơn, huyện Hoảng-hóa, thấy có một huyệt đất hay, bèn bảo người ta rằng: *“Có ngôi đất, táng giờ Dần đến giờ Mão thì phát, nếu ai táng ngôi ấy tất được của, hễ ai chịu nhường cho ta một phần chia mười, thì ta cho ngôi đất ấy.”* Có một người xin táng, Tả-Ao dẫn đến sáng sớm mai thì cất. Táng xong mặt trời mới mọc. Người ấy vác cuốc ra rửa chân ngoài sông, thấy có một người chết trôi, nhân thể có cuốc, mới vớt lên chôn cho xác ấy, thấy trong bọc người chết có hai túi bạc, mở ra đếm thì được 50 nén, mới biết Tả-Ao là tài.

Khi đến huyện Thanh-liêm lại tìm được một ngôi, bảo người ta rằng: *“Đây có ngôi đất, chỉ táng trong một tháng thì phát quận-công, nếu ai cho ta 100 quan tiền, thì ta táng cho.”* Có một ông nhà giàu xin táng. Bấy giờ chúa Trịnh đang đánh nhau với nhà Mạc. Tướng nhà Mạc là Mạc-kinh-Độ thua trận ở huyện Kim-bảng chạy chốn. Chúa Trịnh giao ai bắt được thì thưởng cho làm quận-công một đời. Ông nhà giàu ấy táng được 20 ngày rồi. Bỗng một hôm thấy có một người vào nhà bảo rằng: *“Ta là Mạc-kinh-Độ đây, cho ta đánh một bữa chén, ta sẽ làm ơn mà cho đem nộp lấy thưởng.”* Ông nhà giàu mừng rỡ, làm cơm thiết đãi. Mạc-kinh-Độ ăn uống xong, cho trói mình lại mà đem đến đồn Cầu-châu nộp cho chúa Trịnh. Chúa Trịnh lập tức thưởng cho làm quận-công. Người ấy được thưởng tạ Tả-Ao 100 quan tiền, Tả-Ao chỉ lấy 3 quan để ăn đường, rồi đi chỗ khác.

Từ bấy giờ danh tiếng đồn khắp thiên-hạ. Tả-Ao đi chu-du bốn phương, phàm 20 năm giời. Đi qua các huyện Gia-bình, Từ-liêm, Đông-ngạc, Siêu-loại, Gia-lâm, táng cho nhà nào cũng được, nhón thì làm đến Tiến-sĩ, Thượng-thư; nhỏ cũng làm nên giàu hùng trưởng. Kể ra nhiều lắm, không sao cho xiết.

Khi đi qua làng Thiên-mỗ, thấy có một ngôi đất to, muốn táng hộ cho nhà họ Trần. Vừa đặt tróc-long xuống đất, tróc-long đổ ba lượt. Tả-Ao niệm phù-chú gọi Thổ-thần lên hỏi, thì thổ-thần nói rằng: *“Đất này phát ba đời quốc-sư đại-vương, con cháu công hầu không bao giờ hết. Giời đã để giành cho nhà Nguyễn-qui-Đức; còn nhà họ Trần kia ít hồng phúc, không kham nổi được đất này; nếu ông làm cường của giời thì tất có vạ. Và lại ông đi khắp thiên-hạ, làm phúc cho người ta đã nhiều, mà không được ngôi nào để táng cho cha mẹ, ông nên nghĩ thế thì biết.”* Vì thế, Tả-Ao từ

bấy giờ không dám khinh thường để mả cho ai nữa.

Tả-Ao sinh được hai con giai, nhà thì nghèo mà làm đất không lấy tiền của ai, cho nên con cái thường không đủ bữa mà ăn. Khi đã già, tìm sẵn một ngôi đất sinh-phần cho mình, ở xứ đồng khoai, gọi là cách “*Nhất khuyển trực quần dương*” (Nghĩa là một con chó đuổi đàn dê). Nếu táng được ngôi ấy, thì chỉ ba ngày thành địa-tiên. Đến lúc phải bệnh, sai hai con khiêng mình ra đấy, toan phân kim lấy rồi nằm xuống cho chôn; nhưng đến nửa đường thì đã gần chết, không kịp đến được chỗ kia, mới trở một cái gò bên cạnh đường, dặn con rằng: “*Chỗ kia là ngôi huyết-thực* (nghĩa là được hưởng người ta cúng tế), *bất-đắc-dĩ táng ngay ở đấy cũng xong.*”

Nói xong thì mất, bấy giờ mới 65 tuổi. Hai con đem táng vào gò ấy, quả nhiên về sau làm phúc-thần một làng.

Địa-lý xưa nay ở nước Nam, không ai giỏi bằng ông Tả-Ao, thế mà chỉ làm phúc cho người, đến mình thì không sao làm được, mà con cái thì vẫn nghèo khổ. Thế mới biết rằng câu tục-ngữ nói “*Tiên tích phúc nhi hậu tầm long.*”



## 55. Nguyễn-thị-Điểm

Thị-Điểm người huyện Đường-hào, tỉnh Hải-dương,<sup>[61]</sup> em gái ông Tiến-sĩ Nguyễn-trác-Luân. Lúc lên 5,6 tuổi, học sách Hán-cao-tổ, anh có ra câu đối rằng:

*“Bạch-xà đương đạo; Quí bát kiếm nhi trăm chi.”*

Thị-Điểm đối rằng:

*“Hoàng-long phụ chu; Vũ ngưỡng thiên nhi thán viết.”<sup>[62]</sup>*

Anh chịu câu ấy là tài, tự bấy giờ cho chuyên tập về nghề nghiên bút. Đến năm 15 tuổi, văn chương đã giỏi lắm. Một khi ngồi trước cửa sổ soi gương, anh ra câu đối rằng:

*“Đối kính họa mi; Nhất điểm phiên thành lưỡng điểm.”<sup>[63]</sup>*

Thị-Điểm ứng khẩu đối rằng:

*“Lâm trì ngoạn nguyệt; Chích luân chuyển tác song luân.”<sup>[64]</sup>*

Thái-học-sinh là Đặng-trần-Côn nghe tiếng Thị-Điểm hay chữ, đưa thơ đến có ý muốn gheo.

Thị-Điểm xem thơ cười nói rằng:

- Trẻ thơ mới học, thơ từ chẳng bỏ ngựa tai!

Đặng-trần-Côn tức giận trở về, cố công đi học, mới thành danh-sĩ.

Bấy giờ tiếng Thị-Điểm lừng lẫy chốn kinh-thành. Các học-trò hay chữ ai cũng muốn trêu gheo. Một hôm, có Nguyễn-huy-Kỳ ở Thụy-nguyên, Trần-danh-Tân ở Cổ-am, Nguyễn-bá-Cư ở Cổ-đô, Võ-Toại ở Thiên-lộc, bốn người ấy có tiếng hay chữ, người ta thường gọi là “*Tràng-an tứ hổ*” (nghĩa là bốn con hổ ở chỗ Tràng-an). Bốn người đến chơi tận nhà Thị-Điểm, muốn thử làm thơ với nhau.

Thị-Điểm ra câu đối rằng:

*“Đình-tiền thiếu-nữ khuyến tân-lang.”<sup>[65]</sup>*

Bốn người không đối được, phải xấu hổ trở về.

Lại một khi Thị-Điểm đi thúng thủng một mình, gặp quan Thượng-thư là Nguyễn-công-Hăng ở ngoài đường. Công-Hăng bắt Thị-Điểm vừa đi vừa ngâm một bài thơ “*Đi một mình.*”

Thị-Điểm ngâm ngay rằng:

*“Đàm đạo cổ kim tâm phúc hữu.”<sup>[66]</sup>*

*“Chu hàm tả hữu cổ quăng thần.”<sup>[67]</sup>*

Công-Hăng khen hay hay, thưởng cho 10 quan tiền.

Trong thời Long-đức (đời vua Thần-tôn nhà Lê) có sứ Tàu sang phong

vương. Hoàng-thượng sai Thị-Điểm đứng chực ở ngoài cửa Đoan-môn. Thị-Điểm cố ý trêu ghẹo sứ-giả. Sứ-giả nói đùa một câu rằng:

*“An-nam nhất thốn thổ; Bất tri kỉ nhân canh?”*

Thị-Điểm đối rằng:

*“Bắc-quốc đại trượng-phu; Giai do thử đồ xuất!”*

Sứ-giả thẹn đỏ mặt rồi đi.

Thị-Điểm kén chồng kĩ lắm, không ai lấy được. Ngoài 20 tuổi, mới lấy lễ quan Thượng-thư ở huyện Từ-liêm là Nguyễn-Kiều. Hai vợ chồng quý trọng nhau như vàng.

Thị-Điểm có làm ra bộ sách *“Tục-truyền kỳ”* lưu truyền ở đời.

**CHUNG.**

---

## MỤC LỤC:

### TỰA

#### §I. CÁC BẬC ĐẠI ANH-KIỆT

1. Trưng-vương
2. Bố-cái đại-vương
3. Đinh Tiên-hoàng
4. Lý Thái-tổ
5. Lê Thái-tổ
- \*6. Bắc-bình vương
- \*7. Đức Gia-long

#### §II. CÁC BẬC DANH THẦN

8. Lý-thường-Kiệt
- \*9. Tô-hiến-Thành
10. Hưng-đạo đại-vương
11. Nguyễn-Trãi
12. Trịnh-Kiểm
13. Lương-hữu-Khánh
14. Phạm-đình-Trọng
- \*15. Đào-duy-Từ
- \*16. Trịnh-hoài-Đức

#### §III. CÁC BẬC DANH HIỀN

17. Mạc-đĩnh-Chi
18. Chu-văn-An
19. Nguyễn-bình-Khiêm
20. Đặng-đình-Tướng

#### §IV. CÁC BẬC VĂN-TÀI

21. Nguyễn-Hiền
22. Lương-Thế-Vinh
23. Vũ-công-Duệ
24. Giáp-Hải
25. Phạm-Trấn, Đỗ-Uông
26. Lê-như-Hổ
27. Phùng-khắc-Khoan
28. Lê-quí-Đôn

#### §V. CÁC BẬC MÃNH TUỞNG

29. Lê-phụng-Hiếu

30. [Đoàn-Thượng](#)
31. [Phạm-ngũ-Lão](#)
32. [Nguyễn-Xí](#)
33. [Phạm-tử-Nghi](#)
34. [Đinh-văn-Tả](#)
35. [Võ-Tính](#)
36. [Nguyễn-văn-Thành](#)
37. [Lê-văn-Duyệt](#)

§VI. [CÁC VỊ THẦN LINH-ỨNG](#)

38. [Sử-đồng-Tử](#)
39. [Phù-đồng thiên-vương](#)
40. [Tản-viên sơn-thần](#)
41. [Lý-ông-Trọng](#)
42. [Tô-Lịch giang-thần](#)
43. [Bạch-mã-thần](#)
44. [Sóc-thiên-vương](#)
45. [Liễu-Hạnh tiên-chúa](#)

§VII. [CÁC VỊ TIÊN-THÍCH](#)

46. [Từ-Thức](#)
47. [Tú-Uyên](#)
48. [Phạm-Viên](#)
49. [Từ-đạo-Hạnh](#)
50. [Nguyễn-minh-Không](#)
51. [Trần-Lộc](#)

§VIII. [CÁC NGƯỜI CÓ DANH TIẾNG](#)

52. [Ngô-Soạn](#)
53. [Nhị-Khanh](#)
54. [Tả-Ao](#)
55. [Nguyễn-thị-Điểm](#)

[1] Có bản cho người khách xui đeo thanh kiếm vào tai ngựa, rồi nước ở chỗ ấy soáy mạnh lắm, lâu ngày thanh kiếm cửa đứt cổ ngựa, cho nên mới bại.

<sup>[2]</sup> Ở sử nói là bà mẹ ngài năm mơ thấy giao cảm với thần núi Tiên-sơn, có mang sinh ra ngài. Ông sư chùa Cổ-pháp tên là Lý-khánh-Văn nuôi ngài làm con nuôi, cho nên theo về họ Lý.

<sup>[3]</sup> Theo Thiều Chửu, chữ 根 đọc là “căn”. [QuocSan]

[\[4\]](#) Truyện “Việt-lam Xuân-thu” có kể rõ các trận vua Lê Thái-tổ đánh quân Tàu.



<sup>[5]</sup> Theo sách Gương xứ Nam, thì là Despiau.

<sup>[6]</sup> Y-Doãn giúp vua Thái-giáp nhà Thương; Hoắc Quang giúp vua Chiêu-  
đế nhà Hán đều là ấu-chúa cả.

[7] Truyện “Hưng-đạo vương” tiểu thuyết có kể rõ các trận đánh quân Tàu.

[8] Hàn-Dũ đời nhà Đường, xin hủy tượng phật và đốt sách phật.

[\[9\]](#) Thủy-hoàng chôn học-trò và đốt sách nho.

[\[10\]](#) Quyển thi rọc tên ra, gọi là rọc phách. Đến lúc chấm văn xong lại dán tên lại gọi là hồi phách.

[11] Nghĩa là cửa ải nhà Tần nghe tiếng gà gáy. Ngày xưa Mạnh-thường-Quân ở nước Tần trốn về Tề, ra đến cửa ải thì cửa ải còn đóng chưa mở. Lệ lính canh ải, hễ gà gáy thì mới mở cửa cho khách đi lại. Trong bọn đầy-tớ Mạnh-thường-Quân, có người giả làm gà gáy. Các gà canh đẩy tường là giòi sắp sáng, đua nhau gáy ầm cả lên, lính canh mới mở cửa, Mạnh-thường-Quân vì thế chạy được thoát.

[12] Lúc ngài còn nhỏ, thường ngâm một câu rằng: “Giời chẳng già, đất chẳng già, năm hồ bảy miếu một mình ta.” Đến sau ngài đi kinh-lược xứ Sơn-nam, có bọn khách Tàu ở phố Hiến vào hầu, trông hình dáng ngài y như tượng thần Ngũ hồ bên Tàu. Nhân hỏi ngài sinh ra ngày tháng nào, thì quả nhiên trúng về ngày tháng Ngũ hồ có sự biến lạ, hiện còn ghi vào bia bảy miếu ở bên ấy, mới biết khi ấy là thần Ngũ hồ giáng sinh.



[\[13\]](#) Nghĩa của chữ ngọc giấu đi một nét chấm, thò lên thì là chữ chúa, thụt xuống thì là chữ vương. Có ý khoe mình làm nổi vua chúa.

[\[14\]](#) Nghĩa là chữ thố cắt bỏ nửa nét ngang đi, phải thì là chữ thượng, trái thì là chữ hạ. Có ý chê kẻ kia phản nghịch.

[\[15\]](#) Nghĩa là anh-hùng đời xưa nay hiếm có, công đức cho người ta được nhờ dài bằng với giới đất.

[\[16\]](#) Nghĩa là chữ mâu (矛) mà không có phẩy (/) là chữ dư (予), chữ mịch (覓) mà bỏ chữ kiến (見) là chữ bất (不), chữ ái (愛) mà bỏ chữ tâm (心) là chữ thụ (受), chữ lai (來) ngang cùng chữ lực (力) là chữ sắc (勅).

[\[17\]](#) Trịnh-hoài-Đức và Lê-quang-Định, Ngô-nhân-Lĩnh, là ba nhà làm thơ.

[\[18\]](#) Quá ải chậm, người coi ải đóng ải, mời khách qua đường qua ải mà đi.

[\[19\]](#) Ra đối dễ, làm lại đối khó, xin ông sinh trước đối trước đi cho.

[20] Đang lúc nắng nẫu nực, thì như ông Y-Doãn, ông Chu-Công (ý là đặc dụng với thời). Đến khi mưa tuyết lạnh ngắt, thì như ông Bá-Di, ông Thúc-Tề (ý là xếp xó một chỗ).



[\[21\]](#) Nắng chảy vàng tan đá, giờ đất như lò lửa, người về lúc ấy ví như Y, Chu hai ông quan to, gió bắc lạnh lẽo, mưa tuyết lấp đường, người về lúc ấy ví như Di, Tề hai người chết đói. Than ôi! Khi dùng đến thì ra, khi không dùng đến thì cất đi, chỉ ta với người được thế thôi.

[\[22\]](#) Chạm vào ngực của ta cười ấy là người Đông-di hay người Tây-di?

[23] Chấn đường lừa của ta đi, thử xem người phương Nam khỏe hay là người phương Bắc khỏe?  
Câu ra thì dùng chữ sẵn ở sách Mạnh-tử, câu đối thì dùng chữ ở sách Trung-dụng cho nên hay mà tài.

[24] Chữ an (安) bỏ chữ nữ (女), chữ thi (豕) vào thì là chữ gia (家).

[25] Chữ tù (囚) bỏ chữ nhân (人), chữ vương (王) đến thì là chữ quốc (国). [Ngọc (玉) lai thì giống hơn. QuocSan]

[\[26\]](#) Lửa mặt trời, khói đám mây, ngày trắng đốt tàn con thỏ ngọc.

[\[27\]](#) Cung mặt nguyệt, đạn ngôi sao, chiều hôm bắn rụng cái ô vàng

[\[28\]](#) Bốn chữ LI VỊ VÕNG LƯỠNG cùng có chữ QUI.



[\[29\]](#) Bốn chữ CẦM SẮT TÌ BÀ mỗi chữ đều có hai chữ VƯƠNG thành tám.

[\[30\]](#) Chim đậu cành đọc sách Luận-ngữ, có câu chi-tri... (Nghĩa là điều gì biết thì cho là biết, điều gì không biết thì cho là không biết). Có ý chê là tiếng nói như tiếng chim.

[31] Ếch kêu trong ao học sách Mạnh-tử, có câu: Lạc dữ... (Nghĩa là nhạc cùng với nhiều người vui nhạc, cùng với ít người vui, thì đấng nào vui?) Có ý chê lại người Tàu nói như tiếng ếch.

[\[32\]](#) Con rùa sông Lạc báo triệu tốt, số giờ chín, số đất chín, chín chín thành tám mươi một số, số số hợp thành ba đạo nhón, đạo hợp với Nguyên-thủy thiên-tôn, bởi một bụng thành cảm cách lên.

[33] Con phụng núi kì trình diễm hay, tiếng đực sáu, tiếng cái sáu, sáu sáu thành ba mươi sáu tiếng, tiếng tiếng suốt đến chín từng giờ, giờ sinh ra Gia-tĩnh hoàng-đế, cho muôn tuổi thọ dài lâu mãi.

[34] Một đám mây trên giời xanh, một giọt tuyết trong lò đỏ, một cành hoa vườn thượng-uyển, một vầng giăng ao Giao-trì. Than ôi! Mây rã, tuyết tan, hoa tàn, giăng khuyết.

[35] Núi ấy có 72 ngọn, cây cối rườm rà u uất, mé tả là núi Kì-lân, mé hữu là núi Phụng-hoàng. Trên núi Phụng-hoàng có suối ngọt chảy ra thành nguồn, vòng quanh sườn núi chảy xuống đọng lại một chỗ, gọi là đầm Miết. Nước đầm ấy ngon lắm, rồi lại chảy quanh ra ngoài chân núi thông xuống sông.

[\[36\]](#) Tục truyền bà ấy tức ông Văn-Định lên Sơn-tây lấy chồng khác, sinh ra ông Phùng-khắc-Khoan (tức ông Trạng-Bùng).



[37] Ứng về sau nhà Lê khôi phục được nước.

[38] Ứng về sau nhà Trịnh lại giữ quyền nhà Lê.

[\[39\]](#) Nghĩa là chim phụng-hoàng làm tổ trên gác A-các, con Kì-lân ra chơi ở vườn Uyển-hựu,

- [40] a) Không phải con rùa ở sông Lạc-thủy.  
b) Không phải con rồng ở sông Mạnh-hà.  
c) Ấy kia nước Hữu-hùng (hùng nghĩa là con gấu).  
d) Đồng đô ở gò Trác-lộc (lộc nghĩa là con hươu).  
Câu nào cũng có giống cầm thú cho nên hay.

[\[41\]](#) Nghĩa là con vịt từ giã mẹ gà về hồ.

[\[42\]](#) Nghĩa là: Tôi nghe quân-tử xa chỗ bếp nước, lọ là phải nịnh vua bếp.  
Có ý chê làm việc đê tiện.

[\[43\]](#) Nghĩa là: Ta cốt có chức làm được Tể-tướng, nhưng còn tạm nấu nồi canh. Nếu canh nhạt mặn tại tay, cũng như chức làm tướng.

[\[44\]](#) Bài đủ tám câu nhưng tục truyền mất bốn câu dưới.



[\[45\]](#) Xem truyện “Hưng-đạo vương” thì rõ sự tích.

[\[46\]](#) Đỗ-thanh-Nhân, Chu-văn-Tiếp và Võ-Tính là ba kẻ hùng trong Gia-định.

[\[47\]](#) Là nơi vua đi đóng quân ở đó.

[\[48\]](#) Là võ tướng đời nhà Hán.

[\[49\]](#) Là ngôi Thái-tử.

[50] Trong bài thơ có câu kết: “Thử hồi nhược đắc sơn trung Tể, tá ngã kinh luân chuyển hóa ky.” Nghĩa là: Hồi này nếu được Tể tướng trong núi, giúp ta kinh luân chuyển động cơ trời.

[\[51\]](#) Là thổ-mục Cao-Bình, mộ binh theo Duyệt vào Gia-định, làm Phó-vệ-úy.

[\[52\]](#) Là những thú-đình ngoài Bắc, Duyệt mộ làm lính cơ ở Bắc-thuận.



[\[53\]](#) Tục truyền đồ lễ: Voi 9 ngà, gà 9 cựa, ngựa 9 hồng mao, và một chỉnh vàng cốm.

[54] Gỗ ngón ngang là hình chữ mộc 木. Chữ mao 卯, chữ khẩu 口 gia thêm chữ mộc, là chữ Liễu 柳 hạnh 杏.

[55] Thủy 水 mã 馬 là chữ Phùng 馮; Dĩ 已 tẩu 走 là chữ khởi 起, ý là bảo họ Phùng khởi công.

[\[56\]](#) Nghĩa là đèn Quỳnh-hư, gác Giao-quang.

[\[57\]](#) Hoàng-lương là kê vàng. Xưa có người nằm mộng làm quan phú-quí hơn 20 năm giờ, lúc tỉnh dậy, nhà trọ vẫn chưa thối chín nồi kê.

[58] Tục truyền hai ông sang Tây-trúc học đạo, một hôm ông Đạo-Hạnh đội lốt hổ để loè ông Minh-Không. Ông Minh-Không biết ý, nói rằng: “Cầu được ước thấy có khó gì.” Cho nên khiếp sau phải bệnh hoá hổ.

[\[59\]](#) Sử cho là Đạo-Hạnh để thuốc lại giao cho Minh-Không.

[\[60\]](#) Tục truyền vua tắm xong thì bao nhiêu lông lốt hổ tuốt cả ra, vì thế mới khỏi bệnh.



[\[61\]](#) Đăng-khoa-lục cho là người Bình-lao, huyện Cẩm-giàng, tỉnh Hải-dương. Tang-thương-lục cho là người Bắc-giang, chưa biết đích nhời nào là phải.

[62] Hai câu cùng chữ sẵn mà chọi nhau từng chữ, cho nên tài.

[63] Nghĩa là soi gương, vẽ lông mày, một nét hoá ra hai nét. Điểm là nét vẽ, lại là tên bà ấy, có ý một nàng Điểm hoá ra hai nàng Điểm nữa.

[\[64\]](#) Nghĩa là cạnh sông xem bóng giếng, một vầng giống như hai vầng. Luân là vầng giếng, vừa là tên anh. Có ý một ông Luân thành ra hai ông Luân nữa.

[65] Thiếu-nữ một nghĩa là gió, một nghĩa là con gái nhỏ.

Tân-lang một nghĩa là cau, một nghĩa là rễ mới. Câu này nghĩa là: Trước sân gió động cây cau vì thêm ý con gái nhỏ mời rễ mới ăn giầu, cho nên khó đổi.

[\[66\]](#) Bàn bạc truyện xưa nay, có người lòng ruột.

[\[67\]](#) Chung quanh bên tả hữu, có bề tôi chân tay. Hai câu chững chặc, mà rõ là tình cảnh đi một mình.

# Table of Contents

Tựa sách	2
TỰA	3
LỜI NGƯỜI HIỆU CHÍNH	4
§I. CÁC BẬC ĐẠI ANH-KIỆT	5
1. Trưng-vương	5
2. Bối-cái đại-vương	7
3. Đinh Tiên-hoàng	9
4. Lý Thái-tổ	12
5. Lê Thái-tổ	15
*6. Bắc-bình vương	17
*7. Đức Gia-long	20
§II. CÁC BẬC DANH THẦN	24
8. Lý-thường-Kiệt	24
*9. Tô-hiến-Thành	25
10. Hưng-đạo đại-vương	27
11. Nguyễn-Trãi	29
12. Trịnh-Kiểm	34
13. Lương-hữu-Khánh	36
14. Phạm-đình-Trọng	40
*15. Đào-duy-Từ	46
*16. Trịnh-hoài-Đức	49
§III. CÁC BẬC DANH HIỀN	51
17. Mạc-đĩnh-Chi	51
18. Chu-văn-An	55
19. Nguyễn-bình-Khiêm	57
20. Đặng-đình-Tướng	61
§IV. CÁC BẬC VĂN-TÀI	62
21. Nguyễn-Hiền	62
22. Lương-Thế-Vinh	65
23. Vũ-công-Duệ	69
24. Giáp-Hải	71



25. Phạm-Trấn, Đỗ-Uông	75
26. Lê-như-Hỗ	78
27. Phùng-khắc-Khoan	81
28. Lê-quí-Đôn	82
<b>§V. CÁC BẬC MÃNH TƯỚNG</b>	<b>87</b>
29. Lê-phụng-Hiểu	87
30. Đoàn-Thượng	89
31. Phạm-ngũ-Lão	91
32. Nguyễn-Xí	93
33. Phạm-tử-Nghi	95
34. Đinh-văn-Tả	96
35. Võ-Tính	98
36. Nguyễn-văn-Thành	101
37. Lê-văn-Duyệt	105
<b>§VI. CÁC VỊ THẦN LINH-ỨNG</b>	<b>108</b>
38. Sử-đồng-Tử	108
39. Phù-đổng thiên-vương	111
40. Tản-viên sơn-thần	114
41. Lý-ông-Trọng	117
42. Tô-Lịch giang-thần	118
43. Bạch-mã-thần	120
44. Sóc-thiên-vương	122
45. Liễu-Hạnh tiên-chúa	123
<b>§VII. CÁC VỊ TIÊN-THÍCH</b>	<b>126</b>
46. Từ-Thức	126
47. Tú-Uyên	130
48. Phạm-Viên	132
49. Từ-đạo-Hạnh	135
50. Nguyễn-minh-Không	139
51. Trần-Lộc	141
<b>§VIII. CÁC NGƯỜI CÓ DANH TIẾNG</b>	<b>143</b>
52. Ngô-Soạn	143
53. Nhị-Khanh	147

54. Tả-Ao	150
55. Nguyễn-thị-Điểm	153
MỤC LỤC	155